

NGUYỄN CÔNG HOÀN

TRUYỆN NGẮN
CHỌN LỌC

2



TỦ SÁCH TINH HOA

NGUYỄN CÔNG HOAN

TRUYỆN NGẮN CHỌN LỌC

TẬP 2

Tái bản

NHÀ XUẤT BẢN HỘI NHÀ VĂN

LÊ MINH
Sưu tầm, biên soạn



(1903 – 1977)

GIẢI THƯỞNG HỒ CHÍ MINH (1997)

CÁI LÒ GẠCH BÍ MẬT

(Truyện trình thám "An Nam")

- Vô phép các ngài!

Xưa nay, chỉ có khi người ta ăn cơm, mới phải "vô phép" nhau. Nhưng tôi đây, vừa mới bắt đầu viết truyện này, tôi đã phải "vô phép" các ngài ngay, là vì truyện tuy ly kỳ không kém gì các truyện trình thám đại bí mật xảy ra ở đất nước An Nam - từ khi có một vài ông văn sĩ được trông thấy hần hoi - nhưng khốn thay, tác giả truyện *Cái lò gạch bí mật* này lại chẳng là nhà viết tiểu thuyết trình thám chính gạch!

Vậy thì trong khi kể chuyện có điều gì sơ suất, xin các cụ, các quan, các ông (nhất là các ông viết tiểu thuyết trình thám chuyên môn), các bà, bỏ quá đi cho, tôi được đội ơn vạn bội.

*

* *

Đã ba tháng nay, tôi mới gặp lại anh Trinh, Trinh bây

giờ không như Trinh trước nữa. Anh không nhìn gái, không nói tục, đến cả viết tiểu thuyết và làm thơ mới, anh cũng không nốt!

Tôi đã tính không chơi với Trinh nữa, thì một hôm, anh đến nhà tôi. Mặt anh hầm hầm, anh nói:

- Tôi thích anh lắm. Anh không lại chơi, thành ra tôi buồn quá.

Nói xong, thấy có tiếng động ở trong nhà, anh ngó cổ vào một cách tò mò, và hình như nghĩ ngợi điều gì vậy. Tôi đáp:

- Nhưng lại nhà anh, tôi buồn lắm. Anh không hợp tính tôi nữa. Anh không làm thơ, anh không viết truyện, thậm chí đến gái cũng không nhìn, thì có phải lỗi người ta già đi lúc nào, mình không hay biết không?

Trinh nghiêm trang nhìn tôi, thở dài, lắc đầu, nói bằng giọng khinh bỉ:

- Anh chỉ là quân tốt đen lẻ trong ván tam cúc. Xã hội nếu có toàn hạng người như anh, thì thôi, tha hồ cho chúng nó bóc lột nhau, tha hồ cho chúng nó đâm giết nhau. Mà để chúng nó hoành hành như vậy, một ngày kia, chính mình sẽ bị tay chúng nó bóc lột, đâm giết!

Tôi kinh hoảng. Hay anh đã ở hội kín hội hở gì đây, sao lại thở ra độc một giọng "làm rối cuộc trị an" như thế. Coi không lại vạ miệng nhé!

Thấy tôi không đáp, Trinh thốc một hồi nữa:

- Anh có mắt không biết trông, có tai không biết nghe, có óc không biết suy nghĩ. Anh là hạng tàn tật về linh hồn.

Nói đoạn, Trinh đứng dậy, hăm hăm bắt tay tôi, rồi đi ra.

*

* *

Về sau, nghiên cứu mãi, tôi mới vỡ ra rằng Trinh độ này thích đọc truyện trinh thám tây. Và cả ngày, lúc nào anh cũng có vẻ bí mật, hay nhận xét từng cái cử chỉ con con của người khác, và hay suy xét tâm lý của người ta bằng những câu vụn vặt mà anh nghe lỏm được. Anh muốn làm nhà trinh thám thứ nhất của nước Việt Nam.

Một buổi tối, gặp tôi ở phố, anh nhìn tôi mãi cho đến khi tôi trông thấy anh. Anh khoèo hai ngón tay lại để vẫy, và gật đầu để gọi.

Tôi cười ha hả, chạy đến, hỏi:

- Sao anh không gọi to lên, xuýt nữa tôi đã trí không nom thấy anh.

Trinh lắc đầu, ra hiệu cho tôi theo.

Tự nhiên, tôi thấy lo sợ. Tôi ngờ anh rủ tôi đi làm một việc quan trọng. Tôi hỏi:

- Có việc gì cần không?

Trinh lắc.

- Chỉ thanh tra các phố thôi đấy chứ?

Trinh gật.

Mà trong khi lắc và gật, nét mặt anh hăm hăm, đôi mắt anh luôn luôn để ý đến những người qua đường. Muốn biết tài học của bạn, tôi gọi:

- Hẳn anh đang khám phá một vụ cướp hoặc giết người.

Trình ngậm ngùi, đáp:

- Tôi tiếc nước ta chưa có trường dạy làm trinh thám, đến nỗi một người yêu nghề trinh thám như tôi, phải học lầy như thế này.

- Anh học lầy bằng cách gì?

- Bằng mắt, bằng tai, bằng miệng, bằng óc của mình, chứ bằng gì!

Dứt lời, anh bấm tôi, trở vào một người đàn bà đi xe qua trước mặt và nói:

- Mẹ người này mới chết vì thuốc độc được hai giờ đồng hồ.

Tôi nhìn Trình, có ý nghi hoặc câu nói dửng dưng ấy. Nhưng rồi khi tình cờ qua một phố, tôi thấy trong một nhà, có một người đàn bà hai tay ôm lấp mặt, đương vật mình vật mẩy, và bù lu bù loa:

- Ôi mẹ ơi! Mẹ chẳng chờ con...

Trình mỉm cười, đưa mắt nhìn tôi, vẻ hãnh diện. Và hình như kệ cho tôi báỉ phục tài anh, anh không hề nói một nửa lời về cái sự anh đoán đúng.

- Có thật là người đàn bà ban nãy không?

Trình không đáp, chỉ cau mặt lại.

- Tại sao anh biết?

Trình cười nhạt:

- Tự nhiên.

Rồi một lát, một cô tân thời thướt tha qua, có ý vội vã. Trình hất hàm hỏi:

- Anh nghĩ thế nào?

Tôi tặc lưỡi, khen:

- Đẹp.

Trình hích một cái vào mạng mỡ tôi:

- Ma bunn! Ai hỏi thế?

Rồi anh nói luôn:

- Anh ruột cô này phải bệnh ho lao đã đến thời kỳ thứ hai. Hiện cô này trốn nhà đi tình tự với trai. Anh con trai, tất là một người đầy đà, mặc bộ quần áo xám, đi giày trắng vá đen, miệng hơi rộng, trán cao, có cái nốt ruồi ở mép.

Tôi càng kinh ngạc, không hiểu anh thờ ma xó ma xiếc thế nào, chứ cái màn bí mật ấy ở đâu mà anh vén nhanh như thế. Rồi anh nói tiếp:

- Có học nghề trinh thám, mới thấy nhiều cái lạ lùng. Nhưng cái lạ lùng ấy nào ở đâu xa, nó hớ hênh ngay trước mắt ta mà người thường không thể thấy được. Tôi đã báo cho người ta được một vụ cướp sắp xảy ra. Tôi đã làm ngăn trở một đám giết người ghê gớm.

- Anh đã biết trước những việc ấy?

Trình gật.

- Thế sao tôi không thấy nhật trình đăng?

- Anh thật ngốc! Tôi đã báo, tôi đã ngăn trở, thì những việc ấy không xảy ra, nghe thủng chưa?

Ngẫm câu nói của Trình, tôi đâm tiếc. Sao tôi đã không lấu cá mà bịa ra vụ mưu cướp nhà cô Ngân, vụ mưu hại cha cô Tuyết, để tôi lấy cớ mà báo các cô. Những vụ ấy không thể nào xảy ra, vì nó không có. Mà nếu các cô thấy được bình yên, hẳn các cô cảm tôi đến chết mất!

Đoạn anh kể cho tôi nghe những câu chuyện trinh thám tây trong các sách. Trong khi nói, thỉnh thoảng anh vẫn không quên đem con mắt và bộ óc để trông tìm, suy xét về những cảnh, những việc, những người lướt qua trước mắt anh.

Chẳng mấy chốc, chúng tôi tới một đường vắng, chỉ còn vài nhà nữa là hết thành phố. Bỗng anh đứng dừng, kéo áo tôi lại, tay ra hiệu. Tôi thì thảo:

- Cái gì? Cái gì?

Trình để ngón tay trở trước miệng. Tôi không dám hỏi nữa.

Độ năm phút, móc túi lấy cuốn sổ tay và bút chì, anh ghé dưới ngọn đèn, hí hoáy biên lâu lắm. Rồi giật tôi một cái thật mạnh, anh nói:

- Đi! Mau! Ta nên cứu họ.

Trống ngực tôi bắt đầu nổi. Cứu! Cứu cái gì! Ít ra cũng là đánh nhau, không thì giết nhau. Tôi hỏi:

- Cái gì?

- Im! Phải theo tôi như cái máy. Tôi bảo gì phải nghe. Cấm hỏi.

Tôi run:

- Nhưng tôi sợ.

- Đồ hèn!

- Tôi cần anh cho tôi biết là đi đâu?

- Một vụ ám sát bí mật. Tôi đi phố này này rất có ý. Anh trông thấy người quần áo nâu ở trong nhà kia ra không?

- Không.

Bực mình, Trinh rầy tôi một cái:

- Kia kìa, cái bóng đen đằng xa. Nó đấy.

Tôi gật, vì tôi thấy một người đương hấp tấp lẩn vào trong ánh sương mù.

- Sao anh biết?

- Im!

- Anh đã thám ra thế?

Lại rầy tôi cái nữa, Trinh gắt:

- Im! Đi mau!

Hai chúng tôi rón rén theo hút tên sát nhân. Nhưng rút cục, không có kết quả gì. Chúng tôi đã cố trông, cố nghe, song trời tối và lặng lẽ quá. Một mầu đen vô cùng vô tận như vây khít ngay xung quanh chúng tôi, làm chúng tôi vừa mù, vừa điếc.

Bỗng Trinh bấm tôi. Chúng tôi nấp sau gốc cây, nhịn thở. Tôi bỗng nghe tiếng gót chân nặng nề thành thịch trên mặt đường. Rồi cái bóng đen lướt qua, đi về mé phố.

Quay nhìn bốn bên, chúng tôi không thấy một ai theo.

Chờ cho người ấy đi thật xa, Trinh nói nhỏ:

- Tất có liên quan đến cái lò gạch kia.

Tôi hỏi:

- Đâu?

- Kia, cách đây độ năm thửa ruộng.

- Đâu? Tôi chẳng trông thấy gì cả.

Trinh cúi, rầy mạnh tôi, làm tôi xuýt nhào xuống ruộng:

- Nó lù lù đây kia, mắt!

Để ý trông, tôi đã thấy cái lò gạch. Tôi nói:

- Tôi tưởng cái lò đương nung gạch, hóa ra là lò bỏ không à? Tôi cứ tìm chỗ có lửa sáng.

- Trình thử dài:

- Tôi bực mình về anh. Nếu là cái lò đương nung gạch mà anh cũng còn phải tìm lâu thế, thì anh đáng quăng xuống ruộng! Anh đã thấy chưa?

- Rồi. Nó đen mù mù như cái gò.

- Phải, anh đã trông thấy cái lò gạch bỏ không bao giờ chưa?

- Đã.

- Thế thì anh có thể hiểu được vụ này quan trọng là ngần nào.

Tôi yên lặng một lát, rồi nói:

- Tôi chưa hiểu.

Trình gắt:

- Thế cái lò gạch bỏ không nó như thế nào?

- Nó chỉ có bốn bức tường xếp bằng gạch chưa nung. Nó lộ thiên.

- Mà nó chỉ có cái cửa nhỏ, để người ta cho rơm vào lò.

- Phải, có thể ra vào được.

Trình cười:

- Điều đó rất dễ đoán. Ở trong lò, kín lăm, không ai trông thấy được. Vả ai ngờ rằng trong ấy có người? Vậy mà trong ấy có thể có một cái xác chết thối không ai biết, vì lò ở giữa đồng.

Tôi kinh ngạc:

- Anh làm tôi rùng mình.

- Đi!

- Đi đâu?

- Đến nơi cái lò gạch bí mật ấy mà xem xét.

- Thôi!

- Sao?

- Tôi... sợ...

Như ông tướng độc tài, Trinh trợn mắt, trỏ tay:

- Đi!

- Tôi... sợ. Anh cho tôi ở lại.

Cáu tiết, Trinh "xi" một cái khinh bỉ vào mặt tôi. Rồi một mình vén áo, anh hăm hở bước rất nhẹ nhõm. Bỗng một tiếng khàn khàn hỏi:

- Này, cậu kia, đi đâu đấy, đừng có bậy bạ ra ruộng su hào, bắp cải của người ta nhé!

Thấy Trinh không trả lời, tôi phải đáp hộ:

- Không.

- Phải, chẳng có người ta chửi cho lại trách!

Độ mười lăm phút sau, Trinh làm tôi giật nẩy mình. Tự nhiên, anh hiện ra trước mắt tôi lúc nào, tôi không biết. Anh nói:

- Xong rồi.

- Anh thấy cái gì thêm?

- Đích là cái lò gạch, nhưng hiện nay chúng nó tản đi hết cả rồi.

Bỗng anh lại hỏi:

- Vừa rồi có tiếng người nói?

- Phải.

- Nói gì?

- Nói rằng nếu anh ỉa bậy ra ruộng su hào, bấp cải thì người ta chửi.

- Còn tiếng khác nữa kia.

Tôi nghĩ rồi đáp:

- Có.

- Ai? ở đâu?

- Tôi không biết.

- Đồ tồi!

Trình cắn môi, rồi lên tiếng:

- Ai vừa bảo chúng tôi gì đấy?

Có tiếng đáp:

- Tôi, tôi bảo cậu đừng bậy bạ ra ruộng.

- Ruộng này của ai?

- Của cụ tôi.

- Cụ giàu lắm, và quyền thế lắm phải không, bác?

- Còn phải nói!

- Cụ có con gái?

- Phải.

- Cụ yêu quý cô ấy lắm?

- Sao cậu biết?

- Cô ấy đang học ban tú tài?

- Không, cô tôi đang học nói.

Trình nói:

- Nói tiếng Anh, và học thêm cả tiếng Đức?

- Không, nói tiếng ta.

- Học nói tiếng ta? Cô ấy là người đầm à?

- Không, cô tôi mới lên hai.

Trình lại căn môi, nghĩ ngợi, rồi gật gù:

- Phải rồi. Không hề gì. Ta về.

Rồi vừa đi, anh vừa thỉnh thoảng lại cho tôi biết một điều anh mới khám phá thấy:

- Thằng vừa nói là đây tớ... Nó mới ở coi ruộng được hơn hai mươi hôm... Cụ đây là cụ Hồng-lô, nếu không thì là một cụ Tuấn về hưu trí đã ba năm rồi... Hửn cụ này có con gái lớn mà thằng đây tớ chưa biết.

- Thế thì thằng đây tớ này có đồng đảng với thằng ban nãy không?

- Không, nếu phải người vụng đoán, thì thằng đây tớ này bị bắt oan. Thằng kia định giết cụ... Đã ba lần, nó khởi sự, nhưng không thành... Cứ đến giờ này, là y như nó đi một cách bí mật ra đây. Tắt nó vào trong lò gạch ấy... Tắt đồng đảng nó có từ năm người trở lên. Ủ, người ta có súng... Tắt nó cũng có súng...

Đến trước cửa nhà người ban nãy, Trình dừng lại, nhìn nhận hồi lâu, rồi quả quyết:

- Không phải nhà nó. Đây chẳng qua nó ra vào để che mắt các nhà trinh thám... Đảng nó to... Tổ chức theo khoa học... Phải có súng lục... Phải có mặt nạ... Phải có... Được!

- Thế nào?

- Không được hỏi nữa. tôi xem bộ anh chỉ làm hồng công cuộc của tôi mà thôi... Tôi phải theo dõi.

- Mai anh lại đi?
- Phải.
- Anh cho tôi đi theo.

Trình gật.

- Tôi cần đến anh, vì tôi cần một thằng ngốc. Nhưng anh phải yên lặng, nghe lệnh tôi như tên quân nghe ông tướng. Nghĩa là anh phải như cái máy.

- Nhưng cốt nhất anh bảo đảm cho đời tôi.

Trình rầy tôi một cái, kiêu căng nói:

- Giá anh có chết, xã hội nào cũng không thiệt nào kia mà. Vì anh chỉ là quân tốt đen lẻ trong ván bài tam cúc.

*

* *

Luôn hai hôm sau, chúng tôi cùng đi thám. Nhưng không có kết quả gì hơn. Vẫn người ấy, đi đến chỗ ấy thì mất hút. Mà cái lò gạch vẫn sừng sững bí mật ở giữa những thửa ruộng đen ngòm.

Đến ngày thứ ba, mới chập tối, Trình đến rủ tôi, quả quyết nói:

- Tôi cần bắt quả tang nó, lúc nó giương súng bắn ông ta.

Tôi trố mắt:

- Anh đã khám phá ra cả rồi?
- Phải. Vậy thì đi, giữ lấy lời hứa.
- Đi chân tay không?
- Cần gì khí giới? Tôi sẽ trói gô cả năm đứa một cách bất ngờ.

- Anh làm thế nào? Anh nói trước cho tôi đỡ lo.
- Cứ đi, rồi sẽ hiểu.

Trình dắt tôi đến đường mọi khi. Rồi tới một gốc gạo, anh rẽ xuống bờ ruộng. Trời vẫn tối đen như mực. Nhưng anh bước rất thạo, như đã quen đường lắm. Một lát, chúng tôi tới làng gần đó. Trình mừng rỡ:

- Đến nơi rồi.
- Đến đâu?
- Im!

Bỗng nghe tiếng chuông rung và tiếng chó cắn rình, tôi mới biết tôi đứng cạnh cái cổng. Và chính Trình đang thò tay giật cái dây. Quả là anh ta có ma xó. Nếu không, sao thông thạo như người biết trước vậy?

Bỗng có tiếng người đứng ở phía trong hỏi ra:

- Ai?
- Tôi. Cụ Nghị có nhà không?
- Có.
- Nói với cụ rằng có chúng tôi vào nhé.
- Cụ tôi không tiếp ai buổi tối. Cụ tôi ngủ rồi.
- Không được, đánh thức cụ dậy. Việc cần.
- Không việc gì cần cả, cụ tôi đi vắng.
- Việc rất cần.
- Không biết. Mai hãy hay.
- Bảo với cụ rằng chúng tôi đến báo với cụ, tám giờ tối nay, có năm đứa định vào hại cụ.
- Thật à?

Sau câu ấy, chúng tôi phải chờ một lúc lâu, nghe chó cắn làm khuây. Rồi có tiếng ở trong hỏi:

- Ai đó?

- Tôi, có phải cụ Nghị đấy không?

- Phải.

- Cụ mở cửa cho tôi vào, có việc cần.

- Cần thế nào? Cứ đứng ngoài ấy cũng được.

- Việc rất hệ trọng. Chúng tôi cần nói lâu, và bày cách để bắt bọn giết người. Chúng tôi cần vào, nói riêng với cụ, kéo chuyện võ lỏ.

- Không vào được, muốn nói gì cứ đứng đấy mà nói.

Chó vẫn cắn dồn dập. Trình thở dài, lau mồ hôi trán. Tôi bực mình, khề bảo Trình:

- Kệ xác nó, đi về!

Trình trừng mắt:

- Đồ vô nhân đạo. Biết người ta chết mà vì lẽ nhỏ mọn, mình kệ người ta à?

Rồi anh nói to:

- Có một đảng vì thù cụ, định hại cụ hồi tám giờ sắp tới này.

- Chẳng có ai thù với tôi cả.

- Đảng ấy có năm thằng, đầu đảng là Ba Móm, bốn đứa đồng đảng là Thế, Quĩ, An, Nhận.

- Gì nữa?

- Hết. Chúng nó có súng lục, có mặt nạ, có hơi ngạt.

- Như ở nước Mỹ ấy à?

- Phải, mà chúng nó đã chặn đường ô-tô cậu Cả nhà cụ được nửa giờ đồng hồ rồi, vì biết cậu Cả xuống Nam Định hồi gần sáu giờ sáng.

- Thế à?

- Nhưng hiện nay, cậu Cả chưa bị hại. Mai cụ sẽ được một lá thư của chúng nó, bắt cụ chuộc năm nghìn, chúng nó hẹn trong ba giờ, nếu không có tiền sẽ hạ thủ con cụ.

Tôi sợ run. Quái ác! Sao trong khoảnh khắc, Trinh đã đoán được rành mạch được cả những việc ngày mai. Trinh lại nói:

- Tám giờ kém năm chốc nữa, chúng nó sẽ thả hơi ngạt cho bọn chó nhà cụ chết, rồi đứa nào đứa nấy đeo mặt nạ vào nhà tìm cụ.

- Đích thế?

- Đích lắm. Vậy cụ nên cho ngay người nhà theo tôi để bắt chúng nó, trước khi chúng làm hại cụ.

- Được, chờ đấy.

Thấy cả từ bọn chó cho đến chủ nhân đều dấm dản, khinh khỉnh, như ngờ, như muốn đuổi chúng tôi, tôi rất bức mình. Không hiểu sao họ lãnh đạm với cái tin sét đánh ấy thế được. Song, Trinh thì vẫn kiên tâm, đứng đó. Thỉnh thoảng anh bấm đèn, nhìn chiếc đồng hồ tay, ánh sáng hắt lên mặt, tôi thấy anh ra ý hờn hờ, đặc chí lắm.

Độ mười phút sau, có ba người cầm gậy đến gần chúng tôi, nói:

- Nào, các ông đưa tôi đi.

Trinh mừng rỡ hỏi:

- Đây là người nhà cụ Nghị?

- Vâng, cậu Cả tôi đấy, hai chúng tôi là người nhà.

Trinh ngạc nhiên:

- Tôi tưởng ông đi Nam Định hồi chiều?

- Hôm qua tôi tính đi, có ra Hà Nội thuê xe, nhưng tôi đã định không đi từ buổi sáng.

Trình nghĩ ngợi một lát:

- Không hề gì. Nhưng ông nên giữ mình.

Rồi anh nói tiếp:

- Bốn người phải nghe lệnh tôi như quân nghe lời chỉ huy của ông tướng. Phải tuân theo như cái máy. Nhất là không được nói, không được hỏi. Vì công việc ra sao, chốc nữa sẽ rõ rệt cả. Đi!

Năm chúng tôi rón rén trong sương mù đen kịt. Trình tiến lên trước, ngoặt xuống ruộng, quanh bờ nọ, sang bờ kia. Tôi vừa đi vừa lo ngã. Nhất là mỗi lúc một gần chỗ nguy hiểm, tôi nghĩ khôn chẳng nghĩ, lại cứ nghĩ đại, tôi hỏi Trình:

- Tiếng súng lục to bằng tiếng pháo tếp hay pháo đùng.

Cau mặt, Trình gắt:

- Im!

Chúng tôi đến gần lò gạch.

Trình đứng lại, chia việc:

- Bốn người trèo lên bốn góc. Hễ tôi hô một tiếng “Đấy” thì cùng phải reo ầm lên cho chúng nó tưởng mình đông người.

Chúng tôi tuân lệnh. Trình bắt tôi trèo lên góc gần cửa lò. Tôi ngồi thu hình, im lặng, chờ. Trình ở mé tường sau, đi đi lại lại. Bỗng anh giật chân tôi, làm tôi giật mình xuyt ngã. Anh dặn:

- Khi thấy tôi bật đèn bấm lên, anh phải tắt ngay xuống, ôm ghì lấy nó.

- Thế anh?

- Không được hỏi.

Tôi không dám chối từ. Nhưng lo quá. Sao cái việc anh bắt tôi lại nguy hiểm quá đến thế? Tôi bảo:

- Tôi sợ tôi yếu hơn nó.

- Im! Khỏe lên!

Chúng tôi ngồi cảm như thóc. Trông bốn thằng chồm chồm, đen ngòm, ngồi trên bốn góc thành tường cũng đen ngòm, tôi nghĩ ngay đến cái xe đâm ma. Mà cũng may, nghĩ vậy, tôi tự nhiên thấy phấn chấn trong lòng. Vì nếu cảnh này giống cái xe đâm ma, thì sao chả có một cái xác chết. Cái xác chết ấy bao giờ cũng ở giữa xe. Thế vị chi là thằng giết người chốc nữa nó chui vào giữa lò. Thế thì nó chết. Chúng tôi sống.

Một tiếng "suyt". Tôi nhìn. Quả nhiên có cái bóng đen đen ở đằng xa tiến đến, rất mau chóng. Trống ngực tôi nổi mạnh. Cái bóng ấy nhẹ nhàng chui vào lò gạch. Tôi nhin thỏ, nhìn vào. Nhưng tiếc quá, tối um, chẳng nom rõ nó hành động những gì cả. Song, lắng tai, tôi đoán nó làm một việc khó nhọc, nặng nề, vì nó phải thở ì ạch.

Tôi rắp hết sức lực để tuân lệnh của Trinh. Tôi liếc mắt tìm Trinh, thấy anh lò dò đi từng bước. Rồi đến gần tôi, anh lại kéo chân tôi, làm tôi suýt ngã bổ chửng.

Đến gần cửa lò, Trinh ngồi thu hình. Chắc anh nghe ngóng. Quanh tôi, chẳng có một tiếng động. Chó trong làng thỉnh thoảng lại rú lên một hồi kinh hồn. Bỗng:

- Đấy!

Tức thì những tiếng reo nổi lên, làm dậy cả góc đồng. Đèn bấm loé ra một tia sáng. Tôi cuống quýt, tự nhiên co rúm cả vó lại, không sao tụt xuống được. Lại vì tối quá, tôi sợ liều mạng, lỗ què. Vụt một cái, thằng đại bộm chui được ra ngoài, vùng té chạy nhanh như biến. Ba người kia, vì không được Trinh sai đuổi trước, nên cứ ngồi lì. Thành ra chỉ có mình Trinh đuổi, nên không kịp.

Tôi toan trốn. Hắn phen này Trinh đến đánh tôi như tử cho hả giận.

Một lát, anh trở lạ, thở hồng hộc, trở vào mặt tôi, nghiêng rằng:

- Chỉ tại mày mà hỏng cả việc? Đồ khốn nạn! Phải biết bao công phu người ta mới khám phá ra vụ bí mật này, nay nó làm hỏng.

Tôi sợ xanh mặt, đứng tránh xa, không dám nói một tiếng.

Rồi cầm hờn, anh hô:

- Xuống cả! Đi theo đây!

Thật như cái máy, tôi theo sau Trinh. Trinh lò dò chui qua cửa lò và nhảy xuống một chỗ phẳng. Chúng tôi cùng xuống theo. Trinh nói:

- Tôi biết đích rằng thằng này cũng khôn, nhưng không ngoan. Trong khi bối rối, nó chưa kịp đem theo cái gì cả. tìm kỹ, tất bắt được tang vật.

Tôi hỏi:

- Nó treo trên tường hay để dưới đất?

Trình mắng:

- Ngốc, lấy gì treo mà anh bảo nó treo? Nó phải để ở dưới đất.

Tôi nhanh trí, nói:

- Coi không nổ. Đi khéo! Tìm kỹ!

Đèn bấm bật lên, lia hết chỗ nọ đến chỗ kia, ba bốn lượt. Trình thỉnh thoảng hô để khuyến khích:

- Tìm kỹ, muốn trừ diệt hung đồ, ta hãy bắt tang vật đã.

Chúng tôi ngồi yên lặng, mỗi người một chỗ, còng lưng cúi sát mặt xuống đất mãi mà chẳng thấy vật gì khả nghi, nên đã lấy làm chán nản.

Bỗng người con ông Nghị reo lên:

- Đây rồi!

Trình mừng rỡ:

- Có thể chứ! Đâu?

Chúng tôi xúm lại xem, ai nấy sợ hãi.

- Đâu? Đâu?

Theo ngón tay trỏ, ngọn đèn bấm của Trình tóe ra một tia lửa sáng như ban ngày. Tang vật đó to bằng vành khăn đàn bà, cuộn khoanh lù lù trên mặt đất thành một bãi, đầu hình búp măng, màu vàng, mà đút đuôi là có hơi ngạt, thối thối...

2-10-1936

NGHĨ NGƯỜI ĂN GIÓ NĂM MƯA

DÁM XA XÔI MẶT MÀ THƯA THỐT LÒNG

Viết để tiễn cô giáo Minh

Truyện này tôi viết để tiễn cô giáo Minh, vì từ tháng Năm, chúng ta đã chẳng thấy nàng ở gần chúng ta nữa.

Mà sở dĩ tôi chép thiên này ra tuy nó cũng là chuyện *Cô giáo Minh* vì nó không liên can gì với thuyết *không đoạn tuyệt* của nàng. Truyện này chỉ là một đoạn tình của nàng với Nhã.

*

* *

Hắn đọc giả các ngài chưa quên cái thư của Nhã viết cho Xuân, sau ngày Minh về nhà chồng, cái thư mà Minh đọc phải khóc, và bảo là “*tiếng thở dài tha thiết của tấm ái tình của một người cay đắng vì yêu*”.

Cái thư ấy, tôi cần trích đăng lại, vì có nhiều chỗ dính dáng đến truyện này.

Em Xuân,

Mấy lần em viết thư trách anh độ này thưa lại thăm em hơn trước. Cái đó, anh xin chịu lỗi. Nhưng hẳn em thừa hiểu cái cơ ấy rồi.

Em ạ, anh muốn quên hẳn người ấy đi. Lại nhà em, anh sợ thỉnh thoảng lại gặp mặt người ấy, rồi hình dáng người ấy, tiếng nói câu cười của người ấy gọi cho anh biết bao nỗi đau lòng.

Đã ngót hai tháng nay, nghĩa là từ ngày người ấy cười, anh không thể viết được một bài nào cho báo nữa. Anh như người mất trí. Cái tin người ấy cười chẳng khác gì mũi tên độc nó giết chết linh hồn anh.

Em có biết đâu rằng mấy ngày mấy đêm, anh không ăn không ngủ được. Tròng pháo cười trưa hôm ấy, nó tan xác bao nhiêu, thì ruột gan anh bị tan tành bấy nhiêu. Nào anh có muốn trông đâu cái đoàn ô tô choáng lộn nó đưa người ấy về nhà chồng. Anh đã cố chạy vào nhà trong, nhắm mắt, bịt tai lại. Mà không hiểu làm sao, anh không thể kiên gan được mãi. Anh lại phải hé cửa ra nhìn. Thì thỉnh linh cái xe kết hoa vừa đến trước mặt, làm anh rụng rời chân tay. Ai hay mỗi đám cưới là một vụ giết người, mà mỗi trái tim của đàn bà là một con dao nhọn.

Em Xuân ạ! Cái thư báo hỷ người ấy viết cho anh, anh không rõ người ấy vô tình hay cố ý để bắt anh phải đau đôn. Anh lặng đi đến một phút, rồi ngấm nghĩa mấy dòng chữ để phong bì đến hàng giờ. Than ôi! Cũng những nét bút mềm mại này, trước kia viết cho anh, thì anh được đọc biết bao nhiêu chuyện vui vẻ, làm anh quên cái đời sầu

khổ. Mà đến bây giờ, em ơi! Nó báo tin người ấy lấy chồng! Người anh yêu lấy chồng! Khốn nạn thân anh! Thôi, thế là xong, Minh lấy chồng mất rồi, anh còn hy vọng gì nữa.

Anh không ngờ đâu, trong ít lâu nay, tạo hóa đối với anh quá nghiệt. Đầu tháng Năm, Mai phải đi xa. Cuối tháng Sáu, Tuyết chết. Đến nay Minh đi lấy chồng! Thì dẫu có gan sắt đá, mà ở vào cảnh quạnh hiu của buổi chợ đời chiều hôm, anh tưởng cũng héo hon, khô đét.

Anh không hiểu người ấy có biết anh thực bụng yêu người ấy hay không? Đành rằng người ấy biết anh yêu, nhưng người ấy có biết anh đã xây đắp biết bao hy vọng với người ấy không? Anh xin thú thực với em rằng, người ấy với anh chưa hề nói hoặc viết cho nhau những tiếng “yêu”. Ái tình, anh muốn nó kín đáo. Anh muốn hưởng ái tình bằng trí tưởng tượng hơn rằng đem mà phô diễn nó ra. Bởi vì ai có thể phô diễn được hết cái ái tình chân thật bao giờ. Chỉ có những tiếng vô hình ấy ở tận đáy lòng mới đủ nghĩa để mô tả tâm ái tình man mác. Vì vậy người ấy với anh đã yêu nhau ngấm ngấm, mà cái ái tình ngấm ngấm, anh thấy một đôi khi nó có sức quá mạnh. Thật vậy, cứ đoán ý tứ của những câu vụn vặt người ấy viết cho anh, cứ ngấm nghĩa vài thứ, tự tay người ấy làm để kỷ niệm cho anh mà bấy lâu anh vẫn bày trên bàn giấy, thì anh tưởng còn có nghĩa lý bằng mấy ngàn mấy vạn bài thơ vô vị của những nhà thi sĩ có biệt tài!

Than ôi! Ba năm ấy đến nay thành giấc mộng. Viết đến đây, anh lại thấy anh đàn bà mất rồi! Những giọt nước mắt rất quý của anh, anh chỉ rửa ra để vĩnh biệt những

người thân thích, mà nay sao nó chảy ra dễ dàng! Anh xin lỗi em mấy phút cảm động,

Em ạ! Người ấy lấy chồng một cách quá chóng. Từ hôm anh biết tin, đến lúc nghe tiếng pháo, tỉnh ra vừa vặn có bốn hôm. Nếu người ấy được tám chồng tử tế, thì anh cũng mừng, song, hỏi thăm ra, anh lại thấy nói người chồng ấy có nhiều chỗ rất đáng phàn nàn, mà nhà chồng thì lại là một nhà cổ. Anh thương hại Minh của anh ề chế. Viết đến đây, anh ngừng bút lại để ngẫm nghĩ. Kia, cái nét mặt vui tươi, cái miệng lúc nào cũng sẵn một nụ cười thẳng thắn, cái mái tóc mây, cái tay ngọc ngà mà người ấy vẫn tự nhận, vẫn còn rõ rệt trước mắt anh.

Nhưng mà, giá nét mặt ấy cứ vui tươi mãi, miệng ấy cứ cười nụ mãi, tóc ấy và tay ấy vẫn cứ có vẻ thần tiên mãi, thì anh rất hả lòng. Khốn nỗi, chồng con như thế, anh đây nào có thể ích kỷ mà không xót xa thay!

Anh cần phải thở dài một tiếng rõ to để trút hết những nỗi uất ức. Thì ra người ấy với anh không lấy được nhau, thật là oan. Nào ngờ đâu, tháng ngày vui có đến đây là hết. Nào ngờ đâu, đời anh, anh chỉ sống được có ba năm! Song, anh có thể tự hào để an ủi, là trong ba năm ấy, anh đã được hưởng hạnh phúc ba mươi năm của đời một người khác. nhưng mà than ôi, thà rằng chẳng biết cho xong... Chứ biết nhau để phải chịu nỗi xa lìa, thì anh chò là làm người, có một trái tim dễ cảm, là một cái tội.

Anh mong quên người ấy đi mà thật không thể được. Anh đã tập cho thành thói quen, nhưng ngậm đắng nuốt cay một mình, kết cục anh phải mang bệnh. Trước kia, khi

người ấy mới cười, chẳng tối nào anh không qua nhà người ấy một lần. Thấy cửa đóng im ỉm, anh lắng tai nghe. Vậy mà anh cũng sung sướng như lại được gần gũi người ấy. Anh thấy như được sống lại những ngày vui xưa. Nhưng mà mỗi lần anh ôn lại cuộc ân tình tuyệt vọng như thế, thì về nhà, anh nằm gí trên giường, không thể làm gì được nữa. nhưng rồi sau anh sợ, chợt người ấy gặp anh mà như nhắc lại chuyện cũ, nên anh không vợ vắn nữa, rồi cả những buổi đi làm, anh cũng quyết không đi qua nhà người ấy. Trông thấy nhau làm gì! Để cho cái ái tình nó vật lộn với người đàn ông, còn hơn để nó giết người đàn bà, em ạ.

Anh đến ở nhà mới này mới có hơn hai tháng, những tường phố đông đường rộng, thì anh vui mắt để làm việc được nhiều, chứ anh có biết đâu rằng anh bị thấy những cảnh khổ não, là cảnh người ấy lấy chồng. Thật là ông trời éo le, bắt anh phải cực nhục. Hay ông ấy muốn đẩy dọa anh cho anh hiểu biết vị cay đắng của ái tình. Thà rằng anh cứ ở nhà cũ thì anh khỏi thấy gai mắt; thà rằng anh chẳng làm giấy cam đoan với chủ nhà, thì quyết dọn phắt đi đến hẳn một nơi hẻo lánh; thà rằng anh chẳng vương vịu công việc, thì anh chẳng ngại gì mà chẳng lên chỗ rừng xanh núi đỏ, làm bạn với trăng, với gió, với khe nước, với cỏ cây, để ôn lại những tháng ngày vui vầy. Nhưng mà anh đã trót sa chân lỡ bước, thì âu là anh chỉ âm thầm đành lòng mà đón những cảnh đoạn trường.

Mấy lần cuối anh gặp người ấy, không phải những lúc anh tiện tỏ tình, và anh cũng có ý muốn tránh. Nhưng bốn con mắt cứ thỉnh thoảng vô tình gặp nhau luôn, song là những con mắt của đội trình thám, đi dò ý tứ nhau mà thôi.

Từ nay mà đi, không biết anh có viết được nữa không. Bệnh anh tất càng ngày càng nặng. Anh chỉ biết rằng bỏ cán bút lâu, thì cầm nó khó ngại. Nhưng nếu có phải duyên văn đứt thật, thì cũng là một sự kỷ niệm êm đềm trong đời văn chương của anh, vì nó đánh một dấu rõ rệt là anh đã mất một người khuyến khích...

*

* *

Nguyên ngày Minh mới đỗ ở trường Nữ sư phạm thì Nhã tuy đã viết báo *Tuổi trẻ* nhưng không hẳn ở trên tòa soạn Hà Nội, mà ở Yên Bái là nhà một người họ. Minh làm đơn xin bổ giáo học, theo lệ được chọn ba nơi, đáng lẽ yêu cầu ở Hà Nội và hai nơi nữa ở gần Hà Nội mới phải, vì nàng sẽ được gần mẹ. Nhưng mà không, Minh lại xin đi Yên Bái, mà chỉ một tỉnh Yên Bái thôi, lấy cớ rằng nàng thích ở mạn ngược. Nàng không dám ngỏ cho ai biết điều ước nguyện bí mật ấy. Nhưng rồi sau, có người bạn thân của Nhã làm ở Sở Học chính nói chuyện ấy với Nhã, Nhã sung sướng quá đến nỗi rơm rớm nước mắt, rồi chàng xuống Hà Nội, để cảm tạ tấm lòng của Minh. Song Minh vui sướng thẹn thò, chối:

- Không, có lẽ người ta lầm với chị Minh Hoàng đấy chứ!

Thấy tính tình Minh kín đáo, Nhã mỉm cười, cảm động nhìn nàng, rồi lảng sang chuyện khác.

Nhưng không may, trời chẳng chiều người, Minh không được về Yên Bái mà lại phải bổ lên Tuyên Quang.

Rồi đó, người Tuyên Quang kẻ Yên Bái, tuy quan hà

nhưng gang tấc, thư đi từ lại, vẫn vợ than khóc chiều hôm.

Ở Tuyên Quang nửa năm, Minh không sao chịu nổi cảnh quạnh hiu ở nơi đất khách, nàng bèn xin đổi về Hà Nội.

*

* *

Đọc giả các ngài hẳn cũng còn nhớ bạn Minh đi Hải Phòng khánh thành Dạ lễ viện, gặp Nhã ở ga Hải Dương lên. Hai người nói chuyện với nhau được vài câu, thì sực Nhã trông về phía tay trái một ngọn đồi cao xanh nhất, trên có lờ mờ một ngôi đền trắng. Nhã mỉm cười đau đớn, chàng nhìn ra ngoài, hỏi vẫn vợ:

- Cái quả núi cao kia, tên gì nhỉ?

- Đó là núi Yên Phụ.

Nhã gật gù:

- Đẹp nhỉ, những rặng núi đá lô nhô kia mới thần tình làm sao!

Nhã hỏi Minh câu đó, nào có phải chàng quên tên núi, và chàng quên sao được cái kỷ niệm êm đềm với Minh! Chàng hỏi thế, chẳng qua muốn nhắc Minh nhớ những ngày vui nó qua như giấc mộng, và để bắt người con gái đã có chồng, hồi tưởng đến cuộc đi chơi ngày trước của nàng với mình.

Vào khoảng cuối thu một năm trước, Nhã đã cùng Minh rủ nhau lên chơi núi Yên Phụ. Hôm ấy, trời vừa mưa vừa bão, nhưng vì đã trót hò hẹn từ trước, nên cả hai người không ai nỡ phụ lòng nhau.

Minh đi xe kéo, Nhã đi xe đạp, suốt từ sáng đến độ

mười giờ trưa thì tới chân đèo. Hai người phải đi bộ trèo dốc dài chừng hai cây số. Rồi đứng trên cao, đôi bạn đưa mắt nhìn xuống, thấy dưới chân, bao la man mác, cảnh vật đắm những gió táp mưa sa. Nhã âu yếm nhìn Minh, mỉm cười, nói:

- Chỉ riêng cô với tôi mới được hưởng cảnh thần tiên, xa những nơi tranh cạnh nhỏ nhen, khốn nạn. Cô có thấy mệt không?

Minh cũng cười, đáp:

- Vui thì thấy mệt sao được. Có vất vả, nhọc nhằn mới nhớ lâu. Non Bồng nước Nhược, âu cũng thế này mà thôi, anh ạ.

- Từ thuở bé, mà có lẽ từ nay về sau, tôi không được đi chơi một cuộc nào thú như thế này.

- Em cũng vậy.

Mơ màng một lát, Nhã nói:

- Bởi vì lần này là lần đầu, cô với tôi được đi chơi phong cảnh với nhau, và chúng ta chỉ là đôi bạn.

Minh hiểu ý, thở dài, lăm lăm con mắt nhìn ra chỗ xa mù mịt. Lúc ấy mưa đã ngớt, gió đã yên. Ánh nắng vàng dát trên thảm núi biếc, lơ thơ mấy bụi cây xanh rờn. Con sông uốn éo khúc mình, nhẹ nhàng đưa chiếc thuyền buồm nâu sẫm.

Hết chuyện tình tứ, đến chuyện văn chương, Minh nói:

- Bài từ khúc anh làm ngày độ đầu hè, thế nào nhỉ, anh thử đọc lại em nghe.

Nhã mỉm cười, bảo Minh ngồi xuống mỏm đá, rồi đọc:

Khắc khoải tiếng quyên trong bụi,
Lập lòe lửa lựu đầu tường,
Án sách lơ thơ,
Phòng vắng hiu hắt,
Song hồ lọt bóng tà dương,
Biện Hòa luống những thương cho kiếp,
Tưởng kiếp văn chương cũng đoạn trường,
Lệ riêng hoài, ai thương?
Trận gió quạt cơn u uất,
Gót sen động giấc mơ màng,
Tan mác hồn xưa,
Bồi hồi mộng cũ,
Ruột tằm đòi đoạn tơ vương,
Giật mình e thẹn cùng văn tự,
Gánh nặng, đường xa, ác ngậm gương,
Trân trọng tám can trường.

Nhã đọc xong, Minh phá ra cười, hỏi nhạo:

- Anh thấy bài thơ ấy hay ở chỗ nào?

Nhã đùa:

- Nó hay ở chỗ tôi làm để cảm ơn cô.

Minh lắc đầu, dịu dàng nhìn Nhã:

- Nhiều câu sáo quá. Thành ra anh nhận vợ những câu của người khác, em có bằng lòng cho anh làm thơ đâu. Những câu đó không có giá trị gì. Nó chỉ kêu mà không có nghĩa. Anh phải diễn những ý riêng bằng giọng văn riêng của anh mới được.

Nhã cãi:

- Cô lay tỉnh tôi giữa lúc tôi mơ màng, tôi sực nhớ đến kiếp vãn của tôi còn có người tri kỷ, thì âu là tôi cảm ơn cô và đoan xin tận tụy với nghệ thuật, để tạ lại lòng cô. Chẳng rõ nghĩa thế là gì?

Minh lắc đầu, buồn rầu, đáp:

- Em cũng hiểu thế. Nhưng anh nên để cái tâm hồn thi sĩ, để cái văn tài của anh lên trên những cái mơ mộng hão huyền. Em muốn khuyên anh nên đặt văn chương vào sự nghiệp.

Nhã giật mình thở dài. Minh nói tiếp:

- Rồi đây, em mong được cái hân hạnh là người độc giả thứ nhất của anh. 'Làm được bài nào, anh cứ gửi cho em xem trước. Nhưng điều em cấm anh, là anh không được làm thơ. Em xin tập làm thơ để thay anh cũng thế.

Nhã sung sướng. Bồi hồi, chàng cảm động mỉm cười với Minh.

Rồi hai người say vì cảnh đẹp, mãi vì chuyện vui, đến nỗi quên cả thì giờ, mãi đến hai giờ chiều mới nhớ đến ăn uống, và đến bốn giờ mới ra ga, đáp xe lửa về Hà Nội.

Dần dà, cuộc ái tình của Nhã và Minh cứ ngấm ngấm mà khăng khít, mặc cho xuân tàn, thu tạ, tin hồng bay tới cánh tem đi về.

Rồi khi Minh viết thư than thở với Nhã rằng mẹ nàng thụ bệnh, mà có lẽ bệnh nặng. Nhã muốn an ủi Minh, bèn nhất quyết bỏ đi nơi non cao rừng rậm đầy những thi vị đậm đà, để xuống ở hẳn dưới Hà Nội. Và nhân để đáp lại lại cái cảm tình đậm thắm của Minh ngày trước, Nhã bèn thuê nhà ở phố Hàng Gai.

Nhưng than ôi, nào hay tháng ngày qua, chẳng thương

cuộc vui vầy của đôi trẻ. Nhã ở nhà mới này được hai trăng có lẽ thì tiếp cái giấy báo hỉ, cái tin mừng rỡ của Minh làm cho Nhã phải đau đớn, ruột gan tan tành...

• Sau cuộc chia rẽ của ái tình, Nhã không gặp Minh nữa. Chàng đau đớn quá thành ốm và theo lời thầy thuốc, chàng cần phải nghỉ việc ít lâu, tìm một nơi mát mẻ để tĩnh dưỡng tinh thần. Vì vậy, Nhã lên ở trên Tam Đảo.

Nhưng gọi là ở Tam Đảo, có phải Nhã được sống trong một tòa lâu đài lộng lẫy nào của cái xã hội trưởng giả đâu. Chàng ở nhờ cái nhà tranh tiêu tụy trong xóm "Trại con gái". Mà vì không viết được nhiều nữa, nên chàng sống một cách rất thiếu thốn.

Thỉnh thoảng buồn, chàng lững thững đi bộ lên phố, thơ thẩn ngồi phệt trên thảm cỏ, cạnh cái cầu con mảnh dẻ sơn đỏ, bắc qua hai bên bờ xanh rì của dòng suối bạc phau phau. Man mác, chàng ngắm cái cảnh vật xung quanh mờ mờ như ẩn như hiện, rồi so sánh với cuộc chơi Yên Phụ hồi nào, thấy bỗng lai bây giờ nó quạnh hiu, buồn tẻ lạ.

Hôm Minh toan đoạn tuyệt với gia đình cũ, mà Nhã không gặp, chàng bèn đến nhà một người bạn là họa sĩ, để nhờ vẽ một bức tả theo ý mình. Bức vẽ ấy, là phong cảnh vùng Yên Phụ, tôi tả trong gió táp mưa sa. Phía xa, một trái đồi cao trót vót, trên đỉnh có một nếp đền trắng xóa, xung quanh là dãy gò đất thấp lô nhô chạy dài, và rặng núi đá cần, sừng sững soi gương trên mặt làn nước xanh ngắt. Phía gần, trên bãi cỏ vàng, một người thiếu phụ ngồi chống nẹ tay trái xuống đất, hai chân duỗi thẳng. Người

thiếu phụ ấy, tức là vai chính của bức họa, Nhã nhờ bạn vẽ đằng lưng, vì người ấy quay mặt vào trong, lăm lăm mơ màng nhìn về phía Yên Phụ. Người thiếu phụ ấy, Nhã dặn kỹ bạn, là một người độ hai mươi ba tuổi, mình bầu bĩnh, gò má hơi cao một chút, và tóc thì quăn, nhưng không quăn ông ẹo lối tân thời.

Nhã cho chỉ có bức vẽ ấy mới an ủi nổi chàng, vì lúc nào chàng cũng được thấy người yêu tưởng nhớ đến cảnh cũ, tình xưa.

Khi bức họa ấy xong, Nhã rất sung sướng, vì nó được y như ý nguyện, chàng cầm bút, đề ba câu Kiều lấy mà chàng cho là rất ý nhị:

*Nghĩ người ăn gió nằm mưa
Đám xa xôi mặt mà thừa thốt lòng!
Duyên em dù nổi chỉ hồng,*

.....

Rồi Nhã bình phục, và lại về Hà Nội. Xuân đến thăm anh họ, nàng ngắm bức vẽ ấy, thì hiểu ý. Thương hại Nhã, nàng hỏi vờ:

- Anh có chắc người thật, có còn như người vẽ, và có nghĩ những câu anh nghĩ hộ người ấy không?

Nhã thở dài mỉm cười chua chát, đáp:

- Con người ta nếu không có trí tưởng tượng để an ủi, thì sao có thể quên được những nỗi đau lòng. Nếu anh chắc người ấy còn như cũ, thì anh mượn vẽ tranh này làm gì!

Sắp đến giờ khánh thành Dạ lễ viện. Hai hè phố An Dương chật ních những người. Trong mỗi cái ô tô sành sịch đi tới, người ta lại thấy những áo gấm đủ các màu, những

mê day đủ các hạng. Trên tường tòa Dạ lữ viện kiến trúc giản dị, ngọn cờ Pháp-Việt đề huề bay phấp phới. Mấy người cảnh sát tây, nam, trịnh trọng đi đi lại lại để giữ trật tự. Đồng hồ càng chỉ gần bốn giờ bao nhiêu, làn sóng người càng dồn dập bấy nhiêu, mà cảnh sát càng phải ra công để dẹp, để đuổi, những người đứng xem tràn xuống đường.

Trong khi ai nấy đều sợ sệt cái roi mây của các nhà chuyên trách, thì Nhã đi bộ đến, và định qua đường. Bỗng có người nắm lấy tay chàng nói:

- Chớ, ông chớ sang, đội sếp họ không cho đi đâu.

Nhã nghe lời, mỉm cười quay gót lại, nhã nhận đáp:

- Cảm ơn ông có lòng tốt.

- Ông nên đi quá ra đằng kia rồi hãy qua đường...

Nhã nhìn đồng hồ, vừa lăm bắm vừa đi:

- Gần đến giờ rồi.

Nhưng tò mò chàng đứng dừng, nói:

- Ở đây canh phòng nghiêm ngặt nhỉ?

Người lạ mặt đáp:

- Phải, vừa đây, người đội sếp kia mới xử bắt nhã với một người đàn bà có giấy Viện mời đến dự cuộc khánh thành.

Nhã cau mặt:

- Xử bắt nhã với một người đàn bà?

Một người bên cạnh nói:

- Phải, mà cái bà ấy nào phải quê mùa gì như chúng tôi.

Một người nữa khôi hài:

- Giá bà ấy mặc áo gấm thì không đến nổi.

Lại một người nữa nói:

- Không, đó là đội sếp người ta lắm.

- Lầm gì đâu! Thế ông không nghe bà ta cãi lý thế nào à? Bà ấy bảo bà ấy có giấy mời, và đưa cả giấy ra, thế mà đội sếp cũng ầy bà ta một cái. Nếu không có bà cụ béo ở trong kia thét vang lên xem, có xảy ra sự xô xát to rồi không?

Nhã ngừng ngợ, hỏi:

- Bà cụ béo là bà cụ nào vậy?

- Là bà tuần Mai, mà hình như người đàn bà này là con dâu thì phải, chúng tôi thấy gọi là mợ cả.

Nhã giật mình, hỏi dồn:

Người đàn bà ấy cao độ bằng ngần này, đi giày đỏ, răng trắng?

- Phải.

Nhã thở dài, rất thương hại Minh mà căm giận người đội sếp. Chàng bồn chồn cả tâm trí, hỏi:

- Các ông thấy chuyện đầu đuôi thế nào?

- Người đàn bà ấy cũng như ông, muốn sang bên kia đường. Vừa bước được vài bước, thì người đội sếp kia hùng hổ chạy lại ngăn. người đàn bà dịu dàng nói và đưa giấy ra, thế mà cũng bị ầy một cách tàn nhẫn, đến nỗi xuyt ngã. May ở trong Viện có bà cụ và mấy ông ra can thiệp, người đội sếp mới để cho đi.

Nhã tức giận, trừng trừng nhìn người đội sếp. Chàng không hiểu sao Minh không đi xe ô tô với bà Tuần? Đã vậy, chàng nhất quyết đi ngang phố qua trước mặt người cảnh sát ấy để thử xem người ấy có dám xử bất nhã cả với chàng, hay chỉ dám bắt nạt đàn bà yếu ớt. Chàng đi, để ngợ có phải người đội sếp giở lối dã man, thì Minh của

chàng được nhẹ nổi nhục nhã, vì cũng còn có người nữa gặp cảnh nhục nhã như Minh. Chàng đi để an ủi Minh một cách xa xôi cao thượng.

Nhã hăm hở rẽ mọi người, lễ phép nói:

- Được, các ông cứ để tôi đi.

Nói đoạn, nhác trông lên thêm Viện, Nhã thấy Minh đứng ử rử, mắt đỏ hoe nhìn chàng, mà không biết nhìn từ bao giờ. Có lẽ nàng cũng hiểu Nhã biết chuyện xảy ra vừa rồi, nàng trở tay chỉ người đội sếp khi nãy, có ý khuyên chàng tránh đừng qua chỗ ấy.

Song, cái dáng bộ của Minh lại càng khuyến khích giục Nhã cứ làm theo ý đã định. Chàng vừa bước chân xuống đường, thì quả nhiên người đội sếp ấy chạy vội lại, dang hai tay ra chắn.

Nhã mỉm cười, móc túi lấy giấy mời ra, nhưng người đội sếp bừ môi xua:

- Không được. Ông không qua đây được.

Nhã khinh bỉ, gạt tay người kia, cứ sấn đến. Nhưng Nhã bị người đội sếp giạt ngay tay, và trợn mắt, sừng sộ:

- Tôi có phép cấm ông.

Mọi người xôn xao, ồ cả lại xem Nhã hung hăng nói:

- Nhưng ông phải hiểu tôi không qua đây để đùa bỡn cùng ông.

- Phải, nếu ông đùa bỡn, thì tôi đã mời ông lên Cẩm.

- Thế có thực ông ngăn tôi không?

- Thực, ông tưởng tôi sợ ông vì ông mặc quần áo tây hẳn. Ông làm nhà báo, tôi cũng không cần.

Nhã cười chua chát. Không đáp, chàng đẩy mạnh người đội sếp ra. Thế là hai bên giằng co nhau. Cuộc xô xát suýt thành to, nếu không có nhiều người can thiệp, và nhất là không có bà Tuấn và vài người trong ban trị sự ra giảng giải cho người đội sếp, nghe.

Nhã vào Viện, nét mặt tím bầm, hăm hăm kể lại đầu đuôi câu chuyện. Tuy Minh không nghe chàng, nhưng nàng thờ thần như người mất trí.

Trông thấy vậy chàng rất hối lòng. Chàng đã hy sinh danh dự để chia sẻ nỗi đau đớn với người yêu.

Cuộc khánh thành Dạ lễ viện hôm ấy không được vui vẻ. Ai nấy đều căm giận người cảnh sát đã xử tàn nhẫn với một người đàn bà, và một người nhà báo. Cho nên sau bài diễn văn thường lệ, tiệc trà không được đậm đà. Người ta nói ít, mà chỉ nói khẽ, và toàn chuyện người cảnh sát. Không ai dǎ động gì đến việc Viện cả. Nhất là Nhã, chàng ngồi cặm mặt, không uống, không ăn, mà cũng không để ý đến một việc gì.

Thấy bầu không khí nặng nề, một ông nghị viện già đứng lên, dong dạc nói như diễn thuyết:

- Thưa các cụ, thưa các quan, thưa các bà, thưa các ông, hôm nay là ngày Viện ta khánh thành, các ngài nên vui vẻ lên một chút. Vậy hôm qua, tôi mới nghĩ được một bài thơ mừng Viện, tôi đọc để nhờ các cụ, các quan, các bà, các ông, phủ chính hộ cho, tôi xin cảm ơn lắm lắm.

Rồi ông đọc một bài thơ tám câu, đọc một cách rất hứng thú.

Một tràng pháo tay nổi lên để hoan nghênh nhà thi sĩ.

Nhã cũng đỡ buồn, chàng ngẩng đầu lên nhìn qua một lượt. Chàng thấy Minh đang loay hoay viết bút chì vào một mảnh giấy.

Ông nghị già ngồi xuống vui vẻ, cười rung cả tập thể mề đay.

Bỗng ông lại đứng ngay lên, tay cầm mảnh giấy, thông thả nói:

- Thưa các cụ, thưa các quan, thưa các bà, thưa các ông, ban nãy tôi đọc thơ của tôi, bây giờ tôi xin đọc thơ của người khác.

Tiếng cười rì rào nổi lên ở mé đầu bàn. Ông Nghị nói tiếp:

- Đây là thơ của bà Nguyễn Thu Minh...

Nhã ngẩng phắt mặt lên. mọi người yên lặng quay đầu ngơ ngác tìm. Một cụ hỏi:

- Bà Nguyễn Thu Minh là ai?

Ngay lúc ấy, bà Tuấn đứng dậy, cái khối thịt đồ sộ làm rập cả hai bà ngồi cạnh. Bà híp mắt cười, trở vào Minh.

- Thưa Nguyễn Thu Minh đây, con dâu tôi, vợ nhà Cả nhà tôi.

Nói đoạn, bà vênh váo, trở Minh. Mấy trăm mắt đổ dồn cả lại, Minh hơi đỏ mặt. Một tràng vỗ tay ran dậy cả phòng. Riêng Nhã, chàng cảm giận lạ thường. Chàng không ngờ Minh nuốt cái nhục chóng được đến thế. Chàng không ngờ chàng đã chịu một mình cái bức dọc ban nãy, mà chính chàng hứng lấy cái bức dọc, chỉ cốt cho Minh đỡ được một nửa sựong sùng. Chàng cúi gằm mặt xuống, nghiêng răng, ù tai, rồi chàng cau đôi lông mi, nhìn Minh một cách khinh

bỏ. Thấy Minh hớn hỏ, vui tươi, chàng run lên, những toán chạy lại sợ và cho bố hờn con người vô sỉ.

Ông nghị già đàng hẵng, rồi nói:

- Thừa các cụ, thừa các quan, thừa các bà, thừa các ông, nghe ạ.

Người ta nói nhỏ khen với nhau:

- Thế mà còn ruột gan nghĩ ra thơ, giỏi thật!

Rồi ông nghị ề a vừa đọc vừa ngâm:

"Nghĩ người ăn gió nằm mưa"

Tiếng xì xào:

- Hay!

"Dám xa xôi mặt mà thừa thốt lòng"

Một hồi vỗ tay:

- Hay!

"Duyên em dù nôi chỉ hồng, chấm, chấm, chấm, chấm"
bấm hết ạ!

Nhã choáng người như tỉnh giấc mơ màng. Chàng thốn thức, vui sướng quá. Long lanh, chàng nhìn Minh mà vắng vắng bên tai, chàng thấy người ta bỏ:

- Câu cuối cùng không dính gì đến Viện, tôi chẳng hiểu sao cả!

Riêng Nhã hiểu. Chàng hiểu rằng nàng vẫn nhớ đến chàng. Chàng hiểu rằng nàng đã an ủi chàng, một cách xa xôi kín đáo. Buồn man mác chàng thở dài, hai mắt rưng rưng, giọt lệ như chỉ chực tuôn rào ra để tạ lòng người tri kỷ...

ĐƯỢC CHUYỂN KHÁCH

Vì nghĩ đến buổi khách ngày chợ phiên, nên từ trưa đến bây giờ, tự nhiên anh Tiêu như thấy nhẹ nhõm hẳn đến một nửa người.

Anh ngồi bật dậy, nhưng mình mẩy ê ẩm, anh bèn vươn vai, duỗi khực hai tay, rồi nhảy từ trên phản xuống đất. Anh đứng yên một lát cho đỡ chóng mặt, rồi lấy năm đầu ngón tay vuốt lại mái tóc. Nhìn cái điều, anh định đặt một môi hút thử xem còn ho không. Nhưng hình như anh chưa thêm thuốc lắm. Anh biết là anh chưa khỏi thực.

Anh Tiêu ra cửa, đứng. Thấy người qua lại đông đúc, anh phấn khởi, quên cả vầng vất.

Đã bốn hôm nay anh nghỉ xe, vì lúc nào anh cũng hăm hập sốt.

Trước kia, mỗi khi bị nóng mình nóng mẩy, anh cho là thường. Anh không hề chịu nằm rên hoặc uống thuốc. Trong nghề anh, anh đã tìm ra được một môn thuốc rất thần hiệu. Lúc nào người anh cũng gầy gầy, thì không kỳ

quần đất rẻ, anh cố kéo lấy một chuyến khác, chạy một mạch rõ nhanh cho ra mồ hôi. Tự khắc bệnh sốt nó rơi lúc nào không biết.

Nhưng từ đầu năm nay, sức anh chống chọi lại với các bệnh tật có kém đi. Lắm khi anh phải “hàng” trước một cơn nhức đầu, hay một trận đau bụng.

Hơn mười năm cầm cày xe, anh Tiêu cho rằng như thế anh cũng đã là dai sức. Vì mắt anh từng thấy các bạn không chịu được những nổi nhọc nhằn của nghề. Có người mới làm được vài hôm, đã phải một trận ốm thừa sống thiếu chết. Có người mới kéo xe được độ ba bốn năm, đành xoay nghề khác nhẹ nhõm hơn. Có người không kiếm đủ ăn, phải chịu bó tay thất nghiệp và đi ăn cắp, ăn trộm. Có người bị những trận đòn ghê gớm của cai mà thành ra què quặt, mang tật suốt đời. Phải, còn nghề nào vất vả cho bằng nghề kéo xe. Thôi thì đang nắng sém mặt sém mày, bỗng nổi trận mưa rào, rồi mưa vừa tạnh, mặt trời chiếu ngay xuống, nóng như lửa.

Như vậy, lưng đang nhể nhại mồ hôi, thì bị ngay ư nước lạnh. Rồi vụt lại dầm những mồ hôi. Thế mà anh vẫn phải cầm cổ, gò lưng mà chạy, hai chân đặt trên đườn nhựa bóng như đốt. Song, nào đã hết. Buổi tối, anh còn phải phơi sương, có khi phanh bụng ra, ngủ gật suốt đêm. Một người không khỏe như anh mà làm việc thế, lại không được ăn đủ ngủ đủ, thì còn gì là đời. Thế mà vẫn cứ sống như vậy, anh kéo dài cho được mười năm, kể cũng là tay anh hùng.

Nhưng ít lâu nay, sức anh suy kém lắm. Có hôm anh

phải bán lại xe cho người khác trong nửa buổi, để về nhà nằm nghỉ cho qua lúc khó ở trong mình. Và lần này, anh phải nằm bệt mất bốn hôm. Vì anh không thể gượng được với thân sốt ác nghiệt nữa. mà nào chỉ có một bệnh sốt? Anh còn ho, ho như rút ruột rút gan, ho đến nỗi hàng xóm cũng phải sợ.

Nhưng hôm nay, anh đã nhóc nhách ngồi dậy được. Và khi biết rằng chiều nay có cuộc chợ phiên to trên Bách thú, tự nhiên anh Tiêu thấy nhẹ nhõm hẳn người.

Một tối hôm nay, kiểm bằng ba bốn ngày thường. Và lại, toàn khách lăm tiến, bước lên xe không thêm mặc cả, cốt để diện với gái, hơn là ra dáng có từ tâm. Thì anh bỏ sao được dịp kiểm ăn dễ dãi mà không vất vả này. Anh cũng tính bắt đầu từ ngày kia mới lại đi làm cho sức thực khỏe đã. Nhưng buổi làm tối nay và tối mai, cũng chẳng qua như buổi đi bách bộ trong sân, thì hẳn anh không phải kéo nặng nhọc như trước.

Chừng hơn ba giờ, anh rảo bước, đến hiệu xe. Đầu anh vẫn còn hơi vầng vát, anh lao đao như người mới ở thuyền lên bộ. Song, anh không nản lòng. Chắc rằng người qua lại tấp nập làm loạn mắt, nên anh thấy thế.

Đi một quãng, anh chóng mặt hơn. Anh đứng lại nghỉ để thở. Rồi lúc lại sức, anh lại thông thả tiến từng bước một. Anh sờ tay lên trán, thấy vẫn mát như thường. Không hề gì. Hẳn mấy hôm nay anh nằm gí, nên bây giờ mới bắt đầu cử động, anh chưa quen đó mà thôi.

Ở Cửa Nam, các bạn anh đã đứng đông cả ở đó. Họ đùa nhau một cách táo tợn, mà anh rợn cả người. Anh cho rằng

trong mình không được khỏe, nên hay sợ, chứ ngày thường, chính anh cũng vẫn đùa bỡn họ như thế. Bỗng có hai người đuổi nhau, rồi người chạy trước quay lại giơ nắm tay, xói vào ngực người chạy sau một cái thực mạnh. Họ vật nhau, cười như nắc nẻ. Anh Tiêu ghê cả thịt, và cũng rạo rức như thấy quả đấm ấy ục ịch vào ngực anh vậy.

Anh không dám nhìn các bạn nữa. Anh vào tuốt nhà ông Cai. Nhưng tiếng cười đùa vẫn inh ỏi bên tai, khiến anh càng muốn quên đi, thế mà cái hình ảnh ấy như còn diễn ra trước mắt. Mà mỗi khi tưởng tượng đến quả phật thủ nó đấm vào ngực, anh lại thấy nao nao như buồn nôn.

*

* *

Anh Tiêu cúi xuống nâng hai cạp xe. Anh tiến một bước. Sao mà cái xe nặng thế. Mới ốm có bốn hôm, mà sức lực đã khác đi như thế rồi.

Anh không bước nhanh nữa. Vội gì? Chiều nay, ở E Hồ rất sẵn người. Lúc nào chẳng có khách? Dù có đi rã bước, bất quá đến trước độ mười lăm phút là cùng. Sớm mười lăm phút hay chậm mười lăm phút, thì rồi cũng c khách.

Đi bộ hết phố Hàng Bông đậm, anh vẫn thấy choáng váng, rồi tối tăm mặt mũi. Anh phải đứng lại để thở.

Được. Buổi mới, anh cũng cần tập đi. Chốc nữa, anh sẽ không choáng váng và thở nữa. Cái xe sẽ nhẹ nhõm như thường.

Nghỉ một lát, anh lại bước đi. Nhưng chẳng ai thụ nhau ở trước mặt anh, mà bỗng tự nhiên anh cũng nao

nao như buồn nôn. Anh ho dồn một trận, cổ khạc mà không sao ra đờm. Rạo rức, anh muốn nằm ngay ra vệ hè để thở một lát. Giá anh nôn được hẳn thì khoan khoái lắm.

Bờ Hồ là cái biến người mà các phố như các ngã sông chảy dồn lại. Đến nơi ồn ào, tấp nập, anh Tiêu quên cả bệnh tật. Tự nhiên anh rảo cẳng từ lúc nào mà anh không biết.

Sự làm quá sức khiến anh lại thấy trong người khó chịu. Anh váng vất và rạo rức hơn. Rồi sa sầm lại, xuýt ngã khụy.

Ba bốn lần, anh muốn thôi đừng tham công tiếc việc nữa. Biết thế, giá cứ nghỉ cho đến ngày thực khoẻ, rồi tha hồ làm ra tiền. Chứ vừa mới hơi khỏi, anh đã gượng dậy, lỗ ồm thêm thì chả bõ. Nhưng trả xe? Cai nào đại mà nhận cho anh. Ai chịu mấy hào thuế ấy? Hẳn anh phải nai lưng ra mà đền sự thiệt hại này.

Mà anh đền? Anh rùng mình vì khi nghĩ đến tiền đền một buổi xe ngày hội. Hay là anh chịu lỗ vốn ít nhiều, gọi một người bạn nào mà bán lại xe cho người ta buổi tối nay? Nhưng đã mua xe, anh đành phải kéo để kiếm tiền cho khỏi lỗ vốn vậy.

Anh nản trí, càng như bị bệnh ám ảnh. Mà buồn quá. Bờ Hồ rầm rập những người thật, nhưng bọn nào đi hai người, họ cũng trèo lên xe điện cả. Anh vẫn vợ suy nghĩ về cái nghị định nhân đạo của quan đốc lý thành phố mới ban hành. Chẳng lẽ việc quan thương dân lao động, đặt ra lệ khách không được ngồi xe đôi, lại định giá mỗi cuộc ngắn phải trả một hào, lại hóa ra làm lợi cho xe điện phải hạ giá một quãng là hai xu hay sao? Hay bây giờ vẫn còn

sớm? Phải, người sang trọng còn đương ăn cơm. Chốc nữa, có mà vút đi cũng không hết khách.

Đèn điện đã bật.

Anh Tiêu nhìn trước nhìn sau, và đứng dưới bóng tối để nghỉ. Anh cứ thấy cổ ngứa, lờm lờm. Giá không ai để ý đến anh, mà anh được nôn ra đây thì hay quá.

Anh thử ọe. Ngực anh càng rạo rục, nhưng không sao nôn được.

Đứng đấy chán, anh lại đi. Anh tin rằng thế nào cũng được vài chuyến khách. Sao bây giờ xe nặng hơn lúc nãy. Anh thở. Thì tự nhiên anh ọe một tiếng, nhưng không được gì cả.

Nôn khan, anh không lấy làm lạ chút nào. Vì trong bụng anh có gì đâu. Hai hôm nay, mới ban nãy anh ăn được một tí cháo.

Anh lại đi vài bước, mời những khách mà anh gặp. Nhưng chẳng ai trả lời.

Rồi bỗng cơn buồn nôn lại làm anh thấy nao nao trong người. Anh đứng lại, tay vuốt ngực. Tự nhiên anh đâm ra sợ nôn. Sao vậy, nào ai biết được.

Nhưng cơn buồn nôn càng bắt anh phải cố nôn. Anh phải đứng cạnh đường, ở chỗ tối. Anh đỡ ngực, há miệng, nhăn mặt và gò lưng xuống để ọe.

Anh ọe. Anh cố ọe. Thì bỗng miệng anh trào ra được đến một bát nước đen đen long lóng.

Rồi ngực anh càng rạo rục. Anh chóng mặt như say rượu. Anh ọe khan vài tiếng nữa, rồi lấy tay quệt nước ở cằm.

Quái, cái gì đặc vậy. Anh ghé ra chỗ sáng, nhìn kỹ. Thì anh bỗng giật nảy mình. Mẹ ơi, máu!

Máu tươi toe toét quanh mồm anh, nghĩ mà ghê cả người.

Rồi một cơn ho nổi lên. Anh gò lưng, nhắm mắt, há mồm, hộc ra được một đồng máu tươi nữa. Anh sợ run lên, nhìn bốn bên. Nhưng may quá, không một người đội sếp nào trông thấy.

Lanh trí khôn, anh vội vàng lại chỗ máy nước, ấn mạnh cho nước tóe ra thực nhiều, để nó chảy tràn ra cống, rửa sạch vũng máu đi.

Vừa toan thò miệng vào vòi nước để súc, bỗng anh nghe thấy tiếng gọi: Xe!

Anh ngẩng lên nhìn. Một cô tân thời, cặp ví ở nách, đi dún dẩy từ đằng xa lại.

Không biết nên kéo hay nê không? Anh đương phân vân. Nhưng vụt anh trông thấy một vài chiếc xe không từ đằng xa chạy lại, tranh nhau cướp lấy khách. Chẳng đần do hơn thiệt, tự nhiên anh vội vàng quệt tay, chùi máu mép, với lấy cang xe, cũng cắm cổ chạy. Chiếc xe nhẹ nhẩy lên chồm chồm.

May làm sao, anh lại tranh được chuyển khách.

1936

ANH XẨM

Từ chiều, lại bắt đầu trở rét.

Gió.

Mưa.

Nào nùng.

Đường vắng ngắt. Chưa đến tám giờ mà đường đã vắng ngắt. Thỉnh thoảng, những chiếc xe cao su kín mít như bụng, lép nhép chạy uể oải, tia ra hai bên cánh gà hai dòng khói thuốc lá. Lại thỉnh thoảng một người đi lên dưới mái hiên, run rẩy, vội vàng. Thật là cả một đụn vải, chỉ hở có cái mặt. Trên đầu, một cái mũ trùm hum xuống đến mi, quanh cổ, một cuộn khăn len dây cộm. Rồi áo, quần, giày, bít tất, găng tay, có bao nhiêu thứ để chống nhau với rét, đều quện cả vào người xù xù.

Mưa như rây bột, như chăng lưới. Phố xá lơ mờ trắng ra. Xung quanh ngọn lửa điện đẫm lệ, rây nước loáng sáng thành một quang vàng tròn. Đường bóng nhoáng như mặt hồ lặng sóng, chiếu lộn những vệt ánh đèn dài.

Gió giạt từng hồi. Lá vàng trút xuống mặt đường lẫn theo nhau rào rào. Hơi lạnh thấm buốt đến tận xương. Cây và cột đèn rú lên.

Nhưng một giọng hát ào ão xen lẫn vào tiếng gió.

*Hội chùa Thấy anh em ơi còn đương lúc đua chen,
Hễ nhanh chân tới, chứ ươn hèn thì í xa.*

Dưới mái hàng nước đầu ngã ba, một anh xẩm đương lắc lư, ngêu cổ lên mà hát.

Anh ngồi trên manh chiếu, trước cái xoong sắt tây thủng, một đùi ghếch lên mặt đàn. Tay nắm cần, tay bật dây, anh uốn cung đàn trầm bổng theo tiếng hát khàn khàn. Cái mũ dạ, trơn từ đỉnh đến rìa, mềm oặt theo khuôn đầu, che cho anh khỏi lạnh gáy. Nhưng cái áo tây vàng rộng thùng thình không giữ nổi hơi rét cắt da. Mặt anh xẩm lại.

Hết bài xẩm chợ, anh quay ra cái lương. Anh ngâm:

- Hai năm í í mới rõ là à mười í,

Hễ mà hai sáu ú ú, tôi í thời mười í hai ai...

Mà chứ tôi cảm tạ các à ngài...

Điệu hành vân bắt đầu.

Anh ngửa đầu, dúm gân mặt, há mồm ra mà hát. Tiếng đàn từng tưng hòa theo, lúc khoan, lúc nhặt.

- Nào các ông các bà cho nhà cháu kiếm bữa.

Anh nhăn răng ra cười.

Nhưng mà...

Gió vẫn giạt từng hồi. Lá vàng trút xuống mặt đường, lẫn theo nhau ào ào. Hơi lạnh thấm buốt đến tận xương. Cây và cột đèn rú lên.

Mưa vẫn như rây bột, như chăng lưới. Phố xá lơ mờ, trắng ra. Xung quanh ngọn lửa điện đầm lệt, rây nước loáng sáng thành một quầng vàng tròn. Đường bóng nhoáng như mặt hồ lặng sóng, chiếu lộn những vệt ánh đèn dài.

Đường vẫn vắng ngắt. Thỉnh thoảng, những chiếc xe cao su kín mít như bưng, lép nhép chạy uể oải, tia ra hai bên cánh gà hai dòng khói thuốc lá. Lại thỉnh thoảng một người đi lên dưới mái hiên, run rẩy, vội vàng.

Thế mà anh xầm vẫn hát. Anh kể sa mạc:

- *Mà chứ anh khóa ơi, em tiễn chân anh xuống tận bến tàu,*

Hai tay em xách cái khăn giấu em lấy đưa anh.

Và đến ma-đơ-lông:

... Là bá i a phố rrê.

Sau anh vẫn không một tiếng vang động. Một xu cũng chẳng có. Một chinh to cũng chẳng có. Một chinh con cũng chẳng có.

Anh càng hết sức để hát, để đàn, và để... không ai nghe.

Bởi vì...

Đường càng vắng ngắt. Thỉnh thoảng, những chiếc xe cao su kín mít như bưng, lép nhép chạy uể oải, tia ra hai bên cánh gà hai dòng khói thuốc lá, lại thỉnh thoảng một người đi lên dưới mái hiên, run rẩy, vội vàng.

Bởi vì...

Mưa càng như rây bột, như chăng lưới. Phố xá lơ mờ, trắng ra. Xung quanh ngọn lửa điện đầm lệt, rây nước loáng

sáng thành một quang vàng tròn. Đường bóng nhoáng như mặt hồ lặng sóng, chiếu lộn những vệt ánh đèn dài.

Bởi vì...

Gió vẫn giạt từng hồi. Lá vàng trút xuống mặt đường, lăn theo nhau ào ào. Hơi lạnh thấm buốt đến tận xương. Cây và cột đèn rú lên.

Nhưng anh xám có trông thấy đâu cảnh ấy.

Anh lại nói:

- Các ông các bà bớt chút ít cho cháu kiếm bữa gạo.

Ông nào? Bà nào? Quanh anh nào có ai?

Song anh vẫn cứ hát, hát một mình.

- *Anh, anh cùng em, có giờ có giờ xui khiến,*

Cho chúng ta dịp này.

Rồi lại kể chuyện Sài Gòn:

Anh tiếc cho cô mình đơn mọn đương tơ,

Buông không lạnh ngắt đương chờ đợi ai.

Và thỉnh thoảng lại giục:

- Các ông các bà thương kẻ khó, các ông các bà ơi.

Anh tưởng đông người đứng nghe lắm.

Chứ biết đâu, xung quanh anh, gió giạt từng hồi, lá vàng trút xuống mặt đường, lăn theo nhau rào rào.

Mưa như rây bột, như chăng lưới. Đường bóng nhoáng như mặt hồ lặng sóng, chiếu lộn những vệt ánh đèn dài.

Đường vắng ngắt. Thỉnh thoảng, những chiếc xe cao su kín mít như bưng, lép nhép chạy uể oải. Lại thỉnh thoảng một người đi lén dưới mái hiên, run rẩy, vội vàng.

Anh cứ hát. Hết sức hát. Gò ngực mà hát. Há miệng to mà hát. Hát như con cuốc kêu thương.

- Ông giảng lên cao, ông giảng xuống thấp, ông giảng lẫn bóng chuối, chứ ông giảng lại i a mờ.

Và khi hát đã đến hết tất cả các bài anh thuộc, anh ngồi im lặng để chờ và để nghe. Sau hết, sờ tay vào lòng thau không để vết.

Rồi anh run cầm cập, xếp thau, ôm đàn, cuốn chiếu, cầm gậy, đứng dậy, thông thả lần lối đi.

Gió.

Mưa.

Não nùng.

1936

THẰNG QUÍT (I)

Xưa nay, người ta chỉ thường được nghe thấy bọn thàng quít con đòi kẻ lẻ ông Tham nó ác, bà Phán nó nghiệt, chứ có ai nghe thấy các ông chủ bà chủ phàn nàn đứa ở ác nghiệt bao giờ.

Vậy mà đối với chủ, chúa ác nghiệt là cái giống dây tở dấy. Điều ấy, ai đã từng nuôi kẻ hầu người hạ, tất cũng biết. Mà có lẽ trời sinh ra cho chúng được thế, chẳng qua là cái quả báo của những câu chửi, những ngọn roi ngày thường chủ đã rộng lượng ban phát thêm vào số lương ít ỏi của chúng chẳng.

Thật vậy, nào có phải chúng đã hiến ta cái cẳng tay hoặc cái bặt nhĩ, khi ta hành hạ áp chế chúng, mà tôi mới bảo chúng là ác nghiệt. Chúng nào dám động đến lông chân của bọn có tiền? Nhưng, thưa các ngài, không có hạng người nào ác nghiệt hơn hạng dây tở, khi chúng gãi tai xin chúng ta tính tiền công? Bởi vì tiền công của chúng, tháng tháng chúng có thêm lấy ra đâu. Mà một vài đồng bạc ấy,

ta chỉ tiêu đánh nhóy là hết. Thế rồi khi có việc phải cần đến tiền, như dịp Tết chẳng hạn, chúng mới xin ta cho chúng cả một thể. Thực là rầy rà to! Món ấy, có khi là một chục, có khi là hai chục, có khi tích lũy đến hàng ba bốn chục, đến nỗi trả được xong xuôi, nhiều ông chủ ngồi bó giò, thuồn mặt ra mà tiếc ngơ tiếc ngẩn.

Sở dĩ tôi phải thay mặt các chủ lên tiếng than phiền sự ác nghiệt của bọn đầy tớ, là vì hôm hai mươi tám Tết năm ngoái, tôi được chứng kiến một ông chủ bị đầy tớ đòi tiền công.

*

* *

Ông Dụ, chủ nhà trọ tôi, làm việc nhà nước, lương mỗi tháng được hơn bảy chục.

Ông không có vợ con, nên trọ ở nhà ông, tôi rất dễ chịu. Lại được một điều nữa, là hình như ông Dụ thuê căn gác ấy, chỉ cốt lấy chỗ ngủ. Vì tôi chẳng thấy ông thức lâu ở nhà bao giờ. Mười hai giờ trưa đi làm về, ông ăn cơm xong, là cứ để nguyên cả quần áo lẫn giấy, lăn ra giường, ngủ cho đến gần giờ làm của buổi chiều. Buổi chiều cũng vậy, ông và vợ vàng vôi bát cơm, cốt đủ sống, rồi hấp tấp ra đi, cho đến khi một hai giờ sáng mới về ngủ.

Tôi biết ông thích đánh bạc, và mới đây, lại có một cô nhân tình non. Bởi ông không thiết đến cửa nhà, nên cái tập bạc lương của ông nó phải mau mau đi gây dựng cơ đồ cho người khác.

Ông nuôi một thằng đầy tớ rất nhanh nhẩu, khỏe mạnh. Nó bảo từ thuở bé, nó vẫn tên là thằng Quít. Cái tên xấu xí ấy, nhiều lần ông Dụ muốn đổi, để gọi cho đỡ có

về giai cấp. Vì ông khoe rất yêu chủ nghĩa bình dân. Nhưng đến tám tháng nay, có lẽ ông chưa có thì giờ nghỉ, nên tên nó vẫn nguyên vẫn là thăng Quít.

Nhà không có đàn bà thì đầy tớ là nội trợ. Thăng Quít không những phải gánh nước, thổi cơm, dọn dẹp của nhà cho thơm mát, nó còn phải vá quần áo rách, đưa thư vay tiền, kỳ lưng và bẻ bảo cho chủ nữa.

Làm từng ấy công việc, thăng Quít mỗi tháng được đồng hai bạc công. Và ngoài mỗi ngày hai bữa no nê, thỉnh thoảng nó lại được thái chiếc áo cánh, mặc gượng nhẹ thì được một bận, và luôn luôn phát tài hàng chục cái móng giò chồi xương hông.

Song, thăng Quít không biết yêu cầu chủ rút giờ làm việc, không biết đòi chủ tăng lương và tăng lòng nhân đạo. Lúc nào nó cũng vui vẻ, thực thà, và khi rồi việc, nó chạy ra đứng ngay cạnh bức tường hiên gác, kiễng chân, để ngó cổ sang nhà bên cạnh, nhỏ bãi nước bọt rõ to xuống sân, tờ lơ mơ con sen bên ấy.

Thường nó nói với tôi:

- Thưa cậu, con đùa thế cho đỡ buồn đấy thôi, chứ đến ra Giêng này, con cưới vợ.

Một hôm, nó nhắc lại câu ấy, rồi buồn rầu, tiếp:

- Sang năm con không hầu ông Phán và cậu nữa. Con lấy vợ thì thấy u con bắt ở nhà. Đến hai mươi tám Tết này, con xin ông con tiền công, rồi con xin phép cho con về.

Nói đến đó, nó nghỉ ngơi, lẩm nhẩm và hỏi:

- Con làm tám tháng mười ngày, tiền công được một chục đấy, cậu nhỉ?

- Phải, vừa một chục.

- Một chục bạc, đem về cưới cô vợ nhà quê xinh xinh, thích quá!

Thằng Quít muốn pha trò, rặn lên cười rõ to, lắc mạnh vai như anh hề phường xiếc.

*

* *

- Bẩm ông, thầy u con đã nhắn ra rằng đến ra Giêng, mồng sáu, thì xin cưới cho con, vậy thế nào sáng mai con cũng xin ông cho con về sớm.

Ông Dụ cau mặt, gắt:

- Mày ác nghiệt lắm! Sao mày không nói trước cho tao biết độ mười hôm, để từ sáng đến giờ, mày nằng nặc, làm tao khó chịu.

- Tại mọi khi con thấy lúc nào ông cũng vội đi chơi.

- Thì một câu nói của mày có làm mất thì giờ là mấy?

Thằng Quít sợ hãi, đứng yên. Ông Dụ chặc chặc, rồi phàn nàn:

- Ác quá, lại thàng thiếu chữ lý! Mai đã là ba mươi mốt rồi. Tết nhất cái con khỉ! Thế sang năm, mồng mấy mày lại ra? Hôm ấy hãy lấy tiền công có được không? Bây giờ tao làm gì có?

Làm ra vẻ nhớ tiếc, thằng Quít đáp:

- Bẩm ông sang năm, con xin con nghỉ ở nhà.

Ông Dụ cười khì một cách khinh bỉ, rồi chửi đồng:

- Mẹ kiếp, sáu mươi tuổi phải về hưu, người ta còn xin ở lại mãi chưa được, đằng này ba tuổi toẹt, đã vội nghỉ với ngơi.

Rồi ngẩng mặt lên, ông hỏi:

- Thế nội nhật hôm nay, mày lấy tiền công à?

- Bẩm vâng.

Ông Dự nhìn mặt, gãi sườn, phàn nàn một mình:

- Một chục đồng bạc!

Rồi ông gắt:

- Sao hôm tao lĩnh lương, mày không biết há họng ra?

Được vay thêm nửa tháng lương Tết, thì nó không nói.
Thế mai mày đi vào buổi nào?

- Bẩm, con ở hầu hạ ông...

- Thôi, mai mấy giờ mày đi?

- Bẩm ông, con ra ô tô năm giờ sáng ạ.

- Mai ai thổi cơm cho tao ăn? Mày phải chờ đến trưa, đến chiều, tao thuê được đứa khác cái đã.

- Lạy ông, mai ba mươi mất rồi.

Cau mặt lại, ông Dự mắng:

- Kệ xác mày, lỗi mày thì mày chịu!

Vì biết tính chủ, thằng Quýt sợ phải cái đá đít tiền, nó không nói nữa. Mà ông Dự cũng khoác áo ra đi, vừa đi vừa chửi thằng đầy tớ khéo vẽ ra cười vợ làm ông phải rắc rối.

*

* *

Độ mười phút sau, ông Dự trở về, gạt đầu gọi tôi, và hỏi khế:

- Tôi nghe như cậu còn tiền, cậu có thể cho tôi giặt lửa được không?

Tôi phân vân, đáp:

- Nhưng mai tôi cũng về sớm, mà tiền này, chốc nữa tôi phải dùng mua một vài thứ về nhà.

Ông Dự gật một cách quả quyết, bảo:

- Được, cậu cứ cho tôi vay. Sáng mai tôi trả sớm. Trưa mai, cậu hãy về.

Tôi lo ngại. Ông cam đoan:

- Thế nào tôi cũng trả. Tôi không làm lỗ việc của cậu đâu mà.

Nói đoạn, ông móc túi tôi, lấy chìa khóa, rồi cứ việc mở hòm tôi, lấy một tập giấy bạc một chục đồng.

Trông thấy ông Dự hành động tự do, tôi không nỡ ngăn cản, vì tôi thấy ông hăng hái quá.

Lấy tiền xong, ông gọi thằng Quít, hỏi:

- Sang năm, mày không làm với tao nữa, phải không?

- Bẩm ông, con ở hầu hạ ông...

- Biết rồi, tao hỏi sang năm, mày có làm với tao nữa hay không?

- Bẩm ông, tại thầy u con bắt con ở nhà.

Ôn tồn, ông nói:

- Được. Mà mai mày đi sớm, chuyển ô tô năm giờ à?

- Vâng. Con xin ông ban cho con tiền công để mai con đi sớm. Thầy u con nhắc ra thế.

Ông Dự thông thả móc túi, đưa thằng Quít tập giấy bạc:

- Đây, tao chỉ còn thế này, nhưng cũng vừa đủ tiền công của mày. Giá còn, tao cho thêm mày một vài đồng nữa. Mày thực thà, tao có lòng thương, nghe chưa?

Thằng Quít sung sướng, nhìn chủ, tỏ ý cảm ơn. Trong

khi ấy, ông Dự móc túi áo, túi quần, móc túi ba đồ xuy và móc ví, rồi gộp nhặt những xu, hào, trinh và đếm. Đoạn, ông hỏi:

- Ô tô từ đây về Thái bao nhiêu tiền?
- Bấm Tét nhất, có lẽ người ta tăng lên ba hào.

Ông nhìn món tiền, mỉm cười, bảo:

- Ừ, may cho mày, tao còn ba hào tư. Đây, cho mày cái vé ô tô và vài xu mà uống nước.

Nhìn thằng Quít khúm núm giơ tay ra đón lấy số tiền, ông Dự nghiêm sắc mặt, nói:

- Đáng lẽ như người ta, tao không cho mày về ngay sớm ngày mai. Mày phải chờ cho tao thuê được người mới đã. Vả lại, mai tao dọn nhà đi ở chỗ khác, thì tao lại càng cần đến mày. Nhưng thôi, tao thương hại, năm hết Tết đến rồi, nghe chưa.

- Lạy ông thương con...

- Được, mai chỉ còn một mình tao ở nhà, tao đi ăn cơm đầu cũng xong, nên tao cho mày về. Còn dọn nhà, tao mượn người trông nom cho cũng được.

- Bấm, mai ông dọn nhà đi phố nào, ông cho con biết, để sang năm thỉnh thoảng con đến hầu ông.

- Hiện tao chưa tìm nhà. Tao không muốn ở đây, vì những kèn hát điện của các hiệu thuốc họ vận suốt ngày, làm tao nhức cả óc. Thành phố thiếu gì nhà cho thuê. Lúc nào tìm chẳng được. Mai vừa là ngày hết tháng nhà, nên tao muốn dọn đi, để nhân tiện ăn Tết ở nhà mới.

Thằng Quít ngậm ngùi. Có lẽ nó mẩn tiếc chủ tử tế. Bởi vì từ khi ở với ông Dự, mới được hôm nay, nó không phải đòn.

- Nhưng mai tôi cũng về sớm, mà tiền này, chốc nữa tôi phải dùng mua một vài thứ về nhà.

Ông Dự gật một cách quả quyết, bảo:

- Được, cậu cứ cho tôi vay. Sáng mai tôi trả sớm. Trưa mai, cậu hãy về.

Tôi lo ngại. Ông cam đoan:

- Thế nào tôi cũng trả. Tôi không làm lỗ việc của cậu đâu mà.

Nói đoạn, ông móc túi tôi, lấy chìa khóa, rồi cứ việc mở hòm tôi, lấy một tập giấy bạc một chục đồng.

Trông thấy ông Dự hành động tự do, tôi không nỡ ngăn cản, vì tôi thấy ông hăng hái quá.

Lấy tiền xong, ông gọi thằng Quít, hỏi:

- Sang năm, mày không làm với tao nữa, phải không?

- Bẩm ông, con ở hầu hạ ông...

- Biết rồi, tao hỏi sang năm, mày có làm với tao nữa hay không?

- Bẩm ông, tại thấy u con bắt con ở nhà.

Ôn tồn, ông nói:

- Được. Mà mai mày đi sớm, chuyến ô tô năm giờ à?

- Vâng. Con xin ông ban cho con tiền công để mai con đi sớm. Thầy u con nhấn ra thế.

Ông Dự thong thả móc túi, đưa thằng Quít tập giấy bạc:

- Đây, tao chỉ còn thế này, nhưng cũng vừa đủ tiền công của mày. Giá còn, tao cho thêm mày một vài đồng nữa. Mày thực thà, tao có lòng thương, nghe chưa?

Thằng Quít sung sướng, nhìn chủ, tỏ ý cảm ơn. Trong

khi ấy, ông Dự móc túi áo, túi quần, móc túi ba đồ xuy và móc ví, rồi gộp nhặt những xu, hào, trinh và đếm. Đoạn, ông hỏi:

- Ô tô từ đây về Thái bao nhiêu tiền?

- Băm Tết nhất, có lẽ người ta tăng lên ba hào.

Ông nhìn món tiền, mỉm cười, bảo:

- Ủ, may cho mày, tao còn ba hào tư. Đây, cho mày cái vé ô tô và vài xu mà uống nước.

Nhìn thằng Quít khúm núm giơ tay ra đón lấy số tiền, ông Dự nghiêm sắc mặt, nói:

- Đáng lẽ như người ta, tao không cho mày về ngay sớm ngày mai. Mày phải chờ cho tao thuê được người mới đã. Vả lại, mai tao dọn nhà đi ở chỗ khác, thì tao lại càng cần đến mày. Nhưng thôi, tao thương hại, năm hết Tết đến rồi, nghe chưa.

- Lạy ông thương con...

- Được, mai chỉ còn một mình tao ở nhà, tao đi ăn cơm đâu cũng xong, nên tao cho mày về. Còn dọn nhà, tao mượn người trông nom cho cũng được.

- Bẩm, mai ông dọn nhà đi phố nào, ông cho con biết, để sang năm thỉnh thoảng con đến hầu ông.

- Hiện tao chưa tìm nhà. Tao không muốn ở đây, vì những kèn hát điện của các hiệu thuốc họ vận suốt ngày, làm tao nhức cả óc. Thành phố thiếu gì nhà cho thuê. Lúc nào tìm chẳng được. Mai vừa là ngày hết tháng nhà, nên tao muốn dọn đi, để nhân tiện ăn Tết ở nhà mới.

Thằng Quít ngậm ngùi. Có lẽ nó mến tiếc chủ tử tế. Bởi vì từ khi ở với ông Dự, mới được hôm nay, nó không phải đòn.

Nó hí hửng khoe với tôi món tiền, rồi vừa xếp quần áo vào khăn gói, vừa pha trò:

- Mời mười đồng vào đây, ép chặt vào đây, về đến nhà hãy ra nhé!

Nó đặt tập bạc vào giữa cái áo lương, gấp cẩn thận lại, và buộc khăn gói thật kỹ. Đoạn, nó lại nói:

- Còn các chú này thì vào đây để tiện cho mỗ mai lấy vé ô-tô nhé!

Nó gói ba hào ruồi vào tờ giấy, bỏ trong túi có gài kim băng.

Sửa soạn xong, thằng Quít vui sướng, huyết còi ran lên, rồi ghé sang sân nhà bên kia, nó đằng hắng một tiếng, và nhổ đánh bẹt để từ giã cô nữ đồng nghiệp.

*

* *

Tối hôm ấy, ông Dự không đi chơi như mọi tối, khiến cho tôi nghĩ ngợi. Thỉnh thoảng, tôi phải nhắc:

- Ông không đi đâu à?

Thấy ông lắc đầu chán nản, tôi phải nói đến nơi:

- Ông đừng làm lỗi tôi nhé.

Ông mỉm cười, gật:

- Được, không cần, trước tám giờ sáng mai cậu sẽ có.

- Nhưng ông phải đi chơi mới được chứ?

- Được rồi, cậu đừng lo, tôi lo hơn cậu đấy.

Tôi xin thú thực rằng tối hôm ấy, tôi nằm không chợp mắt, vì tôi lo quá. Càng thấy ông Dự ra vào ung dung, tôi càng hối hận rằng đã cho ông vay món tiền cần một cách

dễ dãi. Tôi đoán ông sẽ đâm mặt liễu cùng tôi. Ông hẹn trước tám giờ sáng mai, mà từ chập tối, ông không thêm bước ra khỏi nhà, thì tiền đâu nó bỏ vào túi ông được? Mai, ba mươi Tết, ngày ấy chỉ là ngày để người ta trả nhau nợ, chứ nào phải để người ta cho nhau vay? Mà có người nào cho ông mượn tiền chẳng nữa, quyết nhiên người ta kiêng lúc buổi sáng. Mai tôi không về được thì làm thế nào?

Tôi nằm không yên, thỉnh thoảng cựa và thở dài luôn. Cạnh tôi, ông Dụ đã ngủ khì. Và mé góc nhà, thằng Quít đã ngáy như sấm trong chiếc chiếu khum khum trên chõng.

Thấy mọi người ngủ sung sướng, tôi càng nóng ruột sôi gan. Họ bình yên cả.

Ông Dụ đã trả công đầy tớ mà không nói khó vay người khác. Thằng Quít mai về nhà với cha mẹ để sang năm làm chú rể, bọc quần áo trong có cô vợ xinh đặt ngay trên mặt tủ đồ ăn, bên cạnh chõng.

Tôi thì vẫn cựa và thở dài, hết quay ra lại quay vào. Lại mấy con muỗi đã khéo chui vào màn lúc nào, cứ "làm reo" bên cạnh tai để quấy rối cuộc trị an. Tôi càng không ngủ được.

Đồng hồ bỗng chốc điểm mười một tiếng. Rồi mười hai tiếng. Thì giờ của người không ngủ được chẳng khác gì thì giờ của anh đứng nói chuyện với người yêu, nghĩa là nó chỉ như thì giờ của anh đánh bạc. Vì nó như thì giờ của cổ nhân: Nó như bóng ngựa hồ qua cửa sổ.

Ngoài ra, gió vi vu thổi, rít qua khe cửa, đưa tiếng rao náo nùng của hàng bánh giò ế, hoặc tiếng nằn nì dọa nạt của anh phu xe vừa kéo một chị ở sấm về. Thỉnh thoảng

gió thổi thốc lên, cành cây chạm vào nhau lá vàng rơi lả tả, hai cánh cửa chớp đóng chập vào nhau, rồi mở tung ra, đập vào tường, khiến trong nhà đương sáng thì tối, đương tối thì sáng, làm cho tôi trần trọc không tài nào chợp mắt được.

Mà cái nghề trâu buộc ghét trâu ăn. mình đã không ngủ được, lại thấy người nằm cạnh yên giấc, thì càng tức. Tức hơn nữa, là ông Dự đã hiệp mất giấc ngủ ấy của tôi. Ông lại làm tôi phải lo nghĩ nữa.

Tôi đã toan trở dậy, vặn đèn lên, đọc một vài tờ báo nhạ. Nhưng tôi sợ lỡ ra số Tết báo ấy viết hay mất, thì toi giấc ngủ quý hóa đi.

Bỗng tôi thấy cạnh tôi, ông Dự cựa. Tôi bực mình không hỏi han gì cứ lặng yên, mở mắt ra nhìn. Thì ra không phải ông cựa. Ông khê lật chăn ra, rón rén dậy, và đi ra đóng hai cánh cửa chớp.

Sao có người lại ác đến thế nhỉ! Không ngủ được, tôi chỉ còn tiêu khiển lúc đêm khuya bằng ánh đèn ngoài phố rọi vào để nhìn những đồ đạc trong nhà, tuy nó đã quen mắt. Vậy mà ông làm cho bốn bên tối om!

Nhưng không hiểu sao, mãi không thấy ông vào nằm. Tôi bèn lẳng tai nghe, và cố giương mắt xem ông làm những gì. Song, tôi chẳng trông thấy và nghe thấy ông đâu. Góc nhà, thằng Quít vẫn ngáy khò khò như tiếng hàng xóm xay lúa.

Độ mười phút sau, tôi thấy hai cánh cửa ra sân bỗng mở toang, rồi lại khép chặt. Lúc ấy, ông Dự mới khe khẽ mở màn, lên giường, và chui vào chăn.

- Gớm, sao mà chân tay ông lạnh thế!

Tôi phát cáu, cựa, quay đi và thở dài.

Tự nhiên, tôi thấy ông Dụ lay vai tôi. Tôi quay lại. Ông lấy tay bịt ngay miệng tôi, và giúi vào tay tôi tập giấy mềm mềm. Tôi toan nhồm dấy, thì ông kéo nằm xuống, ghé tai nói thầm:

- Mười đồng. Trả nợ đấy.

Vụt hiểu cả ý tứ và mưu mô ông Dụ, tôi giật mình toan rú lên. Nhưng thành linh, tôi bị cái đâm vào cạnh sườn đau đánh nhói.

Ngót một giờ sau, khi chiếc xe thùng cuối cùng ịch trên đôi bánh lỏng lẻo, và ngọn chổi thứ nhất của người quét đường kéo dài từ hè nọ sang hè kia, thì thằng Quít đã nhồm dấy. Nó lảng lảng đi súc miệng, rửa mặt mặc quần áo. Rồi chui đầu qua màn, tìm vai tôi, nó lay tôi dậy. Khốn nạn thân nó, tôi có ngủ được nữa đâu! Nó thì thào:

- Con ra ô tô đây. Cậu dậy, ra đóng cửa cho con.

Rồi đến đường, nó quay lại chào tôi, và hình như có điều gì muốn nói. Nó đứng mãi, nhìn tôi bằng đôi mắt thực thà. Một lát, nó mới nói giọng lo lắng và dạn:

- Cậu ạ, lúc dậy, con thấy cửa ra sân không khóa, con sợ quá. Nhưng con khóa lại rồi. Hể ông con có hỏi, cậu làm chứng cho con là con chỉ mang có cái khăn gói này về thôi nhé.

Nói đoạn, nó chào tôi lần nữa, rồi thở dài mà đi.

Tôi cũng thở dài, vì tôi thấy nó tỉnh táo, vui sướng, nhanh nhẹn. Rồi cái mũ nổi đen, cái áo len xám, cái quần vải thâm, đến cả đôi giấy tây trắng của nó mặc diện về quê, cũng dần dần lẩn vào trong ánh sương.

1 - 1937

THẰNG QUÍT (II)

Ông Dự cũng là một độc giả trung thành của tờ báo này. Hôm báo ra thế nào thằng bé bán báo cũng chực ông ở cửa sổ, để cho ông thuê một cuốn. Nếu rồi, ông vừa đi vừa lách móng tay út gọt sẵn như lưỡi dao vào những tờ giấy cuối cùng để đọc, và ngấu nghiến đọc một chập cho hết. Nếu bận nói chuyện hoặc bận nghĩ ngợi điều chi, ông gấp đôi quyển báo lại, cấp vào nách, rồi ở nhà, lúc ăn cơm, miệng ông nhai, mắt ông chăm chú vào trang chữ trên bàn, có khi đưa cả đũa vào chén nước mắm để gấp. Ông mê như điệu đờ mấy truyện dài dịch. Còn nửa tập trên là phần truyện soạn, ông không hề chịu tốn thì giờ để mắt tới bao giờ. Bởi biết thóp ông Dự thế, nên tôi mới dám ngôn luận tự do, viết bài Thằng Quít đăng ở kỳ báo trước. Phải, trời đã sa xuống đất đâu mà tôi ngại ông Dự đọc bài của tôi?

Song, chẳng may cho tôi, kỳ báo ấy, ông Dự lại xem cả phần truyện ngắn nữa. Không rõ thế là điểm hay, hay

điêm gở cho nhân loại, nhưng chắc chắn là điêm gở cho tôi. Tôi thì ngờ rằng một anh nào trong tòa soạn xỏ tôi, đưa bản thảo của tôi cho ông xem trước, nên ông mới biết. Vì vậy, tôi bị sự trừng phạt rất ác hại, là ngay chiều hôm ấy, ông tổng cổ tôi đi bằng những câu mà bây giờ tôi phải nói khoác là cũng khá nhã nhặn.

Việc này dạy cho tôi biết một cách rất đúng đắn thế nào là cái hại của tiểu thuyết. Thì ra cái hại ấy, về bên “mày, cầm nhẩn” nó đến nhanh chóng hơn về bên “tóc quán, coóc-xê”.

Nhưng mà đứng trước một cảnh ngộ không may, ta chỉ nên lấy tư tưởng cao thượng của thánh hiền cổ nhân mà tự an ủi. Đức Khổng Tử ngày xưa đã có lần toan nói rằng:

“Hễ người viết tiểu thuyết lắm thì có ngày người ở trọ bị đuổi vậy ôi!”.

Song, dưới gầm trời này, tôi lo gì không thừa chiếc giường hèm hẹp để tôi lăn kênh tắm thân thuốc rươi?

*

* *

Ra ngoài Giêng, hôm mồng Tám, nhân rồi việc, tôi bèn mũ áo chỉnh tề đi thanh tra các hè phố. Bỗng tình cờ, tôi gặp ngay thằng Quít.

Thấy tôi, nó mừng rỡ tíu tít như thể được thấy mặt cô Sen. Nó nói:

- May quá, con tìm nhà ông suốt cả ngày hôm qua. Con hỏi thăm nhà bên cạnh, nhưng họ không biết ông con dọn đi đâu.

Tôi hỏi đùa:

- Lấy vợ rồi chứ? Coi bộ anh hơn hở tẹ.

Thằng Quít bống xịu mặt, thở dài và kể lể:

- Con khổ quá, cậu ạ. Không biết con đánh mất món tiền công ở đâu. Khi về đến nhà, con giở gói áo ra, thì không thấy nó nữa. Thành ra, một đằng thấy u con đánh chửi, nghi con đi làm ăn ngoài tỉnh, có nhân tình, nhân ngãi, mà lập kế thoát thác không đưa tiền để lấy vợ nhà quê. Một đằng nhà vợ con thấy không có đủ số dẫn cưới, họ không gả nữa. Thấy con trối con lại, rồi cứ ngọn gậy vừa bằng cổ tay, giáng mãi vào lưng con. Đây này, cậu trông, những vết thâm tím hãy còn đây. U con mắng nhiếc con là đồ vô phúc, chẳng ăn lời cha mẹ, lại đi ăn bùa ăn bả của con đi. Rút cục, đánh chửi xong, thầy u con đuổi con đi...

Nói đến đây, hai mắt nó rưng rưng:

- Thật con không ngờ đâu cái số con vất vả như thế. Làm với ông con ngót một năm, thôi thì chịu đánh, chịu chửi, con cố nhẫn nhục để lĩnh được trọn mười đồng bạc công, thế mà...

Thằng Quít không thể nói hơn được nữa. Tâm sự của nó lúc ấy, nó phải tả bằng hai dòng nước mắt. Nó khóc nức lên.

Tôi thương hại, ngược nhìn vùng trời úa bạc nặng nề. Một lát, tôi hỏi:

- Thế ra anh đã ra ngoài này từ mồng Sáu?

- Vâng. Con đến nhà cũ, thấy hàng xóm nói ông con dọn đi hôm Ba mươi. Con ngủ nhờ đấy một tối, suốt cả ngày hôm qua, con đi tìm ông con mà không thấy.

- Bây giờ anh định thế nào?

- Thôi thì trăm sự con lại nhờ ông con, xin ở lại hầu hạ ông con như trước.

Tôi cười:

- Nhưng ông đã thuê được người mới rồi.

Thằng Quít giương đôi mắt nhìn tôi, như hồ nghi câu nói, như oán trách tôi, lại như tủi thân nó. Nó nói:

- Được, cậu cứ đưa con về. May ông con thương con biết đâu?

Tôi buồn rầu, đáp:

- Tôi đưa anh đến nơi, rồi trở nhà cho anh. Tôi không ở với ông Phán nữa.

Nó ngớ mặt hỏi tôi, nhưng tôi không giảng. Vì nếu nói khoác rằng tôi đuổi ông Dự đi, thì tuy không mất đồng xu thuế nào, nhưng nói thế, tôi cũng hơi ngượng ngượng.

*

* *

Ba hôm sau, tôi lại gặp thằng Quít, mặt méo xệch, đứng thần thờ trước một hiệu cao lâu có đông khách ăn. Tôi biết ngay rằng hôm nọ đến xin việc làm, nó đã bị ông Dự từ chối một cách vương vẩn.

Tôi đến gần nó, gọi:

- Quít!

Thằng Quít chào tôi. Tôi hỏi:

- Anh ăn ở đây à?

Như mãi theo đuổi ý nghĩ riêng của nó, nó không đáp, lại trở tay vào trong, lắc đầu, phàn nàn:

- Gớm, họ ăn phí quá, cậu ạ.

Tôi hỏi lại:

- Anh ăn ở đây à?

Nó mỉm cười:

- Nếu được thế, còn gì sung sướng bằng!

- Anh không được làm với ông Phán à?

- Vâng, ông con không nuôi, vì đã có thằng Quít khác rồi. Thành ra mấy hôm nay, con không có việc. Con lo quá.

Ngắm nó, tôi thấy nó đã hơi có vẻ tang thương. Cái áo cánh trắng bong của nó đã cấu hết những ghét và bẩn. Cái mũ nồi của nó không biết đi đâu mất. Cái quần thâm của nó đã nhiều chỗ cho hai cẳng được dòm trời.

Một lát, đắn đo mãi, nó mới hỏi tôi:

- Con hỏi câu này, nếu không phải, cậu bỏ ngoài tai nhé.

- Được, gì, anh cứ nói.

- Con hỏi khi không phải, có người bảo ông Phán lấy tiền của con, thật hay dối, hử cậu?

Tôi nghiêm sắc mặt, hỏi:

- Ai bảo anh thế?

- Người ta mách con là việc ấy đã có đăng báo, đích danh lắm, cậu ạ.

- Tôi cũng thấy nói thế.

- Con định lát nữa, con đến đòi lại ông con tiền.

Thương hại thằng Quít, tôi nói rõ cho nó biết việc ấy. Nó trợn mắt, run run:

- Bây giờ con mới tin là thực. Trước con có dám ngờ đâu.

Nói xong, nó chào tôi và đi.

Độ nửa giờ sau, tôi cũng theo đến nhà ông Dự.

*

* *

- Này, cậu vào nhà xem, nó xin tiền, tôi không cho. Nó xin ăn, tôi không có. Bây giờ nó nói hỗn.

Ông Dự phân vua với tôi thế, rồi hung hăng, trở vào mặt thằng Quít:

- À, hay là mày không ở với tao nữa, thì mày giở chứng?

- Lạy ông, không phải thế. Con biết rằng bầm ông câu ấy là con hỗn, nhưng chính con trông thấy ông mở khăn gói của con.

Ông Dự đứng phắt dậy, mặt hầm hầm, đến gần thằng Quít, giơ tay toan tát:

- Quân này bạc thật. Mày đổ cho ông ăn cắp của mày?

Thằng Quít giật lùi, giơ tay đỡ:

- Lạy ông tha cho con, con chỉ dám xin ông món tiền công ông chưa cho con mà thôi.

- Mày bảo ông chưa cho mày? Thế mày xếp đầu bố mày vào trong áo the à?

- Bầm ông, nhưng mà lúc hơn 3 giờ sáng...

Ông Dự sấn lại thằng Quít, giơ thẳng cánh, đưa cả bàn tay vào mặt nó để lấp miệng nó lại, cho nó mất nói. Môi và mũi nó bỗng được ăn trầu. Nhưng miếng trầu máu không phải là thứ người ta mời nhau để làm đầu câu chuyện ôn tồn, nên thằng khốn nạn đứng cậm như thóc, mà ông Dự thì trở tay ra cửa, quát to:

- Ông cấm mày bận sau không được văng lai đến đây! Liệu hồn, mày định bôi nhọ ông à? Mày ở với ông, ông trả công mày tử tế, bây giờ mày đòi cái gì? Bước!

Thằng Quít cứ đứng gan lì, không nhúc nhích. Ông Dự dẩy nó ra cửa, và đá theo đến mười chiếc vào cẳng chân. Nó vừa chạy, vừa kêu cha kêu mẹ.

*

* *

Từ hôm ấy, tôi có ý tìm thằng Quít, định mách nó một chỗ làm, nhưng không gặp nó đâu. Tôi yên trí rằng lại nhà ông Dự, tất tôi biết tin tức nó.

Cũng như mọi lần, ông Dự trách tôi bằng những câu tôi đã nghe nhẵn cả tai:

- Cậu ác quá, chẳng nể ai cả!

Rồi ông kể thêm rằng:

- Nó lại đến đây ba lượt nữa rồi đấy. Nhưng lượt sau cùng, phúc bẫy mười đời nhà nó, tôi không có nhà. Mà thằng ôn vật này (ông trỏ thằng Quít mới) không biết nghe nó dở ngon dở ngọt thế nào, lại thí cho nó bát cơm nguội.

Nói đến đó, ông trợn mắt nhìn thằng đầy tớ và dọa:

- Bận sau, mày không đuổi nó đi, còn dung túng nó ở nhà này, thì chó chết, ông bảo trước.

Rồi ông nói chuyện tiếp:

- Thật, thừa cơm cũng không nên cho đồ bất nhân ấy ăn. Mà hình dung, mặt mũi, nó như thằng ăn cắp chợ. Không hiểu mười đồng bạc tôi trả lại nó, nó đã tiêu những gì?

Tôi ngạc nhiên, hỏi:

- Ông đã cho nó rồi?

- Phải, lần thứ hai nó đến, tôi đã trả. Đạo trước, mình túng thì làm thế cho nó đỡ ngầy ngà, chứ ai thêm. Mình có, cho nó thêm chẳng vẻ thay nữa là. Thấy nó thực thà, ta nên thương hại.

Tôi khen ông Dự hào hiệp và nhân từ. Ông sướng lắm, lập tức trả nợ miệng tôi bằng mấy câu khen tôi thông minh. Một lát sau, ông mời tôi bảy giờ tối hôm ấy, đi ăn cơm tây với ông. Ông bảo:

- Lắm lúc ở nhà một mình, tôi nhớ cậu dạo để.

Tôi nhận lời và cáo từ ra về, để thay quần áo cho thơm tất.

Khi tiến tới ra cửa, thỉnh thoảng ông Dự biến sắc mặt, cau có, nói:

- Quái, thằng ấy lại đến, bực mình chưa!

Tôi nhìn đằng xa, thấy thằng Quít đương đi lại. áo quần nó rách bươm, mặt mũi nó đen đui, đầu tóc nó bơ phờ. Mà cái áo nịt của nó không biết biến đi đâu mất. Quả đúng lời ông Dự, nó như thằng ăn cắp chợ.

Quay lại, thấy cửa nhà ông Dự đã đóng, tôi bảo cho nó biết đã tìm hộ nó được chỗ làm. Nhân tiện, tôi hỏi:

- Anh đi đâu?

Nó giơ chân giơ tay, phân trần:

- Lần nào con đến đây, ông ấy cũng đánh con, đánh sưng cả mình mẩy, rồi mắng chửi con là đồ phản chủ và sai đuổi con ra. Con không đòi được mười đồng bạc, nhất định con không chịu. Đói meo bụng, xin bát cơm thừa cũng giữ.

Lấy làm lạ, tôi hỏi:

- Ông bảo trả anh rồi mà?

- Cậu tính nếu thế, con còn đến đây làm gì?

Nói đoạn, nó đi.

Tôi thở dài, nghĩ đến bữa cơm tây chốc nữa mà đã no ứ lên đến cổ.

Bỗng tôi thấy tiếng kêu kinh thiên động địa, và mọi người ngoài phố đổ xô ra xem. Thì ra thằng Quít đang chạy như bay. Hẳn nó làm gì khiến ông Dự khó chịu mà ông đã thết nó được một bữa no tròn.

*

* *

Câu chuyện tôi vừa kể trên kia, đã xảy trong vòng mười hôm, và tôi đã chép lại hôm chủ nhật trước. Song, thấy truyện không có kết cục, tôi đã toan xé bản thảo đi, vì tôi chắc rằng thằng Quít được tôi mách chỗ làm, thì nó sẽ có tiền công mang về mình oan với cha mẹ và cưới vợ. Đời nó sẽ phẳng lặng, sung sướng một cách buồn tẻ như đời một vị quốc trưởng, có gì đáng ghi thêm?

Nhưng mà đọc báo hàng ngày, mấy hôm nay, tôi giật nẩy mình. Tôi thấy ông Dự, tuy không viết truyện bao giờ, song, cái kết cục sau này ông nghĩ nối cho tôi, đã có thể đặt ông vào cùng chiếu với những nhà có biệt tài trong làng tiểu thuyết.

Đây, tôi xin cắt những mẫu thời sự ấy, dán vào dưới bản thảo, để vội đem in. Chắc độc giả thể tấm lòng nhân đạo cho ông, đã có công giúp thằng đây tớ cũ thực thà được chỗ mà cơm no áo ấm.

Món quà đầu năm

Hà Nội - Đêm hôm kia, rạng ngày hôm qua, kẻ trộm leo mái nhà, xuống sân gác số 76 phố... là nhà ông Nguyễn Hữu Dự. Quân gian mở cửa vào nhà. Lúc bấy giờ mọi người đều ngủ yên, nên không biết, bị nó khoắng một mẻ khá to. Sáng hôm sau, ông Nguyễn Hữu Dự mở mắt ra, thì ôi trời ôi, thấy đồ đạc mất toang ngoảng. Kiểm lại các thứ, ông thấy mất hai chiếc áo gấm, ba đôi giày tây để ở ngoài, một cái va li có nhiều tiền và nhiều quần áo tây của ông Dự và một hòm đồ đạc trong đựng các quần áo đắt tiền và nhiều vàng bạc là đồ nữ trang của bà Dự, tất cả trị giá đến hơn nghìn bạc. Hiện ông Dự đã đi trình các nhà chuyên trách.

Tin thêm về vụ trộm nhà ông Dự

Về vụ trộm nhà ông Nguyễn Hữu Dự ở số nhà 76 phố... mà quân gian mở cửa vào nhà lấy mất hai cái áo gấm, ba đôi giày tây, một cái va li có nhiều tiền và nhiều quần áo tây, cùng chiếc hòm quần áo đắt tiền và nhiều đồ nữ trang, tất cả trị giá đến hơn nghìn bạc, chắc độc giả còn nhớ.

Ngay sáng hôm sau, bản báo phóng viên đến phỏng vấn ông Dự và hỏi xem ông tình nghi cho ai, thì ông Dự có nói tên một người mà ông ngờ, song bản báo không tiện đăng ngay, sợ ngăn trở công việc của các nhà chức sự.

Nay vừa được tin kẻ gian đã sa vào lưới pháp luật.

Thì quân gian nào phải người xa lạ. Nó chính là Nguyễn Văn Quít, đây tớ cũ của ông, mà ông đã không nuôi từ hôm hai mươi chín Tết tháng Chạp năm ngoái vì có tính gian vật. Có lần chính ông Dự đã bắt được quả tang nó cạy hòm bà Dự ngay giữa ban ngày. Nhưng vì giàu lòng nhân từ, ông Dự tha cho nó, và bắt nó cam đoan không được giở thói tật mất ấy nữa.

Song, ông xét ra, thỉnh thoảng trong nhà vẫn xảy ra những việc mất mát lật vật luôn. Bà Dự nhiều lần khuyên ông nên đuổi nó đi, nhưng ông không nỡ.

Đến mãi ngày cuối năm ngoái, ông Dự mới trả công nó và cho nó ra.

Ngoài Giêng này, ông Dự thỉnh thoảng lại thấy nó lai vãng đến nhà ông. Những tưởng tôi tớ quyến luyến chủ cũ, ông không để ý đến. Nào ngờ đâu nó hay ra vào là có ý thám thính. Rồi hôm ấy, nó biết thóp bà Dự về quê, nó liền trèo tường vào nhà để dèn ơn ông Dự.

Hiện tên Quít đã phải tống giam để đợi ngày xét xử.

Vậy mong rằng pháp luật nên thẳng tay trị tội những quân đầy tớ bất lương để làm gương cho đũa khác.

Kết liễu vụ trộm nhà ông Nguyễn Hữu Dự

Chắc độc giả chưa quên vụ tên Nguyễn Văn Quít, đây tớ cũ nhà ông Dự, đương đêm, trèo tường vào nhà ông, lấy mất quần áo, vàng bạc, đáng giá hơn nghìn bạc, mà bản báo đã đăng rõ ràng khi việc mới xảy ra.

Nay Sở mật thám còn xét ra rằng tên Quít còn liên quan cả đến vụ giết vợ của cô đầm lai ngay giữa ban ngày trong vườn hoa trước cửa nhà hát tây Hải Phòng hồi tháng trước, việc đánh người bị thương trong ngõ Gia Ngư tuần lễ vừa qua, và có lẽ nó còn nhúng tay vào nhiều việc gian ác khác nữa.

Được tin thêm gì, bản báo sẽ đăng tiếp.

Lại về vụ trộm nhà ông Dự

Phiên tòa hôm qua đã xử việc tên Nguyễn Văn Quít lấy trộm nhà ông Nguyễn Hữu Dự và thủ phạm nhiều vụ gian ác khác, do quan chánh án X. chủ tọa.

Đứng trước vành móng ngựa, bị cáo nhất định chối cãi không chịu nhận một khoản nào.

Kết cục, tòa nghị mười lăm phút để luận tội, rồi tuyên án phạt tên Nguyễn Văn Quít 20 tuổi, vô nghề nghiệp, ba năm tù, năm năm quản thúc, và 1.850 đồng bồi thường cho nguyên đơn.

Thực đáng kiếp cho tên bất lương.

Số báo mai, bản báo xin thuật rõ ràng phiên án rất quan trọng này.

1 - 1937

TỰA CỦA CHIỀU HÔM

Từ hôm nghe tin con trai bà trưởng Tín được tha về làng, thì bà cả Hảo lại thương nhớ đến con, lòng bà như đồng tro đang tàn bỗng được cơn gió thổi cho lửa lại cháy bốc.

Hỏi ra, bà mới biết Chính phủ Bình dân phóng thích cho rất nhiều chính trị tội phạm. Những bậc nghĩa sĩ trước kia phải bắt nếu thoát được nhát dao của máy chém, đều lần lượt được về quê gặp cha mẹ vợ con.

Con trai bà trưởng Tín, bạn thân với con bà, ai chẳng tưởng suốt đời sống cũng như chết ngoài Côn Lôn, gửi xương ở đấy. Thế mà bỗng dưng ngày nay đem được nỗi mừng rỡ về cho mẹ già.

Bởi vậy, hôm thấy cảnh xum họp bên nhà bà bạn láng giềng, nghe tiếng khách khứa ra vào thăm hỏi, bà cả Hảo lại cảm thấy nỗi thân già nhà quạnh, mà thần thờ đứng dưới mái hiên. Cảm lòng không đậu, bà những tự hỏi hiện nay con bà ra sao? Bà ôm mặt khóc, nức lên những tiếng thảm thiết.

Bảy năm về trước, cái hôm bà cả Hảo nghe tin Ích, con bà, phải bắt, bà như bị tiếng sét đánh ngang đầu. Bà vật vã, tru tréo. Bà có ngờ đâu Ích có chí ấy. Bây giờ bà đoán con bà bị oan. Nhưng người ta bảo bà biết rằng, Ích bị bắt quả tang trong khi họp hội kín, bà mới vỡ ra rằng cái lần con bà xin tiền bà, nói rằng để chạy việc, và cái đêm Ích cùng năm sáu người bạn về nhà ngủ rồi sáng hôm sau rủ nhau đi sớm, đều là những việc đáng ngờ. Bà giận con bà đại dột, trót nghe chúng bạn xui khôn xui khéo đến nỗi mang vạ vào mình. Bà nhờ người làm đơn khiếu oan, lấy cớ rằng Ích là con một, xưa nay vốn hiền lành ngoan ngoãn, và trẻ người non dạ, chắc chẳng bao giờ tự ý làm càn. Nhưng lá đơn ấy vô công hiệu. Ích đã khai ở phòng dự thẩm nhiều câu rất quan trọng. Chính Ích là tay lợi hại trong đảng. Phen này nhẹ cũng đeo án chung thân. Hết cả hy vọng, bà chỉ còn một việc mơ hồ, là mua vàng hương đến lễ bái các đền chùa, để cầu Thần Phật phù hộ cho con bà được nhẹ tội, cho bà còn mong gặp mặt, trước khi bà thở hơi thở cuối cùng.

Nhưng rồi sau phiên tòa họp, quả nhiên Ích bị kết án chung thân. Bà ngắt người đi, mấy hôm trời không ăn, không ngủ. Như điên, như cuồng, bà gào trời, thét đất. Nhưng đất dầy, trời thăm, bà thêm mang bệnh vào thân, mà con bà vẫn bị giam, đợi ngày đi biệt xứ.

Họ hàng đến khuyên giải, bà vật mình đi từ giường trên xuống giường dưới mà kêu:

- Thà nó chết chém, tôi được yên lòng hơn, vì đem được thân xác nó về và biết ngày làm giỗ nó.

Rồi bọn lý dịch quen thói gà què ăn quẩn, lợi dụng cảnh bà thân cô thế cô, nay họ dọa nạt, mai hành hạ, coi bà cũng như kẻ có tội. Chẳng biết đối phó thế nào, bà đành chịu hết nỗi cực nhục.

Bà chỉ còn được yên thân ở những lúc chợp ngủ, vì được quên cái đời buồn khổ và họa may mộng thấy cảnh đoàn viên. nhưng chẳng mấy đêm bà chẳng bồn chồn, và động nhấm mắt một lát là giật mình năm, bảy bận.

Bà hỏi dò hôm nào người ta giải tù đi đây để cố lẫn vào mà trông mặt con lần cuối cùng. Song, một hôm, người ta trợn mắt, báo cho bà một tin dữ dội: Ích đã tìm cách vượt ngục và trốn tuột sang Tàu mất rồi.

Bà lo sợ, giấu rất kín cái tin ghê gớm ấy. Bà run rẩy tháo cái ảnh Ích treo ở tường và cắt mảnh nhật báo đăng những lời khai của Ích nói ở trước tòa. Bà gói hai thứ lại với nhau, cất vào trong tủ. Rồi mỗi ngày, những buổi chiều vàng năo lòng người, khi làn khói biếc lìa mái bếp để vẩn vơ lơ lảo trên không, bà thương nhớ con lưu lạc, thì lại mở tủ ra, lấy ảnh Ích để ngắm và nhắc lại những câu đối đáp của Ích. Rồi nghĩ đến tương lai thăm thẳm, bà âm thầm khóc một mình.

*

* *

Nhưng khốn nạn, bà cả Hảo còn đáng thương hơn người mẹ già mong con trở về. Vì con bà chẳng bao giờ trở về với bà nữa.

Ngày Ích nghe tòa tuyên án được ít lâu, một hôm Ích ốm, được đi nhà thương điều trị. Ai ngờ một đêm không

hiếu làm cách nào, Ích ra lọt ngoài buồng giam, và trèo tường, nhảy xuống đường phố.

Ích trốn thoát.

Hôm sau, lập tức, Ích cải trang đi xe lửa xuống Hải Phòng, đáp tàu thủy ra Móng Cái, rồi qua cầu sang Đông Hưng. Ở địa phận nước Trung Hoa, Ích được người đưa đường, lẫn lút men những lối kín đáo trong rừng rậm, chịu ăn đói, uống khát, chịu gỏi đất nằm sương, rồi một buổi sáng, Ích đạt tới mục đích. Ích đến được những nơi định đến, gặp được những người định gặp.

Nhưng một tối, khi Ích đến với hai người bạn chí thiết đến một con đường vắng vẻ, thỉnh lĩnh hai người kia chia hai miệng súng lục đen ngòm vào thái dương Ích và thốt ra những lời thóa mạ. Rồi hai tia đạn lóe ra, Ích nằm sóng soài trên vũng máu. Hai người bạn vẽ mặt sung sướng rút dao sáng quắc trong túi áo ra, cúi xuống rạch chữ thập vào mặt, và để lại tờ giấy: *thằng này bị địch mua chuộc, lập mưu trốn khỏi nhà thương, để ra làm việc phản đảng, phản Tổ quốc. Đảng quyết định xử tử hình.*

*

* *

Tin cái chết tàn khốc ấy bay về nước một cách rụt rè, yếu đuối. Vì vậy, nó chẳng thể lách qua lũy tre xanh vây kín quanh làng và lọt vào tai bà cả Hảo được. Cho nên bà vẫn yên trí con bà còn sống, đem nắm tay sắt đá đi bầm chuông nước ngoài. Bởi thế bà chỉ khóc. Với bà, khóc là giải phiền. Trong bảy năm trời, trận khóc dài đã vắt hết nước mắt, khiến cho mặt người mẹ khốn nạn ấy thành

khô đét, thân hình choắt chiu, đôi lòng đen bạc dần, bà không còn trông thấy gì nữa. Rồi mỗi sáu tháng cô lại nhuộm mau chóng mái tóc bà một vẻ phơ phơ và vẽ chẳng chịt trên mặt bà những nét dẫn dúm. Năm tháng qua lại, vết thương lòng như cố tật. Ngày ngày sờ soạng, bà lần sang bên bà trưởng Tín than thở với bà bạn láng giềng. Hai bà cùng cảnh ngộ như nhau nên cùng hy vọng giống nhau. Chẳng thể gặp mặt đứa con thân yêu, hai bà chỉ dám hy vọng sao cho tật bệnh nó làm phúc để hai bà sớm được lìa những tháng ngày náo nùng.

Nhưng hôm con trai bà trưởng Tín về làng, thì bà cả Hảo như bị gợn đông tro lòng đã hồ nguôi. Bà tiếc cho con bà sao trước kia chẳng đành chịu tội chung thân, mà còn đem thân lưu lạc sang đất nước người, để đến nay, người tuyệt vọng đã về, mà người tưởng sớm về thì tuyệt vọng.

Đứng dưới mái hiên chán, bà lần bực cửa, bực vách, hàng rào, rồi sang nhà bà trưởng. Bà ngồi trên phản, đưa hai tay khẳng khiu ra sờ lên đầu, lên vai, và hai cánh tay người con trai may mắn. Rồi lại cảm động quá, bà ngã vật xuống và òa lên khóc:

- Con ơi!

Thấy bà đau đớn, ai lấy thở dài, lắc đầu yên lặng nhìn nhau.

*

* *

Nhưng từ hôm sau, bà cả Hảo lại có một hy vọng mới. Cứ đến chiều chiều, ăn cơm xong, bà lại sờ soạng ra cổng, đứng tựa lưng vào cột cho đến lúc hai con người bà thấy

đen ngòm. Mỗi khi trong cảnh quạnh hiu, có tiếng gót chân người sắp đến, thì trên bộ mặt chất phác của bà hiện ra những nét vui mừng. Bà cố giương to hai mắt trắng dã, nhìn theo tiếng động và hồi hộp khẽ hỏi: Ai?

Nhưng rồi bà thấy tiếng lạ đáp lại thì bà thở dài ngay. Tiếng đáp ấy chẳng phải tiếng con bà, từ đất nước Tàu về. Bởi vì nếu phải con bà về nước thật, bà sẽ cố khuyên rằng nên chịu để Nhà nước bắt và chịu cho tòa kết án chung thân.

Như thế, tuy con bà phải sống khổ cực ngoài Côn Đảo, nhưng tuổi già của bà còn có hy vọng là một ngày kia, chẳng chóng thì chầy, mẹ con lại được đoàn tụ.

Bà có biết đâu rằng, con bà đã bỏ kiếp người để cam tâm làm kiếp chó. Nó có giống người nữa đâu mà bà mong nó về với người.

1937

QUYÊN CHỦ

Ông vừa mới mua được một con mèo tam thể. Ông mê man lên về con vật ấy. Quên cả nục và mệt, ông bỏ giấc ngủ trưa. Suốt buổi, ông ngồi xõm trước cũi để ngắm mèo, như người ta ngắm “mèo gái” vậy.

Đến giờ đi làm, ông bịn rịn đứng dậy, dặn con Đỏ con:

- Nó cũng như mày, nghe chưa? Vì còn bé, mày chỉ biết ăn no ngủ kỹ. Thì con mèo này cũng vậy, nó chưa biết bắt chuột. Nhưng ít lâu nữa, khi nó lớn, thì chuột nhà này không còn lấy một con. Vậy tao giao cho mày phải trông nom nó. Cơm nó, mày phải trộn với nước canh. Đừng cho nó những xương rắn mà nó hóc nhé.

Nói đoạn, ông cúi xuống. Và một lần nữa, muốn tạm biệt con bạn yêu quý, ông thò tay vào trong cũi, nhẹ nhàng vuốt bộ lông nhẫy mượt của nó. Con mèo rướn lưng, ngửa mặt nhìn ông, và kêu:

- Ngheo!

Con Đỏ con bế anh, ngồi ở cạnh. Thấy con mèo kêu, anh thích, nhảy lên chồm chồm. Rồi chờ ông đi khỏi, anh thò ngón tay bé tí tẹo, gí vào con vật.

- Ngheo!

Anh giật mình, “ấy” một tiếng, rụt tay ra, nhìn con đầy tớ, cười sằng sặc.

Rồi anh đòi tụt hẳn xuống đất. Con bé cố giữ lại:

- Bắn chân, bắn quần áo. Bà mắng tôi.

Anh giãy giụa hai cẳng, nhảu nhó:

- Không, anh chơi với mèo cơ!

Thấy con Đỏ con toan đi chỗ khác, anh bực mình, hai tay tát lấy tát để vào mặt nó. Con bé vừa ghì anh, vừa cúi đầu để tránh đòn. Nhưng anh hung hãn, đã móc được tay vào má nó, cào sồn sột. Nó không chịu được, nói to:

- Bầm ẹ... Anh có đổ tôi mách bà không?

Thấy nó khỏe sức và cứng lý hơn, anh ngửa ngay cả đầu lẫn lưng ra đằng sau để ẩn vôi. Giá nó không đỡ nhanh, có lẽ cả đôi cùng ngã giáp mặt. Anh khóc rầm rĩ.

Tiếng the the vang từ nhà trong ra đến nhà ngoài.

Bà đang vui vẻ tiếp khách, phải ngừng lại lắng nghe. Rồi cau mặt, bà quay vào, hỏi:

- Mà làm gì anh đấy?

Tiếng khóc vẫn to, lấp cả câu chuyện. Bà quát:

- Muốn tốt đồ anh nín đi. Tao bảo mày không nghe phải không?

Con Đỏ con sợ, đành dặt anh xuống đất.

Anh lon ton chạy đến gần cũi, ngồi phệt, rồi chống hai tay, chống hông để cúi nhìn con mèo.

Con mèo vươn cổ, kêu:

- Ngheo!

Anh thích chí, lấy cái que chọc nó. Nó đau, nheo miệng lại, kêu:

- Ngheo!

Con Đỏ giật, vút que đi. Nhưng không để yên tay, anh nhấc ngay cửa cũi lên.

- Mèo ra mất, anh!

Nó ngăn lại và nói thế. Nhưng anh vùng vằng:

- Anh thích thế cơ.

Dứt lời, anh lại thò tay ra tháo cũi, và bị nó giữ. Anh giằng. Nó co. Anh đổ mặt, đánh nó. Nó ôm thốc lấy anh, toan bế đi. Thì nhanh như cắt, anh đã lăn kên ra đất, hai chân đạp lia lịa vào nó, vào cũi, mồm vừa khóc vừa chửi. Anh biết, bao giờ gỡ miếng võ ấy thì ai cũng phải hàng.

Quả nhiên, bà hầm hầm chạy vào.

Bà quát mắng, cầm ngược cái phất trần treo trên tường, giờ dọa con Đỏ con và hỏi:

- Mày không bế anh, để anh khóc thế à?

Nó ôm đầu, đáp:

- Lạy bà, anh đòi tụt xuống nghịch mèo. Rồi anh lại đòi mở cũi ra. Con không cho thì anh khóc.

- Ngoài nhà có khách, mà trong này cứ rầm rầm.

Anh được thế, mách mẹ:

- Nó không cho em chơi mấy mèo.

Con bé dấm dản nói:

- Nhưng sao anh cứ đòi mở cũi ra?

Bà cau mặt, mắng nó:

- Thì chiều anh một tí cho anh nín không được ư?

- Bấm rồi mèo đi mất.

- Đi mất thế nào được, đồ ngu!
- Bầm thật đấy ạ.
- A, mày cãi, mày khôn hơn tao hả?

Lần này thì bà đánh nó thực. Bà chúa ghét giống đã ngu lại hay cãi. Năm sáu cái phát trần đen đét vào nó làm nó đau quần lung.

*

* *

Nhưng rồi anh không đòi chơi mèo nữa. Có lẽ anh sợ cái roi kia sẽ đến thăm anh. Anh theo bà ra ngoài, để bà cho ăn kẹo.

Trút được gánh nặng, con Đỏ mừng lắm. Nó vào bếp, sờ lại vết lằn ở lưng và vết xước ở mặt.

Người ta hễ no nê thì hay nghĩ đến chơi, mà nhàn cư vi bất thiện. Bởi vậy, kẹo vừa tan khỏi miệng, anh đã nghĩ ngay đến chuyện tháo cũi mèo.

Khách về khỏi, anh bảo bà:

- Mẹ ơi, vào với mèo cơ.

Chiều con, bà dắt anh đứng cạnh cũi. Anh lại chọc. Mèo lại kêu. Anh thích, cười giòn tan. Rồi anh tự do nhấc cửa cũi.

Bà ngăn:

- Dừng, nó ra mất, thầy về thầy đánh chết.
- Không, mẹ vừa bảo con Đỏ, nó không ra cơ mà!

Thấy anh phụng phịu, bà ngăn ngừa. Được thể, anh giục:

- Cho nó ra ngoài, thích hơn cơ.
- Dừng.

Anh vùng vằng sắp khóc. Bà vội vàng nói:

- Đây, gồm. Cho anh chơi một tí thôi nhé.

Dứt lời, bà từ từ rút miếng ván. Con mèo ung dung bước từng bước ra ngoài. Khoan khoan, nó liếm mép, ghì bốn cẳng, cong lưng, vươn vai. Anh cúi gằm mặt, nhìn hàm răng trắng, cái lưỡi đỏ và bộ râu bạc của mèo. Con vật hiền lành, kêu:

- Ngheo!

Nhẹ nhàng, mèo đi thêm vài bước. Anh thò tay mó lưng nó. Nó lại tiến thêm mấy bước nữa.

- Ngheo!

Anh đắc chí, lại sờ cổ nó. Nhưng lần này anh bóp mạnh hơn. Mèo dậm hoảng, phì một tiếng, rồi nhảy vọt thật xa, chạy ra cửa mất.

Bà hốt hải nhìn, và chạy theo. Lúc ấy, con Đỏ con vừa vào.

- Bắt lấy nó!

Bà gọi thế. Nhưng con vật đã thoăn thoắt nhảy lên bệ, lên tường, rồi chui lên mái nhà. Đến chỗ cao, nó dừng lại, nhìn xuống, kêu:

- Ngheo!

Bà lo sợ. Rồi không biết trút cái bực mình ấy đi đâu, nhận thấy con Đỏ con đứng đó, bà đập ngay đầu nó vào tường, hoảnh:

- Mày đứng làm phỗng đấy à? Thấy nó chạy ra, sao không vồ lấy.

Con bé khốn nạn choáng váng lên. Rồi như bắt đền nó, bà hoảnh:

- Bây giờ làm thế nào?

Nó sợ, đứng ngây người ra. Bà quát:

- Lại còn đứng đấy phải không?

Không biết làm thế nào để bắt mèo về, nhất là lại thấy tấm thân đồ sộ của bà lúc nào cũng như sẵn sàng làm cho nó khiếp sợ, nó sụt sịt khóc. Thì ra ban nãy nó nói phải, nó cũng bị đòn. Bây giờ bà làm trái, nó cũng lại phải đánh.

Bà nhìn nó. Muốn chùng bà hiểu rằng bà quá vô lý, nên bà hơi động lòng, bà dịu dàng nói:

- Thôi, đi mà lừa mèo về.

*

* *

Bỗng ông hăm xe đạp ở trước nhà, và vịn quả bàng cửa để gọi. Ông ngồi ở Sở, vì nhớ mèo, nên bảo chủ rằng đi thu tiền, để tạt về nhà, vui thú với nó.

Đứng ở trong, bà thấy ông về, thì chẳng còn hồn vía nào. Rành là ông gắt bà. Và biết đâu, khi ông nóng lên, thì như mọi khi, ông quăng từ chiếc độc bình cho đến bộ chén cổ xuống đất.

Nhưng nhanh trí, bà ghé tai con Đỏ con, dặn:

- Hễ ông hỏi ai thả mèo, mày cứ nhận là mày nhé.

Đỏ được lên đầu con Đỏ con cái tội tầy đình, bà nhẹ nhõm, chạy ra, trợn mắt, trợn mũi, nói:

- Mèo ra mất rồi.

Như nghe tiếng sét, ông bàng hoàng:

- Tại sao thế?

Bà trở con Đỏ con:

- Nó thả ra.

Vừa nghe dứt lời, ông vô ngay lấy con bé. Ông túm tóc nó, giật nó ngã xuống đất, và đánh nó tui bụi. Nhưng may, bà can:

- Ông cứ để yên cho nó đi lừa mèo về. Không tìm được hãy hay.

- Nhưng sao nó ngu thế chứ?

- Thôi.

Trở vào mặt con Đỏ con đương khóc thốn thức, ông trợn mắt, nói:

- Không tìm được mèo, ông thì chôn sống!

Lúc ấy, độ bốn giờ chiều. Ánh mặt trời chiếu xuống như thiêu như đốt. Ông hầm hầm, lại ra Sở ngồi.

Đội ông đi thật xa, bà gọi con Đỏ con, bảo nó:

- Mày đem bát cơm lên gác sân mà dụ nó, may thì nó về đây.

Con bé nghe lời. Nó đứng trên gác sân, gõ cái bát, gọi hoài:

- Miu, miu.

Con mèo quay lại, nheo miệng kêu:

- Ngheo!

Nó không nhúc nhích.

Nóng đến vỡ đầu ra mắt. Mồ hôi mồ kê con bé chảy ròng ròng. Nó đứng đến nửa giờ, mà không tài nào gọi con vật xuống được.

Sau cùng, bà phải sai cả anh bếp lẫn anh xe, trèo lên mái nhà, lừa mãi, mới tóm được con vật.

May quá! Thấy con mèo lại vào cũi, con Đỏ con mới lại được hoàn hồn. Nhưng mà, khốn thân nó, vì chịu thay bà cái ảnh hưởng khốc hại của việc bà làm trái, mặt nó chín nhừ ra. Nó choáng váng đầu óc. Nó như bị cảm nắng...

10-7-1937

PHÀNH PHẠCH

Nghe thấy chiếc đồng hồ treo tường thông thả điểm mười tiếng, bà uể oải sờ trên đầu giường, ấn ngón tay cái vào cái nút quả lê bấm chuông, rồi lại uể oải đặt phịch cánh tay xuống. Trời ơi bức lắm cho người ta mệt nhọc, chán nản và lười biếng.

Mấy hôm nay, nhờ trời, dân Việt Nam ta không phải phàn nàn rằng nước ta kém nực. Gớm ghiếc! Nóng đâu lại có nóng thế! Suốt ngày, ánh nắng rọi xuống, làm cho đất trắng xóa, nẻ kẽ, lá cây gục lả như sắp chết khát. Thỉnh thoảng, trận gió tây nổi lên, hất hơi lửa vào mặt. Buổi tối, thì im gió, nên khí nóng cứ luẩn quẩn một hơi. Quạt đến rã cánh tay, chẳng qua chỉ đổi hơi bức chỗ này lấy hơi bức chỗ khác.

Bởi vậy, ai kia, chứ bà thì thấy khổ lắm. Bà bứt rứt, khó chịu, nhiều lúc muốn vứt phăng cả chân tay đi, tưởng chừng như thế thì đỡ vướng víu. Bà rửa mặt, lau mình cả ngày, mà da vẫn nóng hầm hập. Bà bới tóc ngồng lên tận

đỉnh đầu, ngồi ngửa bụng ra, chống hai tay lại đằng sau mà thở. Nhiều lúc, ngó thấy trời xanh ngán ngắt, bà phìu cả đôi môi dầy và ướt, cau có nói:

- Lay bố, thế này thì đến chảy mỡ ra mất!

Buổi tối, bà không thích đi đến những nơi thoáng khí để hóng mát. Phải vạ mà đánh phấn, mà bôi môi, mà đóng áo dài vào! Nực lăm và phiền lăm! Vả trời này, chắc gì kiếm được một nơi có tý gió để đứng? Chi bằng nằm trong buồng, tắt đèn đi cho nó có vẻ dịu mát, mở tung hai cánh cửa chớp, rồi vịn quạt máy vù vù. Như thế, may mà bà còn chợp ngủ được tí nào chẳng. Mấy hôm nay, bà lũng cù suốt đêm.

Vậy thì bà nằm đó. Nhưng thoát trông đồ ai dám bảo là một người. Nếu người ta chưa nom rõ cái mặt phị, cái cổ rụt, cái thân nung núc, và bốn chân tay ngắn chùn chùn, thì phải bảo là một đồng hai ba cái chân bông cuộn lại với nhau, sắp đem cắt đi.

Thật thế, bà béo lăm, một cái béo rất hùng vĩ, ít ai có thể tưởng tượng được. Mùa hè, ai trông thấy bà mà không phát ngáy thì tôi không phải là người.

Bà bấm chuông để gọi con Đổ con, vì đã mười giờ rồi.

Quả nhiên, con Đổ con chưa dám ngủ. Nó thức để chờ bà gọi. Xong việc, nó mới được yên thân. Nó lũng lũng lên, tay phe phẩy chiếc quạt giấy. Nó lên quạt hầu bà.

Bà cắt cho nó việc ấy, thật là bà đủ lòng nhân đạo đối với một con bé mười hai, mười ba tuổi đầu. Phải, còn gì nhẹ nhàng cho bằng việc ngồi yên một chỗ, cầm chiếc quạt khẽ đưa đi đưa lại. Bà đã vì thương người mà nuôi cơm

không cho nó là tốt. Chứ ngũ ấy, cơm chẳng biết thổi, nước chẳng biết gánh, quần áo chẳng biết giặt, nếu chẳng xin ở không công để kiếm miếng ăn, tất chỉ có ăn mày. Con Đồ con, cả ngày, chỉ có việc bế anh, rồi làm phụ dưới bếp. Rồi đến khi anh ngủ, có chuông bà gọi, thì lên quạt hầu bà. Bà có khiến nó làm việc gì nặng nhọc quá sức nó nữa đâu?

Con Đồ con mới được bà nuôi ngót một tháng nay, nên nó vẫn còn gầy còm lắm.

Nó đến mé tường, rút cái núm truyền điện để tắt quạt đi. Nó thuộc chỗ và làm thạo lắm. Bà dạy nó và bắt nó thử đi thử lại hai ba lượt cho quen tay. Bà lại dạy nó rằng quạt điện chí độc, lỡ ngủ quên trước quạt máy, có khi thành bán thân bất toại, chứ chẳng chơi đâu. Và bà cũng sợ để lâu thì hại quạt và tốn tiền điện.

Con Đồ con cuộn dây quạt, đặt lên mặt bàn. Rồi nó kê nâng chiếc ghế đẩu, đặt thật nhẹ xuống gạch. Ngay bên giường bà nằm. Nó ngồi lên, và mở to chiếc quạt giấy, phẩy phành phạch vào phía bà.

Bà nằm sấp, chân co, chân duỗi, úp mặt xuống, nhắm mắt sẵn, thỉnh thoảng giục:

- Mạnh vào một tí.

Con Đồ con ngồi thẳng lại, như để lấy gân sức, để quạt phành phạch vào bà. Lưng áo lụa của bà phồng lên như cánh bướm. Nhưng nó thì nực lắm.

Trong buồng im phăng phắc. Ánh đèn phố phảng lặng chiếu qua hai chiếc cửa sổ có chấn song sắt. Người đi ngoài đường vân vân. Sự tĩnh mịch của đêm khuya ru người ta vào cõi mộng.

Dần dần, con Đỏ thấy mỏi tay và buồn ngủ. Nó tựa lưng vào tường và quạt yếu đi. Lúc ấy, bà cũng đã thiêu thiêu.

Nhưng bỗng bà giật mạnh chân và giẫy luôn mấy cái. Bà kêu:

- Trời, sao mà nóng khổ nóng sở thế này!

Con bé giật mình, sực tỉnh. Nó lấy hết gân sức để quạt phành phạch.

Bà xoay nằm ngửa, dang cả hai tay lẫn hai chân cho thoáng. Áo và quần bà phàn phật, bay như sóng gợn.

Một lát, bà thở đều đều. Cánh tay con Đỏ con đưa đi đưa lại mỗi lúc một yếu. Nó gật giúi giúi. Mấy lần suýt ngã.

Bỗng đồng hồ nổi tiếng chuông. trong lúc ngủ gà ngủ vịt, nó đếm một, hai, ba, bốn, năm, sáu, bảy, tám, chín, mười, mười một. Nó ngẩng đầu dậy, mở to mắt ra, nhìn bà. Nó thấy bụng bà phập phồng. Nó đổi tay để quạt cho mạnh. Nó nhìn cái tủ gương, ngọn đèn điện, chiếc quạt máy cho vui mắt, đỡ buồn ngủ.

Nhưng không buồn ngủ sao được? Ngồi luôn một chỗ và làm việc trong lúc đêm khuya thanh vắng lại tối đèn, đổ ai mà không chán, không mệt, không buồn ngủ? Bởi thế, con Đỏ con như thấy chiếc quạt và đôi mí mắt nặng trĩu. Nó phe phẩy chậm, chậm dần... chậm dần. Rồi nó ngoẹo đầu, cánh tay lả xuống, không cử động nữa. Vậy mà nó vẫn mê thấy nó quạt luôn luôn.

Thấy tiếng bà gọi, nó choàng dậy, và phành phạch rõ mạnh. Mồ hôi nhễ nhại, ướt đầm cả áo nó. Bà cựa. Bà

nghe mình, quay mặt vào tường, nên thỉnh thoảng nó quạt trộm vào nó một cái.

Đồng hồ điểm mười hai tiếng. Con Đỏ con cựa mình, ngồi lại cho đỡ mỏi, rồi quạt phành phạch thật mạnh. Nó mong mãi bà không cho nó đi ngủ.

Nhưng bà nực, bà không ngủ được. Bà chỉ chợp mắt được độ dăm mười phút là cùng. Vừa thấy ngọn quạt phẩy không đều tay, bà đã cựa, và giục:

- Mạnh lên, mày!

Con Đỏ con mỏi lắm rồi. Nó ê ẩm cả người. Nó cố mở mắt ra, mà hai mí cứ muốn cặp dúi lấy nhau. Tay nó đổi tay kia, nhưng rút cục hai tay cũng rã rời. Nó cứ phải quạt mãi.

Nhưng rồi chẳng đủ sức để chống được giấc ngủ, nó gục đầu, đánh rơi quạt. Nó ngủ...

Lúc ấy, đang được thiu thiu, bỗng bà thấy mồ hôi chảy ra, bà biết con ranh con đã ngủ. Bà ngóc dậy, quệt dòng nước dãi chảy ròng ròng xuống má, bà nhìn vào tận mặt nó. Rồi đưa tay ra, bà giúi vào nó một cái thực mạnh. Rồi lại nằm xuống. Con bé bàng hoàng, mở mắt, luống cuống. Nó cúi nhặt quạt, vội vàng phẩy phành phạch vào mặt bà. Bà cởi một khuy áo ngực ra để hưởng lấy gió mát.

Tiếng gà xa xa gáy theo nhau. Rồi một lát, đồng hồ đánh một tiếng. Nó vẫn phải quạt. Chưa xong việc, nó chưa được nghỉ tay. Nhưng nó buồn ngủ lắm rồi. Bởi vậy, mỗi khi nó thấy sắp ngủ, nó phải cố sức tự đánh thức nó, và quạt rõ mạnh: Phành phạch! Phành phạch!

Giọng mệt nhọc, bà khen:

- Ừ, con này giỏi.

Rồi bà cựa mình, quay mặt lại nó. Bà duỗi cánh tay đến gần nó, để mỗi khi thấy nó uể oải, thì đập vào nó một cái.

Hình như khí trời đã bắt đầu dịu.

Nó quạt luôn luôn trong độ mười lăm phút thật mạnh và thật đều tay.

Bà mát, dễ chịu lắm. Nó mệt, khó chịu lắm. Bà mơ mơ màng màng. Lần này có lẽ bà ngủ được yên. Nó cũng mơ mơ màng màng. Lần này nó không thể thức hơn được nữa. Quả nhiên bà ngáy hơi to. Nó không biết bà ngủ, song, tự nhiên tay nó đưa thong thả dần, rồi như chiếc đồng hồ hết dây, tay nó không phe phẩy nữa.

Bà ngủ say, quên cả nức, đánh một giấc đến sáng.

Nó cũng thiếp đi... Đầu gục, hai cánh tay dờ ra, nó ngủ ngời trên ghế cho đến khi ánh nắng gay gắt bắt đầu rọi vào buồng.

TÔI CŨNG KHÔNG HIỂU TẠI LÀM SAO (I)

Lên khỏi mấy bậc thêm và qua hàng hiên nhìn vào, Sinh thấy cái cảnh “chúa vắng nhà” hiện ra trong các buồng giấy.

Phải, bao giờ ông Sếp không có mặt tại sở, thì suốt cả, từ ông Phán sắp về hưu cho chí bác loong-toong tập sự, ai nấy tự do tán gẫu cùng nhau, mặc kệ ai có việc phải gấp ngó ở ngoài hè chờ đợi.

Sinh thì không ưa cái lối làm việc giả dối như thế. Nhất là đối với ông Sếp hay hục hặc này. Từ ngày được bổ đi làm tới nay, bao giờ anh cũng nghĩ tới bốn phận trước hết. Anh không sợ ông Sếp bằng dư luận. Mà không sợ dư luận bằng lương tâm. Anh muốn tự trọng, không chịu để người trên nói động đến mình. Người trên đã không thể trách mắng anh vì một lẽ gì, hẳn anh không phải lấy lòng và xu nịnh ai nữa. Anh muốn làm việc một cách thẳng thắn, tự do.

Bởi vậy, ông Sếp ở cạnh anh, hay đi vắng, anh coi cũng thế thôi. Cho nên, thấy các bạn đồng nghiệp cậm cụi - có lẽ

là vò - khi có mặt người trên, và chày lười khi khác, anh vẫn bí ngấm là họ thiếu nhân cách. Anh cho là những cái quất quéo này nó để ra cái quất quéo khác. Nó là nguyên nhân những sự luồn lộn, ton hót, bôi gio trát trấu vào thanh danh của cả một đoàn thể.

Sinh đi thẳng vào buồng mình. Đồng hồ đã chỉ bảy giờ hai mươi năm. Anh cởi áo, khoác vào lưng ghế, và tìm sổ sách giấy má hôm trước làm dở.

Mọi ngày, cũng lúc này, bàn máy chữ buồng cạnh đã bắt đầu lách tách, có khi rào rào như mưa. Thế mà bây giờ chỉ những tiếng chuyện, tiếng cười nôn nao, loạn cả óc, làm anh khó lòng làm việc bình tĩnh được.

Liếc mắt nhìn xung quanh, anh thấy chỗ này, Tâm và Súc ngồi cả lên bàn, khoa chân múa tay, nói chuyện với tham Trí. Chỗ kia, Ban mặc áo cộc, cặp cái điều vào cái đùi, sắp hút thuốc; Chính thì lom khom châm diêm, và Bắc thì chỉ rình thổi tắt.

Thấy các bạn đồng nghiệp đùa nhảm, Sinh mỉm cười, quay đi. Bỗng thỉnh thoảng anh nghe thấy đánh bốp. Rõ là tiếng bàn tay tát vào má. Anh đoán ngay là bác loong-toong Thảo xưa nay vẫn hay có thói đánh người, vừa ra oai với một anh dân vô phúc. Anh toan để ý nhìn, thì chính Thảo đã nói rất to, giọng nói gắt gỏng:

- Muốn ở tù thì nheo nheo cái mồm lên, các quan còn đang bận. Chưa đến giờ!

Ngay lúc đó, đồng hồ buồng một tiếng. Bảy giờ rưỡi. Nhưng hiệu báo ấy không có nghĩa gì đối với trong Sở khi vắng mặt ông Sếp.

Bổng cửa buồng mở phanh ra, rồi lại tự đóng. Nghĩa

vào. Đó là một bạn đồng nghiệp của Sinh, cùng làm một buồng giấy.

Cũng vì luôn luôn ngồi gần nhau và tuổi sần sần ngang nhau, nên Sinh thân với Nghĩa hơn với các bạn khách.

Thoạt vào, Nghĩa đã vui vẻ nói ngay:

- Có lẽ đến tám chín giờ nó mới ra sở, tội gì không hưởng lấy vài phút tự do? Này Sinh, bảo cái đã...

Sinh nhếch mép, cười lấy lòng bạn, nhưng tay vẫn cầm bút. Anh hỏi:

- Anh bảo gì?

- Hôm qua nhật trình đăng Tàu Nhật đánh nhau thế nào?

Sinh cười, không đáp, nói lảng:

- Cái giấy tôi đánh máy dở, loong-toong có để bàn bên ấy không?

- Thôi, đốt cái chằm chỉ của anh đi. Này, cuối tháng này "mó" lương xong, vào cổ phần với đảng này để xuống xóm nhè. Con Nhật nó vẫn hỏi thăm đấy.

Sinh vẫn cúi viết, không đáp. Nghĩa chạy lại, giăng bút ra, nói:

- Tôi không bắt anh ăn cắp được dăm phút hay sao!

Rồi chõ mồm sang buồng bên cạnh, Nghĩa kêu:

- Ối làng nước ơi! Sao mà nó diên đại đến thế. Có ai bắt thằng Sinh nói chuyện được không?

Nghĩa cười sằng sặc. Một ông già cúi gằm mặt để đưa nhồn tuyền lên trên đôi kính trắng, nói:

- Ông Sinh còn trẻ, chưa lịch duyệt việc đời!

Sinh vẫn mỉm cười. Anh không muốn mất lòng ai,

nhưng cũng không muốn để ai ngăn trở công việc của mình.
Anh khẽ nói với Nghĩa:

- Cho tôi làm xong việc này đã.

Nghĩa bĩu môi:

- Việc Nhà nước, cần gì hấp tấp. Vả bao giờ hết được?

Anh chỉ biết làm như một con bò, không dám nghỉ một phút. Thì nhân nó không có đây, hãy nghe người ta nói câu chuyện này đã nào.

Sinh cười:

- Thì cứ nói đi, tôi vừa làm vừa nghe cũng được mà.

- Không, hãy bỏ bút xuống đã.

Rồi Nghĩa trở tay sang buồng bên cạnh:

- Kia, anh trông, cô Hạnh ngủ gật kia, chừng đêm qua cô đã bù khú với cô hai đến sáng. Chứa ăn cắp thì giờ là cô Hạnh đấy.

Sinh thở dài:

- Mình không làm việc, họ kêu chết.

- Ai? Anh bảo họ là ai?

- Là những người đứng chờ ta ngoài kia chứ ai?

- Kệ xác chúng nó! Chúng nó cần ta, chứ ta cần chúng nó à?

Sinh dỏ đùa dỏ thật, đáp:

- Nói thế này, anh đừng giận nhé, chúng nó sẽ bảo chúng ta là...

Sinh ngừng, nhìn bạn. Nghĩa tiếp ngay:

- Là ăn cắp là cùng chứ gì!

Sinh phá lên cười. Nghĩa bĩu môi:

- Anh tính ở đời này, thiếu gì thằng ăn cắp. Mà triệt

sao được tính ăn cắp của người ta. Anh chẳng thấy bao nhiêu thằng to đầu mà vẫn công nhiên ăn cắp à? Mà suy ra cho cùng, nếu không có những việc có thể ăn cắp được, thì người ta còn vẽ ra những sự công ích công lợi để làm gì? Về khả quan của xã hội hiện thời, chẳng là do những tư tưởng muốn ăn cắp mà ra hay sao?

Nói đoạn, Nghĩa về bàn giấy mình, và tiếp:

- Thôi được, anh chẳng ăn cắp thì tôi ăn cắp vậy.

Sinh nhìn theo bạn. hai người yên lặng, không ai nói chuyện nữa.

Bỗng Nghĩa giơ hai tay lên, ngáp, bảo Sinh:

- Tao cũng muốn bắt chước mày, đạo đức một lát, nhưng Sếp đi vắng mà cứ làm việc, thật tao không yên với lương tâm. Hôm nay tao dậy trưa, vội đi làm, chưa kịp ăn sáng. Sinh, mày có ăn bánh tây chả, tao mua cho.

Sinh lắc đầu:

- Ăn rồi.

- Thế tao ăn một mình, cấm nuốt nước dãi nhé!

Sinh gật đầu, rồi lại cúi xuống, loay hoay làm tính cộng.

Nghĩa sai loong-toong đi mua thức ăn, rồi mở to quyển sổ, và để lộ mực trước mặt. Anh cầm bút, như người đang dở bạn việc vậy.

Một lát, bánh tây mua về, Nghĩa cắn một miếng, rồi cất vào ngăn kéo. Vừa thong thả nhai, anh vừa nhìn ra ngoài cửa sổ, nghĩ ngợi.

Lúc ấy, Sinh mãi việc, không chú ý đến những tiếng động quanh mình.

Bỗng một tiếng nói làm Sinh ngẩng đầu lên.

Ông Sếp lù lù đứng trước bàn giấy Nghĩa.

Sinh trông thấy, biết ngay rằng Nghĩa bị bắt chộp trong lúc đang ăn. Ông Sếp, cả hai vế đùi, hai cánh tay, lẫn mặt, đỏ ngầu ngầu, hất hàm hỏi Nghĩa:

- Ông nói cho tôi biết, ông đã làm gì từ sáng đến giờ?

Nghĩa lúng túng, tay cầm bút, trở vào quyển sổ. Ông Sếp gật đầu:

- Ông nói dối tôi. Ông đang ăn gì?

Nghĩa tái xanh mặt, chối:

- Không, tôi có ăn gì đâu?

Ông Sếp càng tức, trừng trừng nhìn Nghĩa:

- Sao ông lại nói dối tôi. Ông ăn cái gì giấu ở ngăn kéo đó?

Nghĩa lắc đầu, làm bộ ngỡ ngác, rút ngăn bàn ra đáp:

- Không, đây ông xem, có gì đâu?

Ông Sếp cúi nhìn, quả không có gì thực. Ông càng giận. Sinh rất khó chịu. Anh thấy ông Sếp quá sắc mắc, lại thấy bạn cứ chối hoài. Hẳn là chính mắt ông ta đã bắt được Nghĩa đang nhai, nên mới dám hỏi thế. Vả chỉ nghe giọng Nghĩa nói lúng túng, cũng có thể đoán được trong miệng chưa nuốt trôi miếng bánh.

- Ông có ăn, tôi không nói sai.

Nghĩa vẫn cãi:

- Tôi không ăn gì cả.

Ông Sếp trợn mắt:

- Có thực là ông không ăn không?

Ông Sếp ôn tồn nói:

- Vậy ông há mồm ra tôi xem.

Sinh rùng mình, liếc nhìn bạn. Nghĩa không há, nhưng rất lúng túng. Ông Sếp lại giục:

- Ông bảo ông không ăn, thì ông cứ há mồm ra... Há!... Ông có há hay không?

Nghĩa không thể làm thế nào được, đành phải mở rộng hai hàm. Ông Sếp nhìn thẳng vào miệng Nghĩa... ông ta nhún vai, bĩu môi. Rồi không nói gì thêm, ông ta chấp tay sau lưng, lẳng lặng đi ra. Ông ta quảng sự khinh bỉ thấm thía vào mặt người có lỗi.

Sinh cảm tức lạ lùng. Anh nhịn thở dài, để cảm mặt xuống mảnh giấy. Anh giận bạn đã để cho người ta làm nhục. Rồi càng nghĩ càng ngấm ngấm, anh càng thấy chán nản, lấm lét hăng máu, anh run bắn người lên.

Ở mấy buồng bên cạnh, Sinh liếc mắt, thấy ai cũng làm việc rất hăng hái. Tiếng máy chữ, tiếng chuông, tiếng gất gong, tiếng gót giày tây chạy, làm tôn vẻ uy nghi của ông Sếp muốn uy nghi.

Trước mặt mình, Sinh lại thấy Nghĩa không lúc nào rời tay cái quần bút. Anh thở dài. Cái cột tính cộng anh làm từ sáng đến giờ chưa xong một nửa.

*

* *

Đúng mười một giờ bốn năm. Sinh khoác áo, đứng dậy. Anh đến cạnh Nghĩa, để tay vào vai bạn, nói dịu dàng:

- Đến giờ rồi, đi về, anh!

Nghĩa ngẩng cái mặt buồn thiu, sợ sệt, nói:

- Anh cứ về trước. Tôi sợ nó còn gọi gì tôi chẳng.

Sinh cương quyết:

- Đến giờ thì ta về, cần gì!

- Nhưng tôi nên ở lại.

Sinh cười thương hại:

- Các buồng kia, họ về cả rồi.

Nghĩa ngó cổ nhìn, rồi rụt rè vớ lấy cái áo. Anh khoác vào mình, gài khuy, rồi khẽ hỏi người loong-toong:

- Ông ấy đâu?

- Bẩm đã về lâu rồi ạ.

Nghĩa yên tâm, cùng Sinh lững thững ra cửa. Đôi bạn xuống mấy bậc thềm. Máy người phu xe mời vồn vã, kính cẩn:

- Mời quan lên xe ạ.

Sinh xua tay, bảo Nghĩa:

- Đi bộ, tôi muốn hỏi anh cái này.

Khi ra đến cổng, đến ngoài phố, Sinh thở dài, trách:

- Gớm, ban nãy anh quá lắm. Anh đã ăn thì anh chối làm gì. Nó giết anh được hay sao!

Nghĩa cười, không đáp. Sinh tiếp:

- Rồi đến khi nó bắt anh há mồm, sao anh không nhận là có ăn, lại cứ há ra? Tôi thấy ê chề quá! Nào cái mồm há ra có đẹp để gì, nhất là trong đó lại có miếng bánh tây to, nhoét những nước dãi. Tôi trông thương tâm quá.

Nghĩa thở dài. Sinh nhấn nhó:

- Thì giá anh không há đã làm sao? Mà tôi không hiểu anh nghĩ thế nào anh lại há mồm ra cho nó xem thế?

Nghĩa cảm động, long lanh nhìn bạn như chợt hiểu cái phút dễ tiện. Rồi hai dòng nước mắt chảy ra, anh run run, đáp:

- Ừ nhỉ, thật tôi cũng không hiểu tại sao tôi lại há ra như thế!

TÔI CŨNG KHÔNG HIỂU TẠI LÀM SAO (II)

Buổi trưa hôm ấy, ăn cơm xong, đi nằm, Sinh trần trọc mãi không ngủ được. Lúc nào trong óc anh cũng hiện ra một cái miệng đầy những bánh tây nhoét những nước dãi, há hốc thật rộng để cãi rằng mình không ăn gì. Anh cựa bên nọ, cựa bên kia, rồi lại nằm ngửa, vất tay lên trán mà thở dài.

Vợ anh mỗi khi thấy anh có nỗi buồn ngấm ngấm, thì cũng không dám hỏi. Vì biết rằng không những anh không nói, mà còn gất nữa. Nên cũng như mọi bận, chị đi đứng khề khàng, và dặn con chó đùa nghịch.

Nhưng rồi Sinh cũng ngủ được, mà ngủ một giấc, thiếp đi đến tận hai giờ rưỡi. Lúc đồng hồ điểm một tiếng chuông, anh giật mình vùng dậy, vội vàng mặc quần áo và thuê xe kéo đến Sở.

Rành là anh đến muộn ít ra là năm phút. Anh lo ngại. Nhưng nỗi tức giận còn chứa chất đầy lòng, làm anh quá chán nản về cái kiếp cạo giấy làm thuê, nên anh đâm có tư tưởng liều lĩnh, không cần gì cả.

Bước chân vào buồng giấy, anh ngược mắt nhìn đồng hồ. Cái kim lớn đã trở cạnh con số tám.

Nghĩa lườm anh, rồi cặm cụi vào tờ giấy trên mặt bàn, mách nhỏ:

- Nó vừa đến đây tìm anh đấy.

Sinh hơi trống ngực. Nhưng anh lạnh lùng ngay. Anh mỉm cười, ngồi phịch xuống, duỗi thẳng hai cẳng, uốn người vào ghế, không làm việc vội. Với một người Sếp dám khinh bỉ, làm nhục người dưới quyền, anh không thể vui lòng mà tận tâm về công việc được. Nay ông ta đã biết anh đến chậm, hẳn ông ta sẽ trách mắng anh. Nhưng nếu ông ta nói nặng lời, quyết anh không chịu. Anh sẽ cứng cổ mà đối phó lại. Sinh nghĩ vậy. Bao nỗi hờn giận lại làm sôi cả mạch máu, thì từ đằng xa, lớp cộp tiếng giấy ông Sếp đến.

Sinh chờ sẵn để trả lời câu cự, trên nét mặt cay nghiệt của ông Sếp. Ông này tới Sinh, tay cầm quyển sổ chi thu mà anh làm tính cộng suốt cả buổi sáng.

Oai vệ, ông Sếp đặt quyển sổ trước mặt Sinh, và nói dần từng tiếng:

- Mời ông thử lại cái tính này.

Đoạn ông quay lưng đi ra, không dả động gì đến chuyện Sinh đến chậm.

Nghĩa liếc mắt nhìn Sinh, lè lưỡi, lắc đầu, rồi mỉm cười.

Sinh cầm bút chì, trở theo từng chữ trên cột con số, miệng lẩm nhẩm tính. Anh quả thấy có cộng sai thực. Chắc rằng buổi sáng, vì óc lúc nào cũng luẩn quẩn bực mình, nên anh đãng tâm mà làm sai.

Chữa xong, Sinh gọi loong-toong đưa sổ để đem sang buồng ông Sếp.

Nhưng độ mười phút sau, ông Sếp lại đến, mà lần này thì nét mặt đã hầm hầm.

Ông hắt hàm hỏi Sinh:

• Ông có chữa hay không thế?

- Thưa có.

- Ông để ý một lượt nữa xem.

Nói xong, vẻ lạnh lùng, ông Sếp ra. Sinh cau mặt nhìn hàng tính cộng. Mọi khi, anh có làm hỏng việc gì bao giờ đâu. Sao hôm nay có một cái tính không dài lắm, anh làm đến hai lần, vẫn không đúng.

Anh cố đặt hết cả tâm trí theo ngọn bút chì nhọn hoắt. Anh cộng rất thông thả và nói to để tính cho cẩn thận hơn. cuối cùng, khi thử xong, anh mỉm cười. Anh mừng vì đã tìm ra mấy chỗ cộng sai.

Lần này thì quyết không sao nhầm lẫn được nữa. Anh đưa loong-toong quyển sổ mà anh chắc rằng hoàn toàn.

Nhưng cũng chỉ độ năm phút sau thôi, ông Sếp đã đến trước mặt anh. Ông hầm hầm hơn, đặt mạnh bản tính xuống bàn, và không thêm nói, ông quay lưng ra.

Không hiểu ông này muốn gì. Sinh đứng dậy chạy theo, hỏi bằng giọng cũng đầy tức giận:

- Ông muốn bảo tôi làm gì?

- Ông muốn biết thì xin ông cộng lại.

- Cộng lần thứ ba?

- Phải, vì ông làm đúng lắm! Ông muốn nhạo tôi. Ông đến trễ, tôi đã làm ngơ đi. Vậy mà tôi bảo ông làm lại cái tính, ông không làm.

- Tôi có làm.

- Ông đừng cãi, nếu ông có làm, tôi không phải mất thì giờ về ông như thế này.

- Không phải tôi lừa chữa mà tôi nói dối ông. Tôi không cần nói dối ông, bởi vì tôi xét ra là vô ích. Ông xem, mọi khi, tôi có phải để ông trách tôi nữa lời không? Có điều hôm nay tôi làm không chu đáo, vì óc tôi không được bình tĩnh.

Giọng mỉa mai, ông Sếp hỏi:

- Ông ốm, ông ốm nặng?

Gật đầu một cách quả quyết, Sinh đáp:

- Phải, tôi ốm.

Ông Sếp nhún vai:

- Đó là cái cơ mà tôi nghe đã rất quen tai, khi tôi thấy một người đến Sở chậm hoặc làm một việc gì hỏng. Nếu thực ông ốm, tôi cho ông đi lấy giấy đốc tờ mà nghỉ. Ông sẽ được yên mà ở nhà.

Nói đoạn ông Sếp đặt bàn tay đỏ ửng và múp những thịt vào trán Sinh. Sinh biết rằng trán mình cũng mát như trán người khỏe mạnh. Nhưng đã vậy, anh nhất định xin nghỉ, cho ông Sếp biết tay. Anh bèn nói:

- Vâng, tôi xin đi lấy chứng chỉ của thầy thuốc.

Sinh cấp mũ, rầm rộ đến nhà thương. Bởi anh được ông bác sĩ thiện cảm, nên khi anh nói bịa ra một vài bệnh khó khám, thì anh được ông này biên ngay mấy dòng chữ cho anh nghỉ hai hôm.

Thấy mình thắng ông Sếp, Sinh sung sướng hết sức. Anh nắm tờ giấy của thầy thuốc như ngọn khí giới để trả thù.

Đến Sở, Sinh định làm bộ không khỏe khoắn để đưa ông Sếp tờ giấy chứng thực rằng mình ốm.

Lúc ấy, ông Sếp thấy Sinh về, bèn đứng ở hè, nhìn anh bằng đôi mắt vọ, rồi cười và nhạo:

- Tôi thấy bộ dạng ông ốm yếu, tôi rất phàn nàn. Thế nào? Ông được nghỉ mấy hôm?

Sinh không đáp, mở rộng giấy đốc tờ ra cho ông Sếp coi. Ông này tái mặt. Ngực Sinh dậy nên một hồi trống khải hoàn. Nhưng ông Sếp nói:

- Tôi tưởng ông nghỉ một tháng?

Bực mình, Sinh đáp:

- Nếu hết hai ngày mà chưa khỏi, thì có lẽ tôi nghỉ một tháng thật.

Trùng mắt nhìn Sinh, ông Sếp nói:

- Ông nghỉ hẳn sáu tháng, tôi cũng không cần. Tôi có mất tiền nuôi ông đâu. Ông làm việc cho công chúng thì ông phải thật thà với công chúng.

Thấy hai tiếng “thật thà” chứa chất đầy những ý nghĩa mỉa mai, Sinh nói:

- Về việc này, chỉ có ông bác sĩ mới thật thà hay không mà thôi.

- Ông buồn lắm - ông Sếp gắt - Ông cứ làm đơn xin nghỉ hẳn sáu tháng, tôi sẽ tư cho ông được vừa lòng.

Cương quyết, Sinh đáp:

- Vâng, tôi xin nghỉ sáu tháng.

Lặng một lát, ông Sếp lại nói:

- Thà ông xin nghỉ hẳn một năm, có phải đỡ phiền cho

ông và đỡ phiên cho Nhà nước khỏi phải tốn tiền trả lương ông không.

Chẳng nghĩ ngợi gì, Sinh đáp phát:

- Vâng, tôi xin nghỉ một năm.

Ông Sếp cười chua chát, đầu gật gù:

- Vậy thì tốt, ông làm đơn ngay đi. Tôi cho ông nghỉ ngay từ bây giờ.

- Vâng!

- Tôi chờ ông ở đây.

Lập tức, Sinh ngồi vào bàn, lấy giấy thảo đơn xin nghỉ. Trong khi ấy, ông Sếp vắt tay ra sau, đi đi lại lại, thỉnh thoảng liếc nhìn anh thư ký bước bình.

Cả mấy buồng giấy đều im phăng phắc. Một làn không khí nặng trĩu. Ai nấy đều cúi gằm mặt xuống bàn, nhưng cùng lắng tai nghe.

Sinh viết rất chóng. Lúc xong, anh đứng dậy, vênh vảo lại gần ông Sếp và nói:

- Đây, nhờ ông làm ơn cho tôi.

Ông Sếp đọc lá đơn, rồi bỗng ông khoanh tay trước ngực, nhìn Sinh và hỏi:

- Ông đã cương quyết xin nghỉ một năm không lương. nhưng tôi hãy hỏi, liệu sang năm, ông xin đi làm, ông có chắc được bố một cách dễ dãi hay không? Mà trong khi ông chờ, ông sẽ làm gì để sinh nhai?

Sinh vụt bối rối. Ông Sếp nói tiếp:

- Vậy bây giờ có hai cách, một là ông cứ để tôi cho ông được nghỉ, hai là ông xin lỗi tôi, vì ông đã bước bình với

tôi. Ông chọn ngay lấy một cách. Tôi chờ ông trả lời đây.

Tự nhiên, trên nét mặt Sinh hiện ra một vẻ không ngờ, cái vẻ tai tái. Rồi anh nhúu đôi lông mi, mắt dăm dăm nhìn phía xa, ra chiều nghĩ ngợi. Một lát, thở dài, anh đứng thẳng người lại, chấp tay, tùm tùm gượng cười, và áp úng nói khẽ:

- Thưa ông... tôi xin lỗi ông.

*

* *

Lúc ở Sở về, Nghĩa và Sinh lững thững cùng đi. Hai người đều ngậm ngùi, chán nản.

Rồi đến chỗ vắng, Nghĩa lắc đầu, an ủi bạn:

- Cái kiếp chúng mình như thế. Nô lệ thì còn đâu có nhân cách mà giữ. Chúng mình nên đành chịu, chứ biết làm thế nào.

- Nhưng lắm lúc tức lắm! Mà hiện nay tôi rất hối hận đã không cứ liều mà đưa đơn nghỉ phăng cho nó khỏi khinh mình.

- Ủ, tôi tưởng anh quả quyết lắm, chứ không ngờ lại xin lỗi nó. Vậy lúc ấy anh nghĩ thế nào mà lại làm như thế?

Sinh nhìn nét mặt thật thà của bạn. Anh cảm động, thở dài, đáp bằng một giọng rất tự nhiên, nhưng xiết bao ai oán náo nùng:

- Khốn nạn, thật chính lúc bây giờ tôi cũng không hiểu tại sao lúc ấy tôi lại có phút dè tiện đến như thế!

9-1937

CHIẾC QUAN TÀI

Chiếc quan tài ấy đặt trên tấm phản, giữa một túp nhà xiêu. Một người đàn bà, quần áo nâu bạc, ngồi phệt ở bên, úp mặt vào cánh tay khoang cạnh ván thiên, thỉnh thoảng hé vuông vải nhỏ mới, ghé ra ngoài xỉ mũi xuống nước. Gần đó, một thằng bé con, chỉ mặc một manh áo rách, thò cái gậy tre vừa dẫn, nghịch với những tấm bọt sủi trên mặt lụt bùn.

Bỗng bốn người đóng khố, lực lưỡng, đẩy chiếc mủng chuối áp đến hè, rồi cùng nhau vào, khóa chân để rửa, nói mấy câu, và đứng lên phản, bắt tay vào cổ ván.

Họ còng lưng, uốn ngực, để khênh cho thẳng bằng. Song, họ không thấy nhọc nhằn, vì chiếc quan tài ấy nhẹ quá. Nó bằng gỗ tạp, lỗ chỗ những vết mọt đen, mỏng vừa một đốt ngón tay. Họ chếp miệng, phản nân với nhau, thương hại anh Cu xấu số, khổ cho đến lúc chết, chết ngay vào độ trời làm vỡ đường.

Mủng chuối chở quan tài lênh bênh theo tay bốn người đẩy ra cổng. Chị Cu trùm khăn lên mặt, khóc thảm thiết. Cứ cả quần áo thế, chị lội bì bõm, đi sau chồng.

Giá không có mảnh vải trắng che mặt, đổ người lạ nào bảo chị là người nhà người chết. Và giá không có tiếng khóc, đổ ai đoán là ngoài đường có đám ma. Thằng Cu thì chẳng biết gì. Nó thấy người ta ghé lưng, bảo nó ôm cổ để cõng. Nó ngơ ngác làm theo, hình như thích chí vì được đi lợi.

Bốn người đẩy máng, dò từng bước. Đi dưới nước đã chậm, thế mà đường lại trơn. Những bọt sóng tóe bắn lên, làm tắt cả hương. Mấy cây nến cắm trên khúc chuối, bị gió, không sao cháy được. Người ta đã nhiều lần thấp lại cả hương lẫn nến, nhưng vẫn tắt như thường.

Xung quanh, làn nước đỏ mênh mông, từ sáng đến bây giờ, mỗi lúc một lên cao. Chị Cu gào mãi nên rất cổ. Chị phải thôi khóc. Và cố bấm đầu ngón chân xuống đất, cho khỏi ngã.

Mực nước chỗ cao thì đến ngực, chỗ thấp thì đến bẹn hoặc đến thắt lưng. Cả làng chỉ có mỗi một nơi cao nhất, là khu giữa vườn nhà ông Lý, may quá, chưa bị ngập. Cho nên ngay từ khi anh Cu ngập cái sau cùng, chị Cu phải kiếm cớ trầu lên xin với chủ đất, để nhờ chỗ chôn chồng. Ông Lý thương hại, vui lòng nhận lời, lại khuyên chị nên đưa ngay anh Cu “ra đồng” kéo chỉ một giờ nữa, vườn ông cũng tràn nốt. Thật thế, cả làng, hiện nay chỉ có khu vườn ấy là hỏ. Còn thì từ ngoài đồng cho đến khắp các xóm, chỗ nào cũng những nước là nước. Nói đúng ra, giữa đồng cũng còn vài ba cái gò là còn nổi lên, nhưng những đường ra đấy, từ khi mới có tin vỡ đê, tuần đã chặt tre rập ngang lối, vít kín cả lại rồi. Chỉ còn một chỗ con con chui khe lũy, người ta vẫn đánh trâu qua để thả cho nó bơi đến các gò, đứng nắng và ăn bèo Nhật bản, thì lối ấy nhỏ quá. Vả trừ

trâu chui ra, ai dám bơi qua những nơi ruộng sâu đến một con sào.

Chiếc mủng lênh dênh độ một lát, thì quành vào ngõ xóm Trung. Tuy đường hẹp, nhưng lối đi cao dần. Nước đến thất lưng, sau đến bẹn, rồi sau đến đầu gối. Rồi sau cùng, mủng chuối chịu lại, mắc cạn, không đi được nữa.

Người ta ghé tay bê áo quan. Chị Cu vác vồ cuốc lên vai, đi theo. Nước rẽ qua những cẳng chân đen thui, kêu rào rào, tóe bọt trắng sang hai bên.

Chị Cu giục mọi người mau tay, vì chị lo ngại quá.

Quả nhiên, mới từ nãy đến giờ, nước đã lảng gần khắp vườn nhà ông Lý. Chỗ đất vừa đào cách đây độ một giờ đã có những dòng nước ngòng ngoèo bò theo nơi thấp, và rỉ vào, ngập đến lưng huyết.

Bốn người rảo cẳng, rồi đặt quan tài xuống. Họ nhảy vào hố, hai tay bốc nước, thoăn thoắt tát ta. Nhưng vô ích. Nước ra bao nhiêu, lại vào bấy nhiêu. Mà nước vào lại mạnh hơn nước tát ra. Tát cũng không kịp.

Bốn người thất vọng, bảo nhau khênh bốn góc cổ ván. Hai người tiến, hai người lui, rồi cùng đứng ngay ngắn ở hai đầu huyết. Họ cúi lưng, đưa thấp dần dần tay xuống. Chiếc quan tài hạ từ từ. Cảnh đau đớn làm chị Cu đứt từng khúc ruột. Chị muốn khóc cho hết nước mắt, gào cho hết hơi, để được chôn theo chồng. Nhưng bỗng chiếc quan tài đứng sững lại, không xuống được nữa. Nước ở dưới đội nổi lên. Tiếng khóc im bặt.

Bọn người nhìn nhau lo sợ. Lúng túng. Làm thế nào? Bàn tán hồi lâu, hai người nhảy xuống, đứng ở hai đầu áo

quan để lấy sức nặng, thì nó mới chìm được. Nhưng nước vào huyết đã nhiều, nên khi người ta vừa nhảy xuống, nước ở dưới dâng lên, tràn qua ván thuyền. Quan tài như chiếc thuyền đáy phẳng, nó bập bênh. Hai người mất thăng bằng, ngã khuyu, thụt cẳng xuống huyết.

Cách ấy không được. Ý ộp, mỗi người nói ra một kế. Chỉ làm sao thắng nổi có một tí nước, mới chôn được dễ dàng. Chị Cu tưởng tượng đến chồng bị ngâm sùng, chị thút thít, kể lể, thương con người đến chết vẫn còn vất vả.

Chẳng mấy chốc, chiếc quan tài vì nhẹ, lại tự nhô lên đến gần mặt đất. Cả huyết đầy những nước mất rồi. Bây giờ mới là lúc khó khăn. Họ vẫn luẩn quẩn bàn bạc.

Sau hết, ba người phải lấy lưới cước, hếch kê ván cho nước ồ vào thực nhiều và cùng nhau đứng về một đầu cho sức nặng đủ dận được xuống đất. Một người lấy vỏ chêm vào thành huyết, ghì chặt lấy. Một người cước đất, và chị Cu khuân vôi vàng, vút xuống hố. Thấy thây chồng đầu cao đầu thấp, chị đau đớn. Nhưng biết làm thế nào?

Họ lèn đất vào thành huyết và áo quan, rồi quăng những tảng to lên trên. Cho đất đủ sức dìm một đầu quan tài, họ lại đứng sang đầu bên kia. Và cũng làm như trước. Họ thở ị ạch, khó nhọc như một cuộc vật lộn. Khi cổ ván đã bị chèn chặt hai đầu, họ bèn rủ nhau lên, để hết sức đào đất cho nhanh chóng mà quẳng xuống. Nhưng họ vừa bước chân khỏi, cổ áo quan đã bênh lên theo. Song, được cái nó không nổi cao quá. Biết rằng sức phấn đấu có công hiệu, họ huỳnh huých làm một lúc nữa thật mau. Chiếc quan tài lần này chịu nằm gí xuống tận đáy huyết.

Bây giờ họ đã đỡ vất vả. Chỉ còn việc đắp đất cho thành

nấm mà thôi. Ấy thế mà khi ngôi mả đắp vừa xong, nước đã lảng khắp vườn, không hở một chỗ nào nữa.

Những con giun đất màu đen to bằng ngón tay út nổi lênh bênh, rập rình theo đà sóng, trôi với đám bọt rác.

*

* *

Một giờ, lại một giờ. Mực nước lên cao dần, cao trông thấy.

Xung quanh mả anh Cu, có những lá tre khô bám vào. Rồi có bèo Nhật Bản. Rồi có cả bọt rác nữa. Thứ này bám vào chốc lát, rồi bị sóng lôi đi. Thứ kia ôm lấy nhau, nhảy nhót, chạm óc ách vào nấm đất mới đắp. Nước giập giòn liếm mãi vào khe những mảng đất, làm cho nó mủn ra. Rồi nó lở thành những cục con con, lả tả rơi từng tý một.

Độ nửa ngày, nước tràn qua mặt mả.

Gió hiu hiu. Bụi tre cốt kết như nghiêng rặng. Những lá vàng rào rào bay xuống, chạy trên mặt nước như thuyền buồm thuận chiều. Lúc nào sóng cũng giập giòn làm ải đất mả đắp dối. Hòn to không mấy chốc thành hòn nhỏ. Hòn nhỏ không mấy chốc bị cuốn đi. Nấm mồ bị vệt dần. Rồi nó không cao hơn mặt vườn nữa. Rồi chẳng bao lâu, tự nhiên, ở dưới, nhô lên một tảng đất mới.

Tầng đất này cũng mỗi lúc một tý, bị sóng đánh, bị ải, và bị cuốn đi. Rồi hết lượt này đến lượt khác, đất ở dưới cứ nhô lên và cứ bị cuốn đi từng hòn nhỏ cho đến hết. Rồi sau hết, ục một tiếng, cả chiếc quan tài tự nhiên nổi bênh lên. Nó nghiêng đi, hất tảng đất cuối cùng trên mặt ván trơn bùn như mỡ. Tầng đất rơi tòm xuống nước. Cổ áo quan

tròng tránh, rồi đứng yên trên huyết như chiếc thuyền bị cạn.

Chiếc quan tài nổi theo mực nước lên cao dần. Sóng bập bênh cứ vỗ mãi vào thành nó như cố đẩy nó đi. Rồi sau, nó không bị vướng gì nữa. Nó quay đầu, lữ lữ theo chiều gió và chiều nước, lênh dênh, lúc trôi ngang, lúc trôi dọc.

Độ nửa ngày, chiếc quan tài đã tự đến góc vườn, cạnh bờ lạch. Đến đây, nước phía ngoài chảy xiết, hút nó bập ngang vào rặng tre. Nó mắc ở đó. Rồi một bè ngổ bám cạnh nó. Rồi một cụm bèo bám cạnh nó. Rồi cả một mảng vừa ngổ, vừa rùa, vừa bèo. Cả tảng bị nước đẩy ra lạch, nhưng không nổi.

Chiều gió đổi làm nhích dần mọi vật, mỗi lúc một tí. Nhưng cổ ván gập cạnh giong, tự nhiên rúc đầu vào bụi. Rồi lái ngang, hẩy mảnh bèo ra cho nó chui qua khe rặng tre và theo dòng lạch trôi nhanh như mũi tên. Rồi một mình chiếc quan tài cựa quậy, như cũng muốn tìm lối ra chỗ rộng. Nhưng nó nặng nề, nên hết xoay dọc xoay ngang. Nó tiến rất chậm chạp, vì thỉnh thoảng có giong tre cản lại.

Nắng gay gắt làm cho khô đất nứt trên mặt cổ ván và cong vênh một phần nắp lên. Cả người nằm trong, trương phình ra, cũng hình như không chịu được chỗ quá chật hẹp.

Chiếc quan tài như con thuyền không chủ, bập bênh, lách theo lũy tre. Lúc nó dừng lại. Lúc nó nhích đi. Lúc nó giúi nghiêng, lại bập vào bụi. Rồi sau hết, nó tới một chỗ có khe rộng. Tự nhiên, nó lao một cái, thích hai cạnh vào hai bên, rồi đâm thẳng ra giữa lạch chảy xiết. Đến đây, nó quay mấy vòng, rồi lữ lữ, nó trôi dọc theo dòng nước...

30 - 9 - 1937

ĐỒNG HÀO CÓ MA

Tôi cực lực công kích sách vệ sinh đã dạy ta ăn uống phải sạch sẽ, nếu ta muốn được khỏe mạnh, béo tốt. Thuyết ấy sai. Trăm lần sai! Nghìn lần sai! Vì tôi thấy sự thực, ở đời này, bao nhiêu những anh béo, khỏe, đều là những anh thích ăn bẩn cả.

Thì đây, các ngài hãy cứ nhìn ông huyện Hình, hân các ngài phải chịu ngay rằng tôi không nói đùa.

Chà! Chà! Béo ơi là béo! Béo đến nỗi giá có thằng dân nào vô ý, buột mồm nói ra một câu sáo rằng: “Nhờ bóng quan lớn”, là ông tưởng ngay nó nói xỏ ông. Tức thì, mặt bàn là một, mặt nó là hai, bị vả đôm đốp. Mà rồi thằng khốn nạn ấy, ông truy cho đến cùng, không còn có thể làm ăn mở mày mở mặt ra được. Bởi vì ông có sẵn trong tay hàng mớ pháp luật, thì ông ngại gì không khép thằng bảo quan béo vào tội “làm rối cuộc trị an”. Thế là việc công việc tư, ông đều được trọn vẹn. Vì không những ông hả được giận, lại còn được tiếng mẫn cán là khác nữa.

Nhưng có sao từ ngày xuất chính tới nay, hai mươi

năm trời rồi, ông vẫn còn lết đệt tri huyện mãi. Cái đó không quan hệ. Các bạn học cùng ông, họ đều thẳng đường quan cả, vẫn thường phàn nàn hoạn lộ quá chậm chạp của ông. Trước mặt họ, nghe câu nói thành thực ấy, ông chấp tay, cúi đầu, làm ra vẻ buồn rầu. Nhưng lúc quay lưng đi, ông bĩu môi, chửi thầm một câu, bụng bảo dạ:

- Làm bố chánh có vận xỉ ra mà ăn!

Lý lịch của ông huyện Hình cũng xấu thật. Bởi vì ngôi huyện nào, ông cũng bị dân kiện. Mà quan trên xét ra ông lại trể nải việc quan. Đời làm quan của ông chỉ có hai việc chính: đánh bạc và chơi gái.

Năm nay, ông đã ngoại tứ tuần. Ông vẫn lấy cái tuổi của ông để lên mặt tiền bối, khinh những ông huyện trẻ khác, nếu tụi này dám chỉ coi ông là bậc ngang hàng. Ông liền khoe, thằng Cả nhà ông đã hai mươi năm, rồi ông cặp ngón tay trở và ngón tay cái với nhau, vê vê trên mép. Trên mép ông, ông đã bao công trình mới cấy được từng ấy râu. Ông để râu, cho khác hẳn với tụi huyện trẻ nhãi. Nguyên cái da mặt ông nhỏ, mà có lẽ ông béo quá, nên lỗ chân lông căng ra, căng thẳng quá, đến nổi râu không có chỗ nào lách ra ngoài được. Đến nổi năm bốn mươi tuổi, mà mặt ông nó cứ nhăn thín như thường. Ông bực mình, bèn hạ lệnh cấm thợ cạo lia lưỡi dao lên môi ông một dạo, để ông nuôi râu. Thì sau hết, những lông tơ nó cũng dài ra, và trông rõ hơn. Và đến bây giờ, đứng ở hai bên miệng ông, nó thành hình hai cái dấu chua ghĩa (...).

Buổi hầu sáng hôm ấy.

Con mẹ Nuôi, tay cầm lá đơn, đứng ở sân công đường.

Nó hốt hơ hốt hải qua cổng chòi, rồi sợ sệt bỏ ngõ, không biết quan ngồi ở buồng nào. Bỗng một người mặc áo cánh nhuộm vở già chạy xông xộc đến trước mặt nó, và hỏi:

- Đi đâu?

Con mẹ biết ngay rằng đó là cậu lính lệ. Và như hiểu rõ phép vào quan, nó giúi đưa cậu lệ hai hào đã cầm sẵn ở tay, rồi nói nhỏ:

- Nhờ cậu bẩm quan cho tôi vào hầu.

Cậu lệ tuy đã cầm tiền, nhưng làm như không để ý đến việc nhỏ nhen ấy, bèn vừa thò tay, vừa nói to:

- Đưa xem đơn, việc gì?

Rồi trong khi nhà Nuôi kể lể, thì cậu lệ đánh vần để đọc lá đơn. Đoạn cậu lắc đầu, nhăn mặt bảo:

- Vào kia, nhờ bác nho Quý bác ấy làm hộ cho. Đơn này không được.

Con mẹ tái mặt, hỏi:

- Không được thế nào, thưa cậu?

Cậu lệ giơ hai tay ra giảng:

- Nghĩa là nếu nhà chị muốn việc chóng xong, nghe chưa?

- Thưa cậu, cậu cứ vào trình quan hộ. Chả nói giấu gì cậu, nhà tôi bị mất trộm hết sạch đồ đạc lẫn tiền nong. Sáng nay, vay mãi mới được hai đồng bạc, để đi trình quan, cậu làm ơn thương hộ cho.

Cậu lệ nhìn nét mặt nằn nì của nhà Nuôi, song vẫn thản nhiên:

- Tôi bảo nhà chị không nghe thì tôi mặc kệ. Tôi thấy

nhà chị ăn mặc thế này, lại bị lúc vận hạn đen đủi, tôi lại chẳng động lòng hay sao? Nhưng ở đây, cái lệ nó như thế. Tôi tử tế, nên bảo trước. Nếu nhà chị không nghe theo, thì quan quở, chớ có trách tôi đấy.

Muốn chứng thực lời nói của mình, mẹ Nuôi cởi nút dải yếm ra, rồi xĩa năm đồng hào đôi còn lại lên gan bàn tay, và nói:

- Đây này, chẳng tin, cậu đếm mà xem, chỉ còn vừa vắn tiền trình thôi.

Cậu lệ lắc đầu. Con mẹ vừa buộc lại tiền, vừa nhấn nhỏ, van lớn:

- Lạy cậu, thương cháu, cho cháu được nhờ. Cậu cứ vào bấm quan hộ. Hễ quan bắt làm lại đơn, thì cháu xin ra nhờ bác nho Quý ngay.

Bỗng một tiếng chuông gọi. Cậu lệ dạ giật một tiếng rồi ù té chạy. Con mẹ Nuôi nhìn theo, biết rằng buồn quan ngồi ở chỗ ấy. Nó đánh liều tiến đến, vừa tiến, vừa lo. Nó bước chân lên thêm, trống ngực bắt đầu nổi mạnh. Nó đã trông thấy ông quan. Nó lại sợ nữa. Vì lo sợ quá, nên quên đứt rằng chính nó đi trình việc mất trộm. Nó lại tưởng như nó là đứa ăn trộm vậy. Nó rón rén, đứng nép vào cạnh cửa, thập thò, ghé vào trong, và lắng tai nghe. Nó thấy quan đang dặn dò cậu lệ xuống nhà bảo nhà bếp ninh cho thật dừ cái chân giò.

Và đến khi cậu lệ dạ tiếng cuối cùng và đi vào trong sân sau, mé cửa trong, thì nó hiểu ngay rằng đã mất toi hai hào cho thằng xỏ lá nó chẳng bấm cho mình một tiếng nào.

Bỗng hai con gà tây béo sù quàng quạc kêu ở sân trước.

Nó thốt giật nảy mình. Quan đang ngồi, choàng một cái, ngài đứng dậy, chạy vội ra hiên, đứng ngay cạnh nhà Nuôi, và gọi vàng:

- Có đứa nào đấy, lừa hai con gà vào cho tao!

Tức thì, người ta chạy tán loạn để xua gà, và nhà Nuôi thì chấp hai tay, quỳ ngay xuống gạch, và nâng ngang đầu cái lá đơn.

Khi đôi gà đã chạy về, quan bèn nhìn con mẹ và bảo:

- Vào đây.

Nó mừng quá, lóp ngóp đứng dậy, vội vã theo vào trong buồng giấy. -

Nó đứng ở cạnh bàn, run lên bần bật. Nó liếc nhìn quan. Ngài oai vệ quá. Nó lại sợ hơn nữa. Nhưng dù run hay sợ, nó cũng không quên được việc vi thiềng quan.

Nhưng tiền trình diện quan, nó lại buộc vào trong dải yếm. Nó phải cởi ra, mới lấy được.

Nó mới lúi húi rút cái nút buộc ra. Nó sợ quan chờ lâu, nên phải vội vàng. Mà vì vội vàng, lại lo quan gắt, nên nó lóng cóng. Cái nút vừa xổ ra, thì loèng xoèng, cả món tiền rơi tiệt cả xuống gạch.

Năm đồng hào đôi nảy lên mấy cái, và từng ấy tiếng kêu làm nó giật mình. Tự nhiên, nó choáng váng cả người và hoa cả mắt. Nó cúi nhìn chỗ nhiều hào rơi nhất, ngay bên cạnh nó. Đồng thì chui nằm ẹp gần chân nó, đồng thì xoay tít mấy vòng, đồng thì bắn ra góc buồng. Mấy đồng nữa thì thi nhau lăn ra tận chỗ xa.

Nó không thấy quan nói gì, nên cũng hơi tĩnh tâm. Nó bèn cúi ngồi xuống để nhặt tiền. Một đồng, hai đồng. Đồng

thứ ba nghiêng ở mé tường. Nó tìm đồng thứ tư. Mãi nó mới thấy ở tận gần chân bàn giấy của quan. Nó tìm đồng thứ năm. Quái, nó tìm mãi, mà không thấy đâu cả.

Nó phải có năm hào đôi mới thành đồng bạc được. Vừa ban nãy, nó giở ra cho cậu lệ xem, và buộc cẩn thận vào dải yếm. Không lẽ đồng hào ấy có ma, đã biến đi đâu mất chóng thế được. Vậy chỉ quanh quẩn ở trong buồng này mà thôi. Nhưng nó đã tìm kỹ lắm rồi. Mà trình đơn tám hào, tất nó bị quan chửi. Không biết làm thế nào được, nó tần ngần chấp hai tay, vái:

- Lạy quan lớn ạ.

Rồi nó lúi lúi bước ra cửa. Rồi nó đi về...

Ông huyện Hình cứ ngồi yên sau bàn giấy để nhìn theo con mẹ khốn nạn. Rồi khi thấy nó đã đi khuất, ông mới đưa mắt xuống chân, dịch chiếc giấy ra một tý. Và vẫn tự nhiên như không, ông cúi xuống thò tay nhặt đồng hào đôi sáng loáng, thổi những hạt cát nhỏ ở giấy dính vào, rồi bỏ tọt vào túi.

12 - 1937

CHUYẾN TÀU NAM

Hành khách về Nam Định chuyến tàu thủy ấy, đều bị một phen hết hồn: một bà già mới mắc phải bệnh dịch tả.

Tuy lúc ấy đã đến hai giờ sáng, song không ai dám ngủ nữa. Nghe tin dữ dội, họ nhóm cả dậy, ngồi bó giò trên chiếu rải la liệt trên mặt sàn tàu, tỉnh như sáo, hồi thẩm nhau xem hiện nay bệnh nhân thế nào. Nhưng chẳng ai được mắt trông thấy người khốn nạn. Vì mại bản đã ra lệnh cho mạch nô khênh bà ấy xuống tầng dưới, ở đằng lái, chỗ ấy vắng người, cốt giấu kín chuyện đi.

Song, họ chẳng giấu nổi ai cả. Bởi vậy, người nào cũng lo sợ, nhìn lại xem bà già ngồi cạnh mình lúc chập tối có còn đấy hay không, để được yên lòng. Rồi thần hồn nát thần tính, ai cũng thấy mình như râm rẩm đau bụng. Mấy ngọn đèn dầu treo ở mũi đưa đi đưa lại, theo nhịp tàu trông trầm, chiếu ánh sáng đỏ mờ chập chờn vào những bộ mặt xám ngoét. Bốn bên trời đen thẫm kinh hồn.

Bỗng một người Khách đi qua mình trần, quần xắn lá tọa và quần lên đến bẹn, một bà hỏi:

- Ai làm sao thế hả chú?

Người Khách thản nhiên đáp:

- Pệnh dịch! Một pà già! Cái lầy cứ ăn nhảm vào thì chết toi à.

- Bà ấy khỏi chưa, chú?

- Khỏi à! Cái lầy xuống âm phủ thì khỏi.

Rồi anh gãi nách, nhả răng ra cười sằng sặc. Một bà khách chép miệng, hỏi:

- Tội nghiệp, thế không cho người ta thuốc thang gì à?

Người Khách giơ hai tay ra, hất hàm nói:

- Pà có thuốc, ti mà cứu người ta.

- Thế bây giờ bà ta ở đâu, hở chú?

- Ở dới kê. Cái ông chủ không pằng lòng cho ở tây, sợ lầy à.

- Bà ấy đi có một mình thôi à?

- Chẳng một mìnng thì hai mìnng à?

- Bà ấy về bến nào?

- Nàm tỉnh à.

Nói đoạn, anh tiếp:

- Cái lầy các ông các pà từng sợ.

Người Khách đi, nhưng hành khách còn bàn tán:

- Rồi đến bến, chúng ta không được lên đâu. Người ta tiêm và giữ hành khách ở dưới tàu vài hôm, và cấm tàu chạy bốn mươi ngày.

- Thế à?

Ai nấy có vẻ lo ngại. Một người đàn ông ra dáng lịch duyệt, nói:

- Các ông các bà không biết, chứ bây giờ người ta ngặt lắm. Ai không có vé tiêm, là người ta giữ lại ngay.

- Thế à?

- Phải, tôi đã có lần đi ô tô từ Nam Định sang Hải Phòng. Xe phải đỗ đến bốn năm lượt để lính khám vé tiêm. Ngay như hạt Thái Bình, sang hạt Vĩnh Bảo, hai hạt chỉ cách nhau có một con sông, mà bên này cầu một toán lính khám, bên kia cầu một toán lính khám. Xe đến chỗ ấy phải đỗ hai lần luôn, mất thì giờ lắm.

Một người buồng bình, nói:

- Thì cứ đi bữa có được không?

- Giữa đường có cây tre ngang ngang rồi, ông bảo còn đi đường nào. Vả nếu cứ đi, thì người ta biên số xe để phạt.

- Thế ngộ nhờ không có vé tiêm thì sao hở ông?

- Ô, thì bà tính, lệnh trên vẫn là tốt, nhưng giữa đường ấy thì ai biết đâu, cho nên chờ lúc vắng, giám giúi cho họ dăm ba hào thì họ để cho đi như thường.

- Thế à? Người ta có khám Tây không hở ông?

Người kể chuyện ra dáng trịnh trọng, gật đầu, đáp:

- Có chứ.

Một người khác nói:

- Có một lần đi trên đường, đến một chỗ có lính khám mà tôi không rõ là hạt nào, chúng tôi bị khám ngặt quá, vì có quan bản hạt cũng đứng đấy. Bao nhiêu hành khách phải xuống xe hết, và vào cả trong hàng mà quan ngồi. Những người có vé tiêm không đề ngày, hoặc hơi bản một tí, là bị quan giữ lại, hoặc sai lính tát. Bỗng có một cái xe ô tô ở đằng xa chạy vùn vụt lại. Sắp đến cây tre giữa đường,

xe bóp còi vang rầm, rồi tít phanh để hãm. Lúc ấy trên xe, tôi nghe thấy có tiếng Tây nói um lên. Chắc là người Tây đang cự sao không mở đường cho người ta đi.

- Mở thế nào được? Phải có phép quan chứ!

- Thấy tiếng còi xe và tiếng quát tháo, chắc quan biết là có Tây, vội vàng chạy ra, đến gần xe. Rồi khi quan tới chỗ cửa kính xe, tôi thấy ngài vừa thò đầu vào trong đã thụt vội ra ngay, mà trong xe, tiếng quát tháo vẫn oang oang. Lập tức ngài bắt tuần nhắc giống ra cho xe đi.

Mọi người cười ồ.

Cho là câu chuyện mình có thể làm bạn đường quên được ông thần Dịch tả trong chốc lát, người ấy lại nói:

- Tôi đã đến một làng có hơn năm mươi người chết dịch. Ghê gớm quá, tôi rợn cả tóc gáy. Đường làng ấy thì ngòong ngoèo và hẹp, mà bẩn hết sức. Bên lối đi ướm át những rãnh bùn đen lầy lên vì lũ lợn nó đấm. Thỉnh thoảng, cạnh đường có cái giếng xây tròn bằng cái nia, thì nước vàng lên những váng, mà cạnh giếng thì bùn lầy lên. Chắc bùn ấy rỉ cả xuống nước ăn. Nhà cửa thì lụp xụp, ẩm ướt tối tăm. Nhà nào có người chết dịch, lại phải treo tên ngoài ngõ viết lên mảnh liếp quét vôi trắng, to độ bằng quyển vở, chưa cả tuổi và ngày chết nữa.

Mọi người thở dài. Người ấy lại tiếp:

- Thì ra xó nào cũng thấy sự chết ở trước mắt.

- Thế người ta không rắc vôi trừ trùng à?

- Có. Người ta lại vẩy vôi nước ra đường, lên cả lá cây. Thành thử đường đi đã hẹp chỉ độ một sải, bị lá chiếm đến nửa lối. Mà lá bị vôi, nó vàng úa và chết héo. Tôi tưởng như thấy cái chết nó quây sát ngay gần mình và vươn tay

ra bắt mình. Nghĩa là đằng trước, đằng sau, bên phải, bên trái, chỗ nào cũng những chết là chết.

Ai nấy rùng mình và thấy như luồng gió thêm lạnh.

Cao hứng, người ấy lại nói:

- Mà không có gì thảm bằng đám ma người chết dịch. Thôi, đã chết dịch thì họ hàng làng nước không ai dám đi đưa. Có một đám ma, chỉ có bốn người đi đưa. Anh con giai và anh con rể khênh quan tài, chị con gái và chị con dâu vác mai và cuốc đào huyết. Thôi thì ngày hay đêm, bất cứ lúc nào cũng có đám ma. Lắm đêm thanh vắng, bỗng thấy lạnh lạnh có tiếng khóc và có ngọn đuốc ở ngoài đường, thì ai còn giữ được hồn vía nữa. Từ chập tối, đường xá trong làng vắng tanh, không ai dám đi nữa. Rồi vào lúc khuya, sư vải trong chùa và các già trong làng cầm hương, nến, thanh la, trống, đi tống quan ôn và cầu bình yên. Ôi giới ôi, tôi đồ ai nghe thấy tiếng chũm chọe mà yên tâm được đấy!

Bỗng tàu rúc còi dài. Mọi người nhìn ra ngoài trời tối, nói:

- Dễ thường đến Tân Độ.

Một người khác quả quyết:

- Phải, ai xuống bến Tân Độ sắp sửa dần đi thì vừa.

Người ta đứng ra mạn tàu, nhìn lên bờ. Đèn trên bến le lói như ma trời. Tàu rúc còi vài tiếng ngắn nữa, rồi đi quá bến để quanh mũi lại ngược dòng nước, mới áp mạn vào chiếc sà lan gần bờ.

Con tàu sinh sịch chưa tắt hẳn máy. Những hàng quà bánh và người hàng cơm đứng trên sà lan, đã rao và mời chào inh ỏi.

Nhưng bỗng người ta chạy như vịt, tranh nhau qua cầu để lên bờ, xô nhau xuýt ngã cả xuống nước.

- Có người mắc bệnh dịch tả!

Thì lúc ấy, hai người mạch nồ đương co sần sệt từ chỗ tối ra cái chiếu trên có một người nằm. Người Khách đi theo chửi rửa và nói:

- Cái lây xốong tây, không cho ti Nam tỉnh à!

Rồi quát tháo:

- Mặc kệ à! Kéo mau nó lên.

Chiếc chiếu theo bốn cánh tay lực lưỡng lê trên sàn tàu rồi đến chỗ cửa bắc cầu. Dưới ánh đèn, người ta trông rõ một người dẹt dẹt, nằm còng queo đen thui thui, chỉ còn hơi cựa cựa. Nhưng người ta cũng nghe thấy tiếng rên rĩ của người sắp hết hơi:

- Lạy chú, cho tôi về Nam, chứ lên đây tôi làm thế nào được.

Người Khách giận dữ đáp:

- Mặc kệ à! Về Nam thì ai chịu thiệt cho ông chủ à.

Một người hành khách thấy nổi bất bình, ra can thiệp:

- Không được phép thế. Người ta xuống Nam kia mà.

- Ấy à! Pét rồi. Nhưng tựa ngời này về Nam thì tàu không tọc chạy trong pồn mơi hôm, các ông các pà phải ở dối tàu không tọc lên pộ, mà tàu phải nôi cơm, thiệt cho ông chủ lắm à!

Rồi người Khách cầm chiếc gậy thúc vào cạnh sườn bà già và giục:

- Ti dậy lên pờ mau cho tàu chạy.

Nhưng bỗng lính tráng và lý dịch trên bờ xuống.

- Nay, ông mại bản, ông không có phép bỏ người ta ở đây.

Người Khách tươi cười, nói:

- Lày, các ông không biết, ngồi ta già ếu, chứ có pệnh tật gì đâu, ngồi ta lấy vé xuống Tân Đề kê mà, hà hà hà!

Người đàn bà kêu rên:

- Tôi đi Nam Định đấy, bây giờ bỏ tôi ở đây thì tôi khổ.

Người mại bản không còn cãi được, xung tiết, quay ngoắt đi và lẩm bẩm:

- Tiu nà ma. Cái này ngộ không cần.

Con tàu đỗ một lát rồi rúc còi và nhổ neo lừ lừ đi.

Nó đi độ mười phút, bỗng nó tắt máy và áp vào gần bờ. Trên tàu, hành khách đương bàn tán, bỗng im phăng phắc để nhìn theo hai mạch nô chạy ra dáng vội vàng. Hai người này lại đăng lái, dòng chiếc xuống gỗ xuống nước, rồi chờ theo mạn tàu đến gần cửa khoang giữa.

Lúc ấy, người đàn bà ồm kêu thất thanh, nhưng không ai nghe rõ. Bốn người khỏe mạnh, túm tay bốn góc chiếu, nhắc bổng người ồm lên. Người khốn nạn giấy đành dạch, thò cánh tay khẳng khiu ra, cố vói chặt lấy thành cầu, để giữ lại. Nhưng người mại bản trợn mắt, giơ gậy ra vụt vào tay bà già. Tức thì bà phải rụt ngay lại. Thế là bốn người khênh cái chiếu, quăng xuống sạp xuống.

Rồi sáu mái chèo tòng tọc đẩy làn nước. Người mại bản nhìn theo, vẻ lo lắng, đến nỗi điều thuốc lá bào tắt từ bao giờ mà không biết. Đến khi chiếc xuống lại áp vào mạn tàu, sáu người mạch nô lên rồi, chú ra lệnh cho tàu chạy, chú mới vui vẻ. Chú thổi phूं phụt cái môi giấy cho lửa bén bùng lên, và châm hút một hơi, khoái chí.

1937

THẺNG ĂN CƯỚP

Anh muốn biết vì lẽ gì tôi bỏ nghề đi ăn cướp ấy à? Anh ạ, tôi chán nghề ấy, chẳng phải như nhiều người đoán, là tôi bị lằn tra tấn ấy đau quá mà kịch đến già. Mang cái bụng đói vào mình, ai cũng có thể quên được sự nhục nhã, đau đớn. Cho nên, những trận đòn, dù dữ dội nữa, đối với chúng tôi, có nghĩa lý quái gì? Nhưng chính vì tôi xét nghề ăn cướp nguy hiểm mà không có lợi, nhất là vào thời buổi này. Đã đành ở đời, vì phải nhờ vả lẫn nhau, nên làm việc gì cũng vậy, lẽ tất nhiên ta phải chia số tiền kiếm được với kẻ khác, như đóng thuế cho nhà nước, như để hỏa hồng cho nhà buôn chẳng hạn. Cho nên, bọn cướp đêm chúng tôi chuyên môn kiếm ăn trái với pháp luật, tất càng nên xử phải với người này thay pháp luật trừng trị chúng tôi. Thật vậy, tôi coi món tiền đầm mồm quan như thuế hay hỏa hồng, để họ ngơ cho mình được yên ổn mà sinh nhai lâu bền.

Nhưng từ ngày ông huyện này về cai trị hạt ta, ông ấy ghê gớm quá. Đến nỗi tôi biết trước rằng làm lắm chỉ nhọc xác, chứ không ăn thua gì.

Anh mỉm cười à? Tôi không nói ngoa đâu? Không phải ông ấy không dong túng chúng tôi như những ông trước, mà trị riết trộm cướp trong huyện cho nhân dân được an cư lạc nghiệp. Nếu thế thì ta đã được nhờ rồi. Nhưng ông ấy bắt tôi lễ nhiều quá, đến nỗi không thể kiếm lại được. Tôi không chịu. đành rằng tôi mang tiếng là một thằng đi bóc lột người khác, nhưng tôi phải tốn bao tâm trí và sức lực mới kiếm được miếng mà ăn. Mà mười đứa bị tôi bóc lột thì chín đứa không oan, vì chúng cũng bóc lột người khác. Thế mà tôi lại bị một hạng người nữa bóc lột, mà hạng người này không bị ai bóc lột nữa, có cái tiết hay không? Như vậy, thực không công bằng. Bởi thế, tôi nhất định không chia như ý ông ấy muốn. Nên ông ấy lập tâm triệt tôi một cách ngấm ngấm, và tôi thì phải lừa ông ấy.

Nguyên từ hôm tôi không làm vừa lòng ông ấy, thì đến ba tháng sau tôi không bị đòi hỏi gì cả. Thì ra ông ấy biết rằng cứ vờ không coi tôi chặt chẽ trong ít lâu, sau tôi cũng lại đường hoàng đi ăn cướp. Quả nhiên, tuy biết đấy là thủ đoạn, mà chẳng may tôi bị bắt, thì phải chết với ông ấy. Nhưng thấy sự canh hờ hững, tội gì tôi không nắm lấy cơ hội? Lễ nào lại cứ ngơ ngáp khoảng không, để bị con ma đói nó giày vò? Bởi vậy, hôm mười tám tháng Chạp năm ngoái, tôi họp tám anh em cũ, định đến đêm, sửa cho chánh Ngũ một mẻ.

Chín người chúng tôi cơm rượu no say, rồi chùng trống hai, bắt đầu đi, mang theo cả khí giới, ống hồng, gậy, dao, thiết lĩnh, khiên, đèn pin.

Vì chúng tôi có thằng ở nhà ấy làm nội công, nên chúng

tôi vào một cách dễ dàng. Chúng tôi khoắng mâm nôi, đồ đạc và nguyên chỗ tiền mặt dễ đến ngót bốn trăm, mà tỉnh vô, không có một tiếng động ra tới ngoài.

Khi chúng tôi ra khỏi đầu làng, thì tiếng kêu và tiếng trống động mới nổi dậy. Chúng tôi tẩu thoát, vừa rẽ ngang cánh đồng lúa, thì thành lính bọn tuần làng bên cạnh ập lại. Hai bên đánh nhau giáp lá cà. Sẵn trong mình mỗi người có giắt một ống nứa đựng thóc tẩm sẵn dầu tây, chúng tôi mới châm cho thóc cháy. Chúng tôi vừa chạy, vừa vung toé ngọn lửa vào người đuổi theo. Hạt thóc theo những lỗ nhỏ ở đầu nứa bật dần ra như thuốc pháo của ống phun, bám chi chít vào đầu tóc, mặt mũi, quần áo bọn tuần. Họ phải đứng lại, quẳng gậy gộc xuống đất để dùng cả hai tay mà cuống quít gạt lửa đi. Thành ra chúng tôi bỏ đồ đạc lại, để chạy thoát lấy người.

*

* *

Nhưng sáng hôm sau, ông huyện đi với ba người lính súng, ập vào nhà, bắt tôi.

Tôi biết. Ông ấy chỉ đoán già là tôi đã nhúng tay vào việc cướp ấy. Chữ quyết không thể tìm ra một tí chứng cứ để làm tội tôi được. Ông ấy khám xét cẩn thận, không bắt được một tang vật gì. Ông ấy rất căm. Song, tôi cứ bị trói và giải đi.

Trời ơi, anh chớ rùng mình và đừng cười tôi nhất đòn nhé.

Thoạt tiên, ông ấy trợn mắt, tát tôi một cái rõ mạnh, và dọa:

- Tao chỉ cho phép giam mày trong hăm bốn giờ đồng hồ thôi, nhưng hăm bốn giờ này quan hệ lắm, vì quyền ở tao tha ngay mày ra, hay giải mày lên tỉnh để mày ngồi tù. Vậy thế nào, mày thú thực?

Tôi lễ phép, gãi tai đáp:

- Lay quan lớn, quả con oan. Từ ngày quan lớn trọng nhậm hạt này, con vẫn sợ phép quan lớn mà làm ăn lương thiện.

Ông ấy cười gằn:

- Thầy chánh Ngũ khai mất tất cả ngót bốn trăm đồng bạc. Món tiền ấy, chúng mày chia nhau. Tao biết. Vậy khôn hồn thì đem nộp lại, tao tha cho làm phúc.

Tôi nhăn nhó, kêu:

- Lay quan lớn, quả tình con oan.

Ông huyện lắc đầu:

- Mày không oan. Tuần làng Kinh Bắc khai là trông rõ mày. Mà trong khi làng Kinh Nam nổi trống động, thì tao đi tuần qua nhà mày, vào khám, thì mày không có ở đấy. Vậy giờ ấy, mày đi đâu?

Tôi ấp úng, đáp:

- Lay quan lớn đèn giới soi sét.

Ông huyện giơ roi gân bò vào mặt tôi, híp một mắt cho thêm vẻ tàn nhẫn, nói:

- Tao thử hỏi xem mày chối thế nào, chứ tao biết cả. Mày đi với thằng Thiết, thằng Bui, thằng Lâm, thằng Lãm, hai anh em thằng Trạch, hai chú cháu thằng Sùng. Mày chối nữa đi?

Tôi sợ run người. Ghê chưa! Ông ấy tinh như ma xó. Song, chẳng lẽ nhận, nên tôi cứ chối:

- Lạy quan lớn, xét cho...

Ông ấy cười:

- Thì tao bắt được cả tám thằng rồi, chúng nó đều khai mày là đầu đảng. Tiên mày giữ, giấu ở nhà mày, mà tao chưa tìm ra đó thôi.

- Bẩm quả thực chúng nó thù con nên khai man như thế.

Vừa dứt câu, roi gân bò vun vút quật vào mặt tôi, khiến tôi tối tăm cả mặt mũi.

Tôi ôm đầu kêu, nhưng ông huyện không tha. Tôi ngã lăn ra, rồi bị mũi giấy tây thúc vào mạng mỡ tôi đau nhói.

- Mày giấu tiền ở đâu, khai cho thực!

Giá tôi nói thực, chắc không bị tra tấn nữa. Nhưng chẳng lẽ tôi chịu khó nhọc mà không công hay sao? Tôi đành chịu tù tôi, để một hai năm sau, khi ở nhà pha ra, có được cái vốn. Bởi vậy, tôi nhất định không khai.

Ông huyện lại quất một hồi nữa vào mặt tôi. Ông cứ nhè hai mắt mà đánh. Tôi tê đi, đến nỗi không thấy đau. Đánh chán tay mà không ăn thua, ông ấy tức lắm. Ông ấy nghĩ một lát, rồi nói:

- Rồi tao xem mày có gan được mãi hay không.

Ông ấy quát gọi ba người lính, vật tôi nằm sấp xuống đất, trước bàn giấy, chân duỗi thẳng, hai cánh tay áp vào hai bên sườn. Tôi yên trí bị trận đòn nát mộng. Nhưng mà không. Ba người lính ghì chặt lấy tôi, từ từ nâng lên, Giời

oi, tôi đau không thể chịu nổi! Nhưng cố gan, nhất định tôi không kêu. Hai cánh tay cứ như thế, dần dần bị gờ quặt ở đằng sau, ngược lên.

Bao nhiêu bắp thịt trước ngực tôi bị ép lại. Tôi không thở được. Tôi cố nhắm mắt. Nhưng bỗng miệng tôi đầy thứ nước mặn, nó trào ra ngoài. Thì ra máu! Vì quả tim tôi bị ép chặt. Song cánh tay tôi vẫn bị nâng dần cho đến lúc nó gờ ngược lên, ép vào hai bên đầu. Nếu anh muốn biết cách tra tấn này đau đớn thế nào, anh hãy nằm sấp và để tôi thử cho một tí.

Vì máu trào ra miệng rất nhiều, tôi ngất đi.

Nhưng khi mở mắt ra, tôi thấy nằm trên giường.

Lúc người ta đương bị đánh đau, xương thịt ê ẩm, thì không coi những ngọn roi quả đấm vào đâu cả. Chính vậy, ngay lúc bị lộn mề gà - chúng tôi gọi cách tra tấn ấy là lộn mề gà - tôi có thể thể cần rằng chịu gan cho đến lúc tắt thở, không khai một điều gì. Nhưng mà, ác một nỗi, sau lúc nghỉ ngơi cho đỡ đau, thế nào người ta cũng ngấm ghê lại nỗi đau đớn. Tôi tưởng tượng đến những máu tươi nó trào ra miệng mà rùng mình, ghê sợ. Chính cái phút ngấm ngấm này nó phản tôi, nó làm tôi không kiên gan được.

Rồi đến chiều, ông huyện lại gọi tôi lên bàn giấy. Chừng ông đoán trúng tâm lý tôi. Ông cười và ngọt ngào hỏi:

- Thế nào? Mày có định thú hay không?

Tôi chưa kịp đáp, ông đã giơ tay, nói:

- Khoan, đừng nói vội. Hãy nằm sấp như ban sáng đã.

Tự nhiên, máu trong người tôi như bỗng ngừng chảy. Tôi xám ngoét mặt, run lên. Song, tôi có gan, cứ làm theo

lệnh, vì tôi nghĩ rằng đã chịu được một lượt, tôi có thể quen mà chịu lượt nữa.

Ông huyện đứng sau bàn, nhìn tôi, hỏi:

- Mày nói đi.

- Lạy quan lớn, quả tình con không biết việc cướp đêm qua.

Ông cười, gật đầu:

- Được, mày cứ chối nữa!

Đoạn ông hát hàm, bảo ba người lính buổi sáng:

- Làm việc đi.

Lúc ấy, hai cánh tay tôi bị vặn từ từ ngược lên ở đằng sau. Tôi thấy đau nhói, đau hơn buổi sáng. Và đến lúc bấp thịch ngực bị ép, hơi thở bị nghẽn, tự nhiên tôi giãy giụa, kêu:

- Lạy quan lớn, con xin khai.

Giời đất ơi! Khi hai cánh tay tôi được tự do, tôi sung sướng như trông thấy ông bà ông vải. Tôi vội vàng nói:

- Bẩm xin quan lớn cho con dậy, con mới nói được.

Ông huyện cười sung sướng, gật đầu, trở tay cho bọn lính ra ngoài và đóng cửa kính lại. Đoạn ung dung, ông hỏi:

- Giá mày chịu khai ngay trước, có phải tử tế bao nhiêu không? Thế mày có cướp nhà chánh Ngũ không?

- Lạy quan lớn, có.

Ông huyện rũ ra cười, hỏi:

- Vậy tiền mày giấu ở đâu?

- Lạy quan lớn, con chôn ở góc vườn, chỗ gốc cây ổi.

Ông huyện giờ hai cánh tay, gật gù:

- Tao giữ kín cho mày tội này, và sẽ cho mày về nhà, đem tiền lên đây nộp tao.

Tôi gãi tai:

- Dạ.

Rồi nghĩ ngợi một lát, ông tiếp:

- Nhưng mà...

- Mày có thù đứa nào giấu có ở vùng này không? Tao cứ cho phép khai ra. Có thể tao mới gỡ tội cho mày được.

- Đấy anh tính, như vậy tôi còn có thể theo đuổi được nghề ăn cướp để bị cướp lại nữa không? Thành ra khó nhọc vất vả bao nhiêu, mình không ăn thua gì, rút cục chỉ béo họ được ngồi mát ăn bát vàng. Ấy thế mà riêng chỉ có mình mang tiếng là thằng ăn cướp, lúc nào cũng ngơm ngớp sợ pháp luật, có tức không?

HÉ! HÉ! HÉ!

Này xe, cái con mẹ thất lung tím đang đi trước hiệu Phúc An kia, có phải là vợ chánh tổng Đồng Quân không nhỉ?

- Bầm cụ lớn phải ạ.

Cụ lớn - bởi người đàn bà này được diễm phúc hơn người khác ở chỗ có chồng làm quan đến chức tuần phủ - cụ lớn nghĩ một lát, rồi hỏi:

- Tên con mẹ Chánh là gì hở?

- Bầm, chánh Tiên ạ.

Cụ lớn mỉm cười:

- Tên thế không trách nó giàu. Nhưng nó ăn mặc thế kia, đồ ai biết nó có hàng vạn. Đến gần nó, mày đồ cho tao xuống nhé.

- Dạ.

Lúc ấy bà chánh Tiên đương đi vội vàng trên hè. Bà không để ý đến đường phố, bởi vì ở nhà quê ra tỉnh, bà định sắm ít xeng cuốc, cùng vài thứ lặt vặt, nên đi đi lại

lại ở phố Khách đến mười lượt, để khảo giá các hiệu bán đồ sắt.

Bà mặc áo vải nâu dài không cài khuy, và quần sồi thâm ngắn cũn cỡn. Cánh tay bà khoác cái nón đã tầu tầu. Tất cả bộ cánh của bà chỉ hơn người nhà quê thường có cái thất lừng tím.

Bà dương nhìn vào hiệu Phúc An, bỗng tiếng cười khanh khách giòn tan ngay bên cạnh tai, làm bà giật nảy mình:

- Hé! Hé! Hé! Bà chị lên tỉnh từ bao giờ thế?

Cụ lớn Tuần nắm lấy cổ tay bà Chánh, và vồn vã hỏi thế. Thì không ngờ bà này, được hân hạnh bất thần, sung sướng quá, đến nổi rú lên một tiếng "ối", và cảm động suýt rơi nước mắt. Bà ta vội vàng chấp hai tay để vái, lùi lại một bước, cung kính chào:

- Lạy cụ lớn ạ.

Cụ lớn, nhăn mặt, xua tay:

- Không, không cụ lớn cụ bé gì, chị em mình bạn gái, ai hơn tuổi làm chị, ai kém tuổi làm em. Có các ông ấy làm việc với nhau thì muốn gọi nhau là gì thì gọi.

- Dạ, lạy cụ lớn.

- Ô, đừng cụ lớn cụ bé gì mà! Hé! Hé! Hé!

- Lạy cụ lớn cho phép con gọi thế ạ.

- Gớm, các bà chị đến là khó bảo. Thế nào, bà chị lên tỉnh từ bao giờ, sao không vào trong dinh chơi?

- Lạy cụ lớn tha tội cho, chúng con ăn mặc sỗ sê, sợ vào thì làm bận mắt cụ lớn.

Cụ lớn cười xòa:

- Ủ, bà chị cứ dạy thế. Tôi trách chị đấy!

- Lạy cụ lớn, cụ lớn là chỗ cha mẹ, cụ lớn tha tội cho con cháu.

- Thế thì bây giờ vào vậy.

- Lạy cụ lớn, dạ.

- Vào ăn cơm với chúng tôi cho vui nhé.

- Lạy cụ lớn, chúng con đã vô phép cụ lớn rồi ạ. Nhà quê chúng con hay ăn cơm sớm.

- Thì vào chơi nói chuyện vậy. Ông Tuần tôi đổi về đây, tôi đến thăm các bà chị một lượt, thế mà các bà chị lên tỉnh, không bà nào vào chơi với tôi. Tôi giận lắm đấy.

- Lạy cụ lớn, chỗ chúng con là con cháu, chỉ sợ ăn nói thất thố, nên không dám vào đó mà thôi.

- Thì tôi đã bảo chỗ chị em mình là bạn gái với nhau, ta cần gì. Các bà chị đong bán, tôi cũng đong bán. Các bà chị làm ruộng, tôi cũng làm ruộng. Thật đấy, ở nhà, tôi cũng vẫn giặt giũ, quét tước, chứ có xêm xệp ngồi không như các bà quan khác đâu. Hé! Hé! Hé!

- Dạ.

- Vào chơi trong dinh nhé.

- Dạ, chúng con xin theo hầu cụ lớn.

- Ủ, lên xe tôi mà đi.

Nói đoạn, cụ lớn gọi chiếc xe hàng, để nhường bà chánh Tiên ngồi xe nhà.

Cử chỉ không ngờ này lại khiến bà Chánh cảm động. Lần này, bà ứa nước mắt thật. Bà ngượng nghịu, run sợ thế nào ấy. Nhìn chiếc xe sơn giả đồi mồi, gọng kèn sáng

loáng, vài nệm trắng tinh, bỗng bà ghê cả người. Bà tưởng mình không xứng đáng được dùng những thứ sang trọng quá quắt như vậy. Và khi đặt tấm thân cục mịch lên trên chiếc đệm êm ái do cụ lớn nhường cho, bà khoan khoái, nghĩ bụng không biết mấy mươi kiếp trước tu đã đầy đặn thế nào, nên kiếp này mới được đền bù bằng một phút hạnh phúc này vậy.

Bà ngồi móm trên xe, mà vẫn còn rùng mình. Bà ngẫm đến lời ngọt ngào, tử tế của cụ lớn mà nở nang cả mày mặt. Sao lại có bà quan dễ dãi, phúc hậu như bà Phật này. Một đời người, dù khổ sở thế nào, mà được cụ lớn ban chuyện cho một lát, một lát thôi, thì còn ai muốn chết nữa. Vợ một quan tuần phủ, vợ một cụ lớn đầu tỉnh, mà đối đãi với vợ một tên chánh tổng quen, ăn nói thân mật như chị em, nào nắm tay vồn vã, nào bà chị, nào hơn tuổi, nào vào chơi, nào trách móc, trời ơi, ai được thế mà chả thọ thêm đến mười năm! Nghĩ đến đó, bà Chánh dào dạt cả tâm hồn.

Bỗng xe bấm chuông và chạy quành vào dinh. Bà Chánh vội vàng tụt xuống đất, và nói:

- Anh đỗ xuống cho tôi đi bộ, kéo cụ lớn trông thấy lại quở.

Nhưng cụ lớn bà nghe tiếng. Cụ lớn quay lại, xua tay cười:

- Không can gì. Đàn ông họ không hay chấp nê như bọn mình đâu.

Đến thêm nhà tư, bà Chánh chùi chân vào chiếc thảm rất kỹ lưỡng, rồi mới dám bước lên gạch hoa. Và cụ lớn

phải kéo mãi, bà mới dám ngồi trên chiếc ghế bành đánh bóng. Bà thít người lên.

Cụ lớn gọi lính quạt nước, và lấy lọ chè cất trong tủ mà cụ lớn khoe là thượng hảo hạng. Chính cụ lớn tự pha ra chén, và đưa tận tay mời bà chánh Tiền.

Mỗi lần bà Chánh được cụ lớn ban cho những câu tử tế, dễ dãi, ngọt ngào, thì bà lại rơm rớm nước mắt.

Cụ lớn hỏi thăm về mùa màng, đông bán. Cụ lớn bàn lẽ thiệt hơn về lối làm ăn. Bà Chánh cảm sự nhã nhặn bao nhiêu, lại phục sự đảm đang của cụ lớn bấy nhiêu. Và cụ lớn nói cả chuyện buôn bán của cụ lớn, khi gọi họ, khi đóng thóc, khi cân sơn, khi buôn tơ, khi đặt đay, vân, vân, bất cứ dịp nào có lái, cụ lớn cũng không để tiền nằm yên bao giờ cả.

- Phi thương bất phú, bà chị ạ. Ông nhà tôi tiếng rằng làm quan, nhưng lương lậu có được là bao. Hé! Hé! Hé!

- Dạ, lạy cụ lớn, cụ lớn ông thực là nhân quan.

- Phải, cho nên tôi vẫn phải giữ nghiệp nhà, là lấy sự buôn bán làm căn bản. Làm bà quan, chẳng qua như được hưởng cái hoa thơm, chứ sung sướng sao bằng các bà các chị có ruộng nhiều. Thế năm nay bà chị chỉ cấy có năm mươi mẫu thôi à?

- Dạ, lạy cụ lớn, năm nào chúng con cũng chỉ cấy có ngàn ấy, còn cho người khác làm rẽ. Vì nhà neo người, sức một mình con không kham nổi ạ

- Phải, tội gì vất vả lắm. Vả lại chỗ cho người ta cấy rẽ, cũng thừa ăn tiêu rồi còn gì.

- Dạ.

- Chỗ năm mươi mẫu ấy, bà chị bảo trữ lại để bán là phải lắm. Thóc được giá không bán, chỉ tổ để chuột cắn.

- Bẩm cụ lớn, mấy lị nhà con chật, không có chỗ chứa thêm thóc nữa ạ.

- Ô, quý hóa quá, trong nhà bà chị có những hai lăm thóc to tướng, thế mà không đủ để chứa thóc kia à?

- Dạ, lạy cụ lớn, thầy Chánh nhà con vẫn cứ định xong mùa này thì xây thêm mấy gian nữa. Thầy cháu cứ không muốn bán, bảo trữ lại, chờ năm vỡ đường hầy hay. Nhưng con tưởng để thóc nằm chờ đấy, thà bán đi để đóng cái khác còn hơn.

- Phải, bà chị nghĩ chí phải. Việc tiền nong, phi ở tay bọn mình, không có lợi. Các ông ấy đàn ông đàn ang, gặp đâu nói đấy, chứ sao bằng bọn mình. Hé! Hé! Hé!

- Dạ.

- Thế bà chị còn được bao nhiêu thóc ở trong nhà.

- Lạy cụ lớn, cũng còn độ hơn nghìn bạc, chứ chả mấy

ạ.
- Ô, quý hóa quá! Bà chị không bán à?

- Bẩm ý con muốn bán, nhưng thầy cháu cứ muốn giữ

lại.
- Ô, này, bà chị để cho tôi đóng cho, cho ông ấy tức một

mẻ.

Bà Chánh sung sướng, đáp:

- Dạ, cụ lớn dạy thế còn gì bằng.

- Thật đấy, cho tôi đóng một nghìn nhé...

- Dạ, cụ lớn đã dạy, thế nào con chả xin tuân.

- Nhưng mà này, chỗ chị em, chả nên giấu giếm nhau. Tôi vừa có dăm nghìn, lại tậu cái đất trên Hà Nội để làm nhà cho khách chạy loạn thuê mất rồi. Bây giờ chỉ còn dăm chục để ăn từ nay cho đến cuối tháng. Bà chị cho đong chịu hãy nhận lời đi.

- Lạy cụ lớn, bao giờ cụ lớn ban cũng được, miễn là cụ lớn nhận mua là may cho con lắm rồi.

- Thế bà chị không sợ tôi quỵt à? Hé! Hé! Hé!

Bà chánh cười theo:

- Lạy cụ lớn, tôi con nào dám ngờ cha mẹ.

Cụ lớn bèn nghiêm trang, nói:

- Nhưng mà này, chị Chánh ạ, tôi nhận đong của bà chỉ một nghìn đồng bạc thóc, nhưng tôi hãy cứ gửi bà chị ở nhà đấy. Như vậy bà chị hẳn khỏi nghi nhé! Hé! Hé! Hé!

- Lạy cụ lớn, chúng con nào dám thế, xin cụ lớn cứ cho xe về.

- Không, tôi cứ gửi ở nhà bà chị. Bởi vì trong dinh chật chội, có chỗ nào chứa đâu?

- Dạ.

- Rồi bao giờ tôi thuê được nhà ngoài phố, sẽ cho nó về lĩnh thóc sau.

- Dạ.

Bà Chánh nói chuyện một lúc lâu nữa, mới hả hê, cáo từ ra về.

Và cố nhiên đến nhà, bà nhắc lại nguyên văn cho cả làng, cả tổng nghe những câu nói tử tế, nhã nhặn, dễ dãi, phúc hậu của cụ lớn Tuần.

*

* *

Ba tháng sau, trời làm lụt lội và đói kém. Thóc lúa cứ cao lên vòn vọt. Việc vào dinh hầu cụ lớn đã thành ra một thời sự cu cũ. Cho nên bà Chánh Tiên chỉ còn trông thấy chỗ cây thóc bán chịu cho cụ lớn mà thôi. Bà thở vắn, thở dài. Thà cụ lớn cho người đem đi cho khuất mắt, hoặc cụ lớn ban cho ít nhiều để làm vốn thì bà cũng cam lòng. Từ nọ đến nay, bao nhiêu người xin đong mà bà không dám bán. Bà tiếc quá. Song nghĩ đi thì thế, mà nghĩ lại, bà cho là chẳng thiệt nào. Một đời dễ mà gặp được một quan bà đầu tỉnh đối với vợ một thầy chánh tổng vốn vĩa, dễ dãi, phúc hậu, như thế. Người ta có tiền nghìn bạc vạn hăn hoi, cũng không thể mua được lời nói tử tế của người trên. Cho nên, nghĩ tới đó, bà lại thấy hả hê, sung sướng nguyên vẹn.

Một hôm, có người lính tuần về Đồng Quân, đưa bà chánh phong thư. Bà bảo chồng mở ra để đọc:

Bà chị,

Bây giờ thóc được giá, tôi nhờ bà chị làm ơn bán hộ chỗ thóc tôi gửi bà chị trước. Cứ thời giá, thì chỗ ấy thu được đến hơn nghìn rưởi, nhưng tôi chỉ lấy trong nghìn rưởi mà thôi, còn bà chị có bán hơn thì mặc ý. Vậy chỗ một nghìn, tôi xin nộp lại bà chị, còn năm trăm lã, thì đến 26 này, mời bà chị lên chơi và đưa cho tôi. Thực là tôi quấy rầy bà chị quá, xin bà chị miễn trách.

Lâu nay không thấy bà chị lên tỉnh, tôi nhớ lắm. Vậy thế nào 26 này, bà chị cũng lên, nhân tiện chúng ta nói chuyện với nhau cho vui.

Bà Tuần

Nghe xong thư, bà chánh Tiền nhăn nhó, rồi thở dài mãi.

Thóc này bán cho ai được, để kịp 26 có năm trăm đem lên nộp cụ lớn đây? Thì té ra bây giờ xoay ngược lại, bà là con nợ của cụ lớn.

Suốt mấy ngày, bà lo lắng. Bà phải chạy khắp các nơi để mời người đến đóng, nhưng không xong. Chả ai có vốn nữa. Mà ngày 26 cứ gần dần.

Lắm lúc định liều, bà tính cứ lên tỉnh, rồi bấm với cụ lớn là thóc ế. Như vậy bà có thể không thiệt hại gì. Song, thế không tiện. Cụ lớn đã tin cậy mà giao cho một việc. Mới có mỗi một việc. Chả lẽ chưa chi đã phụ bụng tốt của cụ lớn? Vả lại cụ lớn vốn vãi, ngọt ngào, dễ dãi, phúc hậu, ai nỡ xử lại như thế được?

Kết cục, là ngày 26, bà chánh Tiền lên tỉnh có mang đủ số năm trăm lãi thóc của cụ lớn.

Món năm trăm ấy, bà phải viết văn tự để vay. Bà hậm hực, tức bực và oán thán cụ lớn lắm.

Nhưng mà:

- Ấy kìa! Hế! Hế! Hế! Bà chị! Tôi mong mãi!

Cụ lớn nắm lấy cánh tay và vỗ vập nói thế. Bà chánh Tiền bỗng quên hết mọi sự. Bà lại cảm động, rơm rớm nước mắt, và hời hợt hời dợt như thường.

1937

NẠN RÂU

- Được, hễ tao còn giở ngón ấy ra, mày cứ làm như mày bằng lòng, rồi tao sửa cho lão một mẻ.

Khuê sợ hãi, hỏi:

- Chết, thầy định sửa thế nào, lỡ rồi việc ra đến cửa công, thì lại một ông quan khác xử, vậy lẽ nào quan họ chẳng bênh nhau.

Bác thông phiên Giốc cười, lắc đầu:

- Không phải tao sửa như mày tưởng, tao sửa lão ta một món tiền tiêu cơ mà.

Khuê rú lên:

- Ôi! Thế thì con nhục quá.

Bác Giốc quắc mắt:

- Làm gì mà đã tru tréo cái mồm lên thế nào! Mày tưởng tao mê mọt đến nỗi đem hiến vợ con cho người quyền thế để mưu cầu danh lợi riêng cho mình à? Nếu tao có thể xử để tiện đều giả thế, thì bây giờ ít ra tao cũng làm đến tuần phủ rồi, chứ lại chịu nghèo xác nghèo xơ thế này à?

Khuê nhìn cha, có ý hỏi. Bác Giốc kéo một hơi, và hăm nước xong, lại nói tiếp:

- Ngày xưa, độ ba mươi năm trước, thời buổi nhốn nháo, ra làm quan dễ lắm kia. Những hạng tính tập, bồi bếp, phu kíp, được lòng ông chủ nào có thể lực một tí, là xuất chính dễ như bốn. Ngày ấy tao cũng bập bẹ tiếng tây, mà u mày lại có nhan sắc, người ta cứ dễ dàng tao mãi, nhưng tao không thuận.

Khuê mỉm cười. Bác thông phiên thở dài, vắt tay lên trán, nói giọng chán nản:

- Làm ông quan, phụ mẫu dân, mà mắc phải cái tiếng vợ con đi làm đi với quan trên, thì tao tính còn gì nhục nhã cho bằng.

- Thế thầy định bắt con bằng lòng với ông huyện Văn Giang kia mà!

- Điec! Tao bảo mày làm như bằng lòng. Làm như! Nghe chưa?

*

* *

Nỗi căm hờn của ông huyện Văn Giang từ hôm về làng Rong làm ông hay gắt gỏng, cáu kỉnh. Vì những cố không đâu, luôn luôn ông sinh sự với vợ con, luôn luôn ông kiếm chuyện với thuộc hạ. Mà lần nào người ta cũng lấy làm ngạc nhiên, là ông đập bàn, đập ghế, quát tháo đùng đùng rồi dậm dọ:

- Ông thì lên tỉnh bây giờ chứ lị!

Khẩu hiệu ấy ông hô đã nhiều lần, nhưng không ai để ông thực hành. Bởi vì vợ con ông xin lỗi ngay bằng những

câu ngọt ngào, mà nha lại, dân sự tạ tội ngay bằng sự làm giàu thêm cho ông. Ông miễn cưỡng nhận những câu xin lỗi suông và những sự tạ tội có lợi. Song, nổi riêng canh cánh bên lòng. Chẳng chút hành vi, cử chỉ nào hàng ngày của ông là thoát ra ngoài cái ảnh hưởng của ái tình đối với cô Khuê.

Cho mãi đến tận hôm cuối tháng ấy, ông mới có việc lên tỉnh. Ông ngồi vắt chân chéo khoeo trên xe, vượt bộ râu, nhìn phong cảnh bằng đôi mắt lạc quan. Cả một vùng trời lam lồng lộng, cả một dải nước đỏ mênh mang, cả một con đê xám ngòong ngoèo, cả một làn ruộng xanh mướt tít, đẹp thì có đẹp, nhưng ông cho là nó chưa có vẻ nên thơ bằng đôi má lúm đồng tiền của thiếu nữ.

*

* *

Ông huyện rất mãn nguyện, vì ông thấy lần này bác thông phiên đón chào ông vốn vĩa, và nhất là bác phải đi vắng ngay. Ở nhà duy chỉ còn có một mình cô Khuê hầu hạ ông mà thôi.

Bởi vậy, ông gọi tên lính hầu, bảo:

- Mày tính xem thầy Đề trọ chỗ nào, thì đến đấy mà ăn cơm chiều nay. Tao không có việc gì cần đến mày cả. Sáng mai, mày mới phải lại đây cấp tráp diếu đi hầu tao vào đình, và báo cả thầy Đề thế, nghe chưa!

Anh lệ được tự do, vội dọn bàn đèn và gảy bả diếu cho chóng, rồi đi nhẩy cốn.

Khuê cũng làm đủ bốn phận như mọi lần. Cô chế nước sôi vào ấm nước chè hạt, làm lơ như không biết mình bị

đôi mắt vọ ngấm nghĩa và cô chắc thế nào cũng phải trả lời những câu tán tỉnh. Quả nhiên, ông huyện vẫy cô lại gần, hỏi:

- Em đã tẽm sẵn trầu đây cho tao chưa?
- Bẩm đã ạ.
- Mang lại đây.

Cô Khuê bưng đĩa trầu đây, đứng ở đầu ghế ngựa, hai tay đưa cho ông huyện. Ông huyện vẫn nằm tiẽm thuốc, lấy chân khoẻo đập cái tráp khảm lại gần Khuê, và bảo:

- Bỏ vào ngăn cho tao.
- Xin quan lớn chìa khoá ạ.

Ông huyện ranh mãnh, làm như mình bận bịu, trỏ tay cầm tiẽm vào túi áo cộc mình và nói rất tự nhiên:

- Đấy, lấy mà mở.

Khuê then thò, mỉm cười không nhúc nhích.

Hút xong điếu thuốc, ông huyện ngồi nhồm dậy, móc túi vớt chùm chìa khoá vào ngực Khuê và lườm bằng một cái lườm già cỗi:

- Khéo làm bộ vừa chứ.

Bẽn lẽn, Khuê không đáp, nhưng cô lẳng lẳng mở khoá, dựng đứng nắp tráp lên và xếp trầu vào ngăn. Ông huyện chồm lại, cầm một tay cô, gí vào nắp và nói:

- Phải một tay giữ lấy đây, kéo cái nắp nó sập xuống, lại phải mở lần nữa. Tráp tao có khoá mở neo, trông đây này.

Cô Khuê giởng mãi tay ra mới được, thì vừa lúc ấy cái tráp dậy sập lại. Nhân tiện, ông huyện có ngay cuộc thí nghiệm, bẽn nói:

- Đấy, bây giờ tao đổ mày mở ra được.

Cô Khuê cười, lấy hai ngón tay cái cố nạy mãi, nhưng vô hiệu. Rồi tự nhiên má cô đỏ ửng lên.

*

* *

Bác thông phiên chỉ đi khỏi nhà độ nửa giờ rồi lại về ngay. Mà từ lúc ông huyện đến cho tới chập tối, bác đi vắng luôn. Song lần nào bác cũng chỉ đi một lát, nên ông huyện chưa có dịp nào tốt để giở thủ đoạn được. Miệng cá hồ ngậm vào lưỡi câu là nước đã sánh động.

Song, ông cũng là tay đoán tâm lý già dặn. Ông cho rằng cá này chẳng phải thứ cá cao thượng biết khinh môi. Ông là quan, có nhiều tiền, hẳn ông thương đến cô nào là không những làm danh giá đến cô ấy, mà còn làm vinh dự cho cha mẹ tổ tiên cô ấy nữa. Bởi vậy, ông chắc chắn là bác Giốc sẽ dĩ vờ đi cho ông được tự do với cô Khuê, vì hẳn bố con đã bàn soạn với nhau chán chê ra rồi. Chứ không lẽ nào, mà lần này bác lại hớ hênh đặt mồi cạnh miệng mèo.

Cho nên ông quyết tối nay, thế nào bác Giốc cũng đi nằm sớm, mà cô Khuê cũng lên buồng trước mọi ngày. Hệ đúng thế, là ông chẳng cần giữ gìn cẩn thận như lần trước thối tắt đèn và sò soạng lối đi. Ông có thể cứ công nhiên, cả thê bài lẫn áo gấm, bắt dân cờ quạt, trống khau, rịch loa mà rước ông vào buồng Khuê nằm như ngày họ đón ông về trọng nhậm hạt Văn Giang, chắc chắn bác Giốc vẫn phải giả vờ ngủ say như chết.

Quả nhiên, vừa chập tối, bác thông phiên kêu râm râm đau bụng và tìm chăn tìm gối, lên giường nằm im thin thít.

Và mới độ hơn tám giờ, cô Khuê đã lẹp kẹp đôi guốc, bưng thau nước đặt sẵn trên giá và đến gần bàn đèn, thở thở hỏi:

- Bấm quan lớn có sai gì con nữa không ạ?

Ông huyện lắc đầu:

- Không.

Cô Khuê vừa quay đi, bỗng ông khẽ gọi:

- Này!

Khuê đứng chờ lệnh. Nhưng ông huyện không bảo gì, chỉ nhăn nheo đôi mắt, nhìn cô rất tình tứ. Rồi một lát ông mới mỉm cười, nói:

- Nhé!

*

* *

Ông huyện tiêm vôi vàng để hút cho đủ bữa. Tiếng tàu kêu với tiếng bác thông phiên ngáy lăm lúc hòa với nhau kêu âm nhà.

Đến độ mười giờ, ông dậy nắp hộp sừng, úp chén xái, xếp dọc tàu cạnh khay, và lấy đồng xu đặt trên miệng chụp đèn.

Ngọn lửa trước đỏ, sau xanh dần, đến nỗi không đủ ánh sáng để chiếu khắp mấy gian nhà rộng nữa.

Ông huyện ngồi dậy, lắng tai nghe bác thông phiên, và mở tráp ra, lấy miếng trầu nhai bồm bồm. Đoạn ông đi rửa mặt, rửa tay cho sạch, và mắt luôn luôn nhìn về phía cửa buồng. Tuy ông can đảm, song cũng thấy sự cảm động nó làm trái tim ông đập mạnh.

Rồi lau tay xong, ông không thể kiên tâm được hơn nữa. Ông khe khẽ tiến vào buồng cô Khuê.

Bác thông phiên đã nhìn thấy rõ như vậy, đợi khi cả tấm thân của ông bị chôn vào trong bóng tối, bác mới từ từ ngồi dậy. Bác đi chân không sang giường ông. Thấy cái tráp mở sẵn, bác nhấc cái ngăn trầu ra xem. Cả ngăn dưới chỉ có giấy má, chứ không có đồng tiền nào.

Bác cau mặt, nghĩ ngợi một lát, rồi đến xó cửa, lấy hòn gạch vắn để ở đó. Bác bỏ hết giấy má cùng ngăn trầu trong tráp ra, rồi đặt hòn gạch thay vào. Bác cứ để mở nguyên cái nắp tráp và ngồi đợi.

Bỗng một tiếng dằng hắng trong buồng, bác vội vàng ôm tráp đi vào.

Thì cố nhiên là bác bắt được quả tang.

Ông huyện thấy động, cuống quýt sờ soạng cái quần, nhưng không thấy đâu cả. Hẳn là cô Khuê đã giấu biến đi mất rồi.

Lòe một cái, một tia lửa chiếc đèn bấm năm pin soi rõ vào ông từ đầu cho đến chân. Ông lúng túng, đứng co ro. Nhưng một chiếc áo cánh không phản chủ, cũng là phản chủ. Nó không đủ vừa che mình ông vừa che cả những chỗ ông muốn che!

Bác thông phiên sấn lại ôm ông. Trong khi ấy, cô Khuê đỡ lấy tráp. Ông huyện giẫy giụa, cau mặt mắng:

- Ô, cái thằng, lão nào!

Nhưng bác Giốc chẳng nói chẳng rằng. Bác luồn tay ghì lấy đầu ông, Ông không cự được. Cô Khuê cầm nạm râu ông, đặt vào thành tráp, và rập nắp lại đánh sập. Cái

tráp có khóa mở neo, không có chìa khóa thì không thể mở được, nên cả bộ râu lê thê đã mắc cả ở trong tráp.

Cùm râu xong, bác Giốc bảo con gái buông tay ra. Cái tráp nặng nó giật râu ông đau đánh nhói. Ông nhăn nhó không dám kêu. Vì hễ hàm dưới cử động thì nó cọ ngay râu ông xuống.

Ông vội vàng nâng lấy tráp, và nâng bằng cả hai tay, vì nó nặng quá. Và ông huyện cứ phải tô hồ để nâng tráp như thế, cho đến sáng hôm sau, tận lúc thầy Đề chạy đủ hai trăm bạc mới chuộc được cho quan kíp vào dinh cụ Thượng.

(3-1938)

CHIẾC ĐÈN PIN

Lần sau, có việc lên tỉnh, ông huyện Văn Giang vẫn vào trọ nhà Giốc như thường. Thế là bác thông phiên đã đoán sai. Bác tưởng hôm nọ xảy ra, nó động tới chỗ liêm sỉ của ông huyện, bác sẽ mất đứt môi lợi. Mà rồi biết đâu, ông ta lại chẳng cố động các quan khách đến trọ cả nhà khác, thì thật là họa vô đơn chí.

Nhưng mà không. Ông huyện vẫn vui vẻ sai bảo bác, như quen khuấy chuyện hôm nọ, đến nỗi bác nghĩ rằng hay là đêm ấy bác đã chiêm bao mê hoảng mà thôi.

Song, quyết là sự thực. Ngay hôm sau, khi ông huyện đã về, bác Giốc nhiech móc cô Khuê, đến nỗi cô ứa nước mắt nức nở nói:

- Thấy mà cứ đổ oan cho con phải lòng cái nhà ông dè già ấy, rồi con tự tử cho mà xem! Con ngờ đâu ông ấy phải gió thế.

Bác Giốc quắc mắt, hỏi:

- Sao thấy ông ấy vào, mà không hô hoán lên?

- Thì con có trông rõ đâu. Mãi đến lúc thấy đánh diêm

soi, con thấy sáng, búng mắt nhìn ra, con hoảng, mới kêu rú lên.

Nghĩ ngợi một lát, bác Giốc nói:

- Lần sau, tao chắc ông ta không còn mặt mũi nào vào trọ đây nữa. Nhưng hễ mày đi phố có gặp, mày lên tránh xa ra.

- Ngộ ông ấy cứ đến đây thì làm thế nào?

Bác Giốc hút xong điếu sái ba, ngồi nhòm dây, tu một hụm nước rất nóng, đáp:

- Thì mày về nhà cô Lý mà ở. Ông ấy có hỏi, tao bảo mày đi đòi nợ.

Khuê trầm ngâm, thở dài, nói:

- Thật tự nhiên tổn tiền hành lý đi tránh nạn. ít ra cũng mất ngót đồng bạc. Sao thấy không dễ con ở nhờ nhà ai trên tỉnh này có được không?

- Ai người ta nuôi báo cô mày. Vả lại rồi người ta hỏi, tao sợ tai tiếng. Được, mày cứ nghe tao, về Rồng chơi với cô Lý mày dăm ba hôm.

Khuê nguây nguẩy:

- Về Rồng đi xa ốm lên ấy! Từ ga Gia Lâm kéo bộ theo đường đê thì nắng chết người! Mà làng Rồng cũng về huyện Văn Giang của ông ấy.

Bác thông phiên cau mặt:

- Nhưng trong khi ông ấy lên đây, mày đi Văn Giang, mày còn sợ gì. Vả lại ông ấy là phụ mẫu dân Văn Giang, đời nào ông ấy thêm trêu ghẹo mày ở hạt ông ấy cai trị.

Bàn bạc với con như thế, bác Giốc yên trí giấu được Khuê vào chỗ kín đáo xa xôi.

Ngờ đâu ông huyện Văn Giang thấy Khuê cấp nón và gói áo, lại biết rằng cô ra ga, thì ông vờ vịt hỏi bác Giốc:

- Con bé nó ra ga vào giờ này à?

Tưởng có nói thực cũng không hại gì, bác thông phiên đáp:

- Bấm quan lớn, cháu nó về Rồng, chơi với cô Lý cháu.

Ông huyện mừng thầm, hỏi:

- Rồng nào? Rồng Văn Giang ấy à?

- Bấm phải ạ.

- À, thế ra nhà mày cũng có họ với người ở Rồng đấy?

- Bấm cô cháu lấy chồng ở Rồng. Chú cháu trước kia làm lý trưởng.

Ông huyện nghĩ một lát, rồi hỏi:

- Lý trưởng nào thế nhỉ?

- Bấm lý Trung ấy ạ.

Ông huyện vừa gật gù vừa há to mồm ra mà:

- À, lý Trung là em rể mày đó! Bây giờ tao mới biết. Ừ, thằng ấy tao coi bộ cũng thực thà.

Nói đoạn, ông uống vội vàng chén nước rồi đi, sai lính xếp cả bàn đèn vào va-ly. Anh lính ngơ ngác không hiểu ý quan ra làm sao. Vì theo lệ thường, ngài rất lễ mễ. Trước khi vào hầu cụ thượng, dù sủng lục kể mang tai, ngài cũng hãy làm một hai chục điệu đã.

Lần này thì chẳng có sủng lục kể mang tai, mà ông huyện cũng hết sức lặt đặt! Ông vào dinh, thu xếp công vi cho chóng xong, định về Văn Giang nội nhật hôm nay, để đến tối, vào làng Rồng. Chỉ có sắc đẹp mới khiến ông nhin com trắng, com đen, đây đọa cái thân già như thế.

Chiều hôm ấy, về tới nhà, một mặt ông huyện bảo cai việc cho người đến Rồng thăm xem nhà ông lý Trung có phải mới có cháu gái đến thực hay không, một mặt ông sai làm mâm cơm, và tiêm chong chóng hút cho đủ bữa thuốc. Ông gắt gỏng với ông Đề và ông Bộ ba vào trình việc án mạng lúc trưa ở làng Phụng Công. Ông bực mình những việc quan trọng ấy đến làm rối beng cả óc, không cho ông được thông thả để nghĩ ngợi đến cuộc gặp gỡ dịu dàng sắp sửa này.

Rồi sớm tối, anh lính phụ khỏe nhất đã đội khăn, mặc áo the dài chỉnh tề, kéo xe ông về làng Rồng.

Chiếc xe lăn đôi bánh gỗ trên con đường gập ghềnh, ông huyện tuy đau đớn mệt nhọc, nhưng vẫn bắt chạy hết sức. Tay ông cầm chiếc đèn bấm năm pin, thỉnh thoảng, lại bật sáng lên, để soi lối cho xe đỡ sa xuống ruộng. Hôm ấy là cuối tháng, trăng sao không có, cả một cánh đồng như nhuộm mực.

Về đến Rồng, tuy ông ê ẩm cả lưng lẫn hai vế đùi, song ông thấy nhẹ nhõm ngay. Ông đi rõ nhanh, gọi cổng vào nhà lý trưởng đương thứ.

Ông nói thực với thuộc hạ mục đích của ông, và hỏi:

- Vậy thầy có kế gì giúp tôi không?

Lý trưởng gãi tai đáp:

- Lạy quan lớn, quan lớn thương đến, chắc cô ấy phải bằng lòng ngay. Vả lại cô ấy về đâu, chứ lại về hạt này, thì lột làm sao được tay quan lớn. Mà con tưởng cô ấy định hầu hạ quan lớn, nên mới lập tâm đến chơi bà lý Trung.

Ông huyện vui vẻ, vỗ vai lý trưởng, vừa cười, và nói:

- Ừ, phải, thầy nghĩ đúng đấy. Thế bây giờ ta nên làm thế nào?

- Bẩm để lát nữa, con bảo nhà con chạy đến nhà lý Trung, bảo cô ấy sang chơi.

Ông huyện lắc đầu, xua tay:

- Nó không đi đâu.

- Bẩm có, nhà con ghé vào tai cô ta, bảo thực rằng sang quan lớn đòi.

Ông huyện gật đầu, nhấp chén nước chè tàu, rồi giục:

- Thầy bảo cô ấy nhà thầy đi ngay cho tôi.

Cái tin quan về làng, tự nhiên đồn ầm từ nhà nọ sang nhà kia. Người ta biết rằng quan, vì nhận được cái xe gỗ sơn đen để ngay ở ngõ nhà ông Lý.

Cả làng lo lắng chẳng hay có việc gì chẳng lành, mà đang đêm hôm, quan về một cách bất thành linh như thế.

Duy cô Khuê hiểu. Cô kể sự tình với bà lý Trung, và hỏi xem nên trốn tránh ở chỗ nào cho thoát.

Bà lý Trung bàn bạc với chồng, rồi nhất định dắt cô sang nhà người anh rể họ ở làng bên cạnh.

May sao, hai cô cháu vừa bước chân ra khỏi nhà độ mươi phút, thì ở ngoài cổng có tiếng bà lý đương nheo nheo gọi.

Song bà thất vọng ngay, vì thấy nói hai cô cháu mới ra Hà Nội lúc chập tối.

Ông huyện được tin, như bị sét đánh. Ông há mồm, mãi mới đáp đĩnh nói được:

- Thế cô có vào trong nhà xem xét kỹ càng hay không?

- Bẩm không.

Ông huyện giờ cả hai tay lên trời, mắng:

- Đồ ngu! Thầy lý đưa tôi đi vậy. Tôi đã biết rằng vợ thầy không được việc gì đâu mà.

Lý trưởng sợ tái mét mặt, vội vàng thắp chiếc đèn bão và cấp tráp điều, theo quan đi.

Đến nhà lý Trung, ông huyện gọi người mở cổng. Ông không nói rõ là khám xét gì, cứ xông xộc sấn vào, bấm đèn, lên nhà trên, xuống dưới bếp, ra cả chuồng trâu, chuồng lợn. Sau khi sục sạo một hồi vô ích, ông đứng giữa sân ngẩn ngơ thở dài. Lý Trung mời khan mời vãi, sao ông cũng không ngồi nghỉ. Rồi chẳng nói chẳng rằng, một mình lại xăm xăm đi sang hai bên hàng xóm. Không biết nghĩ thế nào, ông không cho ai theo hầu. Ông chắc Khuê đã nhanh chân, chui sang ẩn nấp ở đó.

Nhưng sự tìm tòi cố nhiên không có kết quả, gia di ông lại bị thiệt hại: ông vấp vào cái chốt cổng suýt ngã, cái đèn bấm rơi bắn ra xa, tìm hết hơi cũng không thấy.

Ông phát cáu, gọi vâng lý trưởng bảo đi về, và cùng đường, ông hết lăm bắm đến gắt gỏng:

- Thầy không được việc gì cả.

Lý trưởng sợ hãi, giải tai nói:

- Lay quan lớn, tha tội cho con. Bẩm bây giờ xin quan lớn cứ nghỉ ở nhà, con sai tuân đi tróc, thế nào cũng thấy cô ta.

Một người thất vọng đến đâu cũng không bao giờ dám tuyệt vọng, cho nên ông huyện bấu ngay vào cái chút hy vọng ấy, tuy biết nó chẳng vững vàng gì.

Ông nằm khàn trên sập nhà lý trưởng, tay vắt lên trán, thỉnh thoảng lại thở dài. Ông tiếc cả cái đèn pin nữa. Thực là thiệt đơn thiệt kép.

Mỗi tên tuần vác gậy về không lại làm ông chán nản một tý. Rồi đến người cuối cùng thì sự tuyệt vọng của ông đến chỗ hoàn toàn.

Lúc ấy đã đầu trống ba. Ông bỗng vùng ngồi dậy, bới lại tóc, cạo chần vào nách, xỏ chân vào giày, gọi lý trưởng.

- Bảo nó kéo xe cho tôi về huyện.

Lý trưởng sợ sệt nói:

- Bẩm đêm đã khuya, mời quan lớn nghỉ lại, nhà chúng con cũng sạch sẽ.

- Thôi, thầy cắt hai tên tuần lực lương cho chúng nó đi hầu tôi.

Nói đoạn, ông huyện như người điên, ùng ùng đi một mình ra cổng chẳng chờ ai cả. Lý trưởng học tốc chạy gọi tuần, và sai người sắp sửa đèn đuốc. Chẳng mấy chốc, giữa hai ngọn lửa sáng, chiếc xe đen đã ịch nghiêng bánh lên trên con đường gỗ ghề.

Sáng hôm nay, lý trưởng làng Rổng đang ngủ ngon giấc, thì có người đánh thức dậy, ký nhận tờ sức của quan huyện.

Văn Giang, ngày 28 tháng 2 năm 192...

Le Tri huyện sức Lý trưởng xã... tuần cứ.

Tôi hôm qua, bản chức đi tuần tại xã thầy và có mang theo một chiếc đèn bấm năm pin, mọi nhẽ.

Vậy không biết tên nào cầm đèn ấy, chưa nộp lại bản

chức, nay sức thấy phải tìm cho ra và đệ tại bản nha trước ngày 2 tháng 3. Nhược bằng đứa gian xảo có ý chiếm đoạt, thì sẽ phải tội nặng.

Nay sức

Lê Tri huyện

(ký tên và đóng kiểm)

Đánh vắn xong, lý trưởng cây cộc đủ mắt, bôi vào cột, thù người ra nghĩ, mặt tái dần.

3-1938

CẨM CHỢ

Không hiểu vì cố gì, từ tờ mờ sáng hôm nay, lính cơ ở huyện đứng đón các ngã đường, tay cầm roi mây, xua đuổi người các nơi, không cho gánh hàng đến bán ở chợ Huyện.

Mọi người ngơ ngác hỏi nhau, nhưng cùng phải nhắc lại câu của bọn lính mà chính họ cũng không hiểu:

- Đó là lệnh quan.

Người ta thui thủi về, lo lắng nỗi hàng bị động ế. Rồi mai kia, khi tiền hết, gạo hết, chồng con cha mẹ họ có lẽ phải nhịn đói vì đói, trong khi nia thịt lợn vì trót mổ đã thối dần, hoặc mẻt bánh cuốn vì trót làm đã khô đét. Phải đổ đi hết.

Những giờ này, đáng lẽ trước cổng huyện, tiếng rào rào không ngớt. Hàng vạn người ngồi la liệt sau khu bấy hàng, há to mồm ra để cười, để nói, để mời khách, để cãi nhau, hoặc để ăn quà trộm lẫn với bụi.

Nhưng hôm nay, cả một sự ồn ào tấp nập làm loạn óc ấy không có nữa. Hôm nay chẳng khác hôm qua là ngày đứng, sự im lặng phẳng phiu đè trùm lên cả khu chợ rộng mênh mông này, khiến ai bước chân tới, cũng tưởng lạc

vào một rừng cột. Chỗ này, vài thằng nhãi đánh đáo, gò lưng xuống cổ “cả cái” cho đúng lỗ. Chỗ kia, con ngựa hồng của quan, tiu ngủ đứng trước bó tre còn trơ cành, thỉnh thoảng đập chân xuống đất và cúp hai tai vạt lại đằng sau, khi giật mình vì tiếng cười của lũ trẻ.

*

* *

Rồi đến phiên mười chín, hăm bốn và hăm chín, chợ cũng vẫn quanh hiu như thường. Cứ sáng tinh sương lính cơ đã chia nhau đứng các đường, xua người ta như xua vịt.

Những người mạnh dút lót lắm mới được phép đi, nhưng chỉ bán vụng trộm quàng quàng một lát, chứ không dám ràng rênh hàng giờ như mọi ngày. Bởi vậy, đồ ăn thức dùng phải lên giá rất cao. Kẻ giàu tranh nhau vụng tiền ra mới mua nổi chút ít, nói chi đến người nghèo. Ao rau muống sau nhà trạm, chỉ trong hai hôm đã quang hẵn đi. Rồi khi lượt ngọn non đã hết, người ta không từ cả những lá già úa vàng. Người nghèo không có gì trừ bữa, phải vật cả râm bụt, luộc lên để tống tạm vào dạ dày. Ngoài phố đã hiện lên những thân hình nhăn nheo gầy khẳng. Ban ngày, cướp giật là thường. Ban đêm trộm cắp như rươi.

Mọi người thở dài, than vãn cùng nhau:

- Chúng ta đến chết đói hết.

Song sự cần sống bao giờ cũng khiến người ta trở lên liều lĩnh. Bởi vậy, họ rủ nhau đến nhà trưởng phố, nói:

- Nhờ ông vào xin với quan cho họp chợ, chứ đây, ông xem, đã mười hôm nay, đến người có tiền còn sống ngắc ngoải nữa là chúng tôi.

Trưởng phố cười, lắc đầu:

- Tôi có sung sướng gì hơn anh em đâu. Anh em không có gạo, thì tôi cũng không có gạo, anh em bữa đói bữa no thì tôi cũng bữa đói bữa no. Nhưng, còn như anh em xui tôi vào xin quan cho họp chợ, thì thật tôi không dám làm một việc vô ích. Vì biết đâu, đây là quan ta thì hành một lệnh trên.

- Thế tại sao quan cấm chợ, ông cho chúng tôi biết.

- Tôi cũng mập mờ như anh em mà thôi. Sáng hôm mười bốn, tôi thấy lính trong huyện bảo thế thì tôi biết thế, chứ ai dám vào hỏi quan. Chính các ông Thừa, ông Lục cũng đoán phỏng đâu vì hôm mười ba, nhà Bài nó chết chóng quá, quan ngờ là bệnh thời khí, nên vì vệ sinh chung, sợ bệnh lan đi các nơi, ngài mới cấm tạm chợ trong ít lâu.

- Nhưng nó có chết về số kia đâu? Nó bị cảm đấy mà, nếu không đã lây lung tung lên rồi. Và chính quan đốc tờ đã khám nghiệm.

Trưởng phố gật đầu:

- Phải, tôi cũng biết vậy.

Thế thì lên trình quan biết chứ?

- Ô, anh em còn phải dạy ông quan nữa hay sao? Người ta thông minh, làm gì không rõ những việc ấy. Tôi chắc rằng ngài cẩn thận cho ta, muốn phòng ngừa bệnh ghê gớm ấy, nên ra lệnh cấm chợ trong ít lâu nữa. Người ta có trách nhiệm về việc cai trị, thì những lúc trời gieo tai vạ như lúc này, tất người ta cứ phép người ta làm, nếu không, đến tai quan trên, ai chịu lỗi cho người ta. Anh em thử nghĩ xem?

- Nhưng ông cũng như chúng tôi, đã trải biết bao cực khổ rồi, không thể chịu thêm được nữa. Vậy ông cứ vào xin quan mở chợ cho dân phố được nhờ.

Trưởng phố, lẽ lười một cách sợ hãi:

- Anh em bảo tôi gì, tôi xin nghe ngay tức khắc, chứ, việc này, bố tôi bảo tôi cũng không dám. Anh em đặt địa vị vào tôi mới rõ. Nếu tôi nói rằng phố xá hiện nay đã bình yên, thì có khác gì tôi dạy khôn ông quan hay không? Và mình có thạo pháp luật về việc phòng bị bệnh thời khí đâu? Ngộ ông ấy vận rằng lấy gì làm chứng mà dám nói là không còn bệnh nữa, anh em bảo tôi bảm thế nào?

- Thì đấy, có người nào chết sau nhà Bài nữa đâu? Vậy nó chỉ là bị cảm.

Trưởng phố vừa chấp tay vái lấy vái để vừa cười, nói:

- Thôi, tôi xin anh em tha cho, đừng bắt tôi vào, lỡ có tội vạ chỉ một mình tôi chịu.

- Vậy chúng tôi cử người vào quan, để nói việc này được không?

- Cái đó tùy anh em, tôi không biết.

*

* *

Nhưng không cần có đại biểu dân phố nào, ông huyện mới biết. Từ ban nãy, đã có người nói đến tai ông rồi. Mà người ấy, tức là bà huyện.

Nguyên sự thiếu thốn đồ ăn thức dùng nó không nể cả quan phụ mẫu. Nó qua cổng chòi, đến nhà tư, và chui lọt vào dạ dày ông huyện. Mỗi ngày đầu tiên, nhà bếp ra phố mua bán, thì bao giờ người ta cũng nể trọng quan mà nhường cho miếng ngon. Nhưng sự khủng hoảng mỗi ngày một to, thì dù trọng quan cũng không nể nữa. Trước hết "giá nội" bị tăng, và sau có ngày không tìm được thứ gì mà mua cả. Bởi vậy bữa sáng hôm nay, mâm quan xơi không

được chứng chắc, nên quan có ý nghi, hỏi quan bà:

- Nay, bà thử xem xét thằng bếp nó mua bán ra làm sao, tôi ngờ nó ăn bớt tiền chợ nên đến dăm hôm nay, nó dọn láo quá.

Quan bà cau mặt, đáp:

- Thì ông ra lệnh cấm chợ kia mà?

- Quan ông trợn mắt, ngạc nhiên nhìn vợ:

- Tôi cấm chợ à? Có đâu?

- Đấy, từ phiên mười bốn đến nay, chợ có họp nữa đâu? Đến mười hôm nay, phố xá, khổ sở nheo nhóc lắm, ông cao xa, không rõ những việc ấy.

Ông huyện càng kinh ngạc, nói:

- Sao bà không bảo tôi? Thật à?

- Tôi biết đâu chỗ việc quan của ông mà nói.

Ông huyện ngẩn mặt một lát để nghĩ ngợi, rồi gọi đội lệ.

Ông hỏi:

- Ai bảo cấm chợ từ phiên mười bốn đến giờ?

Đội lệ ngơ ngác, gãi tai đáp:

- Bẩm quan lớn, con thấy thầy quản đồn nói rằng lệnh của quan lớn.

Ông huyện gất:

- Gọi quản đồn lên đây.

- Ai bảo cấm chợ.

- Lạy quan lớn, hôm ở phố có tên Bài nó chết, quan lớn bảo cấm chợ, chờ xem quan đốc tờ khám xét xong hãy hay.

Quan huyện giơ hai tay lên trời tỏ ý thất vọng.

- Phải rồi, nhưng khi xét thấy nó chết về cảm thì phải cho họp chợ như thường chứ?

Quan đồn sợ hãi đáp:

- Lạy quan lớn, quan lớn không ra lệnh lại cho họp, nên con không dám tự tiện.

Ông huyện không nói gì, thở dài. Bà huyện chép miệng:

- Thế mà làm cho nhân dân sống dở chết dở gần nửa tháng rồi.

Đội lệ và quân đồn bị quở vừa ra khỏi, ông huyện chống tay ngồi yên lặng, hai mắt lơ đãng, rồi thở dài. Bà huyện trách:

- Tại ông không nói rõ, và khi khám không phải bệnh thời khí, ông quên không dặn lại quân đồn từ phiên sau cho họp chợ như thường.

Ông huyện nhìn vợ một cách hối hận, gật gù:

- Phải, tại tôi nhiều việc quá nên quên đứt đi mất.

Giữa lúc ấy, có tên lính vào, bẩm:

- Bẩm quan lớn, có mấy người hàng phố xin vào hầu.

Ông huyện cho phép họ vào. Thì là những người đến nhà trưởng phố ban nãy. Họ nói:

- Bẩm quan lớn, từ ngày có lệnh cấm chợ, nhân dân chúng tôi rất nheo nhóc khổ sở. Đồ ăn gạo củi, lên giá một cách không ngờ...

Ông huyện không muốn nghe hết câu, ngắt lời:

- Tôi cũng biết trước thế. Nhưng các người muốn gì?

- Bẩm, chúng tôi muốn xin quan lớn cho phép họp chợ như cũ, kéo dài to.

Ông huyện cau mặt đáp:

- Cái đó là lệnh trên bắt thế, chứ tôi nào có muốn. Nhưng để tôi xin cho. Các người hãy dần lòng đợi ít lâu và

nên yên trí trước rằng đang khi mọi nơi nhốn nháo về bệnh thời khí, thì việc xin mở chợ, là một việc rất khó. Song, tôi cố hết sức xin, và may ra quan sứ, quan tuần nể lời tôi, thì mười phần cũng chắc được tám.

*

* *

Đoàn đại biểu cảm tạ lòng tử tế thương dân của vị phúc tinh. Và chợ Huyện, từ phiên mồng chín trở đi, lại được vui vẻ sầm uất như trước.

Trong khi ngoài phố lác đác có một hai người chết đói, trong khi tên bếp trong huyện cố hà hiếp tàn nhẫn mới mua được đồ ăn, bà huyện thương cự ông huyện sao không cho họp chợ ngay phiên mồng bốn là sau ông biết cái lỗi quá lơ đãng đến nỗi nhân dân quá khổ sở. Thì ông nháy một mắt, nói thầm:

- Không trách, người thật thà không làm nổi quan. Nếu hôm chúng nó vào xin họp chợ, mình nhận lỗi rằng mình quên, thì chúng nó oán đến mấy đời. Mình phải làm ra cách khó khăn, đổ cho lệnh trên, và mình làm ơn cố xin hộ. Như thế có phải chúng nó lại ơn mình nữa hay không. Cũng bởi vậy, tôi cần phải cấm thêm một phiên nữa cho ra dáng sự cấm là họp lễ phải và ngặt nghèo là nhường nào.

Bà huyện lắc đầu, bĩu môi để tỏ ý phản đối. Nhưng ông huyện thản nhiên đáp:

- Thế mà buồn cười đáo để, chúng tưởng mình làm ơn thực, xin góp nhau thừa bức hoành để tạ ơn. Thôi được, càng được tiếng là nhân quan còn gì?

Nói đoạn, ông đắc chí, cười rung cả cái bụng xệ.

(6-1938)

MUA BÁNH

Đã hơn một giờ, cậu Mai khóc, dỗ thế nào cũng không nín. Cậu đòi cho được bánh sừng bò, vì bà huyện hứa hồi lộ cậu, nếu cậu để yên cho vú em tắm hộ cậu. Thật là giỏ nhà ai quai nhà ấy.

Cả xóm ai cũng phải phát ghét về cái lối vòi dai của đứa bé hư đốn ấy. Mà cậu nghịch ngợm đất cát, mồi hôi mồi kê nhể nhại, quần áo lấm như chôn như vùi, nếu không để yên cho người ta tắm hộ thì để làm mắm hay sao. Giá phải con nhà khác, thì một cái bọp chững chắc vào mang tai, cậu có thể đau vào đấy. Khốn nỗi cậu mới lên năm, đánh đau thì thương, vả lại là con một, nên bà huyện chiều quá chiều vong.

Vú em đã sửa soạn cả nước, xà phòng, lẫn khăn mặt, cậu chỉ việc ngồi đó, để người ta kỳ hầu, thế mà cũng trốn như chạch. Nói thế nào cậu cũng ứ, nên bà huyện bảo:

- Con tắm xong, mợ bảo nó mua cho cái bánh sừng bò mà ăn.

Cậu Mai thích chí, cười khanh khách, tụt ngay quần, nhảy vào chậu thau, làm nước bắn tung tóe.

Thế rồi khi tắm xong, cậu nằng nặc đòi bánh cho kỳ được, và nhất định không mặc quần áo. Đến khi biết mẹ nói dối, cậu đâm khùng, đỏ mặt tía tai, cứ trần truồng, nằm ềnh ra đất khóc rầm rĩ.

Bà huyện thấy con khó bảo, cũng bực mình, nhưng không mắng. Bà chỉ phàn nàn với vú em:

- Giá như ở huyện thì tao đã bảo chạy ra phố mua được ngay, chứ ở nhà quê, cách Hà Nội những hơn hai mươi cây số, làm gì có bánh sừng bò. Biết cậu nhớ dai thế, thì tao đổi cái khác.

Rồi chợt nghĩ ra, bà hỏi:

- Ở phố ga có bán không hở mày?

- Bẩm bà lớn chỉ có vài hàng bán buôn bánh Khách mà thôi.

Cậu Mai giẫy đành đạch:

- Không, em không ăn bánh Khách đâu nào!

Rồi cậu ngồi nhồm dậy, túm lấy áo vú, tát lấy tát để vào mặt.

Vú em cố gỡ cho ra. Cậu tức, hai chân đạp trong chậu nước, đổ lênh láng, rồi lại nằm ăn vạ.

Bà huyện thấy con rần đầu rần cổ, vội vàng dỗ:

- Sáng mai, cậu cho xe về đón mẹ con lên huyện thì tha hồ mà ăn bánh sừng bò.

- Không, bây giờ kia!

Bà hàng xóm muốn chừng sốt ruột về tiếng khóc, đứng ở hàng rào đâm bụi, nói sang:

- Thôi, cậu nín đi. Về nhà quê thì đòi quà bánh đúc chứ lý.

Cậu Mai khóc mỗi môm, bèn nằm yên. Cậu mệt lử và người bê bết những đất.

Bà huyện thương hại, gọi lũ trẻ lảng giềng sang nghịch, để cậu mãi chơi quên hờn. Nhưng vô hiệu, cậu Mai chửi lũ trẻ, chửi bằng những tiếng thô tục. Chúng nó sợ cậu phát khùng hơn, lảng chạy mất.

Cậu Mai như bị gọi mỗi căm hờn, lại bắt đầu khóc. Thấy con gào thét, bà huyện như bị đứt từng khúc ruột. Bà nhăn nhó, lắc đầu, rồi chép miệng, dịu dàng nói:

- Giá có xe ở nhà, mợ bảo tài xế nó đánh ra Hà Nội mua cho em rồi. Thôi em dậy đi.

- Em không, bánh sừng bò cơ!

Bà huyện nhìn con, thở dài. Rồi chợt bà nghĩ ra, gọi:

- Ích ơi.

Người tá điền lên, bà hỏi:

- Làng ta có ai có xe đạp không mày?

- Bẩm bác Lý vẫn có, nhưng không biết bác ấy có nhà hay lên huyện.

- Thế thì mày đến nhà bác Lý nhé, nói rằng bà huyện tôi mượn bác xe đạp cho người nhà lên ga bỏ cái thư một tý thôi. À, mày có biết đi xe đạp không?

- Bẩm bà không.

Bà huyện cau mặt:

- Rầy rà nhỉ. Em mày, thằng Nhân có biết đi không?

- Bẩm nó hơi biết.

- Vậy mày gọi nó lên đây, tao sai nó ra Hà Nội mua bánh cho cậu. Tính cậu thế cơ, muốn gì thì đòi cho kỳ

được. Không có thì chết với cậu.

- Thưa bà, em con nó chưa ra Hà Nội bao giờ.

Bà huyện tần ngần nghĩ ngợi, rồi nói:

- Được, mày cứ đi mượn bác Lý, rồi bảo em mày lên đây tao dặn.

Ích lấy nón ra đi! Và một lát sau, một chú bé độ mười bốn, mười lăm tuổi, lên chào bà huyện.

Bà huyện hỏi:

- Nhân, mày biết đi xe đạp chứ?

- Bẩm biết.

- Mày đi mua cho cậu cái bánh sừng bò nhé.

- Thưa mua ở đâu ạ?

- Mua ở Hà Nội ấy mà.

- Bẩm bà, con chưa ra Hà Nội bao giờ.

- Được, tao dặn đường. Mày cứ đi thẳng lên ga, rồi theo đường nhựa đi về phía chợ gạch, nghe chưa.

- Vâng.

- Đây là đường đi Hà Nội. Từ ga đến Hà Nội hai mươi cây số, sức mày đạp độ một giờ rưỡi đồng hồ. May hôm nay xuôi gió thì chóng đấy. Mà đừng chơi giữa đường nhé. Sắp đến nơi, phải qua cái cầu dài. Rồi qua cầu, mày rẽ tay trái, theo dọc bờ sông, đến chiếc cột ở giữa đường trên có chiếc đồng hồ, thì mày đi về phía đường trong. Rồi đi phố ấy, đến ngã tư, mày rẽ về bên phải. Đi một quãng nữa, mày rẽ sang tay trái. Phố ấy có hiệu bán bánh tây. Mày vào mua cho tao hai chiếc bánh sừng bò, đừng bánh mới ấy. Mua xong, mày đạp ngay về, đừng nghênh ngang ngoài đường mà chậm nhé. Mày nhớ lối đi chưa?

Nhân ngơ ngác đáp:

- Thưa bà chưa. Mà Hà Nội nhiều phố quá, con sợ lạc.

- Không lạc đâu, cứ nghe tao dẫn mà nhớ cho kỹ.

Bà huyện lại nhắc một lần nữa, và lần này bà vạch ra đất, vẽ phố xá cho rõ ràng.

Nhân vẫn như vẹt nghe sấm:

- Thưa bà, thế thì con lạc mất. Đường này lại lắm xe ô tô quá, mà con thì mới biết đi xe đạp.

Bà huyện dỗ ngọt ngào:

- Mày cố đi đến nơi về đến chốn. Tao cho mày năm xu mà uống nước.

Độ nửa giờ sau, Ích dắt xe đạp về. Bà huyện đưa Nhân hào rưởi, và căn dặn thêm một lượt.

Nhân mượn nón của anh rồi lên xe. Vì nó mới biết đi, nên cầm lái còn chập choạng. Một xuýt nó đâm vào hàng rào. Sau hết, anh nó phải giữ xe cho nó lên.

*

* *

Lúc Nhân đi là khoảng hai giờ chiều. Độ năm đến sáu giờ, tất nó về tới nhà.

Nhưng đến tận sáu giờ rưởi, sấm tối, chẳng ai có tin tức gì về nó cả.

Bà huyện thỉnh thoảng chạy ra cổng và gắt nó chưa dẫn xác về. Bà ngóng đôi bánh sừng bò hơn là ngóng nó.

Nóng ruột ngóng nó là anh nó. Ích phen nản, em nó mới biết đi xe đạp mà dám cả gan ra Hà Nội là nơi chưa đến bao giờ, lại xe cộ như mắc cửi. Vả lại nó bé quá, không

biết có đập nổi ngót năm mươi cây số khứ hồi hay không.

Rồi mẹ nó cũng mong đứng mong ngồi. Mẹ nó lo nó lạc, lo nó bị nạn ô-tô, lo nó mệt quá mà quý giữa đường mất.

Rồi đến bảy giờ tối mịt, Ích không thể kiên gan, phải vác gậy đi đón em.

Đã từ năm giờ hơn, trên hiên nhà trên, cậu Mai nằm chán thì mỏi, nên đến bữa cơm, cậu yên cho vú giội lại người và mặc quần áo. Vả lại cậu đã trông thấy người ra Hà Nội mua bánh sừng bò rồi. Bởi vậy, cậu bằng lòng cho vú và cơm cho, chỉ yêu cầu một khoản xoàng mọi bận, là chạy diều mà thôi. Trong khi cậu chạy diều, vú cầm bát cơm và chiếc thìa chạy theo. Rình khi cậu vừa nuốt xong, thì vú dứt ọc cho cậu một thìa cơm vào miệng. Cậu cũng giẫy giụa và chửi vú để phản kháng. Nhưng vì mê diều, nên bất đắc dĩ nhận lấy miếng cơm. Và cứ thế cho đến khi cậu ăn đủ bữa.

Bà huyện không dám nhắc nhỡm ra miệng đến Nhân, sợ con nghe tiếng, lại nhất định khóc một dạo nữa để biểu tình thì không biết đến bao giờ mới dỗ nổi.

Bà chỉ bảo thâm vú:

- Giá biết cậu không hờn dai, thì tao bảo nó vờ đi đâu một lát cũng được.

Rồi đến tám giờ, người ta chưa thấy Nhân về. Mẹ nó lo cuống cuống, thở vắn than dài, nói khó với năm sáu người, nhờ họ đi tìm hộ.

Nhưng bọn nào đi là mất bọn ấy.

Và độ quá trống canh một, nhà trên đóng cửa, bà huyện đánh một giấc ngủ ngon.

Nhưng đến nửa đêm những người đi tìm Nhân đều lục tục về không. Và đến nửa buổi hôm sau, vẫn chưa ai thấy tăm hơi Nhân đâu cả.

Người ta nói đến tai bà huyện về Nhân, thì bà bực mình lắm. Người bảo nó lạc, người bảo nó bị chẹt ô tô.

Rồi đến khi không ai hy vọng trông thấy Nhân trở về với mẹ nó và anh nó nữa, thì bà huyện chép miệng, nghĩ đến cái bánh sừng bò là món ăn thích của cậu con quý, bà cau mặt, cau nhàu với vú em:

- Bà biết sai đồ ngô ngọng ấy là không được việc gì mà. Thế là toi hào rưởi!.

26-6-1938

TRẦN THIỆN, LÊ VĂN HÀ

Trần Thiện và Lê Văn Hà là hai tay ra ứng cử dân biểu khóa này ở hạt tôi. Bởi hai người cùng giàu, cho nên tranh nhau rất kịch liệt.

Ông Thiện chê ông Hà vô học.

Ông Hà bảo ông Thiện dốt.

Ông Thiện khoe mình làm phó tổng, được từ dịch, có phẩm hàm, rất trung thành với hai chính phủ.

Ông Hà nói, mình tuy trước chỉ làm có lý trưởng, nhưng được hưởng thụ cử phẩm văn giai (có ám chỉ ông Thiện thi trượt Sơ học yếu lược cùng năm với mình).

Ông Thiện viện năm mươi bảy tuổi của mình ra để đảm bảo cho sự lịch duyệt và mĩa mai những người coi ghe nghị viện như bước danh lợi, chẳng hiểu việc dân việc nước là gì.

Ông Hà dẫn câu: “lão ô bách tuế bất như phượng hoàng sơ sinh” ra, để cãi cho sự kém tuổi của mình, ông lại thêm rằng tuổi năm mươi là tuổi của người không nghễnh ngãng, không già yếu. Ông cũng mặt sát hạng lợi dụng việc dân việc nước để mưu danh lợi riêng.

Cử tri, mấy hôm ấy, đình tai nhức óc về những lời hai bên bôi bác nhau. Mà họ cũng loạn óc, không biết ai là người có cái mặt không nhọ để xứng đáng thay cho cái mặt còn trắng tinh của mình nữa.

Người ta chép miệng, than:

- Hoài của, khóa trước cụ nghị Lại ra, còn có thể thống hơn thế này nhiều. Năm nay cụ ấy không ra cho!

Nhưng có người cãi ngay:

- Hơi đâu cụ ấy tranh nhau, vì có được, bất quá cũng vẫn chỉ là ông Nghị.

Người ta phân vân cho đến khi... hết phân vân. Nghĩa là đến khi ngã ngũ ra là, hoặc được ông Thiện, hoặc được ông Hà mời đến, nhốt vào trong nhà giấu biệt phiếu bầu và thẻ, và đằng đẳng mấy hôm cho ăn uống, hát xướng, hút xách, bài bạc, tiêu tiền vô-tội vạ, và “đi sau” cũng có người kèm bên cạnh để canh.

Lúc bấy giờ thì người ta mới định được là ông nào tử tế, và hết sức với “khổ chủ” để nói xấu bên kia bằng những câu rất vô lý.

Tài hóa có dịp lưu thông. Lợn bò có dịp được chết. Và vô số hạng người có dịp được no lây.

Nửa đêm, trước khi đi ngủ để lấy sức, cử tri nói nhỏ với nhau:

- Găng lắm. Thế nào cũng phải bầu lại. Bọn ta còn được trọng đãi.

Cũng lúc ấy, ông Thiện hội họp bộ tham mưu, lo lắng hỏi:

- Các ông thử tính xem, liệu kết quả ra sao?

- Tôi không rõ bên kia họ còn cách nào kín đáo để giấu người chỗ nào hay không, chứ cứ như chúng tôi dò, thì bên ta thế nào cũng thắng phiếu.

Nhưng ông Hà chẳng kém về bản khoản, nói với các người giúp việc:

- Không khéo thì thua mất.

- Ông cứ tin ở chúng tôi, ba trăm người của ta, bỏ rẻ có mười người “phản thù”, cũng còn hơn bên kia những mười bảy phiếu. Bên ấy giữ được bao nhiêu người, chúng tôi biết cả rồi.

Như cuộc đánh bạc, càng về khuya càng đánh to, lá phiếu càng đến giờ cuối cùng càng đắt. Nó đi từ một đồng, hai đồng, đến năm đồng, rồi mười đồng, hai mươi đồng, và sau hết có bốn mươi phiếu phải mua mỗi phiếu bốn chục.

Bà Thiện tính phác ra, từ nọ đến nay, phí tổn cả thầy kém hai trăm đầy bảy nghìn. Bà Hà trợn mắt, lắc đầu với con số sáu nghìn tám.

*

* *

Ngay từ sáng sớm, các cử tri đã bị lên lên ô tô, ngồi chật cứng, không cựa được. Cứ mười bốn người An Nam ngồi gọn vào chuyển xe tám chỗ của Tây cũng vừa.

Chiếc xe chạy trên đường đất mà không nảy lên được. Nó hét còi văng vít và tung bụi một cách hùng hồn. Rồi nhả người ra trước cổng huyện.

Mười bốn cụ.

Mười bốn cụ.

Mười bốn cụ.

Hết lượt này đến lượt khác, cụ nào cụ ấy phê phỡn, mặt đỏ gay; tay phe phẩy quạt, như thể lúc bấy giờ mới biết quý cái tự do.

Bộ tham mưu của hai nhà tranh cử nhanh nhẹn đi đi lại lại giữ dật lấy quân mình. Túi anh nào anh nấy đẩy phê những giấy bạc để hồng may còn gạ được cử tri trung lập nào chẳng. Bọn người giác ngộ này, họ tính ra còn đến hơn trăm nữa. Họ cố tấn công, dồn đánh một trận cuối cùng, cho nên địch phải cởi giáp lai hàng, tro thân cụ còn là anh phó tổng đốt, hoặc anh lý trưởng vô học.

Sân công đường biến thành cái chợ buôn người. Người ta nói chuyện ì ọp, chân giẫm lên bồn cảnh và buồn tay bút hoa người chơi rồi vứt đi. Ai cũng tranh vào bỏ xong lá phiếu để được về sớm. Nhưng đông quá.

Trong buồng giữa công đường, một cậu lính lệ nghiêm trang cầm chiếc quạt lông thông thả phẩy vào lưng ông chủ tịch. Quan phụ mẫu ngồi cầm kéo cắt góc phiếu bầu. Ông thừa phái xem thẻ và tên cử tri trong phiếu.

Một người khúm núm vào, giơ hai tay lên đầu, uốn lưng vái một cái, run run dâng cái phiếu đỏ, cái thẻ vàng, và cái giấy trắng gấp tư, rồi khoanh tay đứng đợi. Một lát, cử tri lại giơ hai tay ra nâng lấy phiếu và thẻ, vái một cái dài, rồi giật lùi bước ra.

Mỗi khi làm xong bốn phận người công dân như thế, người ta như đã trả xong được món nợ. Quạt. Cười. Nói. Và đi về.

Tám giờ. Chín giờ. Mười giờ. Mười một giờ. Sân công đường chưa lúc nào kém vẻ tấp nập.

Tham mưu bên ông Thiện mà lắm bả tính và hớn hỏ nói:

- Trăm mười người, mà đã chín mươi người về ta.

Tham mưu bên ông Hà tùm tùm ghé vào tai nhau nói thầm:

- Cứ để người bên kia vào trước đi. Ở nhà còn găm khối, đã thả ra hết đâu.

*

* *

Kết cục cuộc bút chiến về văn chương, ít ra cũng lòi ra một anh dốt, thì kết cục cuộc bỏ tiền tranh nhau công danh, hà tiện ra cũng có một anh đại như bò.

Mà anh nhà văn hay anh hiếu danh cũng vậy, hễ biết mình gần thua là đâm ra phá bình. Không được ăn thì đập đổ. Chứ đổ bên nào chịu bên nào.

Từ một giờ trở đi, số phiếu vẫn đuổi theo nhau, lúc bên này hơn vài lá, lúc bên kia hơn vài lá.

Bộ tham mưu ông Thiện rĩ tai nói nhỏ cùng nhau.

Bộ tham mưu ông Hà cũng gọi nhau ra chỗ vắng vẻ để bàn việc.

Rồi cuộc chiến tranh bắt đầu dữ dội.

Một người chẳng biết có hiểu pháp luật hay không, reo bằng tiếng to như tiếng bom:

- Một phiếu bỏ cho ông Hà, bốn chục!

Rồi người ta quây xúm quanh cử tri trung lập để diễn thuyết như súng liên thanh và giúi tiền giúi phiếu bầu vào tay, chẳng biết rồi chính tờ phiếu ấy có chui vào hòm hay tờ khác.

Rồi người ta lập đội du kích, nghĩ mưu làm cho bên địch hớ hênh, bèn chạy sang cướp lấy vài người giúi thoát các giấy cần dùng vào túi, và đẩy xô vào buồng bầu. Lối ấy có công hiệu đến ba lần, bên ông Thiện mới biết.

Tham mưu ông Thiện cử đại đội ra để tổng công kích:

- Được, vỏ quít dày đã có móng tay nhọn. Hòm ảnh của anh tốt đấy chứ.

- Tốt.

- Còn phim không?

- Còn.

- Được, anh theo tôi. Bấm cho nhanh nhé.

Rồi không hiểu họ điên hay sao, họ đổ bộ sang bên phe ông Hà. Nhưng đích họ không bị điên, vì lạ quá, túi anh nào cũng có vừa giấy bạc vừa giấy trắng in ba chữ Lê Văn Hà sẵn và đằng sau, có một vết mực thực chấm thực to.

Họ đến gần người định bầu ông Hà, mắt lăm la lăm lét, vừa nói thầm, vừa đưa hai tờ giấy bạc:

- Ông làm ơn bầu cho ông Hà.

Thực thà, ông cử tri nói:

- Được mà, có tiền rồi mà.

- Không ông cứ cầm nữa lấy.

Ai đại gì đi chối món ăn. Và cố nhiên không phải thuốc độc và hơi ngạt. cử tri giơ tay cầm tiền và phiếu.

Khi biết đích là trong tờ phiếu trắng có tên ông Hà, bọn tham mưu ông Hà rúc rích cười, và chửi thầm mãi ông Thiện dùng phải lũ phản chủ.

Họ phản chủ như thế đến hơn bốn chục lần.

Và trong lúc ấy, chiếc hòm ảnh cứ đi tầu ngầm bấm tanh tách đến mười lượt.

Rồi quãng hai giờ chiều, ông chủ tịch bắt quả tang một người đang công nhiên đưa tiền cho một cử tri để bán phiếu. Mở lá phiếu gấp tư, ông thấy tên Lê Văn Hà.

Người bán phiếu bị bắt.

Ông Lê Văn Hà như từ trên tầu bay rơi xuống đất, nhất định không nhận đó là người của mình.

Người bán phiếu bị khám túi: Còn rất nhiều tiền và có giấy in tên ông Hà.

Có người đứng cạnh, tố giác:

- Thưa quan lớn, phiếu nào đằng sau cũng đánh dấu một nét chấm bằng mực.

Ông Thiện gãi tai, khúm núm, - bắn một phát đạn cuối cùng:

- Bẩm lay quan lớn, tên này bán phiếu cho rất nhiều người, con đã chụp được mười chiếc ảnh để làm tang chứng. Xin quan lớn ghi vào biên bản, để con làm đơn khiếu nại sau.

Rồi chẳng những người ta vớ được có một người ấy, năm sáu người nữa cũng hớ hênh thế nào đến nỗi bị tóm cả.

Ông Hà không nhận, cãi rằng chính là người của ông Thiện phản ông. Song, những người bị bắt thì khai đích là bộ tham mưu của ông Hà. Thật là một việc rất dễ hiểu và khó xử.

Bởi có việc gian lận này, cho nên hạt tôi có cuộc bầu lại nghị viên và tin ấy rất đáng mừng cho các cử tri còn được dịp ăn uống, hát xướng, hút xách, bạc bài, tiêu tiền vô tội vạ...

20-8-1938

CON NGỰA GIÀ

Hơn hai mươi năm về trước, đã có thời kỳ tôi ở huyện Yên Mỹ. Hồi ấy, tôi mới độ chín, mười tuổi.

Vì ngoài phố ít ao, vả giếng gánh nước ở xa, nên nhân dân, ai tắm giặt, phải vào nhờ ao trong huyện cho tiện. Lối từ cổng đến ao, đi sau tư thất của quan phụ mẫu, nên mỗi khi tôi vắt bộ quần áo sạch lên vai, và cầm chiếc gáo sắt tây ở tay để đi tắm, là tôi lại đứng trước chuồng ngựa, ngắm nghía ngựa rất lâu.

Ông huyện nuôi ba con ngựa, một con hồng, một con bạch, và một con ô.

Trong ba con ấy, hai con kể trên không có gì đáng chú ý. Nhưng còn con ngựa ô, bao giờ tôi cũng phải nhìn nó bằng con mắt kính phục. Nó cao lớn, trông bề ngoài cũng biết là sắc mắt, bất kham. Nhất là tôi được nghe rất nhiều chuyện về nó.

Con ngựa ô ấy, ông huyện, hồi ở Yên Dũng, đã mua lại của ông phó công sứ Bắc Giang, sắp về Tây. Vì lẽ đó, nó cũng có tên là ngựa Tây. Và cũng vì là ngựa Tây nên nó

không hiền lành như ngựa ta. Nó dữ, khỏe mạnh và hung hăng lắm.

Đã có lần nó cắn anh bởi ngựa một miếng vào tay, máu chảy lênh láng, khi anh ta đang tắm cho nó. Anh bởi đã là tay giỏi ngựa, vậy mà một đôi khi phải chịu nó. Nó có một tính lạ, hề thấy người đem đồ lại gần để đóng xe, là nó hí lên rầm rĩ, và đá vung vít. Có bận, ba bốn người lính lực lưỡng mới đóng nổi nó vào xe; một người giữ chặt dây hàm thiếc, cho nó khỏi quay lại cắn, hai người bẻ khuỷu hai chân trước, để hề nó đá bằng hai chân sau, thì nó ngã. Lúc ấy, nó mới chịu. Nhưng động thấy đôi càng xe làm trĩu dây da quàng lưng, là nó phi liên. Vì vậy, người ta phải đóng đồ rõ nhanh, và ai ngồi xe, phải lên ngồi sẵn sàng cả trên đệm. Vì nó mà chạy, thì có trời ghìim nổi.

Lần đầu tiên, anh bởi chưa biết tính nó như thế, nên để nó đánh đổ xe, gãy tan mất một bánh. Lại lần nữa, nó đã cứ xe không, thẳng đường, tể một mạch cho đến tận bến dò, xéo vung vít cả vào người ở chợ, rồi kéo thẳng xe xuống sông. Lại một lần nữa, anh bởi lúng túng, chưa kịp nắm chặt cương, nó đã cuốc. Bà huyện ngồi trên, kêu la rầm rĩ. Nhưng may, khi đến cổng, vì nó quành non quá, đầu càng xe vập vào bờ tường, ba huyện ngã lộn nhào ra đằng trước, sây sát cả mặt mũi. Song, nếu không thế, nó chạy chưa biết đến đâu, và chắc gây nên tai nạn còn lớn hơn nhiều.

Khi con ngựa ô chạy xâm xấp mồ hôi, thì nó càng hăng. Nó tể nhanh và dai sức lắm. Có lần nó đã phi ngang xe lửa từ ga Đình Dù đến Phú Thụy. Rồi vì tàu phải đỗ ở Phú Thụy, nên nó chạy vượt lên. Người bởi nói rằng hôm ấy,

hành khách xe lửa, ai cũng phải thò đầu ra cửa để xem cuộc chạy thi của sức máy móc và sức giống vật.

Không những con ngựa ấy khỏe mà thôi, nó lại khôn nữa. Ai lại gần nó thì nó húc hặc, cắn đá, nhưng đến ông huyện đứng cạnh, thì nó hiền như con bò. Tha hồ ông vuốt ve, thò tay vành rặng nó ra, hai tai nó vẫn cứ cúp ra đằng trước một cách ngoan ngoãn.

Lính huyện còn ca tụng mãi cái việc nó cứu chủ. Một đêm, ông huyện cười nó đi tuần. Xảy gặp một toán đông người, có khí giới. Không biết chúng là bọn cướp, hay chúng thù ông huyện, biết ông đến chỗ ấy, nên đón đường định hại. Chúng ô ra, chặn lối đi. Bị tai nạn bất thường, ông huyện cuống quýt. Nhưng con ngựa ô đá vung vít, giải vây được, và cắm đầu tể một mạch về nhà.

Lại một lần nữa, trong mùa nước to, lý trưởng làng Lục Điền phi báo ông huyện khúc dê sạt bốn mươi trượng, ông huyện cười con ngựa ô đến chỗ xung yếu thì được độ năm phút, ô tô ông sứ đến. Ông sứ cho là ông huyện chăm chỉ, lấy làm bằng lòng lắm. Giá dùng con ngựa hồng hay bạch, tất ông đến sau ông sứ, và sẽ bị quở trách là lười biếng việc quan.

Bởi thế, duy chỉ có ông huyện là quý con ngựa ô, còn cả nhà coi nó như kẻ thù, vì ghét nó quá. Bà huyện bảo đem bán quách nó đi, để tránh những sự nguy hiểm. Người bồi động đến gần nó, là quất trước ít ra là năm chiếc roi gân bò vào mặt nó, để thị uy. Ai có việc phải đến gần nó, cũng trống ngực thình thình, cố mau chóng để tránh cho xa cái hàm răng và cẳng chân ghê gớm của nó.

Những điều tôi kể trên kia, là tôi nghe được người bồi ngựa nói lại. Nhưng chính mắt tôi đã trông thấy con ngựa ô ấy chạy nhiều lần. Mỗi khi ở ngoài đường, có hồi nhạc rung đều, là tôi phải bỏ cả sách vở hoặc bát đũa, tức tốc ra đứng ở hè nhà, để dùm miệng lại mà vừa nhìn, vừa sợ. Con ngựa chạy như bẫm, như bồ. Cát đường bụi mù. Tôi hồi hộp, nhảy lên chồm chồm mà reo:

- Ngựa ô của quan!

Mà chẳng những một mình tôi mới lố bịch như thế. Hàng trăm trẻ con khác còn lố bịch hơn tôi. Chúng chạy theo. Và khi con ngựa đã vào đến sân, chúng thập thò ở ngoài cổng huyện, ngó vào, nhìn con vật thở ò ạch mà bàn tán về nó đến trăm chuyện!

*

* *

Nhưng mấy năm nay, con ngựa ấy già, sức lực nó yếu đi. Nó kém hung hăng và bớt cần, đá. Song, mỗi khi đi tẩm, tôi không thể nào không đứng trước cổng chuồng nó mà ngắm nghía nó bằng đôi mắt kính phọc.

Thế rồi một hôm, tôi thấy đồn con ngựa ô ốm.

Tôi đi qua chuồng thấy nó lử tử, nằm duỗi bốn cẳng một cách uể oải. Thúng thóc và bó lá tre để ở phía trong, vẫn còn nguyên.

Vài hôm sau, một ông thú y người An Nam ở tỉnh về huyện. Người bồi ngựa nói rằng:

- Quan cho mời quan Đốc về chữa, nhưng quan Đốc bảo nó già và phải bệnh đau ruột, không thể chữa được.

- Thế nó chết à?

Người bồi gật đầu:

- Tại mấy năm trước nó khỏe và làm nhiều quá, nên về già, động ốm là nặng. Quan Đốc bảo đến đốc tờ Tây cũng không thể cứu được. Mà có khỏi, nó không thể kéo xe và cưỡi được nữa.

- Con ngựa ấy chết thì hoài nhỉ!

- Chết thì chôn!

Người bồi thản nhiên nói thế. Còn tôi, khi nghe thấy tiếng "chôn", tôi chỉ mong cho con ngựa ô ấy chết thực, để được xem đám ma ngựa nó ra làm sao. Thực vậy, tôi tưởng tượng đến một cái hòm kéch xù là quan tài, trong có xác con ngựa. Rồi vì nặng, nên tất phải đến ba bốn mươi người khênh trên vai mới nổi. Theo sau áo quan, chắc người bồi dắt con ngựa hồng và con ngựa bạch đi theo để đưa ma.

Nhưng sự thực không phải thế.

Sáng hôm sau, khi ông thú y về, bỗng tôi thấy ở cổng huyện một lũ người lôi một cái gì nặng nề, có lũ trẻ phỗ đứng xem xúm xít. Tôi liền chạy lại, thì ra lính trong huyện với con ngựa ô.

Người ta lôi nó đi chôn.

Thế là đám ma ngựa.

Con ngựa ô bị trói bốn cẳng dùm làm một, đầu thùng có mười người kéo. Cổ nó cũng buộc vào một dây, năm người lôi. Nó nặng lắm. Mười lăm người co hết sức, dơ ta rõ đều, mà nhúc nhích được rất chậm. Tôi len vào chỗ trẻ con, đứng lại gần để nhìn, thì bỗng tôi nhủn cả người. Con ngựa ô vẫn chưa chết. Hai mắt nó còn mở, và có lẽ bị đau đớn, nên nó mở to ra, lộn cả lòng trắng ở xung quanh. Nó

thở phì phò, và thỉnh thoảng còn cố cựa quậy để chống lại việc bị chôn sống.

Nhưng hề nó ngóc cổ, hay co chân, là lập tức bị những ngọn gậy thẳng cánh giáng xuống.

Người ta hết sức lôi xềnh xệch con ngựa dần dần đến được bãi cỏ cách huyện độ năm mươi thước tây. Ở đấy, đã có một cái hố mới đào. Người ta kéo nó xuống hố.

Nhưng cái mả ấy đào ngắn và hẹp. Khi con ngựa nằm, thì cẳng nó duỗi thẳng, và cổ nó vươn dài. Người ta thử cố ấn cả xuống huyết, nhưng mãi không được. Đầu nó vẫn ghéch trên mặt bãi, bốn chân nó lêu đêu chống lên trời.

- Đào rộng thêm ra.

Một người lính bảo thế. Nhưng người khác lại tặc lưỡi, đáp:

- Làm gì có mai có cuộc ở đây. Ấn mẹ đầu nó xuống.

- Phải đấy.

Tức thì, người ta lấy chĩa buộc chặt đầu con vật và lôi gò trở lại. Cổ nó như bị gấp đôi, và người ta cố nhét cả cho vừa vào huyết. Con ngựa đau, thở hừ hừ lưỡi lè ra ngoài miệng.

Nhưng bỗng người ta lại nói:

- Đấy, đã bảo mà, đi mượn mai đào rộng ra. Lưỡi thế nào được. Còn chân nó vẫn ở trên kia kia.

Anh bồi nhìn xung quanh, thấy một người có con dao rựa, vội reo lên:

- Được rồi!

Dứt lời, anh giật lấy dao và giơ thẳng cánh, chặt dôm

đóp vào đầu gối con vật. Nó đau quá, giãy lên. nhưng độ mười phút, bốn cẳng nó lủng lẳng, rồi cụt dần. Xương trắng và thịt đỏ chồi ra.

Song, bọn lính được một trò cười nôn ruột. Chắc lúc ấy, con ngựa tưởng có thể chạy trốn sự đau đớn, nên nó dùng hết sức tàn để bầm bằng bốn cẳng cụt. Nó bầm nhanh biến, như lúc nó phi nước đại.

- Ài chà, đến tỉnh rồi đấy!

Họ lại cười âm ỉ. Con ngựa chạy không như thế, trước rất khỏe và nhanh, sau yếu và chậm dần, và sau hết, muốn chừng kiệt lực, nó không cử động nữa. Tôi chăm chăm nhìn trò ngộ nghĩnh. Khi không được cười nữa, người ta lại bổ lưỡi dao vào mặt nó để nhắc nó chạy đi. Quả nhiên, nó lại lấp bấp bốn cẳng trên không, và tiếng cười lại nổi lên âm ỉ.

Tôi cười, nhẩy lên mà cười, vỗ tay mà cười. Vui quá! Rồi mỗi khi con ngựa mệt, nằm im, lại có người cho một nhát dao mạnh vào thân nó, để cho nó lại khua bằng bốn chân cụt.

Mãi đến một giờ sau, khi trò ấy nhắc lại đến năm sáu lượt, không được người ta hoan nghênh nhiệt liệt nữa, bọn lính mới quẳng bốn đả chân xuống hố, và bắt đầu lấp đất lên. Lúc ấy, mắt con ngựa vẫn còn mở trừng trừng, và bụng nó vẫn phập phồng thở...

1-10-1938

MÙU LÀNG BỆP

Mỗi khi ông dân làng bếp nào mà nghiên nghĩ ra mưu kế để làm một việc gì thì có họa thánh cũng phải mắc.

Bạn tôi, anh Việt, hồi ấy làm giáo học ở một trường thuộc hạt Cao Bằng. Cảnh tiêu điều trên mạn ngược đã làm hại đôi tai anh. Những lam khí nặng nề, những rừng rú đồ sộ, đã đè nén lên anh, làm cho đôi tai anh bếp dí. Nghĩa là anh nghiện thuốc phiện. Mới đầu người ta mời anh thử một điếu, anh nhất định gạt ra, chê là độc tẩu khai, và lỡ nghiện thì mất hết nhân cách. Rồi sau, vì bị ép uống và chế giễu nhiều quá, anh bất đắc dĩ phải nhượng bộ, nhưng hút xong, anh xúc miệng thật kỹ, lợm giọng mất đến ba hôm. Và bụng bảo dạ:

“Mùi mèo gì mà sao cũng có người nghiện được”

Bởi nghĩ vậy, nên anh cho là thỉnh thoảng giá có làm một hai điếu cũng chẳng sao. Lại được lợi là nằm cạnh bàn đèn nghe chuyện, rất nhiều chuyện, anh quên đứt được nỗi xa nhà, nỗi phiền muộn nó chứa chất trong lòng.

Thế rồi hút quen đi, anh nghiện lúc nào không biết.

Thôi được, cũng không hề gì. Miền ấy thuốc phiện lậu rẻ như bùn, bỏ ra hai hào mua thì hút cả đêm không hết.

Bởi vậy, cái móc có thể nạo xái, thì nó cũng có thể kéo được Việt ở lại với con nước Cao Bằng. Anh không dám nghĩ đến việc xin trở về vùng xuôi nữa. Vùng xuôi không sẵn cái sổ ngang, mà giá có cũng đắt như vàng cốm.

Nhưng con tạo có cho ai được như ý bao giờ, nên khi chờ đủ thì giờ Việt nghiện oạt sà lai, để thân thể anh chỉ còn là một cái khung dúm dó, và để tai anh hoàn toàn mất hết nếp dãn, thì Nhà nước “phóng một đạo” nghị định đổi anh về Hà Nội. Thật là một tiếng sét đánh. Nhận được giấy, anh ngồi ngẩn người ra, cau có nghĩ đến nỗi ăn tiêu đắt đỏ ở chốn nghìn năm văn vật. Trang chữ đánh máy ấy, anh coi nó như tờ kết án tử hình. Anh lo lắng mê mẩn mấy hôm đến nỗi quên ăn, quên ngủ. Nhưng không hôm nào anh quên hút. Mà hút thực nhiều, hút... vãi ra khói, hút cho bõ, kéo đến ngày bị túng quẫn lại hối tiếc.

*

* *

Gần đây có nhà đoan. Sở thương chính ấy lập ra để chop bọn buôn và dùng thuốc phiện lậu. Mỗi ngày, chuyến ô tô vận tải qua đó tất phải đỗ lại ít nhất là mười lăm phút trước cửa nhà dây thép. Một là để sở bưu chính nhận và phát những bao thư, hai là để hành khách được biết rằng mình vẫn còn sống làm người, - bởi vì nếu không chết về sự nguy hiểm của cách giao thông thì cũng tạm biến thành cá, cá hộp, - ba là để lính đoan bắt mọi người mở hành lý ra khám. Những ngày không có tin báo thuốc phiện lậu

chở trên xe, thì người ta lục soát lấy lệ, nhưng khi được biết đích xác có người mang thứ quốc cấm ấy về vùng xuôi, thì phải biết là họ sục sạo, lắm khi tài xế và hành khách phải phát cầu về nơi chờ lâu.

*

* *

Hôm hai mươi bảy tháng Tám năm ấy, ông Tây thương chính được tin Việt mới mua hai mươi kilô nhựa, định đem theo về Hà Nội. Ông ta cùng lính đoan ập vào nhà Việt để khám, nhưng như mọi lần, ông ta phải hậm hực về không và cũng như mọi lần, ông ta làm ra vẻ hối hận, bắt tay Việt cùng xin lỗi là trót nghe người ta báo láo. Mà mỗi khi Việt làm cho họ bẽ, thì anh lại đắc trí, nhìn theo họ, đầu gật gù, miệng mồm mím, nói một mình:

- "Chỗ bố giấu, có trời mà biết!"

Nhưng lần này ông Tây đoan quyết chẳng chịu Việt, vì biết rằng có tài thánh anh cũng không mang thoát được lối ô tô này. Thì dù hôm nay anh có giấu giếm cẩn thận đến đâu, song hôm anh về, trong hành lý, tất sao cũng có.

Ông ta thật đã cao đoán.

Nhưng ông ta quên rằng là dân làng bẹp còn đoán cao bằng mười ông. Phải, Việt biết tổng ra rằng sự vờ vĩnh tử tế kia chỉ có mục đích ru ngủ cho anh khỏi ngờ sẽ có một tấm lưới giăng ra để bắt anh lần thứ hai. Và người bán nhựa hẳn đã đi báo để được ăn thêm tiền hoa hồng. Vậy thế nào nha thương chính cũng đợi đến hôm anh ra ô tô mà chộp cho kỳ được.

Anh nghiền ngẫm suốt một đêm. Nhiều lúc chán nản,

anh đã tính ly dị ả phù dung, không dám mang theo nữa. Nhưng một chốc vút đi hàng hai mươi kilô nhựa, sao anh có thể phí của trời thế được. Anh túng, gia dĩ thuốc phiện đối với anh, còn cần gấp mấy cơm gạo, gấp mấy khoa sư phạm của cái nghề *godautre* bạc bẽo này. Vậy anh có thể bỏ nghề, có thể nhịn ăn, chứ không có thể vút đi từng ấy nhựa được. Và lòng tự ái bắt anh tìm mưu kế để thắng sự xét nét của nha thương chính, và nhất định gì của quốc cấm vào mũi người Tây đoan.

Thì đêm hôm sau, anh đã nghĩ ra.

Anh thuê thợ mộc đóng mười hai cái hòm nhỏ giống nhau, bằng gỗ mỏng, dài tám tấc và cao ba tấc, rộng năm tấc và cao ba tấc, các chỗ ván ghép, phải đóng bằng những cái đinh thực to. Trong những hòm ấy, cái anh đựng quần áo, cái anh đựng chăn màn, cái anh đựng bát đĩa, cái anh đựng rế và chổi, vân vân, nghĩa là bất cứ đồ gì nhỏ, anh đều tống cả vào mười một cái hòm. Còn cái thứ mười hai, anh chứa toàn nhựa.

Hôm ba mươi tháng tám là ngày khởi hành, trừ hòm thuốc hiện để lại, giấu chỗ mọi khi, còn anh sai người khuân cả đến trước nhà dây thép.

Ông Tây thương chính và hai người lính lảng vảng từ lâu ở chỗ đỗ ô tô, thấy đồ đạc của Việt, bèn bảo nhau đi mượn kìm búa sẵn. Hễ Việt đến nơi, ông xin phép nạy hành lý ra khám liền.

Việt biết vậy. Các hòm, anh cho tải từ nhà đi lúc chín giờ, mà nhất định không thêm thuê người đứng coi. Anh yên trí thế nào bọn nhà đoan cũng túc trực cả ở đó để giữ hộ.

Anh đến chơi các người quen kẻ thuộc để từ biệt cho đến gần đúng giờ ngủ, là giờ ô tô tới. mới đứng đĩnh vất tay đằng sau, đi rõ thong thả đến chỗ chờ xe. Anh lấy làm sung sướng về cái dáng điệu trên người ấy, và mĩa mai thâm tụy nhà đoan bị trúng kế.

Người Tây đoan đứng cạnh chồng hòm, thấy anh đi tới mà lại vừa đi vừa đứng, nghênh trời đất, núi non, thì nóng ruột, bèn rảo bước đến, ngả mũ chào, và nói:

- Xin phép ông cho chúng tôi làm việc bốn phận.

Việt mỉm cười, giơ tay mời, và đáp bằng giọng hết sức nhã nhặn:

- Vâng, xin cứ tự tiện.

Được lệnh trên, người lính nạy nắp hòm, nhổ đinh. Anh ta mấm môi mấm lợi để làm việc. Nhưng đinh thì to, đóng kỹ, mà ván lại mỏng, nên vừa phải hết sức vừa phải nhẹ tay. Và mất rất nhiều thì giờ, anh ta mới mở được một chiếc.

Việt vẫn vất tay đằng sau, đứng tươi cười nhìn mấy thầy trò làm chức vụ. Thấy người Tây mặt đỏ bừng, và người lính mồ hôi mồ kê nhễ nhại, anh còn nói trêu:

- Ấy, gượng nhẹ tay kéo võ thuốc phiện nhé!

Song, không có gì đánh đổ được sự kiên tâm của người đã tin, nên bọn nhà đoan không nản lòng, cứ cố mở hết hòm này đến hòm khác.

Đúng mười hai giờ, ô tô sinh sịch tới. Và đỗ. Và chờ. Và giục.

Việt cũng giục:

- Các ông mau lên kéo tôi lên xe.

Người lính đã cuống queo càng lóng cồng già. Người Tây thì gất địa lên. Xe chờ quá nửa giờ mà mới có sáu chiếc hòm mở được. Ông đoan phát câu, bảo tài xế:

- Nếu sợ muộn, cứ cho xe chạy đi.

Và nói với Việt:

- Còn ông thì chưa thể đi ngay hôm nay được. Tôi cần phải khám xong đã. Ông đi chuyển ngày mai.

Việt mỉm cười:

- Vâng, xin mời ông cứ làm việc bốn phen.

Rồi anh lại ung dung hút thuốc lá, thổi còi, đi đi lại lại ngắm phong cảnh.

Khám đến cái hòm thứ mười một người Tây đoan phùng mồm thở đánh phù, lấy ngón tay trở gạt mồ hôi trán, chòng chọc nhìn Việt. Việt ôn tồn hỏi:

- Vậy ông không thấy gì? Ông làm ơn sai đóng danh trả tôi. Và cũng may không có tấm ván nào gãy.

Trong khi người lính đóng hòm, Việt nhìn đồng hồ, thấy đã một giờ rưỡi, bèn hỏi:

- Ra các ông mẫn cán quá đến nỗi quên cả đói. Nhưng xin ông viết cho mấy chữ nhận rằng vì sự khám xét chậm trễ này mà tôi lỡ mất chuyến xe, tức là một ngày, để khi đến Hà Nội chậm, tôi không có lỗi. Và ông thuê người đem các hòm này về nhà tôi cho tôi.

Người Tây đoan không thể từ chối được lời yêu cầu rất hợp lẽ phải của Việt.

Và khi dân làng bếp lại ngả bàn đèn ra hút một chập nữa suốt đêm, để chờ đến trưa hôm sau ra ô tô, thì anh mới vớt lại hòm rế và chổi khuân hòm nhựa thay vào.

Anh cũng chờ cho gần đến giờ xe tới mới đứng đĩnh ra nhà dây thép, đứng cạnh đồ đạc.

Anh sung sướng nhất là người Tây đoan cũng lảng vảng ở đó, nhưng khi nhận ra anh thì hẩn tránh rõ xa - nghĩa là hẩn không dám đến gần cái hòm thuốc phiện lậu.

Thế mà Việt còn không tha. Anh chạy theo, gọi người Tây và trở tay, nói:

- Ông có cần khám nữa thì mời ông cho mượn kim búa ngay đi, kéo làm lõ việc của tôi lần nữa.

Người Tây tím mặt, song làm ra dáng tử tế, lắc đầu, bắt tay Việt và đáp:

- Thôi, bất tất, tôi chúc ông thượng lộ bình an!

12-10-1938

TINH THẦN THỂ DỤC

Có lính huyện mang trát quan về làng:

Quan tri huyện, huyện X.X

sức hương lý xã Ngũ Vọng tuân cứ.

Nay thừa lệnh Tỉnh đường, ngày 19 Mars này, tức 29 tháng Giêng An Nam, tại sân vận động huyện có cuộc đá bóng thi, nhiều chiến tướng đá rất hay, mọi nhẽ.

Vậy sức thầy phải thông báo cho dân làng biết và phải thân dẫn đủ một trăm người, đúng mười hai giờ trưa đến xem, không được khiếm diện.

Những người đã cắt đi dự cuộc khánh thành sân thể dục tháng trước, thì lần này được miễn.

Ai có mặt tại sân vận động cũng phải ăn mặc tử tế, đi đứng nghiêm chỉnh, và phải vỗ tay luôn luôn, vì hôm ấy có nhiều quan khách.

Làng Ngũ Vọng lại phải có năm lá cờ, sẵn sàng từ mười giờ sáng.

Việc này tuy là việc thể dục, nhưng các thầy không được coi thường, nếu không tuân lệnh sẽ bị cửu.

Nay sức
LÊ THẮNG

*

* *

Anh Mịch nhân nhó, nói:

- Lạy ông, ông làm phúc tha cho con, mai con phải đi làm trừ nợ cho ông Nghị, kéo ông ấy đánh chết.

Ông Lý cau mặt, lắc đầu, giơ roi song to bằng cái ngón chân lên trời, dậm dọ:

- Kệ mày, theo lệnh quan, tao chiếu sổ đình, thì lần này đến lượt mày rồi.

- Cấn cổ con lạy ông trăm nghìn mớ lạy, ông mà bắt con đi thì ông Nghị ghét con, cả nhà con khổ.

- Thì mày hẹn làm ngày khác với ông ấy, không được à?

- Đối với ông Nghị, con là chỗ đầy tớ, con sợ lắm. Con không dám nói sai lời, vì là chỗ con nhờ vả quanh năm. Nếu không, vợ con con chết đói.

- Chết đói hay chết no, tao đây không biết, nhưng giấy quan đã sức, tao cứ phép tao làm. Đứa nào không tuân, để quan gắt, tao trình thì rũ tù.

- Lạy ông, ông thương phận nào con nhờ phận ấy.

- Mặc kệ chúng bay, tao thương chúng bay, nhưng ai thương tao. Hôm ấy mày mà không đi, tao sai tuần đến gõ cổ lại, đừng kêu.

*

* *

Bác Phô gái, dịu dàng, đặt cành cau lên bàn, ngồi xỏm ở xó cửa, gãi tai, nói với ông Lý:

- Lạy thầy, nhà con thì chưa cất con, mấy lại sợ thầy mắng chửi, nên không dám đến kêu. Lạy thầy, quyền phép trong tay thầy, thầy tha cho nhà con, đừng bắt nhà con đi xem đá bóng vội.

- Ô, việc nhà quan không phải như chuyện đàn bà của các chị!

- Thì lạy thầy, thế này, làng ta thì đông, thầy cắt ai không được. Tại nhà con ốm yếu, nên xin thầy hoãn cho đến lượt sau.

- Ốm gần chết cũng phải đi. Lệnh quan như thế. Ai cũng lấy có ốm yếu mà không đi thì người ta đá bóng cho chó xem à?

- Thưa thầy, giá nhà con khỏe khoắn, thì nhà con chẳng dám kêu. Nhưng, thưa thầy, từ đây lên huyện, những chín cây-lô-mếch, sợ nhà con đi nắng thì cảm, rồi phải lại thì oan gia.

- Đây không biết, mà đây cũng không nghe đâu. Vợ chồng thu xếp với nhau thế nào, đây mặc kệ!

- Thưa, hay con nghỉ buổi chợ để đi thay nhà con có được không ạ?

- Không! Phải là đàn ông kia? Chứ nữ nhân ngoại tộc, ai kể.

Người đàn bà thở dài:

- Thế thì con biết làm thế nào được!

*

* *

Bà cụ phó Bình, mắt kèm nhèm, vừa nói, vừa cười rất vô duyên:

- Thì lòng thành, ông Lý cứ nhận đi cho cháu. Cháu hôm ấy không bận đi ăn cưới thì cháu cũng xin vâng. Cháu đã thuê thằng Sang đi thay cho cháu cũng thế. Ông ngờ đi là được.

- Thế ngộ quan biết, có chết tôi không!

- Quan đếm đủ đầu người là xong, chứ ai xem thẻ mà ông sợ.

- Tôi nhận lễ của con bà mà tôi lo lắng. Việc quan nào phải việc chơi.

- Thì cũng như ông làm phúc ấy mà lì.

- Nhưng thằng Sang có khăn áo tử tế, hay lại mặc như thằng ăn mày ấy.

- Ông không phải lo việc ấy. Nó đã dạm mượn được đủ cả rồi. Cháu đã mặc cả và khoán đủ với nó như thế.

Ông Lý nhăn mặt, nhặt ba hào, bỏ túi:

- Làm việc mà cứ gặp phải những người như con bà, thì tôi đến chết mất.

- Thì ông không cho phép cháu ở nhà, cháu phải thuê người khác đi thay cũng thế chứ gì.

- Thế đến gà gáy hôm 29, bà phải bảo thằng Sang chục sẵn ở đình, tôi dẫn đi.

- Ấy, cho nó cơm nước thông thả đã chứ. Đá bóng ít ra ba bốn giờ chiều mới bắt đầu kia mà. Tôi tưởng mười hai

giờ ở nhà đi cũng vừa. Buổi sáng, tôi còn mượn nó cuốc mảnh vườn.

- Ba bốn giờ chiều mới bắt đầu, nhưng quan bắt đến huyện từ mười hai giờ trưa. Để ngài điếm. Mà quan sức mười hai giờ, thì mình phải đến từ mười một giờ cho sớm sửa. Vả lại, tôi còn phải mang cò lên lúc mười giờ, thì chả đi từ năm sáu giờ thì đi lúc nào? Cho nên, mọi người phải chờ tôi ở đình từ gà gáy.

- Thế thì sớm quá.

Ông Lý gắt:

- Tôi không lười thôi. Bà không bằng lòng thế, thì tôi cứ bắt đích danh con bà. Mặc kệ!

Bà phó sợ hãi:

- Không, lệnh ông thì thế nào tôi chả phải nghe. Là tôi nói chuyện thế đấy chứ.

- Máy lị bao nhiêu người đều phải thế, chứ riêng gì bà. Bà bảo thằng Sang nắm cơm từ chiều hôm trước, chứ sáng hôm ấy dậy mới thôi thì không kịp đâu.

- Vâng.

*

* *

Ngay từ sáng tờ mờ hôm 29, ở sân đình làng Ngũ Vọng, đã có tiếng ông Lý quát tháo om sòm:

- Thiếu những mười tám thằng kia à? Tuần đâu, đến tận nhà chúng nó, lôi cổ chúng nó ra đây. Chứ đã hẹn đi lại còn định chuẩn phỏng!

Sau tiếng dạ ran, những ngọn đuốc linh tinh kéo đi các ngã. Ông Lý dặn theo, tiếng oang oang:

- Hễ đứa nào láo, cứ đánh sặc tiết chúng nó ra, tội vạ ông chịu. Mẹ bố chúng nó! Việc quan thế này có chết cha người ta không! Chúng bay gô cổ cả, giải cho được ra đây cho ông!

Lại một tiếng dạ nữa, giữa những tiếng chó rống dậy. Ngọn lửa đỏ như nổi lênh bênh trong biển sương mù.

Thì đại khái cái cảnh nó diễn ra như thế này:

Hai người tuần, một người cầm đuốc, một người cầm tay thước, đập cửa vào nhà thằng Cò. Sau khi tìm sục khắp gian ngoài, buồng trong, không thấy một ai, họ xuống bếp, chọc tay thước vào cốt gio và bồ trấu. Rồi họ lòng ra mé sau nhà. Cũng vô hiệu.

Nhưng bỗng có tiếng trẻ khóc thét lên, thì hai anh tuần mới khám phá ra chỗ người trốn: Thằng Cò nằm ẹp với con cạnh đồng rơm, phủ lên mình đầy rơm.

Nó bị lôi ra ngoài. nó van lạy:

- Lạy các bác, các bác cho tôi ở nhà làm ăn.

- Sao anh đã hẹn với ông Lý, lại không đi, để ông ấy chửi địa lên kia kia.

- Tôi đi thì tôi mất cả ngày, mà mất buổi làm thì tôi với cháu nhịn đói.

- Tôi không biết!

- Mấy lị tôi không mượn đâu được quần áo.

- Không biết! Anh ra đình mà kêu với ông lý.

Thằng bé con nhấm nghiền mắt, ôm chặt lấy bố. Nó sợ quá, không khóc được nữa. Thằng Cò chưa kịp trả lời, đã bị lôi xềnh xệch đi.

*

* *

Cuộc săn lùng ráo riết đến đâu cũng không sao tróc đủ một trăm người phải đi xem đá bóng. Dăm sáu anh khôn ngoan, đã kéo đến ngủ nhờ nhà khác, hoặc làng khác. Họ làm như lánh nạn.

Khi thấy chậm giờ, ông Lý trưởng nghiêng răng nói:

- Chúng nó ngu như lợn. Người ta cho xem đá bóng chứ ai làm gì mà cũng phải bắt. Rồi quan thấy không đủ số, lại chửi ông không tận tâm.

Rồi ông ra lệnh:

- Chín mươi tư thằng ở đây, xếp hàng năm lại, đi cho đều bước. Tuần chúng bay phải kèm chung quanh giúp tao. Đứa nào bỏ trốn về thì ông bảo.

Đoạn ông lo lắng, đi cuối cùng, mắt nhanh nhẹn để coi cẩn thận như tù binh.

- Mẹ bố chúng nó, cho đi xem đá bóng chứ ai giết chết mà phải trốn như trốn giặc!

1938

THỊT NGƯỜI CHẾT

Vì mới chết lần này là lần đầu, nên anh Xích chưa có lịch duyệt về khoản ấy.

Thực vậy, nếu chết ở tỉnh, thì ai lấu, nên chọn vào đêm thứ sáu. như thế, vợ con có vừa vận thì giờ để cáo phó lên báo. Và đến chủ nhật, cất đám, có đủ các cụ, các quan, các ông, các bà, thân bằng cố hữu đi đưa đông. Ở nhà quê, nếu chết vì tai nạn, người khôn ngoan bao giờ cũng tránh ngày chủ nhật hoặc ngày lễ, thì sự khám xét, tổng táng mới mong chóng được.

Nhưng khôn nổi, xưa nay, không ai chết đến lần thứ hai để được bài học kinh nghiệm về cái chết. Vì vậy, vẫn có nhiều người chết một cách ngờ nghệch.

Nhất là anh Xích, một anh dân quê vô học, nên càng ngu dại nữa. Anh đã vô lý mà chết đuối ngay vào đêm thứ bảy vừa rồi.

Nguyên cha mẹ anh, ông Cửu, thầu của làng cái đầm sen ngay giáp lũy tre. Đến mùa này hoa nở, ông phải làm chòi nhỏ ở giữa đầm, hai bố con cất lượt nhau ra ngủ đó để canh.

Chiều hôm ấy, anh Xích ra đánh chén ở đình, say bí tỉ. Đến xẩm tối, anh vừa về đến nhà, đã bị ông Cửu giục mang diếu và gối ra chòi.

Anh lao đao đi. Rồi không hiểu sao, sáng sớm hôm sau, không thấy về. Và đến độ tám giờ, xác anh đã nổi lên, trôi lênh bênh vào gần bờ.

Người ta đoán nhiều cố về cái chết này. nhưng tựu trung, chỉ hai thuyết có thể hợp lý được:

Một là anh Xích bị say quá, loạn choạng chỗ thúng, bị ngã vào chỗ sâu.

Hai là đang đêm anh ngủ mê, vô ý cựa, đến nỗi anh lăn tòm xuống nước.

Chứ những tiếng đồn anh ta tự tử vì việc gia đình, hoặc bị kẻ thù đánh chết đều không thể tin được.

Hương lý tò mò, hỏi dò hai bên hàng xóm nhà ông Cửu, xem hôm trước hai cha con có to tiếng gì với nhau không. Họ cố ý nhận xét rất kỹ lưỡng cái thây người xấu số. Nhưng không ai tìm ra được một chứng cứ gì khả nghi. Và khi được tin dữ dội con ông Cửu bị nạn, cả làng ra tận bờ đằm xem. Ai cũng phàn nàn, thương tiếc người con trai tử tế, hiền lành. Và trông cái xác chết còng queo ngâm dưới nước, đổ ai cảm lòng cho đau.

Bà Cửu tru lẫn tréo lẫn lộn, mấy lần toan nhẩy tòm xuống ôm lấy con. Nhưng bà bị người ta giữ lại. Trong lúc như điên cuồng, bà chửi cả ông lý trưởng không cho bà vớt anh Xích lên, để đặt trên bờ. Bởi vì bà mếu máo và chấp tay lay lay để mọi người và nói:

- Nó đau lòng lắm, các ông các bà ơi!

Nhưng người ta khuyên:

- Để quan về khám, làm biên bản xong, bà muốn làm ma to cổ lớn thế nào mặc bà. Chứ bây giờ, bà đừng nên đụng đến anh ấy. Ngộ để anh ấy lên bờ, rồi mình mảy xây xước chẳng hạn, thì quan nào cho chôn? Vả chết đuối, sao nằm trên bờ được?

Bà Cửu không tin, gắt:

- Không cho chôn thì quan giữ làm gì?

- Giữ để đốc tờ về khám. Như thế, lại lâu ra.

Bà nghe hiểu, xỉ mũi, lau nước mắt, và ngồi xồm cạnh quan tài rỗng không, dưới bóng cây, đành lòng chờ đợi.

Bà mong được phép chôn con như con mong mẹ về chợ. Người nhà bà lên huyện trình quan ngay từ sáng, nhưng đến bây giờ, không hiểu tại sao, chưa thấy về. Đường lên huyện không xa, chẳng rõ vì sao lại có sự chậm chạp thế này được.

Nhưng một giờ. Lại hai giờ. Lại ba giờ.

Bà Cửu không còn sức và nước mắt để chờ, để khóc nữa. Bà hết đứng lại đi loanh quanh, không dám trông chỗ con nằm.

Rồi bà ngồi xồm xuống đất, gục mặt vào đầu gối để nghe ngóng. Bà đợi một hiệu còi ô tô của quan. Những lúc có tiếng xay lúa ù ù, bà khấp khởi lắng tai, và thở dài vì mừng hụt.

*

* *

Mặt trời chói lọi, rọi tia lửa xuống đất.

Thấy anh Xích bắt đầu đổi khác. Chân tay co quắp hơn. Tóc lỏa tỏa như món rẽ bèo Nhật bản.

Gió hiu hiu. Làn sóng giập giòn liếm vào thân anh kêu óc ách. Anh rập rình như nằm trên giường lò xo.

Rồi tự nhiên, cái xác lật ngửa lên. Con người trước kia hiền lành là thế, nay biến thành con bò thui: bụng phình to, má phình to, mặt phình to. Đôi mắt híp lại, như bị kéo dài đến tận mang tai. Tứ chi dუმ đó. Ai trông thấy bộ dạng nhần nhó, dọa nạt của người chết, mà khỏi rợn tóc gáy được?

Từ lúc ấy, người thân thích đến thăm thưa dần. Rồi sau hết, không ai dám lại gần đấy nữa. Những khách đi đường, vì vô tình hoặc bất đắc dĩ phải qua, đều che nón, ngậm miệng, và đến chỗ xa, rùng mình một cái mới nhỏ toèn toẹt.

Ông Cửu ở nhà để chờ quan về khám, cũng chẳng kém nóng ruột. Ông như chết một nửa người mà vẫn phải tiếp khách đến hỏi thăm mỗi lúc một đông. Ông chỉ muốn được yên, để nằm nhoài ra mà kêu gào, vật vã cho hả nỗi phụ tử tình thâm. Ông lại lo lắng, không hiểu vợ ông ngồi ngoài bờ đầm, có ai canh giữ cẩn thận, hay lại chẳng nén nỗi lòng thương, mà liều mình quá, thì ông thêm một nỗi ân hận suốt đời.

Họ hàng chạy đến mỗi người giúp một việc. Người bày ở dưới nhà ngang một bàn thờ cón con, lấp láy có đôi nến trắng. Người lược may đồ khâm liệm và xé khăn cho lũ em.

Rồi đến khi được biết rằng là ngày chủ nhật, cả buổi

hầu sáng, quan không ra công đường, vì đêm trước ngài nhẩy đầm trên tỉnh, ba bốn giờ sáng mới về; và đến chiều, cổng huyện đóng, vì là ngày nghỉ; thì ở nhà ông Cửu trợn mắt, kêu rú lên một tiếng, và cạnh lũy tre, bà Cửu ngã vật xuống đất, ngất đi đến năm phút đồng hồ.

Cả làng phải chờ.

Họ hàng sắp sửa việc ma chay xong, ai nấy về nhà để sáng hôm sau lại đến làm giúp. Người không thân thích lại bắt đầu công việc như cũ, chờ lúc kèn trống nổi lên thì đưa anh Xích ra đồng. Ông Cửu cho người vực bà Cửu về. Hai vợ chồng già nằm chết gí ở hai giường, chờ cuộc khám xét của quan phụ mẫu. Tử thi chờ chôn, mỗi lúc một trương to, rập rình cạnh cái quan tài ngoác miệng chờ việc. Cảnh vật êm ả như cũng chờ để nghe ngóng tin. Ánh nắng cứ lảng lảng rọi xuống. Cây cối mệt nhọc, càng gục lả.

Nhưng giữa nơi yên lặng, chìm đắm trong sự buồn thảm ấy, có một chỗ đầy vẻ hoạt động. Ngay ở quãng tử thi mà người đồng loại kinh tởm khi nhìn thấy, hoặc ghê sợ khi đến gần, thì những loài vật khác giống tổ vè âu yếm, thiết tha lạ lùng. Dưới nước, lũ cá mương vui vẻ, nô giỡn với nhau, chui vào kẽ vách, lỗ tai, dớp thật nhanh, rồi chạy nhào biến mất. Rồi lại dớp. Rồi lại chạy. Trên không, vo ve đàn ruồi nặng, rủ nhau đậu đen kịt vào mặt mũi, chân tay, mải miết hút chất đồ ăn bổ. Thỉnh thoảng, chiếc lá tre vàng vắn vèo từ trên đâm bổ xuống, làm động cuộc kiếm ăn đang bình yên, thì vò một tiếng, lũ ruồi nặng bay tán đi. nhưng khoảnh khắc, lại bậu vào, làm thành những quầng đen trên tấm xác xám ngoét.

Rồi buổi chiều, một mùi nồng nặc, hăng hăng đã bay thoảng thoảng đến được chỗ xa. Trên ngọn tre, xào xạc tiếng cánh bay, con quạ đen cố quắp hai chân vào một cành ẻo lả, vẫy đuôi để giữ thăng bằng cho vững chãi, rồi chao đôi mắt thèm thuồng xuống mồi. Rồi một con nữa cụp cánh, đậu ở cành cây khác, lên tiếng khàn khàn gọi nhau. Chẳng mấy chốc, hai ba con nữa bay lại.

Một con vỗ cánh, bay sà xuống nước, đứng lên bụng thây người để thám hiểm. Thấy được bình yên, cả lũ theo nhau, mổ rĩa từng nơi một.

Như thế, anh Xích vô tình là ân nhân của đàn cá, ruồi, nhặng, quạ. Chân tay vẫn co quắp như dọa, mặt mũi vẫn nhăn nhó như nát, nhưng anh vẫn bị rĩa, bị hút, bị đớp như thường.

Thịt người chết, ai hay cũng là món đồ ăn quý hóa.

*

* *

Cho đến tận chín giờ sáng hôm sau, còi ô tô đằng xa bỗng thét vẳng.

Đàn quạ hết vía, vừa bay vừa kêu xa xa. Lũ ruồi nhặng, hốt hoảng, vội trốn cho xa. Đàn cá mương thấy nguy, lộn nhào mỗi con chui vào một xó.

Thì lúc ấy, trên bờ đầm, quan huyện tư pháp là một, cụ lục sự là hai, cậu lính lệ là ba, cùng trịnh trọng làm việc, và cùng trịnh trọng khạc nhổ. Cậu lệ cầm gậy, lật đi lật lại tử thi. Quan nha ghé mắt xem xét từng li từng tí và biên chép. Hương lý, vợ chồng ông Cửu, cùng họ hàng, người làng, ai nấy khoanh tay im lặng, nuốt đờm, nhìn

châm chập vào xác chết. Người thở dài. Người lau nước mắt.

Khám nghiệm xong, quan truyền lính đuổi cả người tò mò ra xa. Và trước cảnh thương tâm, ngài ôn tồn hỏi ông Cửu:

- Cái đầm này mỗi năm anh kiếm lợi cả cá lẫn hoa có được đến dăm trăm không?

Thấy quan hỏi câu phiếm, không dính dáng gì đến vụ chết đuối, ông Cửu đành phải đáp:

- Dạ.

- Anh cấy hai mươi mấy mẫu?

- Lạy quan lớn, hai mươi hai mẫu.

Quan gật gù:

- Thôi được, để cho anh biết rằng tôi rõ gia tư nhà anh lắm. Còn việc khám xét hôm nay, thì tôi không thể cho chôn ngay được. Vì tôi xét trong người tên Xích, có nhiều vết khả nghi. Tôi đành bẩm tỉnh xin đốc tờ về khám cho cẩn thận.

Ông Cửu như sét đánh, run cầm cập, nhả nhỏ kêu:

- Lạy quan lớn...

Ông huyện lắc đầu:

- Nó bị bức tử. Phải có đốc tờ mổ xẻ nó ra mới được.

Bỗng một tiếng tru lên, bà Cửu ôm mặt, lạnh lạnh khóc:

- Ôi con ôi!

Tiếng khóc của người mẹ trước thi hài con chết đuối đã trường, làm ai cũng phải cảm động. Nhưng trái lại, nó

THỊT NGƯỜI CHẾT

không làm chuyển nét mặt của quan tư pháp. Đến đây, ông là đại biểu cho Pháp luật. Ông đã từ người bằng xương bằng thịt biến thành pho tượng bằng sắt đá lạnh lùng.

Vậy đã là sắt đá, tất không thể cảm được những tiếng khóc ỉn ỉu của người mẹ mất con, hoặc những tiếng kêu nài mềm yếu của người cha oan uổng. Cảm được sắt đá, duy chỉ có một vật. Vật ấy cố nhiên phải rắn hơn đá. Mà vật rắn ấy, nhà ông Cửu không thiếu. Nó làm bằng loại bạc.

Thấy ông huyện lặng nhìn tử thi đương xông một mùi khắm lảm lảm, ông Cửu nảo nuốt nói:

- Xin rước quan về nghỉ cho khỏi nắng.

Ông huyện chẳng biết vô tình hay cố ý, lấy tay xua ruồi, và khạc nhổ, rồi đáp:

- Ừ, kéo ở đây tởm lắm. Nó đã trương to, mà ruồi, nhặng, cá, quạ cứ sán vào. Lại còn phải phơi nắng, đợi thầy thuốc mổ xẻ nữa, thì biết bao giờ mới được chôn!

Rồi vừa đi, ngài vừa bảo ông lục sự:

- Đích là một án mạng, chứ không đúng như những lời trình trong giấy này đâu.

Ông Cửu tiến lên gần, nhỏ nhẹ thưa:

- Lạy quan lớn, còn vong hồn con con kia. Nếu có thể nào, con cam chịu tội trước cửa quan lớn. Xin quan lớn cho con mai táng, con xin hậu tạ quan lớn.

Quan quay lại, nhìn ông Cửu bằng đôi mắt dịu dàng của một người có trái tim dễ cảm. Ngài hỏi:

- Anh định tạ tôi bao nhiêu?

- Lạy quan lớn, con xin khấn một nén.

Quan cười:

- Anh phải biết cứ tiền dầu xăng khứ hồi ô tô về đây cũng đáng một nén rồi.

Ông lục sự đi rào căng lên, nói:

- Bẩm quan lớn, việc này to chứ chẳng phải vừa.

Rồi ông cau mặt, trách ông Cửu:

- Cơ nghiệp anh như thế, mà anh muốn chôn ngay con anh, anh không tạ ơn quan nổi một bách hay sao?

Rồi luôn mồm, ông thưa với ông huyện:

- Bẩm quan lớn, nghề dân ta họ vẫn ngu dại làm vậy, muốn chạy việc, lại cứ muốn không mất tiền.

Ông Cửu nhăn nhó, nói khẽ với ông Lục:

- Nhờ cụ bẩm với quan hộ, một bách thì tôi không sao lo được. Tôi xin tạ một nửa.

Ông lục xua tay và trộn mắt, như ngăn cản một câu nói dai dột:

- Chết! Anh nói mới dễ nghe làm sao!

Rồi ghé tai ông Cửu, ông thầm thì:

- Đây, chỗ thân, đảng này cam đoan xin hộ cho bằng được. Nhưng ít ra anh cũng lo lấy bát thập, còn thập nguyên, cho đảng này ăn với chứ?

Ông Cửu cũng thầm thì:

- Khốn như hiện nay không có đủ.

- Thì hãy cứ hứa đi, mai kia lên tạ sau cũng được kia mà. Đảng này nhận cho. Chứ anh đang tâm để con anh thế được à?

Ông Cửu yên lặng, thở dài.

Quay lại phía sau, ông thấy vợ ông đương lăn lộn. Ông không thể cầm được nước mắt, vội vàng mặc cả mấy câu nữa, rồi bằng lòng khấn quan bảy mươi đồng.

*
* *

Và một giờ sau, lữ ruồi, lữ nhặng, lữ cá, lữ quạ, tiếc ngẩn ngơ.

Chúng có biết đâu rằng quan huyện tư pháp đã tranh mất món mỗi ngon của chúng.

1938

SÁU MẠNG NGƯỜI

- Thôi, cái quan bằng lòng vậy, để bạn khác tôi bảo chúng nó đến cho. Cái quan cứ ngủ lại đây, sáng mai hãy về, kéo đêm đã khuya rồi, từ đây lên châu, đi đã xa, lại qua nhiều rừng, tôi không yên tâm đâu mà.

Nghe lý trưởng Tưởng thành thực nằn nì, nói bằng giọng kéo dài và ngô nghê như thế, ông châu Phiên lấy đồng hồ ra coi rồi nhìn ra ngoài. Rừng, núi và trời lẫn lộn trong màu đen. Ông hơi nản lòng. Nhưng thử xem còn hy vọng gì nữa không, một lần nữa, ông làm ra dáng giận dỗi, vỗ vai ông lý trưởng và nói theo lối người Thổ:

- Này, cái quan không bằng lòng thầy Lý đâu nhé. Thầy Lý không biết làm việc. Thầy Lý nói dối quan. Thầy Lý hứa nếu quan đến xem hội thì thầy Lý gọi cho quan những cô gì cô gì kia mà. Thế mà chẳng cô nào đến cả. Để đêm khuya thế này, quan phải về không. Ở vùng xuôi, những lý dịch đối với các quan tốt hơn kia. Nếu làng mời quan ngủ lại nhà mà không gọi được cô nào ra hầu chuyện, thì thầy lý hoặc thầy chánh phải đem người nhà thay vào kia đấy.

Nói đoạn, ông châu yên một lát, để thì giờ cho lý trưởng Tưởng hiểu thấu cái phong tục đẹp đẽ dưới trung châu, và ngấm ngấm cái bốn phận chu đáo của nhà chức dịch đối với quan phụ mẫu. Rồi ông tươi cười, hỏi nửa đùa nửa thật:

- Quan nghe nói thầy Lý có cô em gái mà?

Lý trưởng lắc đầu, đáp rất tự nhiên:

- Cho nó ra tiếp cái quan cũng không làm sao, nhưng rồi sợ nó quen đi, quan ạ.

Biết rằng không còn nước non gì, ông châu Phiên bảo thẳng ngựa, nhất định về.

Đường lên châu lý khúc khuỷu, qua những cánh rừng rậm, nhiều đoạn chênh vênh trên khe sâu thẳm. Song, ông tin ở con ngựa ô của ông rất khôn và rất thuộc lối, và hai tên lính cơ lực lưỡng, can đảm, lại có đem cả súng lẫn đạn theo hầu. Tuy lần này về bản Sing, ông chỉ có mục đích xem hội, nhưng ông cũng định tối đến, theo tục lệ, ông sẽ nô đùa với bọn con gái dậy thì lũ lượt kéo nhau ra đường giỡn hát bên ngọn đuốc.

*

* *

Lúc bấy giờ, độ mười giờ đêm, ba thầy trò đã bắt đầu phải chui qua cánh rừng rậm. Lối đi ban ngày còn hơi lơ mờ rờ, bây giờ thì thật đen như mực. Không ai có thể trông thấy gì, dù đã quen làm những việc lén lút. Người ta có một cảm giác rất khó chịu là bị quây vào giữa một cái màn rừng rợn, chật hẹp, mà tai, mắt, chân tay hoạt động một cách sợ sệt, song vô công hiệu.

Ba con ngựa bỏ móng vào những phiến đá, kêu lộp cộp.

Thỉnh thoảng, một chiếc lá khô rơi, xào xạc đung bốn năm bận vào cành. Và xa xa, tiếng tí tách của một dòng nước uể oải chảy từ kẽ đá ra. Ông châu, một tay nắm cương, một tay vúi yên, gò người về đằng trước và nhấp nhom theo nhịp điệu.

Những cuộc đi đêm vất vả, ông đã từng trải nhiều bận, nên đã quen. Làm chức tri châu, ông tránh sao được nơi rừng xanh núi đỏ, nước độc ma thiêng. Song ông chỉ cố đợi vài tháng nữa, đến kỳ thăng thưởng cuối năm, ông sẽ vận động thăng tri phủ và xoay về một huyện nào tôn tốt ở trung châu. Lúc bấy giờ, ông mới có thể nghĩ đến chuyện làm giàu và sung sướng được. Chứ ở đây, tiếng là quan cai trị, mà quanh năm, ông chẳng sơ múi gì. Dân sự họ sợ uy quyền lý trưởng hoặc chánh tổng người địa phương hơn là quan phụ mẫu. Và ở vào một nơi giáp biên thù, công việc canh phòng còn khó nhọc và nguy hiểm gấp bội phần.

Rong ruổi trong khoảng tịch mịch, ông châu Phiên bỗng nhớ đến cái chức vụ tịch mịch của mình. Một hơi lạnh thoáng qua, làm ông rùng mình. Ông móc túi, lấy điều thuốc lá và bật bùi nhùi để hút.

Bỗng ngựa ông đứng dừng lại. Rồi lưng ông bị đầu con ngựa sau húc phải. Ông giật nảy mình, tự nhiên ghê rợn, như có cái gì nó báo trước cho ông một điềm chẳng lành. Trong người ông nóng ran. Ông vội vàng lắng tai và giơ tay trong khoảng tối đen, làm hiệu cho lính, và khề nói:

- Đứng lại.

Ba con ngựa cùng dừng bước, thở, vẩy đuôi xoàn xoạt, và giậm chân xuống đất rần rần các để đuổi muỗi.

Quan quay lại, hỏi lính:

- Có người?

Tức thì hai ngọn súng đã chia ngang ra đằng trước.

Mọi người yên lặng để nghe ngóng và chờ đợi. Tiếng xôn xao mỗi lúc một gần. Ông Châu ra lệnh khẽ:

- Nạp đạn sẵn.

Gót chân nện xuống đất nghe rõ dần. Một người lính nói thêm:

- Họ nói tiếng Thổ hay tiếng Khách? Đông đấy.

Ông Châu ngăn:

- Thôi, im. Xuống người cả, mau!

Rồi ông hỏi to:

- Ai, đi đâu?

Những tiếng xôn xao ở xa tức khắc im bật. Thấy khác ý, ông Châu ngừng vực. Trong bóng tối, ông nhận ra năm sáu cái bóng đen kịt.

Một người lính hỏi lại:

- Ai đi đâu? Lấy cả thẻ ra để quan khám!

Lời vừa dứt thì không hiểu làm sao, bọn người đằng trước chạy tán loạn.

Đoán là việc nguy hiểm, ông châu hăng hái, hét:

- Bắn!

Đoành! Ngọn lửa sáng lòe, tiếng vang inh vào các khe núi, kêu vọng ra. Tức khắc, một cái bóng đen ngã vật xuống, giẫy đành đạch rên rỉ.

Hai người lính càng phấn chấn, đem hết sức lực, chạy đuổi bọn người gian.

Lại một tiếng doanh, rồi một tiếng doanh nữa.

Ông Châu nắm chặt lưng con ngựa, trống ngực đã bót rộn, ông lên tiếng hỏi:

- Thế nào?

- Bẩm trướng ạ.

Thấy người ngã đầu tiên còn phì phì thở ngay gần đó, ông Châu bấm búi nhui. Đá lửa bật ra những tia sáng lòe, rơi rõ lồi đi. Ông tiến mấy bước, rồi dồn dập hỏi:

- Bọn mày mấy đứa?

- Đau lắm, tôi làm gì mà bắn tôi?

Chẳng để tai vào những tiếng nói thảm thiết vô ích, ông lại hỏi. Tiếng trả lời:

- Sáu đứa.

Ông nói to, bảo lính:

- Tất cả sáu đứa!

Ngay lúc ấy, một tiếng súng lại nổ ran, vang động cả bốn phía. Rồi tiếng reo:

- Ngã rồi.

Mừng rỡ, ông châu hô:

- Còn hai nữa. Bắt cho kỳ được!

Rồi cúi xuống, ông toan hỏi thêm. Song, người khốn nạn đã ằng ặc giãy, rồi nằm im lìm.

Trời tối quá, nên cuộc săn người rất gian nan. Bởi vậy, trong sáu kẻ gian, bốn người chẳng may bị đạn thì chịu gục xuống, còn hai người lẩn lút được. Lính đã hết sức tìm sục mọi nơi, song, không tài nào thấy được. Thực ra, họ trốn không khó gì. Chỉ cần cho người đuổi không trông thấy hút được, là họ nép vào sau bụi rậm nào đó, thế là thoát.

Họ nằm đó cho thật yên. Bởi vậy, hai người lính đã mất công chui rúc cho đến tận tang tảng sáng.

Nhưng khi tầng lá xanh đen đã hơi nổi ra ngoài nền trời màu sữa, thì ông Châu bắt đầu hơi ngạc nhiên. Cách người chết nằm không xa, có những đồng gì to lù lù. Muốn khỏi ngợ, ông buộc ngựa vào cành cây, đến tận nơi, nhìn cho kỹ.

Bỗng ông nhũn người, run lên mặt tái mét. Đó là những bó thuốc lá, mà sáu người này có lẽ chỉ là bọn buôn thuốc.

Lương tâm ai chẳng có? Dù làm quan cũng vậy. Thỉnh thoảng, người ta có đôi phút vụt thấy lương tâm hiện ra, mỗi khi biết mình làm bậy. Bởi vậy, ông châu Phiên hối hận việc đã giết oan bốn mạng lương dân.

Nhưng biết làm thế nào bây giờ?

Ông châu vốn là người có óc thực tế. Hạng người này ít thiên về tình cảm. Nên khi một việc lỡ xảy ra, họ không xoa xuyết, than tiếc, mà phải cương quyết tính ngay cách đối phó sau này. Vì vậy, trong giây phút, ông lạnh trí, nghĩ ngay được cách làm thế nào để tránh lỗi với quan trên.

Thì ông làm thế này.

Ông đến tận nơi từng người bị đạn để tra hỏi. Khi biết đích bọn họ chỉ là người Thổ đi kiếm thuốc lá để sáng sớm mai bán tại chợ bản Sing, ông bèn đốt thẻ của họ đi, và bắt lính trói chặt lại, cho khỏi có người nào còn sức lê đi và trốn thoát. Như vậy, ông có thể kê họ nằm rên rỉ một mình, không phải bận về canh gác nữa.

Đoạn ông cùng hai tên lính cơ, chia nhau đi các ngã để sục nốt hai người hiện đương trốn.

Ông cao đoán lăm, bảo lính:

- Chúng nó chưa ra khỏi cánh rừng này. Chúng mày cứ trông kỹ vào những chỗ rậm rạp, tao sẽ thưởng to cho thằng nào có công.

Lúc ấy đã sáng rõ. Ba thầy trò vừa lắng tai, vừa trở mắt, dò từng bước để tìm tòi. Không một bụi rậm nào họ không khua ngọn súng vào. Không một khe đá nào họ không lách lưỡi lê vào. May thay, trời không phụ kẻ có công bao giờ. Chẳng bao lâu, chính ông Châu tóm được một người nằm ẹp như con nhái bén dưới một gốc cây đổ. Và một tên lính vô được người nữa, đương cầm cổ chạy bán sống bán chết trong khóm lau cao.

Bắt sống được hai tên cuối cùng, mà hai người này không có thể, ông Châu mới thực mừng. Ông sai trói gô họ vào gốc cây.

Rồi ông làm gì?

Rồi... đoàn! đoành! Ông chia cho mỗi người một phát đạn, không hơn không kém, để họ đỡ tị với bạn.

Rồi... Còn ba người đương ngắc ngoải, ông cũng sinh phúc cho thêm mỗi người một phát, để họ được thoát khổ, mà rũ nhau cả một lượt về xuôi vàng.

Rồi... khi đã làm cỏ đủ sáu mạng người, ông sai cởi dây trói ra, và phi ngựa về châu. Ông làm tờ khăn bắm với quan trên, kể công là đã đi tuần đêm, và ba thầy trò đã giết nổi một toán những sáu đứa... giặc Khách.

Và như thế, ông yên trí về công trạng trị anh oanh liệt này, ông sẽ được đặc cách thăng tri phủ hạng nhì...

TÔI TỰ TỬ

Một loạt truyện ngắn của ông viết vừa rồi về quan trường, tôi có đọc hết.

Tôi nhận thấy có truyện ông bịa thêm nhiều, có truyện ông bịa thêm ít, nhưng cốt truyện đều có thực cả. Tôi không oán trách gì ông, trái lại, nhân tiện hôm nay gặp ông đây, tôi xin hiến ông thêm một tài liệu để viết.

Ngày ấy, tôi mới ra làm quan, ngồi ở huyện T.V., một huyện rất còm cõi, với năm mươi bảy xã, rất một giống dân cò trắng. Bọn chúng tôi, anh nào lép vế, ít tiền lẻ mới phải nhận cái hạt khốn nạn này. Vì quanh năm chỉ làm đây tó dân. Thế mà đến vụ nước lớn, còn mất ăn mất ngủ nữa. Con sông Nhị Hà nó như một bà lão cay nghiệt, lại chảy qua huyện tôi những hai mươi cây số.

Tôi về T.V. được năm tháng, thì cố cây cục để được đổi trước mùa nước về Nam Định, hoặc Thái Bình chẳng hạn, ở những hạt béo bỏ và ít dề. Song, vì các phủ huyện như của bán đấu giá, nên người ta thách tôi một món tiền cao quá, mà tôi không đủ vốn để xuất ra buôn lấy lãi. Vì vậy, tôi đành miễn cưỡng ở lại T.V.

Năm ấy nhân sai, và kiến ra nhiều. Theo kinh nghiệm, quyết là lụt to. Nhất là tôi nghĩ đến những ông huyện trước tôi, một ông vì chênh mắng dè điều đến nỗi phải triệt hồi, một ông vì quá mẫn cán đến nỗi bị dòng nước lôi đi, thì tôi càng lo lắng cho công danh và số phận tôi quá.

Tính tôi thích chơi bời. Từ ngày tôi mua được ô tô, không mấy chiều thú bầy tôi vắng mặt ở xóm Khâm Thiên. Vợ tôi đã ghen tuông dữ dội, nhưng con dâu Trà, nhân tình tôi, lại khéo chiều chuộng tôi quá lắm, khiến tôi không tài nào thật bụng với vợ được. Những ngày nghỉ, nếu tôi không lên được về với nó, tôi tưởng có thể phát điên phát cuồng lên. Cho nên những trận tam bành, những đêm giày vò, những lời day nghiêng của người đàn bà, đối với tôi, chẳng có công hiệu gì. Tôi vẫn liêu lĩnh đi Hà Nội để được nghe những lời nỉ non, ôn thốt, để được bỏ ra hàng cuộn bạc giấy, vun đắp cho người yêu được ấm no.

Bởi cần kiếm thêm nhiều tiền, nên tôi phải bớt nhiều sự liêm chính. Vả làm quan mà không ăn tiền, bạn đồng nghiệp chúng tôi sẽ chê là gàn, là ngốc, là không biết làm quan. Cho nên, ngoài những món tự thăng dân ngu đại đem hiến cho tôi, tôi còn phải vẽ việc để khoét chúng nó một cách thậm bất công và thậm vô lý.

Tháng Bảy năm ấy, mưa ngâu sùi sụt suốt nửa tháng, không tạnh. Mà nước các ngả dồn về, mặt sông càng ngày càng dâng cao. Lý trưởng xã Thượng Vệ làm giấy bẩm xin tôi về khám khúc đê làng nó, bị mưa dầm làm bùng đất, và nếu nước cứ to mãi, hoặc có một trận bão nhỏ, khúc đê ấy khó lòng đứng vững được.

Nhưng không hiểu làm sao, tôi lại coi khinh lời báo cáo của tên lý trưởng. Phải, nếu tôi bận về đê, ngày nào cũng phải đi vắng, thì không thể làm hết được tất cả các việc ở huyện. Tôi sẽ phải giao cho ông trợ tá hoặc bọn thừa phái, lục sự giúp tôi. Như vậy, tôi thiệt rất nhiều lợi. Tôi bèn lấy kế, sức cho lý trưởng sở tại phải trông nom đê cho cẩn thận, và phải khẩn trình, khi thấy có nguy cấp. Tôi biết như vậy, là làm một việc rất vô lý. Một người lý trưởng chẳng có quyền hành gì, mà phải chịu một trách nhiệm nặng nề như vậy, thì làm thế nào được. Nhưng lệnh trên đã ra, lý trưởng Thượng Vệ không dám cưỡng nên đêm ngày phải cho người nằm trên mặt đê để canh.

Đáng lẽ tôi nên ra tận khúc đê xung yếu để được mắt nhìn thấy nổi nguy hiểm, rồi liệu cách mà đề phòng. Nghĩa là sức các làng lân cận lấy phu phen, tre pheo, để phụ rộng thêm, hoặc be con chạch, hoặc cùng lằm, đắp một con đường quai chảo để chắn cho nước khỏi lan vào đồng, nếu đê ngoài có vỡ. Hay nếu thế mình có yếu, thì trình quan trên xin sở Lục lộ phái người về, cùng lấy sức ủng hộ của các phủ huyện bên cạnh. Nhưng không làm thế, tôi cứ nằm lý ở nhà. Và chiều thứ bảy, theo thói quen, tôi chuẩn về Hà Nội.

Cho nên trời quả báo, nổi ngay một cơn bão cực lớn. Và khi trông thấy lý trưởng Thượng Vệ phi ngựa đến huyện, tôi biết ngay là có chuyện lôi thôi to.

Quả vậy, khúc đê làng hấn nguy quá. Nếu mưa gió không ngớt, thì chỉ đêm nay là đi đòi. Tôi tức tốc đến nơi. Mặt sông đỏ ngầu, rộng mênh mông, nước cuộn cuộn chảy,

xoáy rất mạnh; những con sóng lớn xô nhau vào bờ, vỡ ra, kêu uôm uôm, tóe như mưa rào. Gió gào ù ù, giật lên từng hồi, đánh những hạt nước vào mặt, rất như roi quất.

Tôi lo quá. Nhìn xung quanh, tôi thấy mù mịt một cách ghê sợ.

- Bấm bây giờ gió mới quay sang Đông, xem chừng Đông này còn dai, chưa thể đổi sang Nam được.

Nghe lý trưởng nói, tôi thở dài. Nghĩ đến hôm sau là thứ bảy, đáng lẽ tôi được đúng hẹn với con Trà, lên hú hí với nó, thành ra đã chẳng được hưởng sự sung sướng với tình nhân, tôi lại phải dầm mưa dãi gió. Và nếu khúc đê này có thể nào, tôi chắc không thể yên được với quan trên. Bất giác tôi sụt sùi, hai hàng nước mắt lã chã.

Hương lý và nhân dân đứng cạnh, chẳng hiểu tâm sự tôi, nên ai cũng dặt dào. Ý hẳn họ thấy tôi quay mặt về phía đồng ruộng xanh rờn và làng mạc sầm uất mà khóc nên họ cảm động lắm.

Biết rằng thế nước đã mạnh, lại thêm sức sóng gió giúp thêm, tôi đoán trước là khúc đê này, tuy có ít công người gìn giữ, nhưng gìn giữ quá muộn, thì thế nào cũng vỡ. Nhưng không lẽ tôi lại mần ngơ. Nên muốn che lỗi mình, tôi phải nằm suốt đêm ở đình Thượng Vệ, để đốc thúc dân phu, và để có mặt tại đó khi đê vỡ, ngõ hầu che sự lười biếng trước mắt quan trên.

Thì quả nhiên, hồi bốn giờ sáng, khúc đê lở, rồi vỡ. Nước chảy ào ào như thác. Tiếng trống, tiếng chó, tiếng tù và, tiếng người nổi dậy lên một góc trời. Chỗ vỡ bị cuốn lở to dần, và thác nước chảy réo rất dữ dội.

Sáng hôm sau, mưa tạnh, gió lặng, sóng yên. Nhưng cả một cánh đồng trắng xóa những nước, mênh mông như biển. Gò đồng, mồ mả ở gần bị bật lên, trôi phảng cả đi. Làng mạc chỉ còn như những hòn đảo.

Những cảnh thảm vì lụt mà tôi được nghe người ta kể đến tai, nào những nhà trôi, người chết, nào những cửa cải tan tành, làm tôi ân hận vô cùng. Nhìn biển nước càng bát ngát, tôi càng thấy tội tôi to. Và nghĩ đến những oan hồn nó báo oán sau này, thì tôi và con cháu tôi tránh sao cho khỏi bại hoại.

Song, cái kết quả ác hại ngay trước mắt, thì là chỉ trong tháng này thôi, tôi sẽ bị triệt hồi. Hoặc nhẹ ra, cũng bị đổi lên thượng du. Sự trừng phạt về kỷ luật để làm gương cho các ông quan khác trể nải công việc, tất, tôi không thể lấy tiền mà giã được. Sao trăm nghìn tiếng oán chửi thấu đến tai quan trên? Thì dù tôi tốt thầy tốt thợ, song, tội trạng hiển nhiên ra đó, ai bênh vực nổi?

Bởi vậy tôi phải lập kế.

Tôi bèn gọi tên người nhà tâm phúc đến để buồn rầu mà dặn nhỏ nó:

- Thao ơi, tao tự tử đây.

Thằng Thao kinh ngạc, run lên, đáp:

- Lạy quan lớn, xin quan lớn chớ liều quá thế. Đê vỡ là do giới làm, chứ có phải lỗi riêng ai, mà quan lớn lo sợ?

- Tao không lo sợ, tao chỉ thương dân thôi. Mà cho tao mượn cái thớt lưng, tao treo cổ lên xà đình này, để tạ tội cùng bao nhiêu mạng sinh linh chết oan uổng.

Nghe những lời can đảm, quả quyết của tôi, thằng Thao

ngõ thật. Nó van lạy, khóc lóc mãi. Vì vậy, tôi càng làm ra cương quyết. Nó không dám cho tôi mượn thắt lưng, chổi rằng không có. Tôi mắng nó tàn nhẫn những là ích kỷ, là vô lương tâm. Tôi bắt nó mua một cuộn thùng mới.

Nó ngậm ngùi, cầm tiền đi ra. Thấy vẻ mặt băn khoăn của nó, tôi đoán ăn kẹo nó cũng chẳng dám để tôi liều mạng. Tất nó báo cho mọi người biết tin dữ dội này để đề phòng. Ý tôi cũng chỉ định có thế. Nếu tự tử thật, tôi cứ lẳng lẳng mà chết, đại gì sai người giúp, để việc vỡ lở ra.

Tôi chờ thằng Thao đi khỏi, mới lấy bút giấy, thảo thư tuyệt mệnh. Tôi chỉ viết một bức gửi cho dân mà thôi. Ý là tôi chỉ thương dân, chứ không nghĩ gì đến vợ con cả. Trong thư, tôi dùng hết những lời nhân đạo của một vị phụ mẫu, vì thấy dân đói khổ mà xót xa, đến nỗi chẳng thiết sống.

Có đoạn tôi đặt được những câu thống thiết, đến nỗi chính tôi cũng cảm động. Một ông công sứ Thái Bình, vì đề vớ đề, lo phải cách, nên tự tử bằng súng lục. Một ông tướng ở Quy Nhân, vì không giữ nổi thành mà tự thiêu bằng thuốc đạn. Hai vị đó được bọn nịnh thần ca tụng, lập đền kỷ niệm. Thì tôi tự tử, dầu không chết, song, tất được ít nhiều tiếng khen. Máy tờ báo hàng ngày đang đói tin mà vớ được việc này, thì tha hồ mà phóng đại. Vậy tuy tòa án lương tâm có trừng phạt tôi nghiêm ngặt, nhưng tòa án dư luận sẽ tha bổng tôi. Và biết đâu, lại khen ngợi tôi là khác nữa. Và do thế, có lẽ tôi sẽ cũng vô tội với kỷ luật của quan trường chẳng.

Thằng Thao mua dây về đưa cho tôi. Mặt nó xám ngoét và rưng rưng nước mắt. Nó can ngăn một lúc nữa, vô công

hiệu, nên phải lui ra. Còn tôi, cứ ngồi rũ trên ghế, gục đầu xuống ngực như một người ăn năn tội thật. Một lát, tôi để bức thư ở ghế, đứng lên bàn, vòng dây vào xà nhà.

Quả nhiên, khi tôi vừa thò cổ vào thùng, đã có hàng chục người chạy ồ vào, rú lên, ôm lấy tôi, giấu thùng đi, không cho tôi liều mạng. Người ta van lơn tôi. Người ta khuyên giải tôi. Người ta an ủi tôi. Có người ngáy thोर quá, sụt sịt khóc.

Kết quả việc làm của tôi đúng như ý định. Các báo hàng ngày đăng tin, phỏng vấn, in ảnh tôi, và gây nên một dư luận thật xôn xao để cảm lòng bác ái của tôi.

Rồi quan trên không lấy chứng cứ gì mà buộc tội tôi được.

Nhờ việc tự tử, tôi thoát nạn. Và sự gian dối ấy có lợi cho tôi trong những lần thăng thưởng về sau. Bởi thế, trong có ngót mười hai năm trời, tôi đã thăng đến bố chánh, giàu có, sung sướng, và nhàn hạ. Bây giờ, đến tuổi về hưu, tôi nhớ lại việc cũ, cho là có nói thật cũng không hại gì cho bước đường công danh của tôi. Cho nên tôi kể lại cho ông viết câu chuyện tự tử này...

1938

GIÁ AI CHO CHÁU MỘT HÀO

Người lính khố xanh bước lên toa, đứng lại, nhìn xem chỗ ghế nào rộng để ngồi, rồi dắt theo một thằng bé con bé loắt choắt đi đến. Cái xích sắt, một đầu người ấy cầm, một đầu buộc vào đầu cổ tay thằng bé, nó võng xuống và đưa đi đưa lại, kêu xúng xoảng. Người lính ra dáng mệt nhọc, bỏ nón để lên đầu gối, trật khăn khoảng vào cánh tay, tựa đầu vào thành toa, rồi đưa cả cái xích cho kẻ bị xích cầm. Tội nhân vo gọn dây sắt và thu tất cả vào bụng, rồi phủ vạt áo lên trên cổ tay.

Hành khách yên lặng nhìn, ghê tởm hoặc sợ hãi, như nhìn một kẻ đại gian ác. Người ta còn ghê tởm và sợ hãi hơn nữa, vì thằng đại gian ác này lại bé nhỏ, mới độ mười lăm, mười sáu tuổi là cùng.

Mặt nó già cỗi, đen dúi và răn reo, làm cho hai con mắt nó trắng già và khoằm khoằm như mắt vọ. Những thứ nó mặc, nếu lấy tên sẵn của cổ nhân đặt ra mà gọi là quần và áo, thì không đúng tí nào.

Cái che khoảng trên thì là một mảnh vải tơ cũ kỹ, vừa

rộng vừa ngắn, trước kia không rõ là đã dùng để làm gì. Cái che khoảng dưới thì bằng không biết có phải vải hay không, nhưng chắc chắn nó là di tích của một chiếc yếm đầm. Cả hai thứ đều rách bươm, mà chỗ nào rách cũng to, nên phải nút riu lại với nhau, hoặc buộc bằng lạt. Bởi vậy, người ta có thể đếm trong mình nó từng cái mụn lỗ, từng cái xương sườn.

Xe lửa chạy được một ga. Bỗng một bà hỏi người lính:

- Thằng bé nó tội gì đấy, ông?

- Nó không có tội gì cả, nhưng nó đi ăn mày, nên bị giải về nguyên quán.

Bấy giờ mọi người mới nhìn kẻ không gian ác bằng những con mắt thương hại. Bà ta cau mặt, hỏi:

- Thế các ông không cho nó đi xin tiền để kiếm ăn à?

Người lính mỉm cười, đáp:

- Nào phải tôi không cho nó đi kiếm ăn. Quan trên bắt tôi giải nó đi, thì tôi tuân lệnh, có thể thôi.

Bà hành khách thấy câu nói có lý, thì mỉm cười, rồi ngấm nghĩa thằng bé:

- Ủ, nó không đui mù què quặt mà cũng đi ăn mày. Chỉ lười quen xác.

Người lính gật đầu, đáp:

- Vâng, và nó làm cho tỉnh thành, phố xá mất cả vẻ đẹp đi, bà ạ.

Mọi người đưa mắt nhìn thân hình thằng bé và những mảnh xơ xác bọc nó, khiến nó cúi đầu, ngượng ngịu.

Rồi người đàn bà khuyên thằng bé:

- Về chỗ quê hương, thì nên kiếm việc mà ăn mà làm, tội gì ăn xin cho nó khổ, hở anh? Mà cái nghề đi ăn xin, nếu không có ai cho, thì dễ sinh ra làm càn, đâm đi ăn cắp, ăn trộm. Rồi làm điều ác quen tay, có ngày đi ăn cướp, giết người, tù tội đấy, anh ạ.

Thằng bé con thỏ dài, đáp:

- Thưa bà bảo cũng phải, nhưng cháu chả biết được rồi ngày sau cháu thế nào. Cháu bị giải về nguyên quán lần này là lần thứ hai.

- Là lần thứ hai? Sao anh không chịu ở nhà, lại dại dột lần mò đi như thế? Ở chỗ quê hương, có họ hàng làng xóm, thỉnh thoảng người ta thương tình, giúp đỡ, chẳng hơn ra thiên hạ, một thân một mình sao?

- Thưa bà, cháu có muốn đi đâu. Nguyên thầy u cháu chết sớm, để cháu lại cho cậu cháu nuôi, ở trên Lạng Sơn kia.

- Thế quê anh ở đâu?

- Cháu quê ở Đồng Hải, về tỉnh Thái Bình. Nhưng từ bé, cháu chưa về làng bao giờ, vì thầy u cháu lên làm ăn trên Lạng đã đến hơn hai mươi năm nay.

Bà ta chép miệng, thương hại:

- Khốn nạn! Bởi thế anh mới phải lang thang?

- Vâng, thưa bà, thì cậu cháu lúc còn sống, ruộng làm nhờ, nhà ở nhờ, thì hẳn lúc cậu cháu chết, cháu bị đuổi đi.

- Sao anh không xin ở lại làm với người ta?

- Có, nhưng ông ấy bảo còn bé, chưa biết làm gì.

- Thì xin ở làm thằng ở vậy.

- Thưa bà, cháu có muốn đi ăn mày đâu. Cháu có tính lười biếng đâu. Cháu cũng biết kiếp ăn bám vào người ta thì chả chắc tí nào, vả lại nhục lắm. Nhưng cháu cố xin ông chủ việc gì, ông ta cũng không dùng. Ông ta bảo có đủ người rồi. Cho nên cháu không được ở nhà ấy nữa.

- Sao ở tỉnh Lạng, thiếu gì người, thiếu gì nhà, anh không xin việc mà đi làm?

- Thưa có, nhưng ai cũng chê cháu gầy gò, yếu đuối. Có người đã nuôi cháu hai hôm, lại cho cháu ra ngay, bảo rằng cháu không biết việc và nhất là vì cháu bơ vơ, không có ai chắc chắn dẫn lại, nên người ta không thể tin được.

- Bà hành khách thở dài. Thăng bé nói tiếp:

- Mà giá cháu có quần áo lành lặn, thì còn có người xin, chứ ăn mặc rách rưới thế này, ai cũng nghi là ăn cắp. Cháu lang thang một ngày không có gì ăn, bất đắc dĩ, cháu phải ngửa tay đi xin đồng trinh, bát cháo. Một lần, may quá, cháu gặp một người bạn của cậu cháu khi trước. Cháu kể tình cảnh với bác ấy, bác ấy thương tình, hẹn rằng hai hôm nữa là phiên chợ Kỳ Lừa, bác ấy ra tỉnh bán hàng, bác ấy sẽ dắt việc cho mà làm ở nhà quen. Và nếu không được, thì bác ấy cho vay tiền mà làm vốn.

- Ô, thế sao anh không theo về ngay nhà bác ấy ở làm thằng nhỏ cho bác ấy có tiện không?

Thăng khốn nạn mỉm cười, đáp:

- Thưa bà, bác ấy có sung sướng gì hơn cậu cháu đâu? Nghĩa là bác ấy cũng nghèo khổ như hạng cháu thôi. Tại bác ấy thương cháu, nên mới tính như thế. Mà cái vốn của bác ấy gọi là cho cháu vay, nó độ một vài hào là cùng. Bác

ấy xui cháu mua đôi nồi hông mà gánh nước thuê, hoặc sắm cái ấm và mấy cái bát mà đi bán nước vối. Vâng, thưa bà, có vốn thì khối cách kiếm ăn, mà cháu quyết rằng nếu cháu có một hào vốn, một hào vốn thôi, thì cháu có thể no suốt đời được. Thật thế, giá lúc ấy bác cho cháu vay ngay một hào, hay giá ai cho cháu một hào, thì không bao giờ cháu chịu đi ăn mày đến nỗi lần trước phải bắt và giải về nguyên quán.

- Thế là vì đi ăn mày, anh mới bị bắt đấy?

- Vâng, chứ cháu có tội gì, mà lần này cũng thế. Lần trước cũng một ông quyền giải cháu đi, từ Lạng Sơn về Thái Bình, mất hai ngày.

Bà ta nghĩ một lát, rồi đáp:

- Ủ, đường đất ấy, đi hai ngày là phải.

Người lính nói thêm:

- Hai ngày thì hấp tấp mệt nhọc quá.

- Các ông đi thế này, nhà nước cho chi tiêu ra làm sao?

Người lính vuốt mái tóc, ngồi thẳng lại, đáp:

- Chúng tôi mỗi ngày được hai hào phụ cấp. Cái chuyến người lính đi đưa thằng này lần trước ấy, thế là bốn ngày, vì còn lượt về, vị chi là tám hào.

Bà ta gật đầu:

- Phải, hai suất hành lý từ Lạng đi Thái và một suất đi từ Thái về Lạng nữa chứ? Mỗi suất một lượt bao nhiêu tiền, hở ông?

Người lính lắc đầu, đáp:

- Tôi chưa đi đường Lạng Sơn bao giờ, nhưng một người về đến Thái, mất tất cả độ chừng hai đồng trở lại.

Người đàn bà ngạc nhiên, trợn mắt, nói:

- Thế ra những năm sáu đồng kia đấy? À, mà lại còn tiền ăn đường của thằng bé này nữa nhỉ. Thế tất cả là đi, cho là năm đồng tiền tàu, với lại tám hào lính, với lại, mỗi ngày tiền ăn của nó là bao nhiêu hở ông?

- Hào sáu.

Bà ta lẩm bẩm:

- Là đi năm đồng tám, với ba hào hai, tất cả sáu đồng một hào hai.

Thằng bé trố mắt, ngán người ra để nghe. Người lính lại tiếp:

- Rồi còn từ tỉnh về huyện, cũng một người lính nữa giải nó chứ.

- Ô, phải, lại hai hào một ngày nữa.

Thằng bé con nói:

- Từ Thái về huyện cháu có ô tô, bốn hào một lượt.

- Thế hai vé đi, một vé về, mất đồng hai, với hai hào, với sáu hào, là một đồng tám hào sáu. Tất cả là bảy đồng sáu hào tám.

- Thế đến huyện rồi sao nữa, hở ông?

Người lính đáp:

- Cũng có lính giải nó về làng, giao cho lý trưởng. Nhưng quãng này thì lý trưởng phải cung đốn cơm rượu cho lính.

Thằng bé nói:

- Thưa bà, người ta đưa cháu về làng, giao cho ông lý, nhưng ông lý khai rằng không biết cháu là đứa nào, vì trong sổ làng không có tên cháu.

- Thế thì làm thế nào?

- Nhưng ông lý cũng cứ phải nhận cháu, vì quan bắt thế. Ông ấy nuôi cơm cháu mấy hôm, nghe chừng xót ruột, nên lại đuổi cháu đi. Vì thế, cháu lại lang thang lần nữa. Giá bây giờ ai cấp cho cháu một hào vốn, thì cháu cũng chẳng phải đi đến đâu. Cho nên cháu phải xin ăn hết nơi này đến nơi khác, bị nhục nhã đủ trăm chiều. Rồi được độ một tuần lễ, khi lạc đến một tỉnh mà cháu không biết là tỉnh gì, thì cháu lại bị bắt và bị đuổi về làng cháu như lần trước.

Bà ta ái ngại:

- Rồi ông lý lại không nhận, và phải nuôi báo cô anh, thì ông ấy lại đuổi đi?

Thằng bé thở dài, không đáp. Người lính cau mặt:

- Thực nó làm tốn kém cho Nhà nước. Mỗi bận thế này, còn phải mất bao nhiêu giấy má vì nó nữa chứ. Nào bên tòa Sứ, nào bên sở Tuần, nào bên sở Cẩm, nào rồi lại về huyện, về làng. Mà khi bắt được nó, vì chờ nhiều chữ ký quá, nên ít ra cũng phải nuôi nó một hôm, rồi mới giải nó đi được.

Người đàn bà nói:

- Thế ra tính tròn thì lần trước Nhà nước đã mất tám đồng bạc về nó. Lại còn lần này, rồi biết đâu, còn những lần sau nữa.

Người lính gật đầu, nhìn thằng bé đang nghĩ ngợi, rồi đáp:

- Mà khi bắt được một đứa ăn mày, nhà nước chỉ có phép giải nó về nguyên quán mà thôi.

Bà hành khách lắc đầu, bảo thằng bé:

- Đấy, anh coi, anh nên kiếm việc mà làm, không nên đi ăn mày nữa. Thà rằng anh đến tuổi, mỗi năm đã đóng cho Nhà nước hai đồng ruỡi thuế thân, chứ hiện nay, cứ mỗi bận anh bị giải như thế, Nhà nước phải tốn về anh bảy tám đồng bạc, mà nhà nước có được lợi lộc gì đâu?

Thằng bé khốn nạn nghe chừng hiểu thấu bài tính và kinh ngạc về món tiền kia, nên nó ngậm ngùi, khâm phục câu khuyên bảo rất phải lẽ của người đàn bà tử tế. Nó đáp:

- Vâng, thưa bà, nhưng giá ai làm phúc cho cháu một hào, thì đâu đến nỗi cháu phải đi ăn mày, mà Nhà nước cũng chẳng phải tốn kém như thế!

1938

GÁNH KHOAI LANG

Buổi chợ tan, bà Lý gánh hai thúng khoai về làng, nét mặt buồn rười rượi.

Thấy tiếng vợ ngoài cổng, ông Lý vội chạy ra, nhưng rồi đứng sững lại, tung hứng, nói:

- Thế nào? ế à?

Bà Lý uể oải đi vào, đặt gánh xuống sân, lắc đầu:

- Đã bảo mà, thầy nó gàn dở quá. Năm hết Tết đến còn ai mua của nỡm này làm gì? Chỉ làm tội tôi gánh trạ xương vai ra mà thôi.

Rồi nhìn chồng lặng yên, và nét mặt lo lắng, bà thương hại, nói:

- Hay thầy nó cứ làm như ông chánh hội ấy, ý ra, không Tết, không lễ ông quan ông ấy giết chết hay sao?

Ông Lý thở dài:

- Mình còn làm việc với người ta, không xử thế được.

Bà vợ cau mặt:

- Sao lại không được? Thầy nó để ông ấy bắt nạt, được

một lần, rồi ông ấy bắt nạt mãi. Cứ thử trây ra xem sao nào. Gặm khố người ta mà trừ à.

Nói xong, bà Lý xuống bếp, vừa gắt gồng:

- Làm lý trưởng một làng quên có hơn trăm suất đình, mà nay Tết, mai Tết, lại phải những hai đồng, cũng chẳng dám mở miệng ra mà kêu.

Ông Lý bực mình, gắt lại:

- U mày lên huyện mà kêu. Cứ ở nhà nói đồng thì ai chẳng làm được. Lại không biết người ta ra làm quan chỉ cốt có việc nặn khoét thôi à.

Bỗng một lát nghĩ ngợi, ông Lý hỏi:

- Thế đồng bạc để mua thịt ngày mai đâu, u mày đưa đây vậy.

Bà Lý bĩu môi:

- Dễ nghe nhỉ. Cả nhà ăn Tết, chỉ có đồng bạc, thầy nó định lấy đem vào quan hay sao?

- Chứ làm thế nào?

Bà Lý nguýt:

- Rồi không có gì sửa mâm cơm cúng hôm mồng một, để ngoài người ta nói cho ấy à?

Ông Lý buồn rầu, vuốt mái tóc, hấp háy mắt. Ông nhăn nhó, nhìn gánh khoai lang. Ông lo lắng. Mai đã là ngày quan hẹn lên lễ Tết, mà nay chưa có đồng nào. Không thể được. Vụ lụt vừa rồi, dân làng đã xơ xác, rạc rầy. Nhà ông tiếng là đủ ăn, nhưng thực sự, bữa nào vợ chồng con cái cũng phải dọn khoai lang với gạo đỏ. Bởi vậy, vào lúc khó khăn này, kiếm được đồng tiền để nuôi sống cái thân

còn chặt vật khốn đốn, hướng chi để đem làm giàu cho bạn quan tham.

Nghĩ vợ vẫn một lúc, ông Lý gọi vợ, dỗ dành:

- Này u mày cứ đưa tôi đồng bạc, để mai tôi đi sớm, rồi hãy hay.

Bà Lý ương ngạnh:

- Nhất định tôi không chịu để cái Tết này ông bà ông vãi phải nhịn đói. Thấy nó muốn làm gì tôi thì làm.

- U mày khó bảo quá.

- Mà nói thực ra, ông bà ông vãi chắc gì đã được hưởng mâm cao cỗ đầy. Đồng bạc này chỉ là để vợ chồng con cái ăn Tết với nhau cho sướng mà thôi. Mình làm lụng quanh năm vất vả, được ngày Tết nghỉ ngơi ăn uống vui vẻ, tội gì mà đem tiền mồ hôi nước mắt cho người khác hưởng.

Ông Lý phát cáu, nói:

- Nhưng vui sướng chưa thấy đâu. Hãy biết rằng tôi khổ với người ta trước đã.

Bà Lý chợt nghĩ được một điều, ôn tồn nói:

- Thấy mày cứ gánh thúng khoai này lên huyện mà Tết quan. Khoai mà không là tiền à. Gặp lúc đói kém, nó lại không quý hơn vàng ấy à?

Thấy vợ dịu, ông Lý mỉm cười:

- Thì tôi cũng đã nghĩ như thế, món khoai này cũng trị giá đến đồng bạc. Nhưng một khoai không vẫn chưa đủ lệ, phải có thêm đồng nữa, ông ấy mới nhận cho.

Bà xung tiết:

- Ăn gì mà ăn lăm thế.

Ông Lý trợn mắt:

- Tôi đã bảo u mày cứ hay nói nhảm, thế nào cũng có ngày vạ miệng. Nhà mình là nhà là việc, mình nên giữ mồm giữ miệng, kéo đến tai ông ấy ngay đấy.

Bà Lý càng tức, nói to:

- Ừ đây, tôi sợ gì. Ông ấy cứ đem mà giết quách cả nhà này đi. Chứ lại bóc lột người ta tàn nhẫn thế à?

Ông Lý lại trợn mắt, vội chạy đến giơ tay để bịt mồm vợ. Bà Lý tưởng chồng đánh, bèn bù lu bù loa lên, kêu khóc. Ông Lý càng nổi giận, sẵn tay, vả ngay cho vợ một cái thật mạnh. Tức thì, tiếng tru tréo dậy lên ồn ồn.

Nhưng hàng xóm chạy ngay sang, ông Lý phân trần lẽ phải của mình. Bà Lý cũng già mồm cãi lại để mọi người hiểu. Kết cục, ai nấy đều khuyên bà Lý nên để tiền cho ông lên huyện Tết quan. Bởi vì nếu không, không những ông Lý sẽ bị quan nay hạch sách điều nọ, mai đòi hỏi việc kia, tốn kém dây dưa, rồi ra cũng quá tội. Mà ông Chánh hội đã không tết, ông Lý cũng lại không tết, quan sẽ đổ cho cả làng là cộng sản, thì dân vừa bị cái ách lụt lội trời trị chưa hồi phục, đã lại bị cái ách quan trị nữa, thì đến liêu xiêu cả làng mất.

Bà Lý hiểu lẽ, động lòng, mới chịu nhượng bộ chồng.

*

* *

Đứng trước bàn giấy quan, ông Lý gãi tai, nhìn đĩa tiền để trên hai thúng khoai chồng lên nhau, khúm núm nói:

- Lạy quan lớn, chúng con gọi là có cây nhà lá vườn, đem đầu đến vì thiềng Tết quan lớn.

Ông Huyện hình như đã nổi giận. Ông ngấm áo ngấm quần và người ngòm ông Lý bằng đôi mắt đầy mỉa mai, rồi trỏ tay vào lễ vật, đồng dặc hỏi:

- Thầy đem Tết tôi? Thầy thử ngấm xem cái mả khoai lang của nhà thầy bây ở giữa buồng giấy này, trông nó có đẹp không đã?

Ông Lý sợ hãi, trống ngực thình thình. Quả là cái mả khoai lang đã làm tiêu cả vẻ hùng vĩ của bộ da cộp và hai thanh quát treo trên tường, và làm giảm cả sự choáng lộn của bộ bàn ghế gỗ đánh bóng, có những đệm nhung thêu kim tuyến. Rồi như tiếng sét, ông huyện gất:

- Đồ xỏ lá! Đem về để vợ chồng con cái ăn với nhau! Nhà tao không có lợn!

Giật mình, ông Lý tái mét mặt, ấp úng nói:

- Lạy quan lớn, quả thực chúng con túng đói, xin quan lớn thương cho.

- Mày kêu mày túng? Mày túng thì ông cách cổ mày đi cho thẳng khác làm. Đồ ba que!

Ông Lý không thể đáp thế nào được, bèn chỉ lạy van đỡ đòn:

- Lạy quan lớn.

Ông huyện quắc mắt, đập bàn, lại quát:

- Đem đi ngay! Đừng để bản công đường! Từ giờ đến trưa, mày không Tết tao được, thì tao bỏ tù. Tao bảo trước cho mà biết.

Ông Lý run bắn người, nghĩ ngay đến mai là mồng Một Tết mà mình phải giam trong trại.

Ông bèn khom khom bê hai thúng khoai ra để ở góc hè, bỏ tờ giấy bạc vào túi, rồi ra phía cổng.

Ruột ông rối như mớ bòng bong. Ông đi ra để quan khỏi quở thêm, chứ thực ra cũng chưa định đi đâu.

Nhưng may quá, ông sức nghĩ đến ông phó Sinh bán hàng cơm ở ngoài phố, là chỗ quen thuộc. Ông Lý định đến nói khó với ông ta, may ra ông ta giúp cho chăng.

Đến nhà ông phó Sinh, ông Lý kể lể đầu đuôi câu chuyện.

Ông phó Sinh ái ngại, song, lắc đầu, đáp:

- Tôi có thì ông tiêu cũng thế, tôi không tiếc ông đâu, ngặt vì độ này tôi túng quá.

- Hay nhờ ông vay hộ vậy.

Ông Phó nghĩ một lát, rồi lắc đầu:

- Khó lắm, ông ạ. Có mấy chỗ mọi khi lúc túng thiếu tôi vẫn đến giặt lửa, thì đều mắc mớ cả rồi, nên bây giờ chắc không hy vọng gì.

Ông Lý nhăn nhó, nằn nì:

- Ông cứ nói rằng ông hỏi mượn cho tôi vậy.

Ông phó cười:

- Đến tôi buôn bán ngay ở phố này, mà khi vay mượn còn phải đem cái nợ cái kia đến làm tin, nữa là ông.

Ông Lý vừa sòng sọc hút thuốc Lào, vừa gật gật ra ý mừng rỡ, rồi sau khi thở hết làn khói ở miệng ra, ông nói:

- Vay có mỗi một đồng bạc, làm gì người ta không tin? Chả có tôi làm giấy và có áp triện chứ gì.

Ông Phó bật nghĩ ra:

- Ông có đem đồng triện đi đấy à?

Ông Lý gật:

- Có đấy.

- Ông ạ, còn có cách này chắc chắn, là ông đem quách triện đi mà cầm. Có tôi nói giúp vào, may người ta cho vay đấy.

Túng thì phải liều, ông Phó và ông Lý cùng đi. Phúc làm sao, người ta bằng lòng cầm chiếc đồng triện một đồng bạc, lãi ba mươi phân.

*

* *

Có đủ tiền vào Tết quan, ông Lý thấy được nhẹ nhõm. Ông đứng chờ ở hiên công đường, nhìn đến hai thúng khoai nặng nề mà thở dài. Chốc nữa, ông lại phải gánh cái món ăn vô duyên ấy về mới rầy rà chứ!

Được lệnh quan gọi vào hầu, ông Lý xếp gọn gàng hai tờ giấy bạc lên đĩa, rồi nắn lại khăn, sờ lên khuy áo, và thông thả tiến vào.

Ông đặt lên đĩa tiền ở góc bàn, sắp bắm một câu chiếu lệ. Nhưng ông Huyện đã vui vẻ, ngọt ngào nói ngay:

- Đấy, các thầy chỉ được nghề nói dối quan là tài. Từ nay không nên thế. Thôi được, có lòng thành, ta cảm ơn.

Nói đoạn, quan phụ mẫu nhanh nhẹn giốn lấy món tiền, bỏ túi. Rồi cũng chẳng ngượng miệng tí nào, và làm như động lòng thương người thuộc hạ phải gồng gánh nặng nề, ngài dịu dàng dạy:

- Thế còn hai thúng khoai ban nãy đâu, đem vào đây nhé.

DANH LỢI LƯƠNG TOÀN

- Đấy, mợ xem, thế là nhục chứ còn thế nào nữa!

- Cậu cho là nhục, chứ tôi thì tôi không cần. Bất quá thỉnh thoảng buồn, tôi mới đi đánh canh chắn, rút canh bắt, và cũng là chiều nể chị em người ta chèo kéo. Chứ giá có thua chút ít, cũng chưa đến nỗi tai hại nào. Chả hơn cậu vút tiền vào hội nọ hè kia để mà nghe chửi à?

- À, tôi không ngờ mợ ăn nói như thế, ăn nói như đồ vô giáo dục.

- Cậu bảo ai vô giáo dục? Cậu áp chế tôi vừa vừa chứ. Cậu có tự do cậu, tôi có tự do tôi. Cậu không thể cấm tôi được. Cậu đừng cậy làm nổi ông tham mà bắt nạt vợ.

- Không phải tôi bắt nạt mợ, áp chế mợ, mà chưa chi mợ đã tru tréo lên. Nào mợ thử nghĩ xem từ nãy đến giờ, tôi bắt nạt áp chế mợ những gì? Tôi khuyên mợ đừng đi đánh bạc, có phải tôi cậy về sự đi làm có lương nuôi mợ hay không? Tôi chỉ kể cho mợ nghe rằng hôm qua tôi đi họp hội đồng, tổ chức cuộc "Trưng bày nữ công", người ta treo giải thưởng cho những ai khéo léo về nội trợ, hoặc tài

hoa về thủ công, rồi có một bà nhìn tôi, cười kháy, đến nỗi tôi bực mình. Có thể thôi, chứ nào tôi nói thêm gì.

- Nó cười kháy cậu để cậu về nói kháy tôi à? Ừ đấy, tôi vụng, tôi lười, tôi chỉ ăn hại thôi, cậu lấy tôi làm gì? Sao không li dị quách đi cho nhẹ mình có được không?

- Mợ lằng lộn quá, hơi xích mích gì mợ cũng nói đến li dị!...

- Ừ đấy, chỉ có thế thôi, làm gì nhau tốt. Mà đứa nào nó cười kháy cậu, cậu bảo tôi, tôi vả tan họng nó ra.

- Thôi tôi xin mợ...

- Mà cậu cũng dần lắm. Thế mà im được!

- Mợ bảo chẳng im thì làm gì?

- Đứa nào, cậu cứ thử nói lên, để rồi xem tôi làm gì.

- Tôi tưởng mỗi khi muốn trả thù ai cái gì, thì mình phải làm thế nào cho tự lương tâm người ấy lại dần vặt người ấy, mới là thâm độc. Người ta cười mợ vụng về, lười biếng, chỉ biết sẵn lương của chồng lấy đi mà đàn đúm bài bạc với chị em, người ta chê mợ nội trợ, nữ công không biết, thì mợ tỏ ra rằng mợ đảm đang, khéo léo, thế mới là cao thượng.

- Tôi không thêm cao thượng với những quân rối mồm. Tôi bài bạc, tôi vụng lười, có thiệt hại gì đến chúng nó.

- Nói thế thì ai chẳng nói được.

- Tôi tức lắm, cậu cứ bảo tên đứa ấy cho tôi xem nào.

- Tôi không bảo.

- Ừ thì cậu kể rõ lại hôm qua cậu nói thế nào, mà nó đáp thế nào?

- Lúc ấy bà hội trưởng hỏi ý kiến mọi người xem về thủ công thì nhận những thứ gì để trưng bày. Người ta đề nghị nhiều thứ lắm, nhưng sau cùng hội đồng chỉ bằng lòng cho thi hoa quả giả, đồ thêu, chao đèn, các thứ bánh ngọt.

- Thế rồi làm sao?

- Tôi xin chỉ nên nhận những thứ cần thiết, phổ thông, còn như hoa quả giả, chao đèn, ít người biết làm, hoặc chỉ có một hạng người biết làm, thì đừng nhận.

- Rồi thế nào.

- Rồi có người, có một bà nói: "Ông đừng lo ít người biết làm, tôi tưởng hạng người nào cũng có thể làm được những thứ ấy". Tôi hỏi: "Bà thử nghĩ xem trong tỉnh ta, những ai thạo về món này?" Bà ta nhoẻn ngay mép ra, đáp: "Ví dụ bà tham nhà chẳng hạn". Rồi bà ấy bùng miệng lại mà cười, lấy làm đắc chí lắm.

- Thế mà cậu không vả tan họng nó ra, lại nhin được!

- Thì vợ vụng dại, mình phải chịu chứ gì! Người ta nói chẳng đúng à?

- À, cậu lại về hòa với nó à?

- Thôi, tôi can mợ. Đừng to tiếng thế, người ta cười.

- Cậu nói tức, tôi không thể chịu được.

- Mợ tức thì mợ thử thi nữ công mà lấy giải.

- Tôi không thèm. Bất quá hai đồng bạc chứ mấy vạn.

- Mợ đừng tưởng thế. Những giải khác tôi không nhớ, nhưng chỉ nhớ giải nhất cái chao đèn những mười đồng kia đấy.

- Thế thì hội nữ công ấy là hội khốn nạn, mà cuộc trưng

bày ấy là cuộc ngu xuẩn. Cái chao đèn thì quý báu gì mà cũng thưởng mười đồng. Nhà này, ba năm nay đèn điện chẳng có chao cũng chẳng chết ai.

- Nhưng nếu có cũng tăng vẻ đẹp của buồng khách. Đã bao nhiêu lần tôi dặn mợ có về Hà Nội thì lên phố Tràng Tiền chọn mua lấy một chiếc, mà mợ cứ quên.

- Không phải tôi quên. Ấy là tôi không thích sắm những thứ thừa vô ích.

- Thế thì đánh bạc với lười chảy thây ra là có ích.

- À, cậu nhiech tôi à?

- Tôi không cần nhiech mợ. Cả tỉnh này, ai lạ gì mợ. Người ta mĩa mai cho thế là phúc đấy.

- Được rồi, rồi người ta biết tay tôi.

- Để người ta biết cái tay mợ khéo léo tài hoa mới khó, chứ để người ta biết cái tay mợ phũ phàng, cục súc, thì chả bổ lại thêm bia miệng đời đời.

*

* *

Bà tham tức uất người lên. Bà nằm vật xuống và khóc. Chưa hôm nào cãi nhau với chồng mà bà lại chịu thua như hôm nay.

Và chiều, bà bỏ bữa cơm. Tối, bà thiếu mặt ở chiếu bạc. Đêm, bà nằm quay vào tường, thở dài.

Rồi sáng hôm sau, không biết nghĩ ngợi thế nào, bà bảo chồng:

- Cậu đã muốn tôi thi nữ công, thì đưa tiền đây, tôi lên Hà Nội.

Ông Tham cười mỉa:

- Thi nữ công tại sao lại lên Hà Nội?

Bà quắc mắt:

- Để mua thứ về mà làm chứ làm sao!

Ông Tham lảng lạng móc túi đưa hai tờ giấy năm đồng cho vợ, rồi đi ra. Bởi vì ông yên trí bà nói dối để lấy tiền đánh bạc nữa.

Nhưng mà không.

Bà rửa mặt. Lấy nhíp nhổ lông mày. Lấy dao cạo tóc trên trán. Lấy miếng cau khô đánh lại bộ răng. Rồi xoa phấn, bôi son, mặc quần áo và cặp vớ, bà gọi xe ra ga.

Bà đi Hà Nội thực.

*

* *

Người ta mang đến đồ thủ công trưng bày ở hội Nữ công rất nhiều. Nào hoa giấy của các cô Tố Tâm, Minh Phụng, Phương Lan, Bạch Cúc. Nào khăn thêu của bà Dương Liễu, các cô Thúy Lan, Lệ Dung, Bích Ngô, Thu Cúc. Nào chao đèn của bà Tố Hà, của Lan Anh nữ sĩ, của cô Ngây Thơ. Còn nhiều nữa. Rất một thứ như thơ như mộng bên một tác phẩm tuyệt tài hoa. Thứ nào cũng đề sẵn giá bán cho những ai yêu mỹ thuật. Các bà, các cô phải chọn những biệt hiệu ấy, vì theo ban tổ chức, không ai được đề tên thực, cho sự đặt giải được công bình.

Phòng triển lãm trang hoàng như một cái động để làm tăng giá trị của các thứ trưng bày. Người đi xem tưởng lạc vào một thế giới mộng ảo. Còn ai không phục những bàn

tay của chị em phái đẹp. Người ta cứ tưởng những bàn tay búp măng ấy nó chỉ đẹp ở chỗ nhỏ nhắn, ở chỗ thôn thôn, ở chỗ trắng trẻo, ở chỗ móng nhuộm thắm. Nào biết đâu nó còn khéo léo nữa. Nữ công không có trường dạy, không ai khuyến khích, thế mà chị em không nhãng quên, lại tấn tới một cách không ngờ. Hân hạnh cho chàng nào đó đã được làm bạn trai của cô nào đấy. Sung sướng thay cho chàng nào đó rồi được là người yêu của một cô nào đấy. Hạnh phúc thay cho chàng nào sẽ được là chồng của cô nào đấy. Và biết bao nhiêu tiếng thở dài ngậm ngậm của những anh có vợ phá gia.

Song, trong các công trình bày ở đây, chỉ có cái chao đèn của bà Tố Hà là được toàn thể mọi người nhiệt liệt khen ngợi.

Bài tường thuật của một tờ báo hàng ngày đã không tiếc lời mà nói về tác phẩm ấy đến nửa cột:

“Ai cũng phải công nhận cái chao đèn của bà Tố Hà là một kỳ công. Nó trội hẳn lên trên những cái của Lan Anh nữ sĩ và của cô Ngây Thơ. Và ban giám sát không phải nhọc lòng so sánh mới định được nó là nhất. Mà chiếc chao đèn ấy chỉ được giải nhất mười đồng thôi, tôi cho là chưa xứng. Thiết tưởng ban tổ chức nên đặc biệt ra giải ngoại hạng để tặng riêng bà Tố Hà”.

Cái chao đèn ấy, từ hôm hội Nữ công mở cửa cho công chúng vào xem, đã nhận được bao lời tán thưởng. Người ta phải dừng bước giờ lâu để mà ngắm nghía, để mà tấm tắc khen ngợi. Người phàm tục đến đâu cũng phải phục sự thông minh và tài hoa của tác giả. Đến nỗi có một ông cụ

ngày nào cũng phải bỏ tiền mua vé vào cửa, mục đích chỉ đứng cạnh cái chao đèn cho đến hết giờ.

Cái chao đèn ấy hình bốn góc, mỗi bề dài độ năm tấc tây, căng bằng nhung tím thưa sợi, có dải nhung đồng màu treo rũ từ trần xuống. Lúc đèn không thắp, thì nó là một khối hùng vĩ. Đến lúc lửa bật lên, thì một thứ ánh sáng dịu dàng, mơ màng thân mật, chiếu lả lướt sang bốn phía, tưởng chừng như nó làm cho không khí trong buồng có một tinh thần sai khiến người ta được. Với ánh chao đèn ấy, thì ngài buồn ư? Ngài sẽ vui ngay. Ngài giận ư? Ngài sẽ thấy hòa ngay. Ngài chán nản ư? Ngài sẽ thấy phấn khởi trong lòng liền. Nói tóm lại, bà Tố Hà không những phải là tay hiểu mỹ thuật lọc lõi, mà còn là người biết tâm lý sâu xa. Công trình của bà có thể so sánh được với những tác phẩm Âu Mỹ của những người thợ lành nghề lâu năm. Tiếc vì bà hơi ích kỷ, không chịu để giá để bán, cho nên nhiều người muốn mua, rất lấy làm bất mãn.

“Nói tóm lại, bà Tố Hà, một người đáng làm thầy trong mỹ thuật làm chao đèn, đã làm vẻ vang cho nữ giới”.

Còn ai có thể đoán rằng cái biệt hiệu Tố Hà trứ danh kia lại là của bà Tham nhà ta hay không? ấy thế mà thực, mới lạ chứ.

Bà Tham ra hội Nữ Công lĩnh thưởng. Và từ nay, thôi, im những cái mồm vẫn mĩa mai bà là vụng về, đánh bạc, và ăn hại chồng.

Ông Tham bắc ghế lên trên cái bàn cho cao, để buộc chao đèn cho đứng giữa nhà, và ngay ngắn. Đoạn bật điện lên, ông ngẩng ngó và nhìn vợ bằng đôi mắt yêu đương.

Rồi không cần nổi nổi vui sướng, ông ôm choàng lấy bà, hôn lấy, hôn để:

- Mẹ láu thật. Nên đã trả thù bằng cách cao thượng, thâm độc.

Bà Tham nũng nịu, đẩy chồng ra xa, và cong cớn nói:

- Đấy, cậu xem, nữ công với nữ kênh gì. Đồ mất mùa cả lũ. Ở hiệu trên ấy họ còn bán những cái đẹp bằng mười, nhưng đắt quá. Tôi chỉ mua cái này, vì tôi tính ra món tiền thưởng có một chục, thì mình còn được lợi hai đồng.

1938

PHÚC TINH

Hôm sau, ông chánh tổng Thượng Mễ mò lên phủ thực sớm. Ông vật nài với cậu người nhà nhờ xin cho ông được hầu riêng quan trước giờ ngài ra công đường.

Nhưng ông phủ không tiếp, nhả ra bảo:

- Có việc gì, thầy đợi đến trống hầu.

Cậu người nhà lại trợn mắt, lắc đầu mách thêm:

- Quan giận các thầy lắm đấy. Ngài bảo biên bản này phải làm rõ chặt chẽ cho mà xem.

Ông Chánh từ nãy như cái xác chết, vội hỏi dồn:

- Nhưng ngài đã làm biên bản chưa?

- Chưa. Đêm qua về, quan bận rửa ảnh. Chắc chốc nữa mới thảo để trưa nay phát trạm. Thầy có lạy lục khéo léo thế nào, kéo việc này to đấy.

Chẳng cần những lời dậm dọa kỹ càng hơn, ông chánh Thượng Mễ mới tưởng tượng được nỗi quan trọng của vụ bất bực này. Làm việc ngót hai mươi năm nay, ông đã trải mười ông quan, già có, trẻ có, nho học có, tây học có, xuất

thân khoa mục có, xuất thân cai xe có, bởi vậy ông biết rõ hơn ai hết thế nào là một ông quan.

Đứng nhìn nhó thỏ dài ở sân, ông thấy lục tục một vài con bạc đem trước ở cổng phủ đi vào. Họ không cười không nói như mọi bận. Ruột gan họ khác gì ruột gan ông, lo cuống lo cuống, như đứt từng khúc. Họ đến gần ông, nhưng chẳng hỏi câu nào, song ông cũng lắc đầu thất vọng:

- Quan bảo đợi đến trống hầu mới được vào.

*

* *

Ông Phủ trợn mắt, lè lưỡi:

- Úi chà! Các thầy xui tôi vượt râu hùm! Quan trên sai tôi đi bắt, thì tôi bị thế nào được?

Ông chánh Thượng Mễ gãi tai, nằn nì:

- Lạy quan lớn, quan lớn làm ngơ đi phần nào thì chúng con được nhờ phần ấy, mà quan lớn thẳng tay trị thì chúng con tù tội.

Ông Phủ lắc đầu, ôn tồn trả lời:

- Không, trước sau, tôi vẫn ngơ, mấy lần tổng lý giải những đám bạc lên đây, tôi đều tha hết. Chẳng may lần này quan Sứ muốn trị các thầy, nên tôi phải thừa lệnh ngài mà thôi.

- Lạy quan lớn, quan lớn sinh phúc bầm rằng đây là đánh tổ tôm nhỏ người nhà đánh chơi với nhau.

Ông Phủ mỉm cười:

- Nhưng còn cái ảnh đấy, các thầy bảo thế nào? Tôi là quan cai trị hạt này, há dại không biết bệnh các thầy để lấy ơn hay sao? Nhưng chính nhà thầy thường gá bạc, tôi

biết lắm, và sự đó đến cả tai quan Sứ nữa. Từ ngày tôi về đây, thầy chưa đánh canh nào to, chứ trước kia, thầy vẫn thuê ba chiếc ô tô trên tỉnh, đi các nơi đón khách về cho thầy.

Ông Chánh tái mét, không đáp được. Ông Phủ nói tiếp:

- Mà thầy Bá Động Đình, thầy lý Thường Tín cũng là tay mở bát già lắm đấy.

- Lạy quan lớn, chúng con trộm mạng quan lớn lần đầu, xin quan lớn tha cho.

Ông Phủ lắc đầu:

- Thầy nói việc quan như nói chuyện với vợ. Các thầy làm việc đã lâu cả, lại chẳng biết tính cụ Sứ hay sao. Ngài chúa ghét cờ bạc, rất nghiêm khắc với thuộc hạ, với các thầy, tôi không hiểu ngài làm những gì, chứ như thầy thừa, thầy lục, thì tôi chắc rằng trước khi phải ra tòa án, sao cũng bị đổi lên Sơn La, Lai Châu. Ngài không dung túng những việc phạm pháp. Trước kia tôi đã làm việc dưới quyền ngài, nên tôi rõ lắm. Ngày ấy, kỳ hội thương nào tôi cũng được ngài khen là rượu bán chạy nhất mười hai phủ huyện: đến vụ thuế, hạt nào thiếu thì thiếu, chứ hạt tôi không bao giờ chịu lại một xu. Ngài yêu tôi đến nỗi kỳ rồi tăng thưởng ấy, ngài tự đặc cách cho tôi thăng, lại thân hành lên tận phủ Thống sứ cố xin cho nữa. Ấy thế mà chỉ có mỗi một lần, ngài quá nghe quan chánh án đến nỗi hiểu lầm tôi, mà ngài nhất định đổi tôi lên thượng du. Tôi nói vậy để các thầy biết rằng ngài rất công bình. Mãi đến tháng vừa rồi, ngài mới rõ sự oan uổng của tôi, và xin bằng được cho tôi về đây.

Làm quảng cáo quyền thế của mình xong, ông Phủ yên lặng nhìn mọi người rầu rầu nét mặt. Ông chánh Thượng Mễ gãi tai kêu:

- Lạy quan lớn, nếu quan lớn không thương thì chúng con đến liều.

Ông Phủ làm ra dáng ái ngại. Ông cố nhăn nhó và thở dài, rồi bóp trán để nghĩ ngợi. Bỗng ông ngẩng đầu nhìn lên, và như chợt nảy ra được một ý hay, ông tươi tỉnh nói:

- Có một kế này may ra thì được. Là ngay bây giờ tôi dẫn các thầy lên tòa, vào hầu cụ Sứ. Việc đánh xóc đĩa đêm qua cố nhiên không giấu nổi ngài, nên tôi cứ trình, nhưng trình xong, tôi xin hộ các thầy, nói là lần đầu, xin ngài tha tội cho.

- Lạy quan lớn, chúng con sợ cụ Sứ nóng nảy, lại bỏ ngay chúng con vào nhà pha.

- Cái đó không biết thế nào mà đoán trước được. Song đảng nào tránh được tù tội, ngộ may cụ nể lời tôi mà rộng thứ cho lần đầu, biết đâu. Các thầy cứ bạo dạn mà đi. Đến nước cùng, ta thử liều xem sao, chẳng hơn bỏ tay mà chờ chết à?

Nói đoạn, ông Phủ gọi tài xế bảo đánh xe lên tỉnh. Bọn con bạc dùn nhau mãi, sau hết ông chánh Thượng Mễ và ba người nữa được quan cho lên hết cả xe ô tô để cùng đi.

Họ ngồi khoan tay, yên như phỗng, thỉnh thoảng thốt ra những tiếng thở dài náo nùng. Họ không biết đi chuyến này đến bao giờ mới về được.

*

* *

Mỗi tiếng đập bàn là một lần bốn tám thân khảng khiêu giật mình đánh thót, run lên bần bật.

Quan chủ tỉnh thịnh nộ, gất một thoi dài bằng tiếng Pháp, đoạn ông Phủ thông ngôn ra tiếng ta:

- Các thầy là người chức việc, đáng lẽ phải làm gương tốt cho dân, phải ngăn trừ nạn bài bạc, ấy thế mà chính các thầy làm điều trái phép trước. Cụ lớn sẽ tư ra tòa bỏ tù các thầy.

Bọn dân càng run, họ không dám nói, mà cũng không thể nói được điều gì. Họ chỉ còn nằn nì nhìn quan phụ mẫu họ như để nhắc cho ông nhớ lời hứa buổi sáng.

Ông Sứ lại nói một vài câu nữa, thì ông Phủ bảo:

- Nếu cụ lớn có thẳng tay trừng trị các thầy, không phải vì ngài quá nghiêm khắc, nhưng là ngài công bình, muốn đem việc này làm gương cho mọi người.

- Lạy quan lớn, quan lớn xin hộ chúng con.

Ông Phủ thưa với ông Sứ. Hai người đối đáp với nhau những gì nhiều lắm. một lát, ông quay lại, nghiêm trang nói:

- Cụ lớn nể lời tôi mà tha thứ cho các thầy lần đầu, nhưng các thầy phải thề rằng từ nay không được tái phạm, vì nếu bắt được, cụ lớn sẽ phạt nặng gấp đôi.

Từng ấy tiếng dạ, và từng ấy nét mặt tươi tỉnh hẳn lại. Hình như đến lúc ấy, các mạch máu trong mình mọi người mới lại chạy đều. Họ chấp tay, trình:

- Dạ, lạy quan lớn sinh phúc cho chúng con, không bao giờ chúng con dám mạn phép cụ lần nữa.

Ông Phủ bảo:

- Cụ lớn dặn các thầy phải nhấn tất cả những người

đêm qua đã dự vào bàn xóc đĩa, lên phủ hầu. Bảo chúng nó không sợ gì, vì tôi đã xin hộ cho cả rồi.

- Dạ.

Đoạn ông Phủ xun xoe cười, chấp tay rất lễ phép nói với quan đầu tỉnh. Ông này ngẩn mặt ra nghe, bỗng xua tay như để từ chối một việc gì vậy. Ông Phủ vội vàng bảo bọn chánh tổng:

- Cự lớn cái tử hoàn sinh cho các thầy, sao các thầy không lạy tạ cự lớn đi. Có thể cũng phải nhắc.

Bốn người vội vàng tiến lên đứng ngang nhau, chấp tay lại, giơ lên quá đầu và uốn lưng xuống đất...

Ông Phủ hớn hờ nhìn bọn thuộc hạ biết nghe lời mình nhất định tạ quý quan theo quốc tục. Họ lễ xong, ông chấp tay chào quan thầy rồi lên xe về phủ.

Sự đối trên lừa dưới của ông Phủ làm ông rất mãn nguyện. Trong khi đi đường tai ông không lúc nào ngớt nghe ca tụng và luôn luôn, ông đắc chí vì ông Sứ đã vô tình làm bữa cỗ cho ông xơi.

Mà bữa cỗ ấy ông xơi ngon lắm. Thật ông không đại như quan đầu tỉnh, bị tặng bằng những lễ chay. Dân quê An Nam vốn là những thứ dân biết ơn. Bởi vậy, những người có mặt ở bàn xóc đĩa đêm ấy, từ ông bá hộ ngót nghìn mẫu ruộng, đến thẳng khố dân ngồi phục vụ châu rìa, phải dần dần lên phủ đường, để quan phụ mẫu ngọt ngào kể công tha tội. Cho nên họ quá cảm động tấm lòng nhân từ của vị phúc tinh mà phải nghĩ đến sự tạ, tùy theo gia sản của họ. Nghĩa là chẳng mất công gì, ông Phủ thu được mối lợi to vừa bằng lương cả năm của một ông tổng đốc hạng nhất.

BIỂU TÌNH

Ông Huyện nghe nói thế, nên vừa và được một miếng cơm, ông giật mình, vội bỏ bát xuống bàn, hỏi dồn:

- Đích thực à?

Thám tử chấp tay, đáp:

- Lạy quan lớn, đích lắm. Con phải giả dạng làm người buôn cau, lẩn quẩn trong làng mất bốn hôm, khôn khéo lắm mới dò nổi tin này, mới dám về trình quan lớn.

- Thế lý trưởng không biết một tý gì về làng nó sắp có cuộc tụ họp khả nghi à?

- Dạ, chắc rằng thế. Mà dễ thường nó còn về hòa với dân nữa.

Ông Huyện ngẫm nghĩ, nói một mình:

- Quái, bây giờ thì làm gì mà cũng những nhiều thế nhỉ.

- Lạy quan lớn, con không rõ, nhưng đích rằng ba giờ chiều nay, thế nào ở làng Cao Hạ cũng có ít ra là hai trăm người, có cả khí giới.

Ông Huyện không nói gì, ông liếc mắt lên tường, nhìn đồng hồ. Rồi ăn nốt bát cơm ấy, ông đứng dậy, vừa đi rửa mặt, vừa bảo người lính hầu cơm:

- Gọi tài xế sắp xe, tao ra tỉnh mau!

Người thám tử biết tính quan thầy vốn nhanh nhẩu, bèn rót sẵn chén nước và đặt cái tăm ngang đĩa, để ở bàn.

Ông Huyện rửa mặt xong, uống quàng chén nước, rồi mặc áo, chụp khăn. Và trong khi ông ngồi trên ghế để cài khuy và cạo râu, thì thám tử lom khom xỏ đôi giày tây vào chân ông và buộc dây hộ.

Mọi việc làm rất nhanh nhẹn, ông Huyện ngậm tăm, bước ra hè, để lên xe ô tô.

Bữa sáng nay ông chỉ ăn có mỗi bát cơm. Ông vất vả như vậy, vì thì giờ cấp bách quá. Ba giờ chiều nay, dân làng Cao Hạ làm biểu tình, ông phải lên ngay tỉnh trình quan sứ. Trách nhiệm của ông bắt ông phải làm thế, tuy ông chưa rõ nguyên nhân vì đâu có vụ làm rối cuộc trị an này. Ông tin thám tử của ông. Xưa nay họ đã giúp ông rất đắc lực.

Chiếc ô tô tung bụi đi khỏi khúc đường đá hẹp thì đến quãng đường nhựa. Nó chạy hết tốc lực, để cho ông Huyện được giáp quan chủ tỉnh trước khi ông này nghỉ giấc trưa.

Thì may quá, lúc xe đến cổng tòa, tuy đã hơn mười hai giờ, nhưng ông Sứ vẫn còn ngồi ở buồng giấy.

*

* *

Được lệnh trên, ông Huyện ở tòa sứ ra, tức tốc sang trại lính khố xanh. Ông đưa danh thiếp và phong thư của

ông Sứ cho người nhà ông giám binh. Lập tức, ông này mời ông vào buồng khách để bàn việc.

- Tôi sẽ cho ngay mười tay súng về làng Cao Hạ

Ông Giám binh nói xong, lấy giấy bút để viết. Nhưng ông Huyện lo lắng, hỏi:

- Vậy ông không về tận nơi?

Ngần ngừ, ông Giám binh đáp:

- Chiều hôm nay, tôi bận tuyển lính mới, chắc rằng không có thì giờ được. Mười người lính của tôi sẽ dưới quyền chỉ huy của ông, tùy ông sai bảo họ.

- Nhưng ông nên đến tận nơi, vì cuộc biểu tình này có lẽ to lắm. Làng Cao Hạ vốn xưa nay là một làng có nhiều dân bướng bỉnh. Vả lại quan Sứ có hẹn tôi rằng chính ngài sẽ thân hành về.

- Ngài thân hành về?

- Phải, vào độ khoảng bốn giờ chiều. Vì chắc lúc ấy cuộc đàn áp đã xong. Ngài sẽ hiểu dụ cho dân rằng sự làm rối trật tự chỉ có hại cho công cuộc mở mang của Nhà nước.

Ông Giám binh nghĩ ngợi, rồi đáp:

- Vậy thì tôi cũng phải về, mà về trước ngài mới được. Lính tôi sẽ đi xe đạp ngay bây giờ, chừng độ hơn hai giờ thì tới. Còn tôi, độ khoảng ba giờ, tôi sẽ có mặt tại đó.

Ông Huyện vui vẻ:

- Vâng, thực sự là may cho tôi. Vì tôi quen cai trị dân trong lúc bình yên, chứ chưa hề sai lính tráng khi có những việc nghiêm trọng như thế này bao giờ.

- Nhưng ông cũng phải cả mười tên lính cơ của ông, đến giờ ấy về làng Cao Hạ hợp sức với lính của tôi.

- Vâng, việc ấy dĩ nhiên. Chúng nó sẽ chờ lệnh ông.

*

* *

Từ lúc ấy, ông Huyện mới được yên tâm. Ngồi trên xe về nhà, ông mỉm cười, bảo thám tử:

- Đây, đứng ngoài vòng, chúng nó tưởng làm ông quan thì chỉ việc ngồi một chỗ để ăn tiền dân, chứ chúng nó có biết đâu những lúc này, cơm chả kịp ăn, mà lại lo sốt vó. Nếu không được quan Sứ và quan Giám giúp tao, thì tao không biết xoay ra làm sao.

- Lạy quan lớn, con sợ việc này quan Giám lại chia công với quan lớn.

Ông Huyện lắc đầu, cười:

- Không đời nào. Tao trình quan Sứ, tức là công của tao đầu tiên. Quan Giám đến đây, chẳng qua chỉ là vì tuân lệnh quan Sứ, đi giúp việc tao mà thôi. Vì nếu không có tao đi báo, thì quan Giám tự nhiên có biết làng Cao Hạ có cuộc biểu tình mà cho lính về hay không? Vả lại chính tao phải giục, thì ông ấy mới thân hành về, chứ bỗng không, người ta thiết kếch gì.

Người thám tử gãi tai, xun xoe nói:

- Lạy quan lớn, con hầu hạ quan lớn...

Ông Huyện hiểu ý, gật đầu:

- Đã, tao đã trình quan Sứ rằng tin này là do mày báo cho tao. Tao đã bẩm chuyện này với ngài, ngài có hẹn sẽ tư thưởng cho mày.

Thám tử vui sướng:

- Lạy quan lớn, quan lớn thương xin cho con cái cứu phẩm.

- Được. Tao đã bẩm với quan Sứ rồi. Ngài hứa thế nào cũng lưu tâm đến mày. Nghĩa là khi ngài định tư cho tao, tất thế nào cũng hỏi xem những ai cũng có công trong việc này. Lúc ấy, tao sẽ bẩm cho.

- Dạ, đội ơn quan lớn.

Một lát, ông Huyện hỏi:

- Đi xe đạp hết sức từ tỉnh về Cao Hạ hết độ bao nhiêu lâu?

- Bẩm chừng hai giờ đồng hồ.

Ông Huyện lẩm bẩm:

- Bây giờ đã một giờ. Vậy đến ba giờ họ mới tới. Thế thì chúng nó đang biểu tình. Chậm quá nhỉ.

- Bẩm ai ạ.

- Lính khố xanh của ông Giám binh.

- Lạy quan lớn, như thế càng may. Con sợ các quan và lính về trước lúc ba giờ thì dân họ sợ, không dám tụ họp nữa. Con thiết nghĩ việc đàn áp đã có quan Giám binh và lính tỉnh, thì sự khó nhọc về phần họ chịu cả cho quan lớn rồi. Vậy dù có gây ra cuộc đổ máu, quan lớn cũng không phải khó nhọc. Cứ như con, con chỉ mong cho việc to thêm ra, vì việc càng to bao nhiêu, công quan lớn càng lớn bấy nhiêu.

Ông Huyện gật gù, mỉm cười:

- Có lẽ...

Thăm tử thấy đặc lực, bàn thêm:

- Bẩm quan lớn, xin phép quan lớn cho con đi về Cao Hạ trước, đứng đón lính tỉnh ở đường đồng, không cho họ vào làng vội. Vì con sợ người làng biết, thì họ tan, không dám tụ họp mất.

- Được, tao sai lính cơ huyện đứng đón họ ở ngay đầu cánh đồng.

- Dạ, nhưng lính cơ mà, xin quan lớn bắt ăn mặc quần áo nâu cả. Nếu dân trông thấy quần áo vàng, họ cũng có thể đoán được. Nếu lính vụng, dễ tan mất cuộc biểu tình, thực là công quan lớn là công không.

- Được, tao dặn cai cơ cẩn thận. Mà tao bảo cai cơ dẫn lính đi quanh lên làng Đa Văn rồi hãy về đồng Cao Hạ. Như vậy thực là kín đáo.

- Lạy quan lớn, độ mấy giờ thì quan lớn vào làng Cao Hạ?

- Chừng nào quan Giám tới. Tao cùng vào với quan Giám và hai đội lính.

- Vâng, quan lớn cứ đóng ở đình làng Đa Văn, đã có chúng con đi do thám và trình báo.

- Mày phải làm thế nào cứ độ mười lăm phút, cho tao một tin mới.

- Dạ, con xin tuân lệnh. Làng Cao Hạ họ quen mặt con, nhưng họ vẫn cứ tưởng là con đi buôn cau, không ai ngờ con cả. Con xin quan lớn cho con ba người lính phụ, cũng ăn mặc giả vờ như phường buôn, đi với con, để rồi đem tin về hầu quan lớn cho tiện.

- Được, cốt mày làm được việc.

Xe ô tô quành vào cổng huyện, và đỗ ngay trước công đường.

Ông Huyện vào buồng giấy, lập tức sai gọi cai cơ, đội lệ, cất đặt công việc. Rồi nhìn giờ, ông thấy vẫn còn sớm, bèn để cả khăn áo lẫn giấy tây, ngã lưng trên giường, nằm yên một lát.

Làng Cao Hạ là một làng đông dân cư. Nó ở vào một khoảng đất rộng rãi, theo dọc bờ một khúc sông khá to, nước trong vắt. Một con đường thênh thang nối với những làng bên cạnh. Con đường ấy, cả ngày tấp nập kẻ qua người lại, vì nó lại ăn thông với một bên chợ Đống Đa và một bên là chợ Mối. Hai chợ ấy ngày nào cũng có phiên. Nhân dân cả một vùng gần đó, hàng ngày đến họp chợ, đều phải qua làng Cao Hạ mới đi tới được.

Bởi ở vào một nơi có địa thế dễ làm ăn, nên ba phần tư dân Cao Hạ sống về nghề buôn bán. Bên sông ngay trước cửa đình, mà mùa hè, hoa phượng đỏ ối nặng trĩu đầu cành rủ xuống soi gương trên làn nước xanh biếc, lúc nào cũng có dăm ba con thuyền từ các nơi xa đến cắm sào, bán những hàng hóa họ có thừa và buôn những thức họ chưa có. Các bà đàn bà trong làng, ngày nào cũng vậy, dậy từ lúc tinh sương. Mùa hè nóng như thiêu, cũng như mùa đông rét như cắt, khi mờ điểm tan canh đổ hồi, trong các bếp đã thấy ngọn lửa vàng lập lòe và trên mái đã tia ra những dòng khói lam ẻo lả. Họ thổi cơm, nấu nước, và ăn xong, người nào người nấy gánh vại đôi bồ đi chợ kéo trưa. Và trong khi ấy, đàn ông đã vai vác cày, tay xách mỗi, lưng thùng theo trâu ra đồng đổi mồ hôi lấy bát cơm.

Họ đi vắng như vậy, đến tận lúc mặt trời bắt đầu ngả về tây mới trở về. Vợ đến nhà trước thì chạy quàng ra đồng dắt trâu cho chồng. Chồng đến nhà trước thì đón gánh hàng cho vợ. Từ lúc ấy, trong làng Cao Hạ, sự hoạt động mới trở về cùng với người. Ngọn lửa lại bắt đầu cháy trong bếp và tia khói lại bắt đầu ủ ấp lấy mái rơm. Người ta thổi cơm, tắm giặt cho con cái, rồi làm nốt công việc đồng áng ở sân gạch, hoặc đi đòi nợ hay lấy một vài thứ cần bán ngày hôm sau.

Từ hai ba giờ chiều trở đi, đường làng Cao Hạ đã đông lại càng đông. Và độ bốn năm giờ, người ta ra sân đình, ngồi chơi mát. Họ đem những câu chuyện đồn đến tai, hoặc có lý hoặc vô lý, đã nhặt được đó đây, để nói, làm dậy lên những tiếng cười rộn ràng. Cho tới lúc nhọ mặt người, họ mới đứng dậy về nhà, đánh một giấc ngủ ngon, để sáng hôm sau dậy, lại làm công việc như những hôm trước.

Cả một làng, từ người lớn đến trẻ con, từ đàn ông đến đàn bà, quanh năm chỉ biết một việc mưu sống, thì bỗng nay đến tai quan trên có một cuộc tụ họp lớn, dân làm biểu tình, có cả khí giới. Thế thì làng ấy sẽ trông thấy sự trừng phạt gớm ghê của hai mươi tay lính súng, của quan giám binh và quan huyện có trách nhiệm coi giữ cuộc trị an.

*

* *

- Lạy quan lớn, chẳng có biểu tình gì cả.

Nghe người thám tử nói, ông Huyện tái mét mặt, hỏi dồn:

- Không có biểu tình, thế thì làm thế nào?

Người thám tử gãi tai, ấp úng:

- Lạy quan lớn tha tội cho con, không phải con dám trình bày, nhưng thực ra là con phải lừa. Người ta thấy con làm được việc, nên thù mà nghĩ kế này để quan lớn không tin gì con nữa.

Ông Huyện không đáp. Ông lo hơn là giận. Ông mở đồng hồ ra coi: đã quá hai giờ rồi.

Người thám tử thấy ông không nói năng gì thì càng sợ. Nhất là hắn lại thấy cách ông ăn mặc gọn gàng, lối quan binh. Ông đã bỏ lối y phục bệ vệ ngày thường. Khăn nhiễu, áo sa, thẻ bài, giấy ban, tất cả những thứ ấy chỉ lợi cho ông quan khi được bình tĩnh ngồi giữa công đường để hắng lấy sự khúm núm của dân đen. Chứ đến khi trong hạt phải lúc đa sự như hôm nay, thì ông phải đội mũ, mặc áo vàng, quần cụt ống và giấy da dẫu, bụng thắt dây súng lục và vai đeo súng trường. Ông ăn mặc như một vị quan võ, vì công việc ông phải dùng võ lực bên cạnh hai chục người nhà binh, bên cạnh một ông quan binh, và bên cạnh một ông chủ tỉnh chắc rằng không thích ông lướt thướt. Ông huyện đã nghĩ cách thay đổi về hình thức để người trên vừa lòng và yên trí ông sẵn sàng chịu đựng sự vất vả để cố làm hết bốn phận trị an. Sự miễn cán ấy hẳn đem cho ông một phần thưởng xứng đáng. Thế mà nay vì không do thám kỹ lưỡng, người thám tử báo cho ông một tin bày, thì hẳn tội anh ta tày đình. Vì vậy, anh ta sợ:

- Lạy quan lớn, con trăm tội với quan lớn.

Ông Huyện phát câu:

- Bây giờ ông Giám binh gần đến nơi rồi.

- Dạ, lạy quan lớn.

- Mà chốc nữa quan Sứ cũng đến.

Người thám tử run lấy bầy. Ông Huyện nghiêng rằng, nói tiếp:

- Mày hại tao. Mày giết tao. Tao biết nói thế nào bây giờ.

Người thám tử nhả như sắp mếu:

- Lạy quan lớn, con nào dám có bụng hại quan lớn. Con mà phản thầy như thế, xin quan lớn cứ cho con một phát đạn, con chết không dám oán hận một điều gì. Quan lớn thương hại con. Thực là con phải lừa người ta.

- Thành ra tao mang tiếng lừa quan Sứ, lừa quan Giám binh. Chốc nữa tao nói thế nào được.

Người thám tử chỉ gãi tai và quả quyết thưa:

- Bẩm xin quan lớn cứ đổ cả cho con, con xin chịu quả phạt tù tội với quan sứ.

Ông Huyện cười gằn:

- Nhưng tao cũng không phải vô tội. Thành ra từ trước đến giờ tao tin mày, quan Sứ cho là tao chỉ nhắm mắt nghe bầy và làm bầy. Thế sao mày dám bảo dân Cao Hạ là biểu tình?

Người thám tử chấp tay:

- Lạy quan lớn, con có ngờ đâu phải lừa người ta.

- Thế không có một tí gì gọi là biểu tình cả à?

- Dạ, đâu chỉ có mấy người có gà chọi, đến ba giờ, định đem ra sân đình cho đấu chọi mà thôi.

Ông Huyện thở dài, giậm chân:

- Chết mẹ người ta mất! Chọi gà mà dám nói biểu tình.

Nghĩ ngợi một lát, ông hỏi:

- Thế nhưng lính tỉnh với lính huyện ở đâu cả?

- Bẩm họ vẫn lảng vảng cả ở các nơi quan lớn đã cất đặt.

- Chúng nó đã biết tin này chưa?

- Lạy quan lớn chưa.

Ông Huyện móc túi lấy thuốc lá, bật diêm châm để hút, rồi ông vất tay ra sau, đi đi lại lại, chốc chốc lại mở đồng hồ ra coi.

Người thám tử ngấm dấp đáp anh hùng ở cách ăn mặc của quan thầy mà càng thấy tội mình to bội phần.

Một lát, ông đứng dừng lại, nói:

- Mày đi gọi thầy đội lính tỉnh với cai cơ huyện lại ngay đây, có việc cần.

Người thám tử chạy ba chân bốn cẳng.

*

* *

Lúc bấy giờ chừng ba giờ. Trước sân đình, trong bóng râm, sáu bảy người đương mắt chăm chăm nhìn đôi gà trụi lông, da đỏ hồng, hăng hái mổ và đập nhau.

Nhưng hai đầu làng bỗng có hai toán lính súng đứng.

Một bọn người ở chợ Đống Đa qua làng Cao Hạ để về nhà vừa nói chuyện vừa cười. Nhưng bỗng:

- Ê, ê, đi lộn lại.

- Các thầy cho chúng cháu đi, kéo đến nhà thì chiều cả mất.

- Không biết, đó là lệnh quan.

Một bọn người ở chợ Mối, qua làng Cao Hạ để về nhà, hã hê tính toán tiền nong với nhau.

- Ê, ê, đi lộn lại.

- Làng chúng cháu ở đằng kia, các thầy cho chúng cháu về, chứ còn lộn lại thì đi lối nào?

- Mặc kệ, lối này quan cấm.

Chẳng mấy chốc làng Cao Hạ chỉ có thu người vào mà không có chi người ra thành thử suốt dọc đường làng, người cứ ùn lại. Mà những người bị giữ lại, ai cũng ngơ ngác hỏi nhau. Song, đổ ai giải nghĩa được, vì chẳng ai hiểu có gì hết.

Nhưng duy có người nào yên trí rằng làng Cao Hạ có cuộc biểu tình mới có thể giảng rằng đám đông người đứng tụ họp đấy nghĩa là gì. Khốn nỗi người ấy giảng theo sự yên trí của mình, cho nên đám đông đó là ngay đám dân biểu tình.

Làng Cao Hạ có biểu tình.

Trăm phần trăm là đúng rồi. Không còn nghi ngờ gì nữa.

Đến lúc ông Sứ và ông Giám binh xuống xe ô tô, ông Huyện trình ngay sự quan trọng của cuộc rối loạn trật tự này. Và được lệnh, bọn lính bắt đầu giải tán.

Người ta càng không hiểu làm sao. Nhưng biết rằng cứ đứng rong ngoài đường để chờ quan cho phép đi về nhà thì thế nào cũng bị đánh đập nên họ chạy tán loạn và tìm lối trốn tránh. Trong khoảng từ ba giờ rưỡi đến bốn giờ, làng Cao Hạ bỗng diễn ra một cảnh ghê sợ. Ai nấy mặt cắt

không còn hột máu. May người nào có người quen để nắn úp, ấy là phúc. Nếu không, họ cũng quẳng gông gánh để chạy thoát thân. họ nấp sau đồng rơm, trong bụi rậm, nhin thở để chờ cho đến lúc yên yên mới dám lộ mặt ra để nghe ngóng tình hình.

Cho mãi đến năm giờ, bọn đàn anh trong làng khăn áo ra nghe quan sứ hiệu dụ. Họ mới ngã ngựa ra là làng họ có một cuộc biểu tình lớn.

1938

MUA LỢN

Anh Cu Máu đến chợ, đặt đôi rọ lợn xuống đất, đứng nhìn mọi nơi, xoa tay vào vạt áo cho khỏi lạnh. Thấy hai con vật giấy lông lên, lăn lông lốc, vướng gập cẳng vào mặt nan nứa và há mồm kêu eng éc, anh vội lấy chân đè giữ lấy rọ. Tuy là buổi sớm của mùa rét, nhưng anh cũng nực chầy mồ hôi. Vì anh phải gánh đôi lợn nặng nề đi bốn cây số.

Chợ đã họp đông. Xung quanh anh, người qua kẻ lại hỗn độn. Người nói chuyện, kẻ cãi nhau ồn ào. Thật là một cái chợ.

Anh Máu ngồi xổm xuống đất, hai tay giữ hàng, trả lời những khách đến mặc cả:

- Con to, bà cho năm đồng. Giống lợn này tốt lòng lắm.

Hoặc anh cố nhắc thử cái rọ lên, nói:

- Đây, nặng thế này, ba đồng không đủ vốn, ông ạ.

Mà thật, con lợn to của anh béo lắm. Giá cố nuôi một tháng nữa thì khi bán, còn chắc được nhiều lãi hơn. Sở dĩ anh bán sớm ngay phiên này, vì mẹ ốm, cần tiền uống

thuốc. Song, ai trả bốn đồng ruồi, anh mới có thể bán được. Như vậy, anh chỉ được lãi độ dăm hào. Thế mà từ nãy đến giờ, ai ngắm nó cũng tấm tắc khen, mà họ chỉ mặc cả có ba đồng ruồi, ba đồng tám. Đòi nào anh chịu lỗ vốn. Chẳng người này thì người khác mua. Chứ phiên chợ hôm nay, nhất định anh không chịu khênh cả đôi lợn về không. Có ế thì ế con lợn nhỏ là cùng. Cả một dãy bày ở khu này, chỉ con của anh được nhiều người hỏi nhất. Nó béo tròn tròn trọc trọc mà giá lại nới.

Bỗng trong đám khách qua lại có tiếng roi vút đen đét, và người ta chạy như chạy giặc.

Anh kinh ngạc, cố xem cái gì. Thì ra cậu lệ trong huyện đương giã đường cho bà lớn. Ấy, anh đoán người đàn bà đi sau là bà lớn, vì anh quen mặt cậu lệ này, vẫn thường ra chợ gheo gái luôn. Mà chẳng là bà lớn; sao lại có lính thị oai để đẹp lối làm vậy.

Bà lớn huyện, trông gần, người ta mới đoán được là ngoài ba mươi tuổi. Chứ bà ăn mặc đĩnh đạc như con gái hơn mười tám cái xuân. Bà không rẽ giữa, không đội khăn và cũng không mặc quần áo thâm như một ai đi chợ. Bà đi đôi giày dừa. Mũi bà thắm nhưng không phải vì ăn trầu. Mặt bà trắng, nhưng không phải là màu da tự nhiên. Má bà đỏ, nhưng không phải vì thẹn thò e lệ. Bà mặc cái áo như cái áo ba-đờ-suy của đàn ông, nhưng màu lá cây và dài. Bởi vậy, tuy người ta bị roi vào lưng, phải chạy tán loạn, nhưng khi đã tránh kịp, thì ai cũng phải quay cổ lại để ngáy người ra mà nhìn. Mà hàng mấy trăm con mắt cùng đổ dồn lại chỗ bà lớn như đổ ngắm một vật lạ.

Bà lớn cắp ví, ung dung đi thẳng đến chỗ bán lợn. Sau

bà là một đứa con gái nhỏ ôm cái ô đi theo hầu. Thấy bà lớn sắp qua chỗ mình ngồi và mắt bà hình như để ý vào từng con lợn một, anh Mầu vừa sợ hãi vừa mừng thầm. Nếu bà lớn đi mua lợn, và mua ngay lợn của anh, thì anh quyết được lãi to. Một bà lớn, cứ trông cái mã quần áo phần sấp thế kia, hẳn chỉ quen ăn chơi, chứ không quen mua bán ở chợ như những hạng váy đụp nâu sồng. Hai là bà lớn sang trọng, chắc coi tiền như rác bã, thì ai nói bao nhiêu bà trả bấy nhiêu.

Bà lớn đi hết dãy hàng lợn một lượt rồi quay lại.

Tiếng bà the thé hỏi một bà bán lợn ngồi gần anh Mầu. Tức thì người ấy lễ phép đứng dậy trả lời. Nhưng bà lớn bĩu môi, tiến mấy bước, lại chỗ anh Mầu.

Anh Mầu thấp thòm trống ngực, như người chờ đợi một hạnh phúc. Quả nhiên bà lớn dừng chân lại, trở tay vào con lợn lớn, hỏi:

- Con này, mày xin bao nhiêu?

Anh Mầu đứng dậy, gãi tai, đáp:

- Lạy bà lớn ban cho con sáu đồng.

Bà lớn lại bĩu môi, không đáp, rồi đi thẳng. Anh Mầu trông theo, ngấm nghĩ mà nực cười tiếng xin của bà lớn và tiếng ban của anh.

Bà lớn đi vài bước, đứng trước một ông lão râu tóc bạc phơ. Anh Mầu nghe rõ rành tiếng hỏi:

- Con này mày xin bao nhiêu?

Anh Mầu bật cười về tiếng mày của một người trẻ tuổi gọi một người khác già bằng hạng bố đẻ. Hạng bố cu mẹ đi như hạng anh còn nói năng lễ phép tử tế hơn.

Bống bà lớn đi trở lại, đến chỗ anh Mấu. Bà dừng chân ngắm kỹ con lợn ban nãy, rồi hỏi:

- Vừa rồi mày xin bao nhiêu?

Anh Mấu khoanh tay, trả lời:

- Lạy bà lớn, sáu đồng ạ.

Đáp xong trái tim anh đập mạnh, anh đứng yên để chờ.

Bà lớn ngẩn ngừ một lát, rồi trở tay vào con lợn, gọi lính lệ, bảo:

- Con này béo hơn, mày ạ.

Người lính nhanh nhẩu, cúi xuống nhắc cái rọ lên, rồi đáp:

- Bẩm nặng, nhưng sáu đồng thì đắt.

Rồi anh ta nhìn anh Mấu, quắc ngay mắt lại, mắng:

- Bán hâu bà lớn, không được nói cao, liệu xác!

Anh Mấu sợ sệt thưa:

- Lạy bà lớn, bẩm thực giá sáu đồng ạ.

Bà lớn hất hàm, bảo anh lính:

- Được, bảo nó mang về, mày.

Anh lính đập ngọn roi mây vào rọ, nói tiếp:

- Đem vào trong dinh, bà lớn chi tiền.

Anh Mấu mừng quýnh, nhờ người bên cạnh trông hộ con lợn nhỏ. Anh xắn áo, lễ mễ khênh rọ lợn theo cậu lệ vào trong huyện.

Qua cửa có lính bồng súng canh, anh đi chéo sân công đường, và vòng lối đi đầu nhà, đến một cái sân nhỏ. Cậu lệ trở tay bảo:

- Thôi, đặt xuống. Chờ một lát thì có tiền.

Anh Mấu vui sướng đứng cạnh rọ lợn. Con vật, sau một hồi lông lộn vô ích, thì đành chịu nằm yên, thò mõm ra ngoài, cày đất và kêu ụt ịt. Anh không ngờ về một con lợn này, anh đã được lãi hai đồng bạc. Còn con nhỏ kia, anh chỉ cần lấy vốn, cũng đủ lợi chán rồi. Vả nếu không ai trả đủ vốn thì anh mang về nuôi cho nó béo, rồi biết đâu, phiên sau, anh lại không gặp được người mua dễ dãi như bà lớn đây. Thôi thì may tao cũng được, cho, xin, ban, chi, cũng được. Không hề gì những tiếng vật ấy. Anh cốt bán được lợn mà thôi. Miễn là anh có tiền cất cho mẹ anh được thang thuốc. Con lợn nhỏ của anh, nếu anh không cần lấy lãi, thì thiếu gì người mua. Anh sẽ bán được ngay lập tức. Bán xong, anh đi cân thuốc, và về nhà sớm một cách không ngờ. Mà không ngờ nữa, đánh xoẹt một cái, anh được lãi những hai đồng bạc. Nghĩ đến nỗi vui mừng của mẹ gây gò hóc hác nằm ổ rơm trông thấy anh về tay cầm thang thuốc, mà anh nhẹ nhõm cả người.

Nhưng anh chờ đã lâu mà bà lớn chưa gọi lên cho tiền.

Chỉ chốc chốc, một người chạy đến, ngóc trong rọ, ngắm con lợn và khen béo.

Được tiếng khen, anh cũng đỡ nóng ruột đôi chút và thấy tự kiêu, tưởng như chính anh được khen là béo vậy.

Song, sự thực, thì anh gầy, anh đói. Cho nên anh phải chờ.

Mà vẫn chẳng có hy vọng gì.

Vẫn thỉnh thoảng lại một người ra khen lợn, nhưng đó chỉ là bọn người nhà hầu trong huyện mà thôi.

Rồi anh không hãnh diện về những tiếng khen suông ấy nữa. Anh nóng ruột nhiều hơn. Anh lo, không biết người anh gửi lợn có còn ngồi ở chợ hay đã về rồi và mang con lợn của anh đi đâu. Họ là chỗ quen thuộc cả, anh không sợ ai lấy mất. Nhưng chờ ở trong này lâu, thì vãn chợ, còn ai đợi mua lợn cho anh. Vả lại bây giờ gần mười giờ rồi. Lệ chợ này, người ta chỉ mua lợn đến hơn mười giờ thôi. Từ giờ ấy đến giữa trưa là buổi họp của trâu bò. Rồi lác đác người ta về, thế là tan chợ. Nghĩ đến mẹ ốm đợi tiền và thuốc, anh bồn chồn cả người.

Anh Mấu chờ mãi, bỗng có một người vú đi qua, anh nói:

- Nhờ bác vào kêu với bà lớn cho tôi tiền để tôi còn ra chợ bán nốt con lợn.

Người vú ừ hừ. Nhưng anh càng mong, càng chẳng thấy gì.

*

* *

Kết cục, mãi đến lúc tan hầu, anh Mấu mới được cậu lệ buổi sáng vẫy tay, gọi:

- Lên đây.

Anh đi theo đến thêm nhà tư. Anh lính trở cái khố tải giải trên bực xi măng, bảo:

- Chùi chân đi, rồi đứng chỗ này mà đợi.

Anh Mấu quệt chân cho đến hết đất, rồi bước lên thêm nhẵn thín, sạch như li như lai, đứng khoanh tay, ở ngoài cửa hé mở.

Anh tò mò ghé con mắt dòm vào trong. Bỗng anh giật mình. Ôi mẹ ơi! Chỗ người ta ở mà đẹp như động tiên. Cả cái da ông Ba mươi to tướng mà người ta cũng căng ra giữa nhà, ngay ở dưới đất, xung quanh bộ ghế có đệm nhung gôl thêu. Như vậy, chắc rằng người ta xéo cả chân lên đó. Nào câu đối, hoành phi, choáng lộn những vàng. Nào bức thêu, tủ khảm, lọ cổ, lọ bộ, đồ sứ, đồ gỗ, thật là từ thuở bé anh chưa được thấy những của lạ quý ấy bày cả vào trong một gian buồng bao giờ. Mãi ngắm, anh quên phứt rằng giờ này là giờ chợ đã vắng.

Một lát, bà lớn ra cửa, và đi theo bà một người mặt mũi phương phi. Thấy cái thẻ ngà trước ngực, anh vội vàng chấp tay, khom lưng vái:

- Bẩm lay...

Anh không dám gọi người ấy là quan lớn nữa, vì anh cho là người ở cái nhà này phải sang trọng, gồm ghê hơn ông quan lớn mà anh tưởng tượng trong óc anh.

Quan lớn hỏi:

- Thế nào, thằng kia, mày xin bao nhiêu?

- Dạ bẩm lay, con xin sáu đồng ạ.

Quan lớn không đáp, một mình đi đến góc nhà, chỗ để lợn. Một lát, ngài lên. ý chừng vừa lòng, nên ngài móc túi lấy ví tiền. Đứng cạnh vị phụ mẫu uy nghiêm, anh Mầu run sợ, nhưng vẫn khấp khởi mừng thầm.

Quan lớn thọc tay vào đáy ví, nhìn vào anh Mầu và hát hàm, hỏi:

- Bao nhiêu?

Anh Mầu mừng rỡ, gãi tai nói:

- Dạ, bấm sáu đồng ạ.

Yên lặng, quan lớn xòe ba tờ giấy vào mặt anh Mầu và nhúu đôi lông mi lại, nói:

- Chúng bay lão, chỉ quen buôn bán gian xảo. Con lợn của mày chỉ đáng ba đồng. Đây tao cho mày đủ tiền vốn và lại thêm cả một hào nữa. Thế là đúng rồi.

Nói đoạn, quan lớn gí tiền giấy vào tay anh Mầu, rồi cạy thêm một hào nữa, ỏ ngăn con, quẳng xuống thêm nhẵn bóng, rồi cùng bà lớn quay trở vào.

Anh Mầu ngậy người toan nói, nhưng cửa đã đóng ập lại.

Đồng thời cậu lệ xua đuổi:

- Thôi, đi về, đồ khỉ!

1938

NGƯỠNG MỒM

Ông Chánh hội đỏ mặt tía tai, trợn mắt nhìn ông Lý và ông Phó hội, rồi đập nắm tay xuống chiếu, nghiêng răng nói:

- Từ ngày lão ấy về huyện ta, chính sách hay chưa thấy đâu, mà nay đục đám này, mai khoét đám khác, bịa ra những việc không có nghĩa lý gì để sách nhiễu dân, ăn cắp từ hai hào của con mẹ Nuôi ăn cắp đi, thì phỏng các ông thủ nghĩ xem, quan gì lại quan thế?

Ông Lý cũng đẩy vẻ uất ức, thở dài và lắc đầu:

- Phải, mà lệ đâu lại có cái lệ khoán cho người ta món tiền để lễ Tết mình bao giờ. Hôm ấy bức quá, tôi cãi phăng ngay rằng làng ta nghèo, lý trưởng xin Tết một đồng, chánh hội một đồng, phó hội năm hào, còn thì xin miễn ráo.

Ông Phó hội nói:

- Ông nói có thể mà lão ấy gắt, còn bảo ông là bướng?

- Phải, ông ấy lại đe tôi nữa kia. Không hiểu những người được địa vị hơn kẻ khác, họ cho bướng là thế nào. Đối với họ, hình như khi người dưới cố ý không để họ đè nên được họ thì họ cho là bướng.

Ông Chánh hội nói:

- Thì cái tết tháng mười vừa rồi, tôi ý ra đó, đã làm gì nổi tôi. Tôi biết rằng lão ấy cầm tôi lắm, nhưng tôi giữ gìn công việc không để lão ấy cự được thì thôi chứ gì?

Ông Phó hội cười:

- Thì vì ông không tết, nên lão ấy chả kiếm chuyện sức ông lên mấy lần là gì? Mà có lần nào ông được vào hầu ngay đâu. Lão ấy bắt ông phải cơm đường cháo chợ, châu chực chán chê, cho ông tốn kém hơn cái đồng bạc đáng lẽ ông phải bỏ ra tết lão ấy.

Ông Chánh hội quả quyết gật đầu:

- Thà thế còn ích hơn là cho ông quan ăn một cách vô lý. Ông tính mà xem, huyện ta có tám mươi làng. Cứ như số tiền lão ấy khoán cho chức sự phải lễ tết, thì làng nhiều bù làng ít, mỗi làng là mười đồng, cộng cả với tiền lễ tết của cánh chánh phó tổng, nghị viên, thì cái Tết này lão ấy thu đến nghìn bạc. Ấy thế mà còn tết tháng năm, tết tháng mười, tiền lãi những ngày kỵ lạp, thì ra một năm chỉ mới thế, lão ấy đã bỏ túi ít ra là hai nghìn bạc mồ hôi nước mắt của chúng ta rồi.

- Tôi tưởng nếu bọn ta ai cũng biết làm việc trong vòng bốn phận cả, cái gì ngoài bốn phận thì ta không theo...

Ông Lý cười, nói tiếp:

- Nếu thế được, có lẽ không ai ra làm quan nữa. Nghĩa là khi dân khôn thì quan hết nhần!

Ông Phó hội kéo các bạn trở lại với đầu đề:

- Nay, về phần tôi năm nay, tôi cũng xin như năm ngoái.

Ông Chánh hội gật đầu:

- Tôi cũng chỉ có thể thôi. Vậy thì tôi một đồng, ông Phó năm hào. Còn ông Lý, ông định đi bao nhiêu?

- Tôi cũng theo các ông. Nhất là cách, tôi không cần. Làng người ta giàu, nhiều đình, chứ làng ta nghèo, quanh năm chẳng có việc gì, lấy đâu ra mà Tết với nhất.

Bỗng ông Chánh hội nghĩ ra được một ý, cười sằng sặc, vỗ đùi nói:

- Ta làm thế này thì hơn. Ba ta cùng vào tết một lúc. Ta cứ đặt cả hai đồng rưởi vào đĩa và nói rằng: “Ba chúng con vi thiêng”. Chẳng lẽ lão ấy lại không nhận? Nếu chê ít thì ta mang về. Vả lại chê ít thì ngượng mồm lắm, các ông ạ.

Ông Lý cũng rũ ra cười, khen ông Chánh:

- Diệu kế! Làng bầu ông làm Chánh hội thực đáng.

Ông Phó hội cũng khen:

- Phải, ông Chánh thông thực. Chúng mình vào lễ từng người một, lỡ ra, ông ấy có thể mắng được. Đằng này, giá có muốn mắng rằng ít, ông ấy còn sợ mất sĩ diện với người nọ người kia.

Ông Chánh hội đắc chí:

- Chứ theo món tiền khoán thì ông Lý phải hai đồng, tôi phải hai đồng, ông phó phải một đồng. Còn ông phó lý, thư ký, thủ quỹ cả đến trương tuần cũng phải năm hào, thì giết ai ra tiền được?

*

* *

Sáng hai mươi tám Tết, ông Lý và hai ông Chánh, Phó hương hội đánh liêu lên huyện với hai đồng rưởi tết quan.

Ba người đều thấy mình đắc thắng rõ rệt trong cuộc phấn đấu này.

Ông Phó hội vốn vui tính, kể chuyện:

- Ngày xưa, có một thầy đồ đi dạy học ở một làng kia. Đến gần Tết, học trò bàn góp tiền mua một vài thứ đến lễ tết thầy. Chẳng biết ai xui lủ nhãi con hà tiện, hay chúng có ý sỏ thầy, nên chúng mới chung nhau như thế.

Ông Chánh mỉm cười:

- Thì cũng như chúng ta lên tết quan hôm nay chứ gì.

- Chính thế. Nếu chúng ta đi riêng có phải hai ông mỗi ông mất hai đồng, tôi mất một đồng không? Ta chung nhau, thì món tiền hai đồng rưỡi để vào đĩa, trông nó đã có vẻ chững chạc lắm.

Ông Lý nói:

- Thì chắc lủ học trò cũng nghĩ thế. Chung nhau vừa đỡ tốn, vừa không rõ chỗ cở rả. Chỉ thầy là thiệt thôi.

Ông Phó hội cười:

- Phải, chỉ thầy là thiệt thôi. Nhưng được cái ông đồ này nhanh trí khôn. Khi trông thấy gần hai chục đứa học trò đứng lố nhố tối cả nhà lại, mà trước mặt chúng chỉ có hai thúng gạo và một bu gà thì thầy có ý không bằng lòng. Song, dù không bằng lòng, thầy phải để bụng, chẳng lẽ nói ra. Thầy nhìn học trò và lễ vật hồi lâu, rồi mỉm cười, rung đùi, gật gù, nói vài câu cảm ơn. Đoạn thầy tán đến chuyện làm câu đối. Thầy hỏi trò:

- Chữ *Thần* đối với chữ gì, anh Lập?

- Bẩm *Thánh* ạ.

Thầy gật gù khen hay quá. Rồi tiếp:

- Thế chữ *Nông*, anh Dân?

- Bẩm đối với chữ *Sâu* ạ.

Thầy lại tặc lưỡi khen hay.

- Chữ *Giáo*, anh Sủng?

- Bẩm *Gươm* ạ.

- Chữ *Dân*, anh Chương?

- Bẩm *Quan* ạ.

- Chữ *Nghệ*, anh Tạo?

- *Gì*ng ạ.

- Chữ *Ngũ*, anh Thâu?

- *Tam* ạ.

- Chữ *Cốc*, anh Liệu?

- *Cò* ạ.

Chữ nào trò cũng đối chọi chan chát. Thầy cười hà hà, hết lời khen ngợi. Lũ trẻ ngây thơ mỉm cười nhìn nhau, vui sướng. Nhưng biết đâu, đấy là cái lối nhà nho thâm hiểm, đưa cả lũ chúng nó vào tròng. Thầy chỉ còn việc giật một cái là chúng nó ngã bở chũng. Thầy mỉm cười hỏi:

- Thế những chữ thầy vừa ra cho các anh đối là ở câu *Thần Nông giáo dân nghệ ngũ cốc*, nghĩa là *Vua Thần Nông dạy dân nghề ngũ cốc*, thì các anh đã đối với những gì nhỉ?

Lũ học trò ngơ ngác một lúc, rồi anh Lập áp ứng thưa:

- Bẩm *Thánh sâu gươm quan gì*ng *tam cò* ạ.

Thầy vò thở dài nhìn xuống đất, chỗ đặt gà gạo, và trăm ngăm, mỉm cười một cách sâu sắc, nói:

- Các anh xem ở đời việc gì cũng vậy, nó cũng như câu đối vừa rồi, từng anh làm riêng thì nghe nó hay hay, chứ mà tất cả các anh chung nhau thì lại nghe thế nào được.

Ông Lý phá lên cười:

- Vậy chốc nữa, nếu quan có chê ít, tất ta lại được ngài cho nghe câu chuyện cổ tích này! Thì ông ấy đến bảo ta một cách xa xôi như lối thầy đồ ra câu đối học trò là cùng chứ gì.

*

* *

Ba người qua cổng huyện, tiến thẳng vào mé công đường, mạnh bạo lắm. Mấy anh lính lệ và nho chạy ra, đơn đả mời vào trại hút thuốc, vì họ cũng thừa hiểu bọn này đến tết quan, thì sao họ chẳng được sơ mui chút ít.

Nho Quý lôi áo ông Lý ra một chỗ riêng, mách:

- Quan hỏi mãi các ông. Quan cứ tưởng các ông quyết tết, nên vừa bảo tôi thảo tờ sức đòi các ông đấy.

Ông Lý cau mặt hỏi:

- Đòi lên tết à?

- Không, đòi lên khuyên bảo về việc tuần phòng, nhưng ý là để nhắc nhở các ông.

Ông Chánh hội chạy lại nhà Nho Quý một cách khinh bỉ:

- Thôi xin bác đừng tán. Để chúng tôi vào cho xong việc, hết ngày rồi.

Nói đoạn, kéo ông Lý và ông Phó hội đi.

Ông Phó hội lấy vạt áo lau cái đĩa mượn ở hàng nước

ngoài phố, khê đặt hai tờ giấy bạc và năm đồng hào lên trên, rồi hất hàm cho hai bạn đi trước.

Ông Chánh vội ghé vào tai ông Lý, nói đùa:

- *Thánh sâu gươm quan gường tam cò nhé*. Mình không thắng trận phen này thì không nghe.

Ông Lý mỉm cười, gật đầu:

- Nhận hai đồng rưỡi, đấng cay chết đi được đấy. Nhưng hễ gặt thì ta cứ ỳ ra, mà chê ít thì mang về nhé.

Rồi ba người tiến vào, vái chào quan phụ mẫu.

Ông Huyện ngắc cổ lên, và chẳng cần thông minh lắm, ông mới biết mục đích của ba người này vào làm gì. Ông rút ngăn kéo, lấy quyển sổ tay, và hỏi ngay:

- Làng Ngũ thịnh phải không?

Ông Lý đặt đĩa tiền vào cạnh bàn giấy, khoanh tay lễ phép đáp:

- Dạ, lạy quan lớn chúng con chánh, phó hội, lý trưởng làng Ngũ Thịnh đem đầu lên vi thiềng Tết quan lớn.

Ông Huyện nhìn đĩa tiền, rồi muốn chừng sợ mình trông chưa rõ, ông ngھn đứng lên, vươn cổ, trong trọc ghé vào hai tờ giấy bạc, rồi hất hàm hỏi:

- Hai đồng rưỡi phải không?

Ba người hồi hộp, đồng thanh nói:

- Dạ.

Ông Huyện mở sổ ra, lấy bút gạch chéo một cái. Ba người đứng không nhúc nhích, cùng có vẻ lo sợ. Bỗng quan đặt bút xuống, và ôn tồn, ngẩng đầu lên. Tự nhiên ai nấy

nhẹ bằng hân. Rồi một lát ông Huyện rung đùi, cặp hai ngón tay vào râu, vuốt nhẹ một cái, rồi lại ôn tồn nói:

- Cảm ơn nhé. Nhưng đây ta mới nhận của thầy Phó hội, còn thầy Chánh hội và thầy Lý thì tao cho chịu đến ba mươi phải có, nghe chưa.

Nói đoạn ông gơ hai tay, giốn hai tờ giấy bạc bỏ vào túi.

Cả ba cái mặt cùng tím lại. Nhưng không để họ tấn gần lâu, quan văn ngọt ngào nói tiếp:

- Còn chỗ lẻ ta cho mang về. Thôi, đi ra. Ngày kia hãy hay.

Ba người nghẹn ngào như tắc họng, tức run lên, nhưng còn đứng ăn vạ ai? Nên họ vái chào quan để lui ra. Đến cạnh bức bình phong, ông Chánh hội lắc đầu rỏ vào tai hai bạn:

- Họ nói thế được, chứ mình thì mình ngượng mồm đến chết. Không trách, mình không làm được quan cũng phải.

1938

ĐI GIÀY

Ông Xuân ra làm nghị viện, mục đích chỉ để nổi nghiệp nhà, Bởi vì cụ thân sinh trước kia cũng làm nghị viện. Ông nhiều ruộng, lại nhiều tiền. Thế là được miễn tất cả các điều kiện khác. Cái học thức, cái lịch duyệt, cái chương trình về chính trị mà đối phương ông là người trong Mặt trận Dân chủ giương ra để cổ động, ông cóc cần. Muốn gì thì gì, quan không giúp cũng nhão. Quả nhiên, ông đã đè bẹp bên địch.

Vậy thì từ nay, ông tránh được tiếng gọi là chánh Xuân, tuy cái tên ấy, kể ra nghe cũng đã đường được lắm rồi. Bây giờ người ta phải gọi ông là ông Nghị, quan Nghị. Oai lắm! Danh giá lắm! Phải, có tiền mà không biết dùng cũng hoài. Chả hơn biết bao nhiêu người trong huyện, giàu nứt đổ đổ vách, mà cứ để của nẫu ra. Họ chẳng chịu lo lắng lấy tí chút ngôi thứ. Rồi chắc rằng ngày sau chết, cũng đến hai tay buông xuôi, chứ đem đi được đồng nào? Còn để thế gian người ta gọi mãi mãi bằng cái tên cúng cơm, mới ề chệ!

Trước kỳ tổng tuyển cử năm ngoái, dẫu cũng dạo này, các báo không tiếc lời mạt sát thậm tệ cái hạng dốt nát, xôi thịt, định đâm đầu vào nghị trường. Họ muốn rằng nghị viện phải ra nghị viện, phải có những phần tử cấp tiến biết nhiệm vụ mình, biết bênh vực quyền lợi dân. Chứ không phải như xưa, rất một đồ nghị cầm, nghị gặt, nghị cừu, hám danh, hại nước, để biến việc dân biểu thành một cái quốc sĩ.

Nhưng những bài báo hăng hái ấy, những lời nói sốt sắng ấy, ông chánh Xuân không biết. Bởi vì ông không đọc. Ông phải cái quốc ngữ đánh vần chậm lắm.

Song, có làm gì. Dù ông có biết việc tấy uế nghị viện chẳng nữa, ông cũng không quan tâm. Người ta nói, kẻ người ta. Được dịp ứng cử nghị viện, được dịp quan phụ mẫu ép ra để đánh đổ người ngài không ưa, được dịp cả quan nhà lẫn quan phủ bên cạnh tận lực cổ động lấy phiếu cho, tội gì ông không tùm lầy. Người ta công kích thế, chứ giá chửi bới thế nữa, ông cũng mặc. Ông cứ tranh cử cho mà xem. Ông tranh cử để trúng cử, để khỏi thẹn với cơ nghiệp, để nổi danh giá của cha. Dù có phải tốn dăm ba nghìn, cũng hã.

Ừ thì gặt, thì cầm, thì cừu, thì hám danh, thì hại nước, ông hãy biết hiện giờ ông ăn tiền chỉ trong làng cái dã. Cái khoanh bí mọi khi làng đem đến biếu ông bá Văn, thì từ nay ông được ăn. Thành ra danh lợi lưỡng toàn, sung sướng quá!

Thôi thì hay hóm gì cái bướng với Nhà nước. Ai yêu cầu chính phủ thầy ai, ai chất vấn quan trên thầy ai. Ông

là dân, ông cứ giữ cho phải đạo, lỗi thôi lắm thì bị ghét nhiều. Ở đời, hay ở nghị trường cũng vậy, ngu si hưởng thái bình. Cho nên, cứ yên phận là đáng quý hơn hết.

Từ ngày ông trúng cử, quan phụ mẫu rất nể ông. Thì chẳng ra gì, ông cũng vào bậc ông, bậc quan rồi, chứ bé hăn? Động có việc, ông đến công đường, là quan tay bắt mặt mừng, kéo ghế mời ngồi, sai lính pha nước, một điều ông nghị, hai điều ông nghị. Chẳng bù với ngày xưa, khi còn làm chánh tổng, ông cứ hay bị nay hạch điều này mai cự điều nọ. Mà cái nghề làm việc quan, ai tránh khỏi được lắm lỗi. Những khi ở huyện về có việc quan trọng, thì quan viết cho chánh phó tổng, hương lý, dùng tiếng “súc”, mà giấy gửi về ông bao giờ ngài cũng dùng tiếng “mời”. Chỉ một chữ ấy, mất bao nhiêu tiền mà tiếc? Rồi đến khi lên nha để họp, ông so sánh cách quan tiếp đãi ông với hàng nha dịch, thì ông mới thấy rõ rệt là ông to.

*

* *

Nhưng đây là ăn cơm mới nói chuyện cũ, cái năm mà quan Thu còn trọng nhậm ở hạt nhà. Chính quan Thu đã tác thành cho ông và ông đã tạ ngài trước sau hơn nghìn bạc. Nhưng bây giờ ngài đứng dậy rồi. Tiếc quá! Dù ông có làm giấy ái mộ gửi lên tận triều đình, cũng không thể giữ nổi. Ngài đi là ngài đi, để lại đàn dân đen ngơ ngác nhìn theo bóng ô tô lấp loáng mờ dần đến chỗ chân trời...

Nhất là ông nghị Xuân thì lại càng ngậm ngùi. Ông tiếc vị phụ mẫu hiếm có, biết coi người xứng đáng với địa vị. Chẳng hay quan mới có tử tế với ông, trọng đãi như thế nữa không?

Thì sự lo xa ấy không phải là khoảng không.

Quả nhiên, sau khi ông đến trình diện quan mới được hai hôm thì ông chánh tổng tổng ông đưa ông xem tờ sức sau này:

X.X., ngày 7 tháng 6 năm 1939

Quan tri huyện X.X.

sức thầy chánh tổng, tổng Y tuân cứ.

Bản chức về cai trị hạt X.X. chưa được bao lâu, thì bản chức rất lấy làm không bằng lòng một điều, vì thấy dân ở đây kém xa các nơi về phương diện lễ độ.

Đó là bản chức muốn khuyên bảo nhiều thầy, nhất là thầy cựu chánh tổng Nguyễn Xuân, nghị viên.

Thầy nghị Xuân là một người được dân hai hạt bầu lên, hẳn phải hiểu biết nhiều, hướng chỉ một sự lễ phép còn con của dân đối với quan?

Hôm thầy Xuân vào chào bản chức, thầy ấy không đứng nghiêm trang để trả lời những câu bản chức hỏi, mà lại tay vịn ghế, tay gãi lưng, chân vẫn lộn nguyên giày khiến ai nom thấy cũng phải lấy làm chướng mắt.

Bản chức được nhà nước cử về đây để giáo hóa cho dân, việc đầu tiên của bản chức là không muốn thấy những sự tự do nhố nhăng ấy.

Hẳn các thầy cũng biết rằng - ngày xưa, dân vào quan, thì phải đứng ngoài hiên, lạy hai lạy, rồi quỳ xuống cúi đầu khếp nép. Quan cố hỏi điều gì thì truyền cho lính. Các chức sự, dù ai mặc dầu, cũng phải tuân theo lệ ấy. Dẫu chánh phó tổng vào quan, cũng phải tụt giày từ đằng xa. Như vậy, uy nghi biết ngần nào. Bây giờ thời buổi văn

minh, đức Kim thượng đã xuống dụ bỏ lạy. Nhưng còn những nghi lễ khác, Ngài không nói đến, tức là vẫn còn kịp thời. Vậy những cái Thánh thượng chưa bỏ, lẽ nào thần dân dám bỏ trước. Như thế có phải là một tội hay không?

Bản chức xuất thân tân học, nhưng rất yêu chuộng những phong tục xưa. Đối với quan trên, bao giờ bản chức cũng giữ lễ lối cũ. Bởi vì bản chức nghiệm rằng, trong khi ở nước Việt Nam ta, hạng người nào cũng bị Âu hóa, thì duy chỉ có quan trường là duy trì được vững những nghi lễ của cổ nhân. Mà nghi lễ ấy là gì, há chẳng phải là quốc túy, quốc hồn đó hay sao? Há nó chẳng làm cho trên ra trên, dưới ra dưới, quan ra quan, dân ra dân đó sao? Há nó chẳng đáng quý, là vẻ vang cho nước ta là nước văn hiến, có lịch sử trên bốn nghìn năm đó hay sao?

Vậy bản chức mong rằng từ nay các thầy phải theo ý bản chức, vì bản chức nhân từ, không nỡ quả trách một người ngay trước mặt.

Nay sức
LÊ THĂNG

Cố nhiên, ông nghị Xuân nhờ đọc tờ sức, và trong khi nghe, mặt ông tái dần.

Nhưng ta không nên lấy làm lạ.

Ông huyện Lê Thăng chẳng phải là một người theo cổ như lời ông nói đâu. Bởi vì rằng ông trắng. Ông có râu ruồi bầu, mỹ danh là râu Hoa Kỳ. Trước kia, ông đã du học ở bên Pháp, và xuýt nữa chính thức kết hôn với vợ góa một cựu chiến binh mũi lõ. Bây giờ ông lấy một cô vợ An Nam

tân thời. Chính ông dạy vợ khiêu vũ để ông có cần bay nhảy, thì bà ấy phải đi việc ngoại giao. Sở dĩ ông phải khôi hài với ông, là vì ông đã khảo cứu ra của cải và trí khôn của ông nghị Xuân, một cái to xù, một cái nhỏ xiu.

Ông biết chỉ làm oai với thằng cha hiếu danh, dè tiện này, để nó sợ, nó mới chịu xùy tiền ra. Mà còn chi là danh giá ông nghị, nếu ông nghị vào quan phải giẫm đất.

Quả nhiên, ông nghị Xuân lấy chỗ ấy làm nhục nhất. Ông đã từng lặn giày bạn đến hội Khai Trí, đứng ngay gần quan Thống sứ. Ông đã từng ngồi ngang hàng ghế với những vị tiến sĩ, cử nhân, tiếng Tây lau lấu. Ông đã từng đi xe lửa hạng nhì với những cụ lớn, có Bắc đẩu bội tinh. Ông đã từng được ông nghị trưởng vốn vơ đón đi hát, khăn khăn mời đi ăn cơm Tây, lại nhấm nháy giúi tiền hối lộ vào tay, để nhờ ông bỏ phiếu cho, hôm đầu tiên nghị viện họp. Giá trị ông ghê gớm đến thế, lẽ nào bây giờ, vào công đường huyện nhà, ông lại chịu đi đất?

Thì ra ông cũng bị coi như hạng chánh phó tổng, lý trưởng mà thôi à? Mà hạng này phải tụt giày, thì khác chi thằng Kèo, thằng Cột, hay như bất cứ thằng thường dân nào vào hầu quan?

Không thể như thế được? Ông là ông nghị, đại biểu cho dân hai hạt của nghị viện Bắc Kỳ. Có lẽ nào ông phải như thế?

Ông quyết không chịu. Ông phải phản kháng. Ông nhất định lặn giày. Quan chẳng nghe, rồi cũng phải nghe. Ông đã có cách.

Sáng hôm sau, ông lên huyện. Mang nửa tá sâm banh đi phản kháng.

Đến thêm, ông tạm bỏ giày lại dưới bậc, đi chân không lên hè. Ông khúm núm, thập thò đứng ngoài buồng giấy quan. Khi được tên lính bấm hộ, ông rón rén vào, vái thật dài và đứng gãi tai để bấm.

Rồi lúc ra, sắc mặt tươi đỏ hỏn lên. Ông mừng, hồi hộp trống ngực. Ông dúi mắt lại nhìn mọi người, như để khoe một sự đắc thắng. Ông đã thỉnh cầu được chút quyền lợi tưởng mất: từ nay, ông lại có phép đi giày vào quan như thường.

1938

CHÍNH SÁCH THÂN DÂN

Từ chánh phó tổng đến thư ký, thủ quỹ trong hạt X.X., ai ai cũng lấy làm nghi kỵ tờ thông sức số 57, ngày 29 tháng giêng, của quan huyện Lê Thăng. Người ta bàn tán mãi, song không ai rõ ý quan ra làm sao. Người ta hỏi dò ông thừa, cậu nho, nhưng bọn này cũng trả lời một cách rất mập mờ:

- Thế là chính sách thân dân của ngài chứ gì! Mặt trận Bình dân mà ỉ.

Giấy sức ấy như thế này:

X.X., ngày 29 tháng giêng năm 193...

Quan tri huyện huyện X.X., thông sức

các chánhphó tổng cùng hương lý các xã tuân cứ.

Từ ngày bản chức về trị nhậm hạt X.X, thấy các thầy cùng bản chức trông nom sự trị an, đề điều, thuế má, v.v bản chức lấy làm cảm động lắm. Vậy bản chức thành thực có lời khen ngợi và mong rằng từ nay các thầy cứ tận tâm về nghĩa vụ như thế mãi.

Nhưng muốn cho tình quan dân được khăng khít thêm nhiều, và muốn thi hành chính sách thân dân mà bản chức vẫn theo đuổi từ ngày xuất chính, bản chức không những quý nể người sống, mà nên thương tiếc cả người chẳng may quá cố, trong khi đang làm việc cho dân.

Vậy từ nay trong hạt các thầy, mỗi khi có ai bất hạnh qua đời, trên từ hành chánh phó tổng, dưới đến thư ký, thủ quỹ, không cứ là tạ thế vì bốn phận hay vì bệnh già, các thầy đều phải cáo phó cho bản chức biết để bản chức được dự đưa người thuộc hạ đến chỗ ở cuối cùng.

Bản chức thiết nghĩ khi sinh thời, mỗi người gánh vác một việc dân, việc nước, thì mỗi người có một nhiệm vụ khác nhau. Người nhiệm vụ to, người nhiệm vụ nhỏ. Cho nên bản chức là người trên mà các thầy là phận dưới. Nhưng một khi đã không ở cõi đời nữa, thì bốn phận người sống là phải kính trọng linh hồn người chết. Cho nên bản chức cần phải chào biệt một người giúp việc đã qua đời, đó là bốn phận riêng của bản chức.

Vậy các thầy nên đọc kỹ tờ sức này để hiểu ý bản chức, và từ nay cứ thế mà thi hành.

Nay sức
LÊ THĂNG

Vậy có gì là khó hiểu? Bao nhiêu ý kiến thân dân sống, trọng dân chết, nó rõ rệt trên từng ấy dòng, việc chi phải ngờ mà bàn với tán?

Nhưng khốn thay, dân chẳng tin như thế cho. Đối với lời ngọt ngào của quan phụ mẫu này, người ta sợ như gà phải cáo. Trước kia, người ta bị nhiều vố cay đắng vì những

lời ngọt ngào như thế rồi. Cho nên bây giờ người ta phải chờ cơ hội xảy ra, một cơ hội chẳng ai mong có, vì nó là sự chết, để xem việc làm, mới có thể chứng thực cho lời nói được.

*

* *

Dịp tốt để thí nghiệm chẳng phải chờ lâu.

Và dân chẳng phải nghĩ ngợi nữa.

Ông thủ quỹ làng An Đạo đã thở hơi cuối cùng.

Lập tức, không những chức dịch ấy đi trình quan, mà đến chánh phó tổng cũng lên tận huyện để cáo phó.

Và quan hện sẽ về An Đạo từ chiều hôm trước để sáng hôm sau, kịp đưa người thiết phạn ra đồng. Ngài ngại dậy sớm. Đường đất từ huyện về An Đạo thì xa. Vả tang gia đã ấn định đúng bảy giờ thì chuyển cữu.

Lúc ấy, trong nhà ông thủ quỹ, tiếng khóc cạnh linh sàng đương xen lẫn với tiếng cãi lý nhau quanh mâm rượu, thì bỗng có người báo quan đến.

Chà chà! Một tin quan trọng làm sao!

Hiếu chủ vội vàng mũ gậy ra đón tận đầu ngõ, cúi rạp xuống để chào. Và trong nhà, khách ăn chạy tản mát, đứng ngấp ngó ở sau tấm giại. Những mâm cỗ ăn dở bị khênh đi, tẩu thoát xuống dưới bếp. Người nhà quét tước và thu xếp vội vàng các chỗ cho sạch mắt.

Quan xuống xe, thông thả tiến vào. Ngài đứng ở sân, ôn tồn nói vài câu chia buồn. Hiếu chủ cảm tạ, mời ngài đến nghỉ ở nhà ông Lý cho tỉnh mạch. Tang gia đã điều đình trước với ông Lý dọn dẹp sẵn căn buồng và bày biện

cho lịch sự. Ông Lý vừa được cảm tình với hiếu chủ, vừa được hân hạnh đón quan mà không phí tổn gì, nên bằng lòng ngay.

Đến chỗ nghỉ chân, quan rửa mặt, uống nước xong, thì vừa vào lúc lên đèn.

Một mâm cỗ chũng chạc đã từ nhà đám khênh đến, đặt ở phản giữa. Hiếu chủ cung kính rước quan chúng giám tám lòng thành thật. Quan gật, tụt giày ban ra, lên giường, ngồi xếp bằng tròn chính giữa.

Những ai có diễm phúc ngồi hầu cơm quan, đã được xếp đặt trước cả rồi. Quan rất vừa lòng, trò chuyện rất vui vẻ, thân mật.

Ăn xong, theo thường lệ, phải có cuộc mua vui. Chẳng lẽ quan ngồi chuyện suông với chức dịch cho đến khi ngài buồn ngủ? Cho nên, ông Chánh tổng đứng dậy, gãi tai nói:

- Bẩm quan lớn, xin phép quan lớn cho chúng con được hầu canh tổ tôm.

Quan cười, đáp dờ dùa dờ thực:

- Tôi không mang tiền đi.

- Bẩm xin có ạ.

- Ừ, thế thì đánh một lát cho đỡ buồn, chứ bây giờ thì ai ngủ được.

Canh bài ấy đánh ba hội. Quan ít ù lắm. Bởi vậy, ông Chánh tổng phải giữ lời hứa. Vả nếu ông không biết điều mà góp cho Quan, thì Quan cũng đã hất hàm để giao hẹn rồi:

- Thật nhé, thầy góp cho tôi nhé.

*

* *

Sáng hôm sau, Quan dậy sớm, khăn áo chỉnh tề, đi bộ đến nhà tang. Ngài trịnh trọng theo cữu. Cạnh ngài, có người che ô hầu. Và xung quanh ngài, tuần làng nghiêm chỉnh cầm roi dẹp đường. Bất cứ ai, dù trẻ con đi xem, hay người quen kẻ thuộc, hay cả đến họ hàng bà con người chết, mà vô ý sán lại gần, là bị vụt liên.

Nhờ có Quan, đám ma thêm vẻ long trọng. Các chức dịch hàng tổng và những làng gần An Đạo, không thiếu một mặt nào. Mà người ta đến đây để Quan trông thấy hơn là để đưa người bạn đến chỗ ngủ ngàn năm.

Cả vùng, ai thấy quan đi đám một người thuộc hạ quèn, cũng lấy làm cảm động. Người ta khen ông thủ quỹ tốt số. Mà thực, giá ông này có khôn thiêng mà nhìn thấy sau linh cữu mình, một vị đeo thẻ bài ngà lưng thưng đi một cách nghiêm trang, thì có lẽ sung sướng quá đến nỗi sống lại mất.

Đám ma đến huyết. Tiếng khóc nổi lên như rì. Ai cầm lòng cho được, trong những phút đau đớn này! Đàn bà lăn xả vào quan tài, vật mình mẩy. Đàn ông mếu máo, còng lưng xuống mà khóc. Nhưng trước khi giòng áo quan xuống hố, quan bảo thầy chánh tổng bắt mọi người phải im.

Lệnh trên đưa ra, mấy anh tuần giơ roi vào vợ con người chết, quát:

- Im, không được khóc, Quan truyền thế.

Mọi người không dám thút thít.

Quan bước đến trước huyết, ngài móc túi lấy mảnh giấy, giơ lên và đọc:

Nhưng buồn quá, ngài đọc tiếng Pháp. Cho nên, cố nhiên cả người chết lẫn người sống, không ai hiểu ngài nói gì.

Người thông minh, bảo đó là ngài đọc đít-cua. Người mê tín, bảo đó là ngài tụng kinh. Những người dốt đặc, còn phải nghe con cháu khấn bằng chữ nho, thì biết đâu, ông thủ quỹ chẳng nghe hiểu điệu văn tiếng Pháp?

Đọc xong, ngài lăm dăm đứng lặng, rồi cúi đầu một cái, đoạn lui ra. Cả nhà tang chủ đổ xô lại, lễ tạ. Rồi ngài lên xe để về huyện. Ngài vẫy thầy Chánh tổng lại gần, dặn nhỏ:

- Đây, xe này tôi thuê khử hồi một đồng, thầy bảo họ lo liệu trang trải nhé.

Rồi tặc lưỡi, ngài nói thêm:

- Mà tiền góp tổ tôm cho tôi hôm qua, thầy cũng nên bảo họ biết, tội gì mình chịu!

Chuyện này chỉ nhạt có thế. Nhưng hình như nó là chuyện thực. Bởi nó là chuyện thực, nên ông huyện Lê Thăng phải chịu trách nhiệm về phương diện nghệ thuật của văn chương.

Song, ta cũng nên phục ông Lê đã khéo nghĩ được những hành vi cho có vẻ tiểu thuyết. Ông là nhà tiểu thuyết rất tự nhiên và rất có tài.

Bây giờ, ở vùng ông cai trị, người ta còn đợi mua vui bằng nhiều tác phẩm sống của ông. Nhưng có một điều buồn cho ông, là không những họ sợ sống, mà họ cũng sợ cả chết nữa. Họ sợ khổ cho con cháu, vì quan lại cứ về đưa ma!

HAI CÁI BỤNG

Hôm nay thì nó lả đi rồi. Tai nó ù. Mắt nó lóa. Nó nằm vật ở lề đường. Miệng nó há hốc ra mà thở.

Bởi vì, cũng như hôm qua, và cũng như hôm kia, hôm kia, nó đã đi lang thang hết chỗ này đến chỗ nọ, mà chẳng kiếm được tí cháo lưng hồ.

Nó?

Nó là sự đói khát, kinh tởm, kết thành hình.

Nó có một cái sọ đếm được tóc. Không biết một thứ bệnh gì hương hỏa của cha mẹ đã làm cho cả da chỗ ấy nhăn thín, bóng lộn, đỏ đòng đọc như cái mụn đương loét, khiến tóc nó chỉ có thể mọc lơ thơ, như vắng cỏ trên tảng đá cằn.

Nó có một cái mặt - mẹ ơi! Không biết có gọi được là mặt không đấy! Mặt gì mà mắt lại thế kia, và miệng lại vô dụng thế được. Phải, mắt đâu có thứ mắt xung quanh là một hình bầu dục, vẽ bằng vành thít trơ đỏ lầy nhầy, lúc nào cũng ứa ra một dòng nước vàng và giữa thì lơ lơ như hột nhãn, thứ hột nhãn non choèn, vàng ẽnh. Còn cái miệng

nó thì dô ra như miệng khỉ, hai hàm răng to tướng, lúc nào cũng cắn cập hực hặc với nhau. Nhưng không phải để nhai, mà để run. Vì trời rét.

Những quần áo nọ mang vào người chỉ có một mục đích là che thân nó không kín. Chắc là những thứ giẻ khươm mười niên, người ta vứt đi, vì bợt quá. Nhưng nay nó buộc miếng nọ với miếng kia, díu mảnh này vào mảnh khác, và vì dùng lâu ngày, nên cũng dày thêm bằng tầng mồ hôi, quện với ghét, và bụi. Đố ai đếm nổi tất cả có bao nhiêu chỗ rách và những chỗ rách ấy hình gì. Đố họa sĩ nào pha đúng được màu quần áo ấy, nếu có cời những thứ ấy ra, đem treo lên cho công chúng đoán - đố ai dám nói là đồ mặc của người.

Vậy thì, với bộ quần áo xơ mướp ấy, nó biến thành một cái bù nhìn. Bù nhìn là cái khung có hai tay và hai chân làm bằng ống tre, thì nó cũng là cái khung có hai tay và hai chân chẳng to hơn mấy. Bù nhìn có bộ mặt chẳng thành hình, thì nó bộ mặt cũng dუმ đó, xấu xí như con ma dại.

Thật thế, một đồng rác, chưa đáng sợ, đáng tởm bằng nó. Vậy mà nó phải đi hết chỗ này đến chỗ nọ, để kiếm cái nhét vào dạ dày.

Để nó sống.

Vì nó chưa chết.

Nó đã đi ăn mày. Nhưng ai cũng đuổi nó quây quây. Người ta quen cho những người sạch sẽ, có nét mặt đáng thương, có quần áo còn dính đôi chút mỹ thuật. Người ta chỉ bố thí cho kẻ ăn xin "hạng nhất". Còn nó, nó đi đến đâu, người ta đóng cửa, người ta chửi, hoặc người ta mặc kệ cho chờ chán thì phải cút.

Cho nên nó phải làm lấy mà ăn. Nó đến các chợ, vét những tí bánh còn dính trên lá, và gặm những mẩu khoai vút còng queo trên đất sạn. Nó lạy van đứa ăn xin khác bớt cho nó chút canh cặn cơm thừa.

Nhưng mấy hôm, chỉ có ngân ấy thứ tọng vào bụng, nó sống làm sao được? Nó phải ăn đến thịt nó. Bởi thế, nó gầy hơn, nó còm hơn, nó đét lại, không đủ sức lê nổi tấm thân đã mòn. Bởi thế, chân tay nó lúc nào cũng run rẩy như cây sậy, mắt nó giương to tướng, nhưng vẫn lơ đờ. Nó không bị bệnh tật gì, song nó ngây ngô như người ốm.

Hôm nay thì nó lả đi rồi. Tai nó ù, mắt nó lóa. Nó nằm vật ở lề đường. Miệng nó há hốc ra vì đói.

Nó chỉ thèm được ăn.

*

* *

Bà ấy thì đến một tháng nay, cứ phải uống thuốc mãi.

Đầu tiên, ông đốc tờ Tây đi ô tô đến nhà, đem đủ các thứ đồ dùng để nghe ngực, thử máu. Rồi ông bóp trán, kê cho cái đơn, mua mất ngót chục đồng bạc thuốc.

Nhưng uống thuốc, mà bà vẫn thấy thế, bà bỏ dở không dùng.

Có người mách một bác sĩ người Nam chữa bệnh giỏi lắm. Bà ấy cho mời liền. Và cũng như bạn trước, thuốc không công hiệu.

Bà cho là thuốc tây không hợp với tạng bà. Thuốc tây chỉ tài về khoa cấp cứu. Chứ bà phải dùng thuốc bắc. Thuốc bắc tuy hiệu nghiệm chậm, nhưng khi đã ngấm vào trong tạng phủ người ta, thì nó chắc chắn lắm. nó hợp với bà hơn.

Bà bèn mời một ông lang. Quả nhiên, ông lang cũng đồng ý với bà, bảo rằng thuốc tây chữa người Nam không được. Vì nó chỉ làm cho người Tây dùng. Và lại, độc từ chỉ hay dọa dẫm, động một tý là lao, là đau dạ dày, là thương hàn, là một nghìn thứ bệnh nguy hiểm khác.

Ông lang rón hai ngón tay lên cổ tay bà, trầm ngâm. Ông lim dim đôi mắt. Rồi lúc tóm trúng bệnh, ông lấy bút giấy kê đơn ngay lập tức. Ông hẹn uống một chén, bà sẽ thấy khác ngay. Uống đến ba chén, bà không còn một tí gì khó chịu trong người nữa. Lúc đó, chỉ cần dầm thang thuốc bổ, là bà lại khỏe mạnh như thường.

Bà cho người lên hiệu bào chế cân thuốc. Bà yên trí thuốc có nhiều vị đắt, tất là hay. Bà chẳng tiếc tiền, bỏ ra hơn năm đồng, đổi lấy một bát nước sánh như mật.

Nhưng nghe ngóng một hôm tròn, bà chẳng thấy bệnh chuyển. Vẫn thế.

Kiên tâm, bà lại cân chén nữa. Và chén nữa. Nhưng bà lắc đầu, chịu không thể tin được mấy ông lang ta chỉ khuếch khoác cái mồm.

Rồi bà mời đến ông thầy Khách. Thầy khoe nhà thầy đã ba đời làm thuốc ở bên An Nam. Thầy nói tiếng An Nam sõi như người An Nam, tuy thầy đã già và tứ đại đồng đường. Nhìn bộ râu bạc dài dưới cằm thầy, con bệnh tin nhiệm ngay. Vậy mà thầy cần làm khách hàng tin nhiệm hơn, nên hết gièm pha thuốc tây, đến chê bai các ông lang An Nam. Thầy rằng không ai biết gì hết. Duy thầy mới khiến nổi bệnh này.

Thầy cũng xem mạch, và xem cẩn thận lắm. Thầy hỏi

căn vặn từng tí, và sau hết, bảo bà cho người nhà theo về hiệu lấy thuốc. Thấy cam đoan bà uống thuốc này là không phí tiền.

Nhưng chán chưa! Thuốc ấy cũng chẳng ăn thua gì cả.

Lạ quá. Bệnh gì lại có bệnh, thuốc không trị nổi bao giờ!

Bà ấy có bệnh gì?

Không biết.

Vì mấy ông thầy thuốc không có ông nào nói rõ.

Nguyên là bà béo quá - Gớm! Béo đâu có béo lạ béo lùng thế! - Béo đến nỗi hai má chảy ra, cổ rút lại. Béo đến nỗi bụng sệ xuống. Béo đến nỗi trông phát ngấy lên!

Mà bà ấy lại giàu nữa mới rầy rà chứ! Nhà, bà ấy có hàng dãy ở khắp các phố. Ruộng, bà ấy có hàng trăm mẫu ở nhà quê. Tiền, cạnh tường buông ngủ, cái két khổng lồ, lúc nào cũng chứa hàng tập giấy trăm lớn.

Bà ấy có đủ điều kiện để sung sướng.

Nhưng chỉ có một tí xiu mà trời chẳng chiều cho ai được hoàn toàn. là bà ấy yếu dạ lắm.

Bà ấy chỉ phiền về mỗi chỗ ấy.

Thế mà hôm cuối tháng trước, một bà bạn mời bà đến ăn cỗ cưới con gái. Bà ấy đã tính từ chối, song lại sợ bị trách.

Cho nên bà ấy phải dằn lòng đến ngồi vào mâm cơm.

Bà bạn gấp tiếp, ép ăn những bóng, những mực, những long tu, những vây cá, và đến trăm thứ khác nữa.

Nể bạn, bà ấy ngắc lên đến tận cổ. Và lo quá, vì biết

rằng xong bữa cổ này, rồi thế nào cũng có chuyện lôi thôi to đây.

Quả nhiên, từ hôm ấy đến nay, bà ấy cứ thấy bình bịch cái bụng, lúc nào cũng đầy đầy, không tiêu, khó chịu quá.

Khổ thật! Thuốc thang chịu uống đến thế mà bà ấy không đói cho!

Bà ấy chỉ thèm ăn được.

1-1939

CẬU ẤY MAY LẮM ĐẤY

Lần đầu tiên mà tôi giờ khẩu súng lên, sắp bóp cò để bắn con chim gáy đậu trên ngọn tre, trong lòng tôi xốn xang vô hạn.

Thì các bạn hãy thử nghĩ xem. Ngón tay này mà tôi co lại, ấy là kết liễu một sinh mệnh. Mà cũng viên đạn nhỏ xiu, cũng cò máy xinh xắn ấy, trở nó vào bụng người ta, mà làm một phát, tức khắc mình trở nên đồ sát nhân, bị tòa án xử cho mình mất chỗ đội mũ. Thế mà lại mang nó đi dọa dẫm nước khác để xâm chiếm đất đai, thì mình còn trở nên đồ phát xít bị báo Đông Pháp chửi bới nữa, mới “giết đệ” chứ!

Con chim gáy chẳng biết đang ở giây phút nghiêm trọng. Nó vẫn cúc cu gáy đều. Thế giá nó có chết cũng không thể cãi được rằng không phải số. Tôi bỏ hết những điều nghĩ ngợi vô ích, cố ngấm cho đúng để bóp cò. Phải, nếu tôi có bắn tãi đi nữa, cũng không đời nào tôi có thể thành đồ sát nhân hoặc đồ phát xít được. Cố ấy rất dễ hiểu, là tôi không có súng. Hơn nữa tôi là dân An Nam, lẽ

tất nhiên không được phép tự do có khí giới để muốn dọa lấy nước nào làm thuộc địa cũng được.

Súng ấy nguyên là của ông bạn với chú tôi. Vì hai ông đương ăn cơm trong buồng, nên tôi táy máy mang ra nghịch. Và nhân thấy có tiếng chim gáy ở đầu nhà, tôi bèn nếm mùi săn bắn xem nó ngon lành đến bậc nào.

Con chim vẫn hót những tiếng véo von.

Đứng nấp ở cạnh đồng rơm. Tôi hết sức lấy gân, gò lưng ra đằng trước, tỳ mạnh đầu báng súng vào xương vai, áp thật ghệt vào má và nhắm thật kỹ một mắt lại, trống ngực tôi nổi mạnh. Bụng tôi sôi lên ùng ục.

Đoành!

Lá rụng lạt sạt. Con chim tốt số vỗ cánh bay đi.

Nhưng bộp! Bộp! Và đồng thời với hai tiếng rơi ấy, tôi thấy tiếng trẻ con reo ầm.

- A, hai con.

Tôi chưa kịp ngạc nhiên, thì nỗi mừng đã đến. Một đứa trẻ chạy vào cổng, đưa trả tôi một đôi chim xám vừa béo vừa to.

Trên nhà, mọi người nghe thấy tiếng nổ, tất cả chạy ra sân. Nhưng ai nấy thấy sự tình nghịch của tôi đã đem về một kết quả phi thường, thì không những không ai mắng, còn khen tôi là khác. Một phát, tôi đã trúng hai con gầm ghi.

Ông khách lấy làm bái phục tôi, nói:

- Phát đầu tiên, Quốc nó tỏ ra là bắn giỏi. Rồi sau này, nó sẽ ăn đứt chúng ta.

Tôi cười lạt một cách nhũn nhặn, để ngoa ngoắt mà chịu tiếng khen. Tôi cảm ơn hai con chim khốn nạn đã hy sinh cho tôi được danh dự. Tôi lặng ngắm cây đa rậm lá mọc sau bụi tre, và nghĩ mãi không hiểu sao đôi găm ghi này đổ ở đâu, để tôi bắn lầm phải, đến nỗi chết một cách oan uổng.

Song than ôi, ở đời này, có biết bao nhiêu kẻ vô tài trở lên danh tiếng lẫy lừng do những sự tình cờ tức cười, hoặc biết bao nhiêu đứa xây danh dự mình lên trên đồng thấy đồng loại. Thì tôi mới giết oan có hai con chim, cái sĩ diện bắn giỏi của tôi nó to gì mà phải nghĩ ngợi ân hận?

*

* *

Tiếng lành đồn xa, tiếng dữ đồn xa. Mà cố nhiên tiếng bắn giỏi là tiếng lành. Nó đồn đi xa lắm, vào tận Ninh Bình, lọt đến tai ông chủ đồn điền Quýnh.

Ông Quýnh có hơn tám trăm mẫu ruộng, mà chỉ có mỗi một con gái, mặc dầu ông bắn rất giỏi. Trong hai mươi năm trời, ông hạ được ba mươi con cọp bằng bốn mươi phát đạn. Người ta cứ bảo vì ông tàn sát nhiều thiên tướng, nên trời bắt tội ông không được có con trai. Chứ bắn giỏi, khỏe lại hay bắn như ông, lẽ nào chỉ để có mỗi một cô con gái? Nhưng cái đó thuộc về dị đoan.

Song, không hề gì. Miễn là ông Quýnh biết có tôi đây là nhà thiện xạ, để ông bằng lòng gả cô Mai cho tôi. Ông Quýnh giàu. Hơn tám trăm mẫu ruộng. Cái mỏ ấy thực tốt cho những kẻ muốn khai. Trời sinh ra tên tôi là Quốc, lại sinh con gái ông là Mai. Hai chữ tên này thực hợp và

cần cho sự đào mỏ. Mà mỏ nào đào bằng cuộc bằng mai không nổi. Thuận vợ thuận chồng, tát bể Đông còn cạn nữa là.

Ông Quýnh yêu cô Mai lắm. Lẽ đó cố nhiên. Ông muốn có con rể cũng như ông, nghĩa là bán giỏi, để giúp ông giữ vững láy đồn điền, sợ khi điền tốt "nổi loạn". Điều đó, không phải ông đã quá lo xa, vì ngoài sự ông đáng thờ vì có con gái đẹp và giàu, ông phải cái xấu là có tâm hồn Hítler, nghĩa là cứ thích chiếm ruộng đất của bọn dân nghèo khổ ở sát khu vực của ông.

Khi chú tôi nghe tin ông Quýnh hăm mộ tiếng tôi rồi, thì ông nghiêm nghị bảo tôi rằng:

- Mày không xem chỗ nào có súng mà mượn để tập bắn, rồi về nhà người ta thì làm thế nào?

Chú tôi coi tôi như đi làm dâu vậy. Vì ông Quýnh vẫn tuyên bố, ai lấy con ông, tất phải gọi rể. Rồi một khi tôi đã được vác áo thụng xanh đến nhà ông, tôi lại không biết loay hoay khẩu súng thế nào, thì người ta bảo ở nhà có người lớn mà không biết dạy.

Trong việc hỏi Mai, bạn chú tôi làm mối. Sau lời quảng cáo phóng đại, lấy sự bán đầu tiên mà chết cạp ríp những đôi găm ghi làm chứng cố, ông Quýnh đã hơi xiêu lòng.

Rồi sau hết, ông nói:

- Cháu nó cũng đã có nhiều người hỏi, song tôi xét ra toàn hạng văn dốt vũ dốt, tôi sợ không coi nổi cơ nghiệp này. Hiện nay cũng chỉ có hai đám nữa, nhưng tôi chưa nhận lời. Vì tôi còn phải dò la lâu.

Thế rồi muốn cho cuộc nhân duyên mau mau có kết

quả, mỗi tìm dịp cho tôi làm quen với Mai. Chúng tôi vụng trộm thư từ cùng nhau. Và sau hai tháng trời tấn công ái tình bằng lối du kích, tôi bàn với Mai nên để cuộc yêu nhau này thành công khai, nghĩa là Mai cứ thú thực cùng cha để đòi lấy tôi cho kỳ được.

Ông Quýnh chiều ý con, nhưng nói:

- Tao cũng bằng lòng gả mầy cho nó, nhưng tao muốn chờ khi nào người ta nói lại thì nhấn nó về đây, bảo nó đi bắn thử, xem tài nó thực hư thế nào.

Điều kiện ấy, tôi rất lấy làm lo ngại. Mà tôi ác cảm cái lối tuyển người trong thời buổi cạnh tranh này làm sao! Thì ra ai muốn chiếm được cái gì, cũng phải qua một kỳ thi. Chỉ trừ làm vua là không phải sát hạch gì hết, nên bất cứ thế nào cũng có thể chêm chệ trên ngai vàng, còn thì tuốt tuột là phải thi cả.

Ác hại quá, bây giờ tôi lại phải thi làm rể! Kỳ viết - viết thư tình cho Mai - đã trót lọt, nay đến kỳ khẩu vấn, mà kỳ khẩu vấn này lại chẳng như những kỳ khẩu vấn thường dùng đến miệng người ứng thí, mà phải mượn đến miệng súng! Thật là lối nói chuyện của các bố Phát xít bên Âu châu. Song, ở phía trời Tây, mấy xừ ấy họ Phát xít vì họ muốn độc tài. Chứ nhút nhát như tôi, thì độc gì. Chứa nghe thấy tiếng súng đã sồn ra ấy. Có họa là độc dạ, vì mình quen theo chủ nghĩa phát xia?

Song, đã liều ba bảy cũng liều.

*

* *

Về đến đồn điền, tôi được ông Quýnh tiếp rất chu đáo. Nên tôi phải gãi vào chỗ ngứa của ông:

- Thưa ông, quanh đây có rất nhiều chim. Nhất là mạn gần sông, lắm giang quá. Có lẽ ít lâu nay ông chưa săn bắn.

Ông Quýnh cười, gật:

- Phải, vì đến bốn tháng nay, tôi bận hết việc nọ đến việc kia. Chứ trước, ngày nào tôi cũng vác súng đi, thì chim chóc dạt đầu mắt cả.

Rồi ông tiếp:

- Mai cậu lấy súng của tôi mà bắn.

Tôi làm bộ ngại, để tỏ ra mình thành thạo.

- Nhưng lỡ có ai hỏi...

Ông Quýnh cười:

- Làm gì có ai dám hỏi. Trong đồn điền, toàn người nhà cả.

Tôi vui mừng:

- Thế thì thích quá.

Kỳ tình, đêm hôm ấy, tôi lo mê.

Hôm sau, không thể lấy cớ nhức đầu sổ mũi để trốn thi, tôi đành vác súng đi. Thấy tôi nai nịt gọn gàng, Mai mỉm cười, nhìn tôi rất tình tứ.

Trời nắng. Cái nắng tháng ba làm cho người ta dễ ốm, nếu người đi nắng không có một hy vọng tốt đẹp là lấy được vợ giàu.

Tôi đi rõ thật xa. Đến tận chỗ mà giá có tiếng to như tiếng súng, ông Quýnh cũng không nghe thấy.

Những đàn giang xò cánh bay lượn trên không, làm rợp cả thửa ruộng. Nhiều con lò dò trên bùn lầy ngóng cổ lên bờ đường để nhìn.

Hay là bắn giang?

Đó là một ý nghĩ hay. Giang to, dễ trúng. Tội gì tôi không nắm cổ những dịp may mắn tình cờ. Tôi lấy làm lạ cho những thằng đã hỏi Mai trước. Ý hẳn chúng nó cầu kỳ, cố tìm cho được những thứ chim hiếm có và bắn khó để khoe tài. Chúng nó ngu thì chúng nó chết. Ngày xưa, người ta mới kén rẽ bằng cách bắn sẻ, chứ ông Quýnh có thách thế đâu? Ấu là tôi cứ bắn những con giang to bằng cái mẹt này. Hễ ông chê giang không quý vì thịt không ngon, thì tôi sẽ chống chế là định tâm bắn thứ chim này để nhân tiện thử tài nội trợ của Mai một thể. Phải, với thịt giang mà Mai làm được món ăn ngon, thì thuyền duyên ấy mới sánh được vai anh hùng này. Hẳn là ông Quýnh không thể “truy” tôi vào đâu được nữa.

Tôi đứng nấp sau gốc cây, chờ dịp thuận tiện để đưa ra những phát đạn hùng dũng. Tôi giương súng ngắm kỹ, rồi bóp cò. Nhưng lần nào cũng vậy, những con nhát thì vỗ cánh bay đi. Những con bạo còn quay cổ, lơ lảo nhìn, rồi rắc lại ít phân làm kỷ niệm, mới bay theo các bạn.

Tôi xấu hổ.

Và nực nữa.

Mồ hôi ra, vừa vì xấu hổ, vừa vì nực.

Tôi lại đi.

Lại một đàn giang nữa đậu ở bờ sông. Tôi phải báo thù cho hai phát ban nãy.

Đoành!

Cũng một lượt, chúng nó bay mất.

Ba viên đạn làm tôi nhục nhã.

Mà viên đạn cuối cùng trong túi, nó cũng chẳng tử tế gì đâu.

Tôi ngồi nghỉ ở cạnh đường, đặt súng vào lòng, thở dài. Hồng, không khéo phen này thì mất vợ!

Tôi tính đến nước chuồn thẳng. Song không trôi. còn cái nó cạnh tôi, tôi không đem nó theo được. Người An Nam không có tự do mang khí giới, thật là hết sức tai hại. Đã chẳng chiếm nổi một tí thuộc địa nào thì chớ, lại còn những lúc này, không thể mang súng của người khác mà đi bài tấu mã được.

Thôi thì tôi đành vác mặt mo về đồn điền để hàng ông Quynh và từ biệt Mai. Số phận của nhân duyên tôi phó mặc trời, chứ biết nói thế nào cho xuôi được? Đạn mang đi bốn, nay còn có một. Chẳng lẽ nói mình đau bụng, nên thấy trong có thuốc, đã trót nuốt chửng mất ba viên. Khốn nỗi, thuốc ấy lại thuốc súng.

Bỗng một ý kiến nảy ra trong óc tôi. Người thông minh nhanh nhẹn, láu lỉnh trong lúc cùng, thường bật ra được những mưu kế phi thường, các bạn ạ. Tôi chợt nhớ ban nãy, qua chợ, có thấy bán rất nhiều giang sống. Ấu là tôi chịu hy sinh mấy đồng bạc để bảo toàn lấy danh dự vậy.

Tôi hăm hở đi.

Đến chợ, tôi mặc cả giang và chọn bốn con to béo nhất. Được lắm. Bốn phát đạn mang đi thì đây, tôi đem về bốn con giang nặng trĩu. Thiện xạ, thế chứ còn thế nào! Tôi xách giang đến một gốc cây, treo ghì căng cả bốn con vào cánh, thiết rõ chặt, rồi dí miệng súng vào tận nơi, ngắm cho phát đạn xuyên cả bốn bụng, rồi mới măm mồm măm mồm, bóp cò. Bay nữa đi!

Phát súng nổ, bốn con giang trước không thể cựa quậy được, nay thêm nữa là chết ngoẻo.

Tôi cỡi trối, xách riêng từng con, đi về sý diện như ông tướng.

Thấy tôi đến cổng, ông Quýnh chạy ra đón như đón một chàng rể hiền. Mai cũng mừng rỡ khen tôi rồi rít.

Tôi làm bộ mệt nhọc, vút giang ra hè, và thở. Ông Quýnh nhìn bốn con chim ủ rũ, gật gù nói:

- Thế thì cậu bắn lần này may mắn lắm đấy.

Tôi sung sướng, trở một con:

- Thừa con này, con phải đuổi theo nó đến mười thửa ruộng. Nó động thấy con là bay mất.

Ông Quýnh cười:

- Giống giang tinh mất lắm. Cho nên bắn giang rất khó. Thật là cậu rất may.

Tôi càng đắc chí, trở con khác và nói khoác đấy:

- Con này khỏe quá, bị đạn rồi mà còn cố bay. Một suýt nữa nó sang bên kia sông thì mất. May quá, mới đến chỗ cây đề, thì nó kiệt lực, đụng vào cành, rơi xuống.

- Phải, tôi đã bảo cậu may lắm mà!

Mai nhìn cha, nói:

- Cũng phải biết bắn, chứ cứ may thế nào được.

Thấy người yếu bệnh, tôi càng như cỡi tấm lòng. Theo đà nói khoác, tôi trở con thứ ba:

- Con này thì mãi ăn, con dò đến tận sau mà không biết.

Cả mấy người cùng cười. Ông Quýnh nói:

- Tham ăn cho chết. Tôi không mấy khi được những dịp ấy. Vì giống giang rất tinh mắt cho nên tôi bảo cậu may là đúng lắm.

Thấy tiếng may, tôi liếc Mai. Mai cũng nhìn cha, có ý không bằng lòng. Như thế đủ cho tôi rồi. Được Mai đồng ý, tôi hả hê lắm. Cho nên còn con thứ tư, tôi nói kháy ông Quynh:

- Con này thì thật không tinh mắt tí nào, vì con đứng ngay đằng trước mà bắn, lúc nó đang nuốt dở con cá.

Ông Quynh gật gù:

- Tôi bảo cậu may là đúng lắm, vì mọi khi giống giang rất tinh mắt.

Mai thấy cha cố dìm nhân tài, bèn lườm và nũng nịu:

- Thầy lại cứ bảo thế!

Ông Quynh ngọt ngào cười, nhìn con gái, nhìn tôi, rồi ngồi xỏm cạnh bốn con giang, ông cầm cả bốn cái cổ giờ lên như để phân vua, và giảng:

- Thầy bảo cậu Quốc bắn được lũ giang này là may lắm, thầy nói chẳng ngoa, vì xưa nay giang rất tinh mắt. Đây con xem, nếu cậu ấy không may, sao tình cờ lại gặp cả bốn con bị khâu mắt sẵn mà bắn bao giờ.

Thôi chết rồi! Tôi giật mình đánh thót, cổ giương to mắt để nhìn kỹ. Bỗng cả trong người tôi như bị cái gì nó bò khắp mạch máu. Thì ra bây giờ tôi mới trông thấy mắt giang bị khâu bằng chỉ thâm thật!

Trời ơi! Túi tôi hết đạn, tôi tự tử bằng cái gì bây giờ.

3-1939

TẤM GIẤY MỘT TRĂM

Chọn được hàng vừa ý, bà chủ bảo gói lại và ra quầy chờ để trả tiền. Nhưng ô lạ, bà mở ví ra, tìm, tìm mãi. Không biết tấm giấy bạc một trăm vương ở đâu? Bà lại tìm, bỏ riêng từng thứ để ở trong ví ra tìm. Chiếc mùi-soa này. Quyển lịch con này. Bảng giờ ô-tô ca này. Hộp phấn này. Ống phấn son này. Vân vân. Bà rũ tung chiếc mùi-soa, giở từng tờ trong quyển lịch. Còn trong ngăn con thì cố nhiên không có rồi. Ngăn ấy, xưa nay bà chỉ đựng toàn hào xu. Vì hào xu cần đến luôn, nên để riêng như thế cho dễ tìm. Và lại ngăn ấy năng bị mở, bà không muốn để bạc giấy, nhất là giấy to, vì bà vốn kín đáo.

Tìm tòi một chập, bà ngán người ra để nghỉ.

Phải, có, bà có mang tiền đi. Mà quên sao được thứ cần thiết nhất ấy, khi bà cần sắm mấy thứ hàng mới để mặc nực. Bà nhớ lắm, bà nhớ kỹ lắm. Và nếu không để mở két lấy tiền, thì lúc ấy, bà vào buồng giấy ông làm việc làm gì?

Bà nhớ rằng trong tập mười lăm tờ giấy trăm, bà chọn tờ mới nhất. Vì thấy bà làm lẻ loi tập giấy lớn, ông có bảo

bà nên mang giấy lẻ. Nhưng bà không nghe, vì ngại nặng. Hay vì tính lơ đãng, bà lại để nguyên tờ giấy trong két mà không cầm đi như bạn nào chẳng? Không phải. Bà nhớ đích rằng bà gấp nó làm tám, bỏ dưới cái mùi-soa. Thì lúc xe ngang qua Bờ Hồ, bà mở ví ra soi gương lại, còn trông thấy nó. Thế nghĩa là bà có mang tiền, chứ không quên ở nhà. Thôi thôi - nghĩ đến đó, bà lại ngẩn người ra - khi gần đến Tràng Tiền, bà có rút khăn ra để thấm mồ hôi và chấm thêm tí phấn, thì muốn chừng trong khi vô ý, bà lôi cả tám giấy bạc, và đánh rơi ra ngoài mất. Phải, chỉ có thế mới có thể mất được. Chứ từ lúc vào hiệu đến giờ, bà chưa hề mở ví. Lúc nào bà cũng cầm nó ở tay, thì không có lý nào mất bạc ở đây được.

Người bán hàng chờ bà trả tiền. Nhưng bà còn ruột gan nào nữa. Bà đành nói thực:

- Tôi bỏ vương đầu mất tờ giấy trăm. Thôi để lần khác vậy.

Thấy bà là khách quen, người chủ đáp:

- Bà cứ mang hàng về, lúc nào trả cũng được.

Nhưng như mất thần trí, bà lảm bảm một mình:

- Đích là thế.

Người chủ nhắc:

- Bà thử tìm lại trong ví xem. Bà mất tiền ở đâu, chứ không phải ở đây.

Bà lại vừa loay hoay tìm lần cuối cùng, vừa nói:

- Thế thì đánh rơi ở xe.

Sau khi lục soát ví một lượt nữa - và cố nhiên cũng vô ích - bà vẫn vợ, lững thững đi ra.

Tấm giấy bạc ấy, đích là nó theo khăn mùi-soa ra ngoài, chứ còn cách gì khác nữa. Nhưng nó ra ngoài, rồi nó rơi đi đâu! Rơi xuống đường? Thôi nếu thế thì đành mất. Rơi trong xe? Cũng chẳng có hy vọng gì còn. Mà từng kia cái xe, biết bà đã đi cái nào? Khốn nỗi phu xe lại chẳng chạy giật lùi cho khách nhận mặt. Sau lưng, người nào không giống người nào.

Bà đứng dừng lại để nghĩ. Phải, còn một hy vọng còn con nữa, là bà cố nhớ xem lúc rút mùi-soa ra là lúc xe đến đâu, thì tới đó mà tìm ở đường, may ra món tiền chưa lọt vào mắt một người tham lam nào chẳng. Hình như lúc ấy xe đã khỏi tòa Đốc lý. Phải đích rồi, trước cửa nhà Dây thép.

Bà rảo cẳng, mắt chăm chăm nhìn vào chỗ bà nghi đánh rơi tiền. Đến nơi, bà rẽ hẳn ra giữa đường, đi thong thả từng bước, cúi mặt, đưa mắt sang bên phải, rồi lại bên trái. Và khi tới quá tòa Đốc lý, bà lại quay trở lại, tìm một lượt nữa, kỹ càng hơn.

Đến khi thấy rằng mặt đường nhựa vẫn nhẵn như chùi và từ nãy đến giờ, kẻ qua người lại hàng trăm hàng nghìn, bà mới thở dài, chán nản.

Mồ hôi lấm tấm trên mặt và trên lưng áo. Nó chảy thành giọt trên gáy và trong nách bà. Bà đã bực mình lại bực mình thêm. Song, chẳng còn bụng dạ nào nghĩ đến trang điểm, bà đứng cạnh gốc cây có bóng râm, mắt vẫn chăm chăm nhìn vào chỗ mà bà nghi rằng mất tiền.

Một ngọn gió thổi hây hây. Bà măm đôi môi thắm lại để bản khoăn và tiếc tiền.

Một trăm đồng bạc, đối với bà, tuy chẳng vào đâu, nhưng không được tiêu nó mà mất, thì ai không tức. Thà

rằng thua một canh hàng nghìn, bà còn được cái thú mở bát. Thà rằng thưởng cho bọn thợ, bà còn được tiếng là nhân từ. Nay vì lơ đễnh bà mất ở giữa đường, không thể tra hỏi vào đâu cho bổ tức được. Một trăm bạc này, chẳng vào đâu thực. Hàng ngày, chồng bà có thể thu hơn ngàn ấy lãi. Bà có thể lấy giấu giếm ông cũng nổi vài trăm.

Bà có thể một buổi, vắn chậm đồng hồ ở xưởng lại năm phút, chỉ năm phút thôi, là đủ thu lại xấp xỉ món tiền bị thiệt. Nhưng gì thì gì, bống không, mất một trăm đồng bạc, mất biệt tâm, biệt tích, thì dù có là chủ ngân hàng, chủ sở mở mỗi năm lãi hàng vài mươi triệu cũng phải nghi ngại, cố tìm cho ra, nữa là bà, chỉ là vợ ông chủ xưởng dệt. Bà giận mình vô tâm.

Cho nên, đứng ở đường đi lối lại, bà cũng chẳng nhìn thấy ai. Bà thần người, cố nhớ lại một lần nữa từng ly từng tí, từ lúc mở két đến lúc biết tiền mất, xem còn có thể gặp một tia hy vọng nào khác chẳng.

Bống mất bà long lanh sáng. Bà đã có một ý hay.

Phải. Hay là tờ giấy bạc ấy còn vương trong xe.

Hay là thế chẳng?

Chỉ có thế, bà mới có thể lại tìm ra được.

Một tờ giấy gấp làm tám. Nó nhỏ, nó nặng. Vậy nó không thể bay được. Sàn xe lại trải thảm. Vậy nó không thể lọt xuống đường.

Hay tiền còn ở trên xe?

Biết đâu đấy?

Nhưng xe nào? Cái kia? Cái kia? Không thể nhận ra được. Mà nếu gặp người phu xe thực thà hoặc ngu ngốc thì bà có thể lấy lại số tiền. Chứ mà phải hạng gian giảo, thì

thôi đành. Mà hy vọng sự thực thà ở quân phu xe! Đó là một sự đại vô lý. Trăm thằng nhà nghèo, thằng nào không có tính ăn cắp? Tự nhiên, suy cách làm việc của chồng, bà càng tin lời xét đoán ấy là chí lý. Phải, ông chủ nợ, ông chủ kia, kiếm tiền dễ như bốn còn chẳng tí chút thực thà nữa là. Thấy đồng tiền đến thánh cũng híp mắt, nói chi người phạm tục như bọn mình, nói chi bọn nghèo khổ?

Bà thở dài. Bà mong anh phu kéo xe bà ban nãy là hạng người có những ước muốn na ná ông thượng Phạm, ông hường Hà, ông chủ báo Nguyễn. Nghĩa là biết xem báo, và hiếu danh. Biết xem báo, hẳn là anh ta đã thấy bạn đồng nghiệp của anh trong Trung Kỳ, vì thực thà mà được Triều đình ban thưởng ngân tiền. Hiếu danh, hẳn anh đến nộp tám giấy trăm ở sở Cẩm để xin tư phẩm hàm. Bà chỉ sợ anh phu xe ấy lại cao thượng hơn ông thượng Phạm, ông hường Hà, ông chủ báo Nguyễn. Bà chỉ sợ anh ta lại khôn hơn các ông này coi tiền để tiêu hơn tiền để đeo. Song, bà cho là ở đời này, nhất ở nước mình, giết sao cho chết tiết giống hiếu danh.

Thế là bà đi đến sở Cẩm, với một tấm lòng tin ở sự hiếu danh hơn là sự thực thà của người đời.

Phải, nếu không, bà có thể trình việc mất tiền này để nhờ nhà chức trách tìm hộ.

Chợt bà dừng lại, mắt như nẩy ra một tia sáng.

Bà có một điều rất hệ trọng giúp đỡ cho sở Cẩm và sở Mật thám, mà bà quên mãi: đó là số xe.

Từ nãy, bà đâm quẩn trí, nên không nghĩ đến. Bà đã nhớ cả tên hiệu lẫn số xe bà đi. Những chữ ấy, lần này tự nhiên bà đã để ý. Chứ mọi khi, ai hơi đâu nhớ những cái lặt

vật ấy. Lúc ấy, ở trên xe, qua Hàng Đào bà thấy đôi xăng đan kiểu mới của một bà gặp ở đường nên bà nhìn xuống chân bà, rồi ngắm mười móng nhuộm đỏ như son. Chợt ánh nắng làm lóa cái biển đồng số xe bầu dục đóng gần đó, cũng làm bà chói mắt. Thì bỗng bà trông đến số xe. Mọi lần, những con số, bà có nhớ bao giờ đâu. Nhưng số xe này lại trùng với số nhà bà, nên bà không học cũng không quên được.

Vậy thì xe ấy số 56, hiệu L.

Đó, manh mối vụ tìm bạc. Nó là đầu mối chỉ rồi. Tìm thấy nó, sự gỡ sợi rất dễ và rất nhanh.

*

* *

Anh L.56 đang rảo cẳng kéo xe không đi phố Hàng Gai. Cách kiếm ăn của anh chẳng khác gì cuộc đánh bạc. Nó do sự ăn may. Lúc này anh cũng chỉ dám mong ở sự tình cờ có khách gọi. Cho nên, trừ khi đã kiếm đủ tiền thuế, còn lúc nào anh cũng phải vội vàng. Chân tuy bước chân ở đây, nhưng tai và mắt anh để tận chỗ đâu đâu kia. Và tuyệt vọng ở hiện tại, anh hy vọng ở tương lai. Nghĩa là, biết đâu, đằng kia, phố kia, có người sắp ra đường cần xe chẳng. Cho nên, khi ta thấy anh L.56 còn kéo xe không đi một cách vội vã thế kia, ta có thể đoán rằng anh còn đôi khách lắm.

Từ sáng, anh mới làm có ba chuyến, được vền vền hào rười. Anh mong trời cứ nắng nữa lên, nắng to vào, để, tuy phải vất vả, nhưng dễ kiếm khách.

Hết phố Hàng Gai, anh rẽ sang phố Hàng Hòm, về Hàng Đàn, rồi ra Hàng Ngang. Thì thành linh có người gọi. Anh sững sốt dừng lại, quay cổ nhìn. Song, than ôi, người ta gọi không phải để thuê anh, mà là để khám anh.

Bốn thám tử ở bốn phía ập lại. Bà chủ xưởng dẹt đến gần anh, nói:

- Đứng xe này, các ông ạ.

Anh xe đương ngỡ ngác, chưa hiểu sao. Bỗng một thám tử hỏi:

- Hồi chín giờ sáng, anh kéo bà này lên Tràng Tiền phải không?

- Vâng.

- Sau anh kéo ai nữa?

- Thưa ông, một ông từ Gò-đa về Hàng Bông.

- Anh có nhớ nhà người ấy chứ?

- Vâng.

- Được. Bà này đi xe anh lúc sáng, trong khi mở ví ra lấy khăn mùi soa, có đánh rơi tấm giấy bạc một trăm, anh có bắt được không?

Anh ngần ngừ nhìn. Bà chủ tiếp:

- Có bắt được thì anh đưa lại tôi, tôi thưởng cho anh đồng bạc.

Thám tử nổi lời:

- Mà không trả, thì sẽ bị tù tội.

Anh xe sợ hãi, thật thà thưa:

- Tôi chẳng bắt được tiền nong nào cả. Bà thử tìm lại xem. Hay bà lơ đễnh bỏ quên ở đâu. Bà đừng ngờ oan tôi.

Thám tử cười:

- Trăm thằng, thằng nào cũng có một lối nói. Bà ấy có quyền lơ đễnh, nhưng hề mảy lấy thì phải tù.

Bà chủ dõ:

- Anh trả tôi, chẳng những được thưởng tiền, mà biết đâu, nhà nước không thưởng mề đay cho anh.

Thám tử lắc đầu:

- Với quân này, không thể ngọt ngào được.

- Mà có lấy không? Không thì, à-lê, đi!

- Lạy thầy, con không biết gì cả. Hay cái ông ở phố Hàng Bông bắt được chẳng, thì con không biết.

- Không nói lời thôi. Hễ tao khám mày không có tiền, thì mày chỉ cho tao nhà người ấy. Không có thì mày về sở.

Anh xe quả quyết đáp:

- Vâng, thầy cứ khám.

Bốn người quây vào anh để nắn. Những nơi rất bí mật anh vẫn giấu tiền, đến cai cũng không tìm ra, nhưng thám tử đều lục đến cả.

Bà chủ đứng chứng kiến cuộc khám xét. Bà hy vọng lắm. Bà hy vọng, vì tin ở sự nhanh nhẹn của các nhà chuyên trách, tin ở số bà không bao giờ gặp sự chẳng may, và nhất là tin ở tính ăn cắp của bọn nghèo.

Thám tử khám hết người, mới lục lợi đến xe.

Thì họ chẳng mất công lâu. Chiếc đệm vừa nhấc lên, tờ giấy trăm gấp tám đã rơi vào trong hòm xe, như để chạy trốn.

Anh xe rút lên một tiếng kinh ngạc. Và bà chủ cũng reo lên một tiếng vui mừng.

- Cái gì đây?

- Lạy các thầy, con không biết tiền nào. Giá con tham tâm, thì con lấy rồi. Chắc bà ấy đánh rơi, nó mắc vào đấy, chứ con không định bụng lấy.

- Mặc kệ! Đồ ăn cắp! A-lê!

Sau câu giản dị ấy, anh xe bị xích tay và giải đi.

CHIẾN TRANH

Cố lấy cánh tay trái chống lên, tôi gượng ngồi dậy để nhìn xung quanh. Chiến địa thực là mênh mông. Nhưng đau đớn quá, tôi lại ngã vật xuống. Bỗng tôi thấy mình nằm lên một thứ êm êm. Hẳn là cái xác chết của một người bạn. Tôi cố ngẩng nhìn. Thì ra anh Touta, máu mê còn bết cả ở áo ngực. Hẳn anh đã bị phát đạn trúng phổi, nên phải bỏ mạng.

Tôi muốn biết sau trận huyết chiến, quân tôi đã chiếm được Trương Châu chưa. Song, hỏi ai được? Quanh tôi, ngổn ngang những xác chết.

Từ lúc tôi bị ba phát đạn luôn một lúc, đánh rơi khẩu súng, ngã gục xuống đất, tôi đã biết vết thương ở bụng nặng nhất. Xương đùi bên trái của tôi gãy, và cánh tay bên phải chỉ còn dính lỏng lẻo vào vai bằng một lượt da. Tôi ê ẩm, đau đớn, nhắm mắt lại, chờ chết. Máu ra nhiều quá. Và tôi khát nước lạ. trong lúc thiêm thiếp, tôi chỉ còn nhớ bên tai văng vẳng, vẫn những tiếng súng nổ dữ dội, liên liên. Rồi không hiểu thế nào nữa. Bây giờ tôi mở mắt

ra, trời đã chiều tà, bốn bên hiu quạnh. Trong cánh đồng lúa sém, chỉ còn trơ những xác người.

Tôi lại cố gắng ngẩng đầu dậy để nhìn về phía Trương Châu một lần nữa. Cũng không có một dấu hiệu nào tỏ cho tôi biết rằng bên tôi thắng hay bại.

Tôi hy sinh cho Tổ quốc Nhật Bản của tôi. Lúc ra đầu quân, tôi đã bỏ ngoài tai những tiếng khóc bịn rịn, thảm thê của mẹ già, vợ trẻ. Trong lòng chỉ rắp mong được dịp thỏa chí làm trai, đem cánh tay sắt giúp ích cho đất nước, ngõ hầu dân tộc mình được làm bá chủ toàn lục địa Trung Hoa.

Trước đây, những cuộc thắng trận ở xa báo về, làm cho tôi phấn khởi. Nên lúc tôi xuống tàu, nghe tiếng kèn giục giã, lòng tôi hăng hái biết bao. Tôi đã dự nhiều trận thắng Quốc dân quân rất vẻ vang. Tôi đã giày xéo lên những thị trấn phòng thủ kiên cố của địch. Tôi đã từng trông thấy sự kém cỏi của quân đội Tưởng Giới Thạch. Và lẽ tự nhiên, tôi tin rằng dù chóng hay chầy, cả nước Tàu sẽ phải chia xé cho nước tôi cai trị.

Song, lần này, đánh nhau với Bát lộ quân của cộng sản, thì tôi bị thương. Tôi bị thương trước lúc biết kết quả của cuộc huyết chiến.

Tôi nằm ngửa mặt, nhìn lên trời thẳm đậm, bốn bên yên lặng như tờ. Bây giờ tôi phải chờ có lẽ đến tối mịt, mới có người cứu tôi về để chữa.

Bỗng đằng xa, một tiếng rên rỉ quen quen làm tôi chú ý. Tôi sức nghĩ ra, mới lên tiếng hỏi:

- Ai đó. Có phải anh Hito không?

Tiếng rên rỉ to hơn để trả lời. Tôi nhận rõ tiếng Hito.

Chắc anh bị thương nặng quá, nên không thể đáp ra lời được. Tôi theo phía tiếng rên, cố bò lại. Nhưng mệt quá, tôi chịu nằm bệt, cách bạn độ mười thước.

Lời đầu tiên của tôi, là hỏi ngay Hito:

- Thế nào, Hito, quân ta thắng chứ?

- Không rõ... Nhưng có lẽ thắng.

Mới nghe tiếng phỏng đoán, tự nhiên tôi tin, nên hăng hái, mừng rỡ lạ thường. Đến nỗi tôi quên cả vết thương trầm trọng. Tôi rú lên và suýt nữa ngồi nhồm được dậy.

Máu ở bụng bỗng lại trào ra. Tôi cắn răng, nhin đau đớn, hỏi:

- Anh bị thương ở đâu?

- Ở lá lách. Đau lắm. Quân ta bị thương nhiều lắm. Tôi chết mất. Còn anh?

- Một vết ở chân, một vết ở tay, một vết ở bụng. Rất ít có hy vọng thoát chết.

Hito vẫn rên:

- Thế thì có khổ, anh cũng mang tật suốt đời. Anh có nước uống đó không?

- Không. Anh có cần dặn gì về nhà không?

- Để chốc tôi nhờ đại úy, khi ngài ra cứu chúng ta. Vì tôi sợ anh cũng cùng số phận như tôi, nên dặn anh vô ích.

- Anh biết chắc đại úy sẽ ra đây?

- Chắc, vì quân ta bị thương nhiều, nên không bao giờ đại úy quên được lính của ngài. Ngài vốn giàu lòng nhân đạo. Ngài lại là một vị anh hùng. Cho nên không lẽ ngài để mặc kẻ bạn ta mà không mang về cứu chữa. Nhưng mà, anh ạ...

Đến đó, Hito ngắc lại. Anh bắt đầu lại rên rỉ. Anh đã nói nhiều quá, nên mệt và đau. Tôi thương hại anh. Song, biết làm thế nào? Hai chúng tôi đều bị nạn chiến tranh, vết thương không ai nhẹ hơn ai.

- Anh Hito, anh đau lắm à?

- Phải, có lẽ tôi chết mất. Mà không chết cũng khổ vì tật.

- Anh chớ nên thất vọng. Anh phải tin ở tài của các bác sĩ của chúng ta.

Im lặng một lát, tôi hỏi:

- Cạnh anh, ai nằm thế?

- Tôi không rõ. Vì không thể trở mình được. Nhưng biết rằng cách đây chừng năm mươi bước, ban này, tôi nghe như tiếng anh Toyama kêu trời.

- Bên ta, bị ngã độ bao nhiêu người, anh có biết không?

- Chừng hơn trăm. Thế mà ta chỉ giết được rất ít quân địch.

*

* *

Bỗng sinh sịch có tiếng ô tô từ đằng xa lại. Tôi đã trông rõ đại úy đi với bác sĩ. Hai ngài đã xuống đi bộ rồi kìa... Có cả mấy anh đi hầu khênh cáng vãi nữa kìa... Các ngài đang khám bọn bị thương ở hàng đầu đấy. Chúng ta yên tâm mà đợi.

Chúng tôi không nói chuyện nữa, lắng tai nghe. Song, tôi nóng ruột, nên thỉnh thoảng ngóc đầu dậy để nhìn. Đến hai mươi phút, mà đại úy và bác sĩ chưa tới.

Vậy mà hai ngài đến từng người bị nạn, khám xét rất nhanh nhẹn. Thỉnh thoảng, tôi thấy một người được khênh lên nằm vào cáng, hai người lính tải về xe.

Tôi để mắt theo ngài đại úy từng bước.

Khi ngài tới chỗ Toyama, thì tôi nghe rõ tiếng ngài môn một. Đại úy hỏi:

- Tên là gì?
- Toyama.
- Bị thương ở đâu?
- Trái tim.

Rồi ngài nhìn bác sĩ:

- Mà nó cũng chỉ còn ngắc ngoải. Thôi được!

Dứt lời, một phát súng lục nổ, rồi hai ngài nhanh nhẩu đi đến chỗ khác. Hẳn là trong khi Toyama hấp hối, không gì làm ơn cho anh bằng để anh được giải thoát cuộc đời sớm một chút, tránh cái đau đớn nó dần vật anh.

Xem xét vài cái xác chết nữa, độ năm phút sau, hai ngài đến chỗ Hito. Đại úy hỏi:

- Tên gì?
- Hito.
- Bị thương ở đâu?
- Lá lách.

Ngài vất tay sau lưng, hỏi bác sĩ:

- Ngài xem liệu chữa có dễ không?

Bác sĩ quỳ xuống, cởi áo Hito ra khám. Trong khi ấy, tôi vẫn trở mắt lên để nhìn. Tôi mừng cho bạn bao nhiêu, lại hy vọng cho tôi bấy nhiêu.

Một lát, bác sĩ quả quyết:

- Có thể khỏi, nhưng phải tốn công, và hẳn sẽ mang tật suốt đời.

Đại úy cau mặt:

- Và chắc hẳn sẽ vô ích, vì không thể lại ra trận được.

Bác sĩ gật đầu:

- Cái đó cố nhiên.

Lời ấy vừa nói dứt, tôi thấy đại úy không trừ trừ, nét mặt vẫn bình thản, ngài rút súng lục ở túi ra, gí vào thái dương Hito. Và sau một tiếng nổ giòn, hai ngài rời đến chỗ khác.

Tôi băng khuâng cả người. Tôi nghĩ đến sự tận tâm của tôi, rồi suy ra sự tận tâm của đại úy. Đại úy hành động theo bốn phận của ngài đối với Tổ quốc. Bốn phận của ngài bắt ngài phải loại trừ những người như chúng tôi, cũng hành động theo bốn phận đối với Tổ quốc, nhưng chẳng may bị trọng thương. Thì ra trong khi nước chỉ cần những người lành lặn để ra trận, những người dù có sống cũng vô ích là không đáng sống nữa! Cho Hito phát đạn ban nãy, đại úy hà tiện được tiền thuốc men của quỹ chiến tranh, và tránh được bao nhiêu công săn sóc của bác sĩ và khán hộ.

Tự nhiên, lúc ấy, tôi kinh tởm, chán ghét tôi hết sức. Tôi thấy rõ rệt sự ích kỷ của một hạng người. Còn tôi thì khờ dại, bồng không, tôi hy sinh tuốt cả để xâm chiếm đất đai của một dân tộc mà tôi không hận thù, cho hạng người ấy được hưởng.

Bây giờ, tôi bị thương, bị trọng thương. Chắc rằng đại

úy cũng xử với tôi như với Hito. Vết thương của tôi khó lành. Tôi cụt tay phải, không mang được súng. Nếu tôi khỏi, tôi sẽ là thương binh. Nhà nước phải nuôi tôi mãi mãi. Chắc đại úy nghĩ thế, cho nên ngài cũng không cho tôi được què quặt để về với gia đình. Tôi muốn hết sức giãy giụa cho được chết ngay, còn hơn bị sự tàn nhẫn của đại úy vì bốn phen mà bắt tôi phải chết.

Nhưng nhanh trí. Tôi nằm im, nhắm nghiền mắt lại, tôi giả cách chết.

Tôi lắng tai nghe.

Những tiếng giày chẳng mấy chốc đã đến gần tôi. Tôi thấy đại úy nói:

- Quái, ban này hình như ở đây có người bị thương.

Rồi chắc rằng họ tìm. Trống ngực tôi nổi mạnh.

Tôi lo sợ hơn những lúc nghe tiếng đạn bay vù bên tai.

Bỗng có mũi giày đụng vào lưng tôi, lật tôi lên mấy lượt.

Tôi cứ mặc kệ, vờ như xác chết.

- Nó chết thật rồi.

Có người nói thế, rồi cả bọn đi chỗ khác.

Tôi chờ cho họ ra thật xa, mới dám thở mạnh, mở mắt trông theo. Và đến tận tối mịt, tôi mới cố bò về Trương Châu.

Tôi cứ liều. Có thể tôi đến được nơi quân Nhật đóng. Nhưng cũng rất có thể tôi lọt vào trại của Bát lộ quân. Nhưng tôi tin rằng dù đến đâu, tôi cũng gặp được một người có lòng nhân đạo.

Bởi thế, tôi còn sống sót đến ngày nay, kể lại câu chuyện lý thú về chiến tranh này.

THỤT KẾT

Tiếng chuông thứ mười hai vừa dứt, ông chủ giờ cổ tay, nhìn vào chiếc đồng hồ vàng nhỏ xíu. Ông vội vàng xếp các giấy má, khóa ngăn kéo, đứng dậy. Nhưng bỗng nghe tiếng gõ cửa, ông ngẩng đầu, nói:

- Ai đấy? Cứ vào.

Rồi thấy không phải khách lạ, ông mỉm cười vừa xâu tay vào áo, vừa hỏi:

- À ông Dụ, chưa về à? Có việc gì đấy.

Dụ xun xoe đến gần bàn giấy, ấp úng nói:

- Thưa cụ, chúng tôi muốn trình cụ một việc.

Vốn đối với người thư ký kế toán này bao giờ cũng hòa nhã, nên ông vui vẻ hỏi:

- Việc lành hay dữ?

Và ông giờ tay mời, ông tiếp:

- Ông ngồi đây.

Dụ khẽ đặt mình trong chiếc ghế bành mây trước bàn, rồi hai tay xoa vào nhau, lễ phép hỏi:

- Thưa cụ, chúng tôi muốn xin cụ một điều từ lâu, nhưng sợ cụ quá, không dám nói.

Cười một cách thân mật, ông chủ đáp:

- Được, bây giờ ông nói đi. Tôi với ông thì tôi tiếc ông điều gì. Sao hôm nay ông phải dẫn do thế. Ông cứ nói thẳng điều ông muốn. Trưa rồi, ta cần nghỉ chứ?

- Bẩm cụ, chúng tôi xin cụ cho phép chúng tôi... thôi việc.

Ông chủ tròn xoe hai mắt nhìn Dụ, sững sốt:

- Ông thôi việc? Tại sao ông không làm với tôi?

Dụ cảm động, nhìn đôi mắt đăm đăm của con người đáng sợ ấy. Đôi mắt của tay kiện tướng trên trường thực nghiệp này, đã bao phen quắc lên, khi cái cầm quả quyết lấy hết gân để hò hét người làm công, khiến ai cũng phải tái mét mặt. Đôi mắt ấy bao phen nhú lại gần nhau, đưa con người xuống để trầm ngâm, nghĩ kế làm phá sản người cùng nghề, khi cuộc cạnh tranh cần phải kịch liệt. Thế mà lần này nó lăm đăm, nó dịu dàng nhìn Dụ.

Dụ làm ở đây đã ba năm. Ông chủ là người có nhiều mảnh khỏe. Song, ông biết người biết của. Ông rất trọng đãi Dụ. Từ ngày nhận việc, Dụ chưa hề bị ông phàn nàn nửa lời. Trái lại, biết Dụ chân thật, cẩn thận, siêng năng, ông lại giao cho Dụ việc quan trọng nhất sở, là giữ sổ sách về tiền nong và kết bạc.

Nhiều bận quá tin Dụ, ông đã đưa cho Dụ hàng vạn mà không cần biên lai. Lại có khi hàng tháng, ông đi vắng, thì chính Dụ phải tự trông nom việc chi thu thay ông. Những khi ấy, Dụ càng hết sức, chẳng dám lơ hào đồng xu nhỏ, và

khi ông về, bao giờ Dụ cũng mời ông tính toán lại. Song ít khi ông xem xét tách bạch.

Dụ được ông trả lương hậu nhất sở: trăm rưỡi một tháng.

Song, Dụ không lấy thế làm sung sướng. Trái lại, Dụ rất lo cho công việc của mình.

Ông chủ Dụ vốn là nhà đại doanh nghiệp. Mà đại doanh nghiệp thì là cái máy làm tiền nhiều hơn là một người. Đã là cái máy làm tiền, thì một khi thấy tiền nông suy suyển một ít, tất nó đề nghị lầy Dụ. Sự suy suyển về tiền nông có thể xảy ra bất ngờ, ai giữ hết được? Cho nên Dụ chỉ muốn bỏ việc nguy hiểm này mà kiếm việc khác ở chỗ khác.

Vì thấy Dụ có đức tính đáng quý, nên một ông chủ tàu cố nài cho kỳ được Dụ về làm với ông ta, lương tháng là hai trăm đồng.

Bởi vậy Dụ quyết định thôi việc giữ kết hiện giờ. Song, thấy chủ có ý muốn lưu giữ mình lại, Dụ run run đáp:

- Bẩm cụ, chúng tôi làm với cụ ba năm nay, không có điều tiếng gì. Tôi hết lòng giúp cụ, mà cụ thì thực yêu thương tôi...

- Vậy sao, tự nhiên đột ngột ông bỏ tôi?

Dụ luống cuống, nói dối:

- Thưa tại tôi sức yếu quá.

Ông chủ lắc đầu cười:

- Không phải, tôi biết.

Dụ tái mét:

- Bẩm cụ, thật ạ.

Ông chủ nhìn Dụ một lát, rồi thở dài, hỏi:

- Nay ông Dụ, hay có điều gì tôi làm ông giận chăng?
Nếu vậy, tôi xin lỗi ông trước.

Nói đoạn ông giơ tay bắt tay Dụ. Dụ dào dạt:

- Bầm không ạ. Làm với cụ, chúng tôi không có điều gì đáng phàn nàn. Hiềm vì ít lâu nay, tôi yếu sức quá.

- Tôi rất tin ông về tiền nong, nhưng tôi không tin được cái lẽ ông nói rằng ông yếu. Hay ông tìm được chỗ nào hơn lương, nên ông bỏ tôi? Ông cứ nói thực. Nếu có phải thế, thì người ta trả ông bao nhiêu, tôi cũng trả ông bấy nhiêu. Nhất định tôi không để người ta cướp nổi cánh tay phải của tôi đâu.

Thấy chủ quý mến, Dụ lặng nhìn nét mặt nhăn nhó dưới làn tóc bạc phơ của chủ. Song đã trót nói dối, Dụ cứ phải đáp:

- Thưa cụ, nếu thế thì cụ không hiểu bụng cho tôi. Tôi làm ở đây, cụ trả trăm rưởi một tháng, thực là quá hậu. Vả đối với một ông chủ kẻ cả, có độ lượng như cụ, thì dù cụ chỉ cho một trăm, tôi cũng lấy làm hả rồi. Tôi đã đi làm với nhiều chủ, nên tôi biết rằng ít có người trên xứng đáng như cụ. Tôi vẫn thường nói dù ai gọi tôi hai trăm một tháng, tôi cũng không đi.

Ông chủ thở dài.

- Vậy thế sao bây giờ ông bỏ tôi? Tôi không bằng lòng đâu.

- Thưa cụ thật tại tôi yếu quá.

Ông chủ cau mặt:

- Sao ông nói dối tôi mãi bằng cái câu tôi đã không tin

ấy. Ông bỏ tôi vì lẽ gì, ông cho tôi biết sự thực. Nếu có phải vì lương ông ít, tôi sẽ làm cho ông được vừa lòng.

- Bẩm không phải thế. Tôi yếu sức quá.

Nghĩ ngợi một lát, ông chủ nói:

- Nếu quả vì ông nhất định nghỉ ít lâu, thì tôi không dám giữ ông. Nhưng tôi muốn biết dài ông, là dù ông nghỉ mấy tháng cũng được, tôi cứ xin tặng ông món tiền năm mươi đồng một tháng, miễn là khi ông khỏe khoắn, ông lại ra làm với tôi.

Dụ cảm động, đáp:

- Cụ đối với tôi như thế, tôi không biết làm thế nào để đáp lại được. Nhưng xin cụ tha thứ cho, tôi không dám quá phiền cụ như thế.

- Thế khi ông khỏe, có thể đi làm thì lúc nào tôi cũng sẵn lòng đón ông. Ông cứ trở lại với tôi, đừng đi đâu cả.

- Thưa cụ, cụ cứ tiện việc cho cụ, còn chúng tôi, xin cụ chớ bận tâm.

Ông chủ cau mặt có vẻ giận:

- Tôi xem ý, thì ra ông không muốn làm với tôi, có lẽ tại ai đã trả ông hơn tôi. Vậy tôi xin nhắc lại, ông cứ nói thực, tôi sẽ đãi ông như người ta, chứ không khi nào tôi để người ta cướp nổi ông với tôi đâu.

- Bẩm không phải thế. Chỉ tại sức tôi yếu.

Không biết ông chủ tin hay không tin, ông không nài nỉ nữa, quả quyết đáp.

- Được, ông muốn thôi việc cũng được. Nhưng tôi cần ông ở lại ba ngày nữa, để tôi tìm người thay ông.

Dụ mừng rỡ:

- Dạ.

Rồi dãi bôi, Dụ tiếp:

- Không được làm với cụ, chúng tôi tiếc lắm. Nhưng thật là bất đắc dĩ.

- Thôi được, không hề gì. Thế ông về nhé, trưa rồi.

Nói đoạn ông chủ bắt tay Dụ, và nghi ngờ nhìn theo Dụ đến tận cổng sở.

Hai rưỡi chiều.

Dụ vừa đến bàn giấy, người tùy phái đã chạy vào gọi:

- Ông ra cụ chủ bảo gì. Cụ chờ ông ngoài kia.

- Ở đâu?

- Cụ có việc vội, phải đi Hải Phòng ngay, cụ đã ngồi trên xe rồi, mới bảo tôi gọi ông.

Dụ vội bước ra hè phố. Ông chủ vẫy Dụ lại gần:

- Tôi phải đi ngay Hải Phòng để mua tranh món sất, nhân tiện tìm người thay ông, chừng bảy giờ tối tôi về. Hết giờ ấy ông chủ máy gạo có đến, thì ông mời ngồi lại để chờ tôi nhé.

- Vâng.

Đoạn ông móc túi lấy tờ giấy đưa cho Dụ và tiếp:

- Tôi đưa tờ biên nhận này, ông lấy cho tôi bốn nghìn, mau lên, tôi chờ.

Dụ cầm tờ giấy, chạy vào buồng, mở tủ bạc, đếm đủ tiền, rồi đưa cho chủ.

Ông chủ chẳng đếm lại, cuộn cả tập giấy bạc nhét vào túi trong, rồi mỉm cười, bắt tay Dụ. Đoạn chiếc xe hơi bốp còi và lái ra giữa đường.

Dụ hớn hỏ đi vào. Nhưng vừa được vài bước, thì bỗng thấy xe dừng lại, và ông chủ gọi với:

- Này ông Dụ.

Dụ quay lại, rào cẳng đến. Ông chủ hỏi:

- Trong két còn bao nhiêu?

- Bẩm còn bảy trăm rưỡi:

Mừng rỡ, ông chủ nói:

- Thế thì may quá. Ông chạy vào lấy ngay cho tôi mượn nốt. Ông làm giấy biên nhận, rồi tối về, tôi sẽ ký nhé.

Dụ thấy ông chủ vội, bèn vội vàng theo lệnh.

Tiền trao xong, chiếc xe từ từ đi, rồi bon bon như ngón thì giờ.

*

* *

- Alô. Alô. Ông Dụ đấy phải không?

- Alô. Vâng, ai đấy?

- Tôi, tôi ở Hải Dương đây.

- À, thưa cụ, cụ gọi có việc gì thế ạ?

- Này, ông Dụ, cái việc ông nói với tôi sáng ngày ấy mà, cái việc ông xin thôi việc với tôi ấy mà, ông đừng nghĩ đến nữa nhé.

Dụ kinh ngạc, tròn xoe hai mắt, hỏi:

- Bẩm làm sao ạ?

- Tại tôi không muốn để ông đi, mà ông cũng không đi được, vì tôi biết ông rồi. Không ai tin ông nữa đâu. Bởi vì ông là người thật kết, ông có biết không?

- Tôi? Thật kết? Thưa cụ?

- Phải, ông, ông thật kết của tôi. Đó là tại ông khờ. Tôi muốn lưu ông mà ông không ở, nên bắt đắc dĩ phải bày ra mưu này. Ông đã đưa cho tôi bảy trăm bạc mà không một

chữ ký biên nhận của tôi. Vậy là ông đã thụt kết. Tôi có thể ngay bây giờ, trình Cẩm đến sở để khám tử bạc và làm biên bản ông sẽ mang tiếng suốt đời. Và rồi không có ai dám mượn ông nữa. Nhưng tôi không nỡ làm thế. Tôi chỉ yêu cầu ông ở lại làm với tôi. Có thể thôi. Vậy thế nào, ông trả lời ngay.

Giọng run rẩy, Dụ nói:

- Thưa cụ, thưa cụ...

- Tôi biết rằng đã bắt ông trả lời ngay tức khắc một bài tính đồ khó quá. Song làm thế nào được? Một là ông làm giấy cam đoan giúp tôi hạn là mười năm, hai là ông sẽ đến chỗ pháp luật. Chắc ông giận tôi lắm. Nhưng đó là tại tôi quý mến, quyến luyến ông. Ông trả lời đi. Tôi không đi Hải Phòng đâu. Mau lên, hết giờ rồi. Ông trả lời đi cho tôi quyết định.

Ở một đầu dây nói, Dụ thở dài, lắc đầu đáp:

- Vâng, tôi xin vâng lời cụ.

- Ô, thế thì quý hóa quá, tôi cảm ơn ông nhé.

1939

THIẾU HOA

Hôm trước, nghe tin Quảng Châu thất thủ, hôm sau, tiếp luôn điện tín báo chồng tử trận, thì có họa đá cũng nát gan, lợ người!

Thiếu Hoa vận đồ tang, ruột như đứt từng khúc. Chị vật mình, vật mảy, lẫn lộn gào lên mà khóc.

Ly biệt chồng ngày đầu thu, chị có ngờ đâu rằng “trắng sĩ một đi không bao giờ về”. Song, thà người mất mà đất còn, hoặc người còn mà đất mất, chị còn chút an ủi hoặc vui sướng. Chị nhớ ngày chồng đi...

Hôm ấy trời quang đãng. ánh nắng buổi thu sơ gay gắt.

Đoàn quân mộ hùng dũng đi từ Mon-cay về Tong-Hinh, xông pha giữa làn khói pháo trắng nổ từng tràng dài, quán quanh ngọn sào, kêu hàng giờ không ngớt.

Rồi buổi trưa, các giới phố Tong-Hinh tổ chức cuộc biểu tình chống Nhật để hoan tống trắng sĩ. Hàng vạn con người, trật tự, diễu quanh các đường chật hẹp. Thỉnh thoảng, đến một ngã tư, học sinh ngừng hát, có tiếng người sang

sáng diễn thuyết, thì dân chúng đồng thanh hô khẩu hiệu dưới rừng nắm tay.

Hôm ấy, Thiệu Hoa như điên, như cuồng...

Mất chị muốn tuôn ra từng hồ lệ. Song thấy sự hùng tráng của đoàn người, chị phải gượng cười, lẳng lặng đi cạnh chồng, không dám tỏ sự bịn rịn để gần quai lòng hăng hái của tráng sỹ.

Chồng chị hôm ấy vui vẻ lạ. Thỉnh thoảng anh mỉm cười, giơ tay nhận chiếc khăn mặt, chiếc cốc sắt, cùng các thứ lặt vặt, là đồ tặng của các nhà tiểu thương.

Rồi sáng hôm sau, anh lên đường.

Ai hay vĩnh quyết là ngày đưa nhau.

*

* *

Đến bây giờ, Thiệu Hoa bỗng hóa ra người vị vong với tám thân hai mươi ba tuổi.

Họ hàng khuyên chị tạm lánh sang Bắc Kỳ, để tránh nỗi sợ mỗi khi nghe trên trời thấy vù vù tiếng máy, không biết của bên địch hay của Pháp, hay chính lại của nước nhà. Từ khi được lệnh nhà nào cũng phải có sẵn ở cửa một chum nước, một thúng cát để phòng nạn bom lửa, và trữ hai thùng dầu xăng để tiêu hủy cửa nhà khi phải chạy giặc, thì Thiệu Hoa thấy số kiếp như treo dưới sợi tóc.

Nhưng không, Thiệu Hoa chẳng đi đâu cả. Chị rất khinh những người đồng bang đem cơ nghiệp đi trốn nợ nước, sang Hải Phòng, ăn chơi hoang hủ, lại cư xử để mang tiếng cả dân tộc Trung Hoa. Thiệu Hoa chẳng đi đâu cả. Chị phải ở lại với đất nước, để tuyên truyền tẩy

chạy hàng Nhật, để quyền tiền giúp quĩ chiến tranh, để thảo truyền đơn khuyến khích quân dân hợp tác và để sung sướng mỗi khi nhìn lên tường phố, thấy bức vẽ một tên Hán gian bị hành hình.

Và Thiếu Hoa... Một tấm thân nồn nà với bao chí khí trong lòng, đã có một lần tự tử hụt, khi nghe tin bị thải không được đầu quân để chia súng sang bên địch mà trả thù chồng, nợ nước.

*

* *

Song, có một hôm, cả mấy phố ở Tong Hinh, không mấy nhà không bàn tán đến việc Thiếu Hoa bỏ nhà đi mất.

Chị sang Bắc Kỳ để lánh nạn? Không phải. Sao cha mẹ anh em lại đi tìm.

Chị về Quế Lâm để đầu quân lần nữa? Không phải, sức chị yếu quá, thì chẳng đâu dám nhận đơn của chị?

Thế thì chị đi làm Hán gian?

Làm Hán gian! Ai có thể tin được một người như Thiếu Hoa lại đi làm Hán gian? Chẳng bao giờ có một gia đình đã sinh ra lắm người con trai biết hy sinh vì cuộc độc lập của đất nước, lại có thể có người con gái bán nước.

Vả lại Thiếu Hoa là một trang học thức, có tâm huyết. Những hành vi của chị từ khi chồng phơi thây chốn sa trường không đủ đảm bảo cho tác lòng ngay thẳng của chị hay sao? Làm Hán gian, chị mong có danh lợi gì.

Nhưng người ta đổ tiếng nhục cho chị không phải là không có cớ. Vì người ta bắt gặp chị ở Quảng Châu.

Người sương phụ ấy bỗng đột ngột bỏ gia đình, bỏ hoạt động ở nơi chôn rau cắt rốn, đến trú ngụ tại một thị sảnh đã bị giặc chiếm để làm gì?

Nỗi lòng của chị, ai có thể tỏ được?

Chính cái hôm Thiệu Hoa tự tử hụt, là hôm chị giác ngộ.

Chị muốn bắt trước người xưa, thủ tiết với bạn trăm năm. Song chị không muốn huỷ hoại tấm thân một cách vô ích. Đành rằng chết, song sao cái chết được oanh liệt, được lợi cho nước, chị mới thỏa lòng.

*

* *

Thiệu Hoa ở Quảng Châu, thuê một căn nhà cực lộng lẫy để tiếp toàn bạn Nhật. Chị nhón nhơ, ăn chơi tiêu xài như những người sa ngã. Đến nỗi chính bọn tướng tá địch, dù được hưởng sắc đẹp của chị, chúng cũng phải ngậm khinh cả nước Trung Hoa.

Chẳng bao lâu, chị được thiếu tướng Mon-to cho gọi vào.

Được người sang cho “hầu hạ một đêm”, Thiệu Hoa vui sướng, ca hát âm ỉ.

Chị sẽ đạt được mục đích. Đêm nay chị sẽ được theo chồng. Nhưng trước khi nhắm mắt, chị chắc chắn được thấy một tên võ quan cao cấp của Nhật Bản chết trên tay chị.

Bởi vậy, vừa chập tối, chị đã thay quần áo, đánh phấn, tô son, giấu trong lưng một khẩu súng nhỏ và ngồi chờ.

Một tên lính lùn đến nhà chị dẫn chị vào trại.

Đi đường, gặp người quen, chị nhoẻn miệng, gật đầu chào một cách lảng lơ. Chị đi hăm hở như một chiến sỹ khi nghe tiếng kèn trận.

Nhưng tới cổng dinh thiếu tướng, Thiếu Hoa hoàn toàn thất vọng. Bao nhiêu mưu sâu của chị định từ trước, bỗng bị tan như khói. Chị bị người lính canh khám. Những thứ chỉ có thể làm sây sát da người ta được thôi, cũng bị giữ lại. Cho nên đến cái gương bằng thủy tinh, cái lược bằng bạc, chị còn không được mang ở cạnh mình, nói chị sủng lục.

Thiếu Hoa thất vọng, nhưng vờ ngọt ngào:

- Tôi là người Trung Hoa thân Nhật, tôi cần có khí giới để giữ mình. Nếu không có, tôi sẽ bị người nước tôi giết chết.

Người lính lắc đầu:

- Không một người Trung Hoa nào qua cửa này được có trong mình một vật rắn. Vả lại, đã vào đến chỗ này, cô được chúng tôi bảo vệ, chứ không cần cô phải tự giữ mình.

Thiếu Hoa thở dài, đành chịu lỗ một dịp may hiếm có.

*

* *

- Được một con cháu Thiên Hoàng tự quên mình một phút để sánh vai với cô, cô nên coi đó là một vinh dự vô song trong đời một thiếu nữ Trung Hoa.

Thiếu Hoa nhớ mãi câu đầu tiên đầy kiêu ngạo ấy của tên tướng giặc nó nói. Mà cũng chỉ có một câu ấy thôi.

Nửa giờ đồng hồ chị ở trong buồng nó, chị không nghe nó nói câu thứ hai nào nữa.

Chị đau đớn đến rơi nước mắt. Vậy mà chị phải nuốt nhục để hiển sự khoái lạc cho kẻ thù.

Đến đêm, về đến nhà, chị được tự do để kêu gào lên tiếng, để nguyên rửa quân phát xít khốn nạn.

Đúng một tuần lễ sau, Thiệu Hoa lại được lệnh tên Mom To gọi.

Lần này trang điểm xong, chị bảo người lính Nhật:

- Anh phải bảo đảm thân thể tôi từ nhà này trở ra, vì hôm nay tôi không mang gì để tự vệ.

Người lính gật đầu:

- Được. Lọ là cô phải dặn. Người Nhật đi đến đâu, là sự yên ổn đi đến đấy. Và lại dù số mệnh cô chỉ ngắn ngủi đến giờ này thôi, thì người Nhật cũng phải thắng tạo hóa, để kéo dài đời cô cho đến sau lúc thiếu tướng cần đến cô.

Thấy mỗi câu đáp là một lời chửi rửa thâm độc, Thiệu Hoa không nói thêm gì. Chị lẳng lặng đi theo người lính.

Đến cổng dinh, Thiệu Hoa cũng bị khám xét, nhưng không bị giữ lại vật gì. Người lính canh gật đầu, bẹo má chị và khen:

- Con bé này lịch duyệt và khôn ngoan hơn cả Tưởng Giới Thạch.

Thiệu Hoa cắn răng vào môi rồi đi.

Cũng như lần trước, người lính đến thêm nhà thiếu tướng, thì gõ cửa, rồi đứng dừng lại.

Cửa mở ra. Người hầu cận thiếu tướng đưa chị đến cửa

buồng giấy, cũng gõ cửa và đứng lại. Nghe tiếng nói ở trong, người ấy mở cửa, và trở tay bảo Thiếu Hoa vào.

Lúc bấy giờ Mom To đương ngồi cạnh bàn, mặt cắm cúi vào bản địa đồ.

Thiếu Hoa cúi chào, nhưng thiếu tướng không đáp.

Chị hồi hộp đứng chờ, và nhìn thiếu tướng nghiêm chỉnh như một pho tượng vị thần linh!

Độ năm phút sau, thiếu tướng ngẩng mặt lên nhìn, và sệt ghế, đứng dậy, vẫy tay rồi lưng thưng đi vào buồng bên cạnh.

Thiếu Hoa làm ra vẻ lễ phép, khép nép theo sau.

Đến buồng ngủ, thiếu tướng khẽ hất hàm và đứng chờ.

Hiểu ý, Thiếu Hoa cởi xiêm áo, để ví ở đầu giường và giơ hai tay lả lơi đón lấy thiếu tướng.

Lần này hơn lần trước, con cháu Thiên Hoàng không thềm nói một nửa câu. Vị thần linh biến thành con quỷ dâm dục.

Cho nên Thiếu Hoa chờ thiếu tướng miệt mài trong truy hoan, mồ hôi nhễ nhại, nàng với tay lấy ví, mở ra cầm chiếc khăn lụa, lau trán, lau má cho thiếu tướng.

Bất đồ, chiếc khăn đến mũi thì tên giặc bị mê đặc, lả gục xuống. Nhanh như cắt, Thiếu Hoa lột chiếc bí tất ở chân ra, lấy mảnh dao cạo dẹt sắc như nước, cứa vào họng kẻ thù một nhát thật mạnh... Song, chị vừa kêu to được tiếng "Trung Hoa" thì cũng ngay phút ấy, không biết ở đâu, phát ra một tiếng nổ và một tia lửa lòe. Thiếu Hoa ôm ngực, giãy giụa trên giường, rồi tắt thở.

NGƯỜI VỢ LỄ BẠN TÔI

Cái lần tôi đến thăm anh Quý ở Bắc Ninh, vào hồi sáu tháng trước đây, là lần tôi thấy anh ấy đối với tôi nhạt nhẽo và ngượng nghịu nhất.

Tôi không ngờ và cũng không để ý đến thái độ ấy. Vì hai chúng tôi thân với nhau từ thuở ể chỏm. Có thể nói theo lối thiếu vệ sinh nhưng đây thì vị, là “con chấy cắn đôi”.

Vì chúng tôi đã lâu mới gặp nhau, nên bao nhiêu chuyện ể trong bụng bấy nay, tôi lôi hết ra ể nói. Và cố nhiên, khi đã hết chuyện, tôi thấy đói. Tôi ngồi yên, ngáp vặt, đợi cơm trong buồng khách tranh tối tranh sáng. Bỗng anh Quý ngập ngừng, rồi cười và bảo:

- Này, anh ạ, cái “trống cà dưng” hồi ấy, tôi mới cho về ở đây.

Nói xong, anh lại cười, cười chũa thẹn. Mà tôi thì sực nhớ ra.

Nguyên từ ngày Quý đổi về Bắc Ninh, anh không đem

vợ đi theo nữa. Anh thường phàn nàn ở bên quê lắm việc, mà cha mẹ thì già, nên vợ anh phải ở lại để trông nom cửa nhà và đồng áng.

Bởi vậy, nghề thế, được thả lỏng, anh đâm ra chơi bời. Và không hiểu tí táy thế nào, mà cô đầu Huệ có mang với anh.

Hồi ấy, anh có cho tôi biết. Và trong thư, anh gọi Huệ là "Trống cà rùng".

Cho nên vừa nghe ba tiếng "Trống cà rùng", tôi vội nói:

- Thế à? Đã đẻ rồi kia à?

Quý thấy tôi không tỏ ý gì, cười rõ to, vui vẻ đáp:

- Ô, đã hơn hai tháng nay.

- Con trai hay con gái?

- Con trai. Tôi mới cho mẹ con nó về đây hôm qua.

Rồi búi ngùi, anh tiếp:

- Bởi ở dưới ấy, nhà ở thiếu vệ sinh, mình trông thấy đứa bé mà không yên tâm chút nào. Gia dĩ, con mẹ chủ nó cứ dọa đuổi.

- Phải, làm cô đầu lại có con, thì ai người ta nuôi báo cô.

- Không phải thế. Từ ngày nó có mang, tôi vẫn phải cấp tiền. Nhưng mình thì tốn kém mà nó phải chịu rúc trong cái chái nhà ẩm thấp, tối tăm, cửa giả chả có. Nhất là từ ngày nó đẻ, tôi càng không đang tâm cho thằng bé con ở đấy.

- Thế chị ấy đã biết tin này chưa?

Quý thở dài:

- Chưa. Nhưng tôi giấu sao nổi. Nhà tôi chẳng bằng lòng cũng chẳng được.

Nói đoạn, anh đứng dậy, rủ tôi:

- Anh vào mà xem mặt thằng bé. Nó giống tôi lắm.

Tôi theo Quý. Đến buồng ngủ, tôi nhìn vào trong giường, nhưng Quý cười, bảo:

- Huệ nó len lét, cả ngày chẳng dám lên nhà trên.

Qua sân trong, chúng tôi cúi đầu cho khỏi đụng mái bếp. Đứng trong nhà mà ngọn lửa lập lòe của mấy thanh củi cháy lom đom không đủ làm cho đỡ tối, tôi bị khói làm cho cay cả mắt, và rất khó thở.

Tôi dừng lại để nhận kỹ. Cạnh lò, người bếp đương thổi cơm, và lập tức góc phản ngả mâm, một người quần áo thâm đen ngòm, ngồi bế con. Quý đến gần, đánh diêm, soi vào mặt thằng bé đang ngủ say. Tôi nhìn nó, nhân tiện liếc trộm vào mặt Huệ. Người đàn bà thấy có khách lạ, lại bị ánh sáng chiếu gần, thì bẽn lẽn, cúi gằm xuống, và cũng không dám nhếch mép để chào nữa. Vì chắc người ấy không rõ tôi là bạn hay họ với Quý, và biết chào là gì.

Không muốn đứng đó để Huệ thẹn lầu, tôi quay gót đi lên. Và bảo Quý:

- Trong bếp khói quá, thở rất độc. Anh nên cho thằng cháu lên nhà trên.

Quý chán nản, đáp:

- Mặc kệ, bảo mãi chẳng nghe. Biết thế, tôi không cho về đây lại xong. Vì về đây, mà cả ngày chúi xuống bếp, thì cũng thế.

Tôi nói nhỏ:

- Thì buổi đầu về nhà lạ, ai chả ngỡ ngàng?

- Anh bảo ngỡ ngàng với ai? Cả nhà chỉ có tôi với thằng Hương, với thằng bếp, còn thẹn thò quái gì nữa?

Viết đến đây, tôi cần ngoặc dấu chua nghĩa để nói rõ rằng thằng Hương là con trai anh Quý, đã lên năm, và người bếp là cháu họ xa của anh, theo anh gần mười năm nay để giúp việc thổi nấu. Anh rất tin cẩn hắn, vì hắn thật thà có một. Nội tiền nong, và thìa khóa hòm, tủ, anh vẫn giao cho hắn giữ. Anh coi hắn như cánh tay phải, như một người nội tướng đảm đang vậy.

Tôi hỏi:

- Thằng Hương đối với Huệ ra làm sao?

- Nó bé quá, đã biết quái gì?

- Thế Huệ đối với nó?

Quý tự đắc, đáp:

- Huệ sợ cả từ thằng bếp sợ đi!

Vừa lúc ấy, người bếp dọn cơm lên bàn. Quý cười chỉ vào hắn và nói:

- Chẳng tin anh cứ hỏi nó mà xem.

Người bếp vui sướng, khoe:

- Thật đấy, thưa cậu. Cô ấy vâng cả với con. Con bảo mãi mà cô ấy vẫn quen mồm. Cô ấy chả dám nhờ con làm việc gì cả. Lắm lúc con rồi, thấy cô ấy vừa bế em vừa đun nước pha sữa, con tranh làm hộ, nhưng cô ấy nhất định không nghe. Bất đắc dĩ, muốn bảo con làm việc gì, thì cô ấy đến tận nơi, khẽ nói: "Anh làm phúc chịu rầu hộ tôi việc này, việc nọ". Ăn cơm, cô ấy cũng mời con một cách lễ phép.

Tôi cười, nói đùa:

- Phải, bởi vì anh là một nhân vật quan trọng trong nhà này.

Bữa ăn ấy, Huệ không dám ngồi với chúng tôi. Người đàn bà địa vị kém cỏi ấy không rời xa khỏi xó bếp. Vì chắc chị ta tự xét chỉ xứng đáng với nơi thấp hèn ấy mà thôi.

*

* *

Cách đó hai tháng, một hôm tôi có việc phải qua Bắc Ninh. Nhân tiện, tôi vào thăm anh Quý.

Nhưng lúc ấy, cả Quý lẫn Huệ và người bếp cùng không có nhà. Tôi hỏi thăm thằng Hương về em bé nó, thì nó nói:

- Vú em bế sang chơi nhà bên cạnh.

Tôi chờ trong chốc lát. Bỗng có chiếc xe đồ phịch trước cửa. Một người đàn bà mở ví tay lấy tiền trả xong, thoăn thoắt mở cửa bước vào. Tôi biết ngay là Huệ, vì còn nhớ mặt, dù lần trước mới thoáng trông trong bóng tối.

Huệ hôm nay không phải Huệ hai tháng về trước. Huệ hôm nay hoàn toàn là một thiếu phụ tân thời, vợ ông phán trẻ.

Chị ta thấy tôi, cúi đầu chào, và nói một cách bạo dạn:

- Bác mới sang chơi? Nhà em cũng sắp về.

Đoạn Huệ vào buồng ngủ. Tôi để ý, thấy tiếng loảng xoảng chùm chìa khóa, và tiếng cánh cửa tủ kẹt mở và đóng đánh sình. Đoạn Huệ gọi bằng tiếng lạnh lạnh:

- Vú em ơi!

Không thấy ai đáp, chị ta gọi:

- Hương! Vú em đâu?

- Thưa dì, vú ấy sang nhà bác đốc ạ.

- Gọi vú ấy về đun nước bác xoi chứ? Con nhà, chẳng biết gì cả?

Rồi Huệ vui vẻ chạy ra nói với tôi:

- Thưa bác, chúng nó đoảng quá. Bác miễn trách cho. Cả thằng bếp nữa, đi tám nhằm trống canh chưa về!

Hôm ấy, thật tôi rất ngạc nhiên về sự thay đổi từ cử chỉ cho đến cách ăn nói của Huệ. Tôi không thấy tăm bóng người đàn bà sợ sệt, len lét ngồi dưới bếp nữa. Tôi chỉ thấy một người hóm hỉnh, cố khoe tài nội trợ. Người ấy mắng vú em không coi nhà, sai đây tớ quạt than để là quần áo, và xuống bếp làm giúp đồ ăn. Rồi khi người bếp bưng cơm ra buồng khách, thấy tôi, anh ta ngó cổ vào trong nhà. Khi yên trí rằng không có ai, anh ta mới đứng cạnh tôi, thở dài, bĩu môi, thì thầm than thở:

- Động có khách lạ, là ra dáng chăm chỉ lắm. Còn lúc không có, cả ngày chỉ nằm ăn vạ trên giường để nhõ vật. Đến nỗi con cũng không nuôi nổi, phải thuê vú em. Ấy thế mà còn đòi các, lắm lúc mắng vú em như tát nước vào mặt. Thưa cậu, cậu con bây giờ ăn ở khác lắm, không được như trước nữa. Cậu con cả nghe cô ấy lắm, nhiều lần mắng cả anh Hương lẫn con. Ngày trước, nói đến cô ấy, cậu con vẫn gọi là nó, và dặn con nên trông nom cửa nhà cẩn thận, kẻ cậu con không tin cô ấy đâu. Thế mà bây giờ đã giao chìa khóa tủ rồi. Con tính nay mai cậu con đưa nốt lương tháng cho cô ấy chi tiêu nữa, là nhà cửa tan nát.

- Thế mẹ phán đã biết cậu có vợ lẽ chưa?

- Cũng đã có người nói đến tai. Mà từ lúc cô ấy hỏi dò, biết mẹ con hiền lành, thì lại càng giở ra nhiều cái nực

cười. Cô ấy làm nũng cậu con, có ý giữ cậu con, chẳng muốn cho đi lại chơi bởi với ai. Thỉnh thoảng, đối với con, cô ấy cũng không coi vào đâu. Tưởng chừng cô ấy muốn coi con như hạng đầy tớ khác. Từ ngày cô ấy về, cậu con không tin cậy con như trước nữa. Mà con làm việc gì, có cô ấy xen vào, con thấy khó chịu lắm. Hình như cô ấy tức cả cái tự do của con vậy.

- Cô ấy thay đổi chóng nhĩ.

- Vâng. Trước kia ai chẳng tưởng cô ấy chỉ cả ngày loanh quanh dưới bếp, sợ hãi từ con trở đi. Chứ có ngờ đâu. Nhưng độ một tuần, cô ấy đã hay mon men hay lên nhà trên. Rồi đi đứng, nói năng quen đi, không ngượng nghịu nữa. Và đã mấy lần có bạn đến, cô ấy tiếp, nhưng chỉ thì thầm với nhau trong buồng trong. Cô ấy có dám lộ mặt ra đến phố đâu. Mà động thấy có ai lạ vào nhà, là thụt cho mau xuống bếp. Nhưng dần dần, độ ngoài một tháng, thì khi vắng cậu con, cô ấy đã mời khách ngồi ở xalông, nói năng, cười đùa rầm rầm. Song cô ấy sợ con mách, lên nói lớt, ngọt ngào lắm. Bây giờ thì bà ấy công nhiên mời khách ngồi ghế bành thả cửa, dù cậu con có nhà cũng vậy. Và thỉnh thoảng lại sĩ diện, quai mồm ra gọi "Bếp ơi!". Con hầu hạ cậu con, chứ việc gì con phải làm đầy tớ đồ dĩ ấy. Con chẳng ra gì cũng là cháu cậu con. Con gọi cô ấy là cô, đã là quá đáng. Vì con sợ cậu con mà nhận cô ấy là vợ lẽ, chứ bất quá cô ấy chỉ ngang hàng với con là cùng!

Bữa cơm hôm ấy, Huệ cùng ngồi ăn với chúng tôi. Nàng cứ chỉ lễ phép, không dám nói chuyện, chỉ thỉnh thoảng sẵn sóc cơm nước, sai bảo người bếp một cách ngọt ngào mà thôi. .

*
* *
*

Nhưng hôm nay thì không thể nữa.

Hôm nay, vì anh Quý viết giấy mời tôi về Bắc Ninh để hỏi ý kiến về chuyện gia đình, nên tôi đến thăm anh.

Anh nhờ tôi nuôi thằng Hương để dạy dỗ nó, nói thác rằng nó mền tôi, chỉ đòi được ở với tôi. Nhưng tôi biết thừa là thằng bé khốn nạn đã nhiều lần bị vợ lẽ của cha đánh đập tàn nhẫn.

Khi tôi hỏi sao người bếp không ở với anh nữa, thì Quý còn tức giận, đáp:

- Anh tính, bạc ác đến nó là cùng. Nó đi theo tôi từng ấy năm. Trước kia tôi giao cả tiền nong cho nó, mà có một lần, nó nỡ ăn cắp của tôi.

- Anh bắt được?

- Bà cụ nhà tôi, à, bà đẻ ra Huệ ấy mà, rình bắt được. Chữ tôi tin nó quá, nên không ngờ.

Lúc ấy, Huệ ở nhà trong, chạy ra, nói xen vào:

- Vâng, nó lấy của nhà tôi hai chục, giấu trong hòm. Thì ra trước kia, giá nhà tôi có bị rút ruột rút gan bao nhiêu cũng không biết.

Quý nhìn vợ, cười nhạt, rồi nói với tôi:

- Cho nên tôi phải giao tiền nong cho nhà tôi giữ. Mình thì bận, còn có lúc nào để mắt đến hết mọi việc được.

Huệ nói:

- Rồi, thưa bác, muốn chừng biết từ nay không thể xơ múi gì nữa, nó mới chán cảnh, và cứ sinh sự với tôi. Ấy, đi ăn đi ở mà cứ hỗn với chủ nhà, thì bác tính còn trời đất nào

nữa. Tôi mới bảo nhà tôi đánh cho một trận và tống đi.

Thấy Huệ nói giọng lên bộ quá, tôi hiểu tất cả ẩn tình. Đây tổ trung thành bị đuổi, con rút ruột phải xa lìa, không rõ Quý có hiểu hiện nay gia đình anh đương bị một cuộc ngoại xâm ghê gớm hay không? Nhưng vẫn không thấy tình thế nghiêm trọng, anh còn khoe thêm rất tự đắc:

- Bây giờ tôi nuôi thằng bé này, cũng như thằng bếp trước, vì nó là người làng nhà tôi đây. Nó ngoan lắm.

Tôi cười nhạt, không trả lời.

Tôi muốn nói cho Quý rõ về thực trạng gia đình anh. Muốn chừng Huệ hiểu ý. Cho nên, khi ăn cơm xong, như mọi lần, tôi rủ Quý đi chơi phố. Song, thoáng thấy Huệ đưa mắt chồng, thì Quý ra ý ngán ngừ, khó chịu. Nhưng đồng thời, người thiếu phụ kêu khó ở, vào buồng nằm.

Quý theo Huệ vào một lát, rồi lúc ra, anh cố tươi cười để lấy lòng tôi, và nói:

- Nhà tôi nó mệt, anh để cho đến khi khác.

*

* *

Tôi biết Quý không còn khi nào có thể đi chơi với tôi. Vì cả đến cái tự do của anh cũng bị cô vợ lễ chiếm nốt. Hẳn từ nay, tự nhiên hoàn toàn anh bị tước quyền làm chủ nhân ông.

Thì ra ở đời, mỗi khi nước nọ xâm chiếm nước kia, cuộc chinh phục về mặt kinh tế, về mặt chính trị, cũng đi dần dần từng bước nguy hiểm như vậy.

Tôi đã thấy bao nhiêu ca thế rồi.

CÁI TẾT CỦA NHỮNG NHÀ ĐẠI VĂN HÀO

Lê sục nghĩ một ý. Anh vội vàng tung chăn, vùng dậy. Anh rửa mặt mũi, mặc quần áo, vừa huýt sáo rầm nhà, vừa xếp lại những chồng báo bấy la liệt trên ván gác. Anh cuộn bản thảo cuốn tiểu thuyết *Phá sản* vừa viết xong được hai hôm.

Anh vui vẻ đứng nhìn xung quanh. Căn gác ấy không còn bày đồ đạc gì để phải dọn thêm nữa. Anh cúi xuống, cuộn chiếc chiếu nằm rải ở mặt sàn, rồi gấp cuốn văn vào nách.

Bỗng tiếng giày rầm rộ ở cầu thang làm Lê nhìn ra. Chưa thấy người, anh đã nghe tiếng hỏi:

- Lê đã dậy chưa, mày?

Nhận ra tiếng Vũ, Lê mừng rỡ, đáp:

- Tao sắp đi đây.

Vũ đẩy cửa vào. Theo thói quen, không ai bắt tay ai. Vũ thấy bạn áo quần chỉnh tề, thì ngạc nhiên, hất hàm hỏi:

- Đi đâu?

- Tao đi Hà Đông, ăn Tết với thằng Trần.

Vũ còng lưng, cười bò ra, nói:

- Thế thì đen tao. Tao định đến đây ăn Tết với mày. Vì tao chẳng còn đồng xu nhỏ!

Lê vênh váo, đập tay vào túi:

- Tao còn những một hào. Thế thì tao là nhà văn có giá trị hơn mày.

Vũ giờ cánh tay phải, cúi gập lưng, chào một cách cung kính:

- Phục ngài lắm! Chừng thằng Trần viết giấy mời ngài vào với nó? Nó có tiền nhuận bút của bài viết cho số báo Tết, hay vừa lấy tiền bản quyền cuốn kịch *Đọa đầy*?

Lê lắc đầu:

- Nó kiết hay có tiền, cái đó tao không cần biết. Nhưng tao đoán ít ra túi nó cũng có từ hào mốt trở lên, nghĩa là giàu hơn tao.

Vũ ngăn:

- Nhưng tao định đến đây ghe mày cái Tết, mày nghĩ sao? Tao chẳng còn lấy một trình Bảo Đại. Cái món tiền bán dứt cuốn thơ *Mơ màng*, tao lấy tháng trước, chúng mày xâu xé hết nhẵn cả rồi.

- Thế thì về Hà Đông với tao.

- Nhưng mày mượn cái bồ, nhét tao vào, giả vờ làm bồ hàng, chứ chả lẽ mày đi xe, tao đi bộ à?

- Không cần, hãy chịu khó cuốc bộ xuống Thái Hà, rồi hãy diện xe điện.

*

* *

Đôi bạn hăm hở đi. Trời quang tạnh. Gió lạnh rít qua tai. Rét như cắt. Phố xá ngày Ba mươi Tết, ngổn ngang về người với xe. Chiếc cao su lù lù hoa cúc vàng, và ngất ngưởng cành đào phớt, chạy ịch ạch về phía ga. Ông nhà quê, cặp nách bánh pháo, câu đối, đầu ngón tay lũng lảng củ thủy tiên hàm tiếu, dừng chân lại, ngắm cái khăn xếp bày trong tủ kính. Các bà ở chợ về, ôm thúng đậu hòa lan, bong bóng, tay còn xách con gà thiên nặng trĩu. Những cậu nhỏ, quần xắn đến bẹn, đội uôm uôm những thùng nước vào ván cửa để cọ, bắt chập cả người đi trên hè. Một vài thằng nhãi, nén hương cầm tay, nắm pháo trong túi, thỉnh thoảng dốt đánh đẹt, làm anh phu xe giật nảy mình.

Lê và Vũ xoạc thật dài cẳng, nện gót giày xuống vỉa hè cồm cộp, đi như lính ra trận. Bỗng Vũ vờ hai ngón tay, hỏi:

- Mày còn thuốc lá không?

Lê mỉm mép:

- Tao cũng sắp hỏi mày câu ấy.

Tiếng cười rung ra, làm ngoái cổ cả những cô tiểu thư xinh nhất và lười nhất trên đời, trong tay cầm một tập những sách Tết và báo Tết.

- Này, Vũ, chúng nó sấm Tết như chửi vào mặt mình vậy.

- Kệ.

.....(*)

(*) Trong bài này, những dòng có dấu chấm chấm, là do Ty kiểm duyệt của bọn thống trị Pháp xóa.

- Tao chán nghề lắm, lúc nào cũng nghèo xơ nghèo xác. Trông bọn văn sĩ, thằng nào cũng gầy như con mắm. Thế mà độc giả, nhất là các cô kia, họ tưởng mình như thần như thánh!

- Chẳng hơn những thằng làm nghề khác à? Có ai thêm đếm xỉa đến chúng nó.

- Mà bạn bè đũa nào cũng một tuồng như mình. Động hở ra đồng nào là xúm nhau lại phá cho kỳ hết.

- Còn hơn những thằng nhà giàu, bạn mình có ai thêm bạn với đâu? Mày phải tự kiêu ở chỗ nghèo. Cái nghèo của nhà văn là cái nghèo thanh cao, cái nghèo đáng trọng, cái nghèo phải ghi vào lịch sử văn học của thế giới. Chúng ta nghèo, vì có bao nhiêu ở trong tim óc thiên hạ.

Lê nắm tay bạn, thụi rõ mạnh vào vai:

- Tao chúa ghét những loài thi sĩ như mày. Chỉ biết sống mơ mộng. Mày phải nhớ rằng hiện giờ này, mày không dính một đồng trình trong túi, Ba mươi Tết, mày mò đến nhà tao, định ăn phở tao cái Tết, rồi mày với tao phải lần đến nhà thằng Trần. Có đúng thế không?

- Nhưng văn học sử ngày sau, người ta nói đến tên nhà tiểu thuyết Lê, nhà thi sĩ Vũ, nhà kịch sĩ Trần, văn vân... Chúng ta sẽ bất tử.

- Mày nói câu ấy, tỏ ra mày khá thông minh. Nghĩa là sau khi chết, nhà văn còn bất tử, và chỉ bấy giờ nhà văn mới bình tĩnh được sống vẻ vang hơn vua chúa, vì nhà văn không phải lo cơm áo nữa.

Chẳng mấy chốc, hai anh em đã đứng trước cửa chùa Đồng Quang, chờ xe điện vào Hà Đông.

*
* *
*

Để mặc Lê và Vũ xem cuốn kịch của mình mới viết xong, Trần nhìn làn khói thuốc lá cuộn cuộn, yên lặng nghĩ ngợi. Bỗng anh vỗ tay cười, và tuyên bố:

- Không cần, tao nghĩ ra rồi. Đồng bạc của tao để làm tiền hành lý, chúng ta kéo nhau đến nhà thằng Nguyễn. Mấy năm nay, nó in nhiều sách, thế nào cũng rộng tiền hơn chúng ta.

Lê đứng phát dậy:

- Ừ, phải đấy, có cái kho tiền ấy mà tao quên bém đi mất. Nó vừa bán sức cho Nhà nước, vừa bán văn cho Nhà xuất bản, thì làm gì nó không giàu.

Vũ ngậm ngùi, lắc đầu:

- Tao không muốn đến nhà thằng Nguyễn, vì cuộc bút chiến giữa nó với tao chưa kết thúc. Sợ cuộc gặp gỡ mất vui.

Lê cười:

- Thế ra mày thông minh hơn tao thật! Mày phải hiểu mày với thằng Nguyễn, mà cả làng văn chúng ta nữa, nhiều khi chính kiến, tư tưởng không gặp nhau, nhưng gặp nhau ở chỗ nghèo kiết. Mày không nhớ năm ngoái, thằng Trần với tao bút chiến trên báo, chắc người ngoài tưởng hai đứa có thể cầm dao đâm chém nhau được, nhưng chính trong thời kỳ cãi nhau kịch liệt ấy, nó với tao vẫn ở chung với nhau một nhà?

Trần sung sướng đáp:

- Phải, chúng ta chỉ hơn người ở chỗ ấy. Việc văn đi việc văn, mà tình bạn vẫn là tình bạn, không bao giờ chúng ta thù hằn nhau nhỏ nhen. Nhưng mỗi các ông nhớ rể lên thôi chứ. Các ông triết lý với nhau mãi, thì lỡ mất tàu.

Ba anh em đứng dậy. Lê nhìn Trần, hỏi:

- Mà cũng đi đầu truồng như chúng tao thôi à?

Trần mỉm cười, vuốt tóc, rồi gật:

- Vừa kinh tế, vừa đúng một, tội gì không theo thời!

*

* *

Ba nhà văn đến bến ô-tô. Lúc ấy, xe đã chật như nêm cối. Lê bị xếp lên lòng một ông cụ. Vũ bé nhỏ, ghé một tí vào cái thành đệm. Trần, chủ tịch cuộc trả tiền, bằng lòng đứng lủng lẻo ở bậc ngoài. Không ai thèm nhìn lại cảnh xán lạn vui tươi của Hà Thành hoa lệ đương tấp nập vì Tết.

Chiếc xe nhô lên, thụp xuống trên đường trải đá đã về già, tung ra những tiếng còi khàn khàn, những tiếng máy phanh phạch và những tiếng kêu oai oái. Bụi như mây. Mùi dầu xăng khét lẹt.

Đi độ nửa giờ, xe đỗ lại. Ba anh em xuống, rũ quần áo, rồi rẽ về phía làng.

Những cây tầm xuân đại đầy hoa, nhuộm trắng hai bên đường cỏ xanh rì. Ruộng đồng màu, xen vẻ xanh tươi của rau diếp tây với vẻ xanh mốc của rau cải bắp. Luống khoai lang tím làm nổi bật dãy cải hoa vàng.

Cảnh Tết ở nhà quê kín đáo hơn ở thành phố. Những

cây nêu dựng lên la liệt, lòe xòe cụm lông gà, phấp phới ngọn cờ đỏ, và lạnh lạnh chùm cá khánh. Người ta sửa soạn Tết bằng những mảnh giấy đỏ mới, dán ở cột hiên, những bàn cờ, cánh cung, hình vuông tròn, vẽ la liệt bằng bột vôi trắng xóa trên sân gạch màu gan gà.

Chợt nghĩ ra, Lê nói:

- Chả biết Nguyễn nó có về không. Tao chỉ sợ nó ăn Tết ngoài ấy, thì rồi ai khênh chúng mình về Hà Nội?

Trần đáp:

- Thế nào nó chả về. Và ít ra nó cũng nhiều tiền hơn bọn mình. Và nó chả chịu an trí ở ngoài đảo ấy đâu.

- Đành vậy, nhưng nó có đủ thì giờ mà về được đến nhà ăn Tết hay không?

Vũ cau mày:

- Được đến đâu hay đến đó. Chúng mình đi đâu mà chết đói được. Nó không có nhà, đã có anh em nó tiếp chúng ta. Vả nếu không gặp ai, chúng mình cứ vào bữa một nhà nào đó, chẳng lẽ người ta nỡ hắt hủi ba nhà đại văn hào à?

Lê khen:

- Mày khá đấy. Chắc nếu không gặp nó, mày sẽ công anh em tao về Hà Nội.

Ba anh em đắc chí, phá ra những chuỗi cười giòn tan

*

* *

Lúc ấy, Nguyễn đang ngồi xỏm trên hè. Chừng buồn quá, không biết làm gì để giải trí cả. Bỗng thấy ba bạn ở cổng bước vào. Nguyễn mừng như bắt được của, vội chạy

ra đón. Anh đứng khuỳnh tay như ông tướng, hất hàm, hỏi:

- Ai đưa các chú đến nhà anh?

Vũ nói:

- Cái nghèo của nhà văn nó đưa các cụ lớn đến, chú ai? Các cụ lớn đã ra nghị định đến báo cô tên tiểu thuyết Nguyễn cái Tết. Không ai có thể trái lệnh!

Lê ngắt lời:

- Chúng tao hết cả tiền, không biết ăn Tết bằng cái gì được, mới rủ nhau đến sát mày một mẻ.

Nguyễn cau mặt:

- Tao tưởng chúng bay đến chơi với tao, thì tao mới tiếp. Chứ chúng bay đến chơi với cái bánh chưng nhà tao thì tao tống cổ bây giờ. Chúng bay kém quá. Chúng bay còn nghĩ đến Tết, không trách chúng bay khổ một đời. Tao đây, lúc nào viết xong cuốn sách, ấy là Tết của tao đây. Thành thử mỗi năm, tao hưởng ba bốn cái Tết. Còn như cái năm nó hết, thì mặc kệ nó, can gì đến mình mà mình cũng nhăng nhít lên.

- Nhưng thấy thiên hạ họ náo nức về Tết, tự nhiên trong mình nó cứ thế nào ấy.

- Tao ước gì người ta cứ vứt hết lịch đi, không ai biết ngày nào tháng nào nữa. Để cho những bọn ngu như chúng bay khỏi làm tao bực mình.

- Thế thì mày nói rõ ngay rằng mày cũng đếch có đồng tiền nào để ăn Tết, nghĩa là mày không hơn gì chúng tao, có dễ hiểu hơn không?

Nguyễn đánh vào vai Lê, gật gù khen:

- Thằng này bao giờ cũng ranh mãnh nhất.

Nguyễn rủ các bạn vào trong nhà, mở ngăn kéo ra, lấy hai bức thư:

- Tao còn nguy hơn chúng mày. Chúng mày tuy kiết, nhưng không nợ. Tao bị nợ mới tai ác chứ. Đây, hai thằng chủ nợ nó gửi thư cho tao.

- Chúng tao tưởng mày có lương của nhà nước, lại có những tác phẩm xuất bản luôn luôn, thì mát mặt hơn chúng tao mới phải.

- Đành vậy, nhưng nếu tao không làm văn sĩ, có lẽ tao giàu to rồi, không biết chừng. Đành này, tuy có tiền nợ tiền kia, mà tao cứ lúng túng thế nào ấy. Thì ra tao mới nghiệm ra rằng đã là kiếp nhà văn, chả đứa nào thoát được sự long đong. Đến tao mà còn sống xo sống giụi thế này, nữa là chúng bay. Phải, đã là văn sĩ, tất phải kiết, nếu không kiết, sao gọi là văn sĩ?

- Nhưng hai đứa nó thúc nợ mày? Coi không khéo tá hôm nữa, hện hết, chúng tao lại tiễn mày vào hỏa lò nh

Nguyễn lắc đầu:

- Không sợ. Chúng nó dọa đến trong tám hôm, ta không trả được nợ, chúng nó sẽ kiện. Nhưng tao cứng họng đã trả lời thách lại rằng trong mười lăm hôm, đứa nào không kiện tao, thì tao trả tử tế, nhược bằng kiện, thì tao sẽ ý ra cho mà biết tay. Nghĩa là, có anh hùng gì đâu, tao làm kế hoãn binh, để thì giờ cho vợ tao đi xoay chỗ khác.

Trần giờ nắm tay dọa vào mặt Nguyễn:

- Mày đại như con cây! Nhận được thư thằng chủ nợ,

sao mày không xé mẹ nó đi, còn dọc làm đếch gì cho nó bận tâm? Một là nó chửi mày, hai là nó dọa bỏ tù mày, chứ có đời nào nó lạy van mày để xin xí xóa nợ cho mày đâu?

Bốn anh em lại rũ ra mà cười. Lê nói:

- Cho nên lắm lúc nghĩ đến nghề cầm bút, tao đâm ra cáu kỉnh. Vì lợi ích chung, mình phải nạo đầu nạo óc. Thế mà mình cứ bị người ta nghi kỵ, khinh miệt, chèn ép. Người ta muốn mình nghèo kiệt suốt đời để chán mà bỏ nghề.

Nguyễn cau mặt:

- Thế thì mày phải cáu với bọn mà mày gọi là người ta ấy. Còn với nghề, mày phải yêu quý, tự hào. Nghề của mình là nghề cao thượng nhất, vì nó thật thà nhất. Bởi vì giá trị của mình đến mức nào, thì nó thể hiện ngay ở mức ấy bằng giấy trắng mực đen. Ai muốn nâng nó lên, hay dìm nó xuống, đời cũng không nghe. Mình không như những đứa làm bất cứ nghề gì khác ở xã hội này. Ở xã hội này, họ không cần giỏi nghề bằng giỏi khen rầm quan trọng, và giỏi nói dối với nói phét. Để họ được ăn không ăn hồng danh lợi quan ban cho họ.

Bổng Trần cười khanh khách:

- Ừ nhỉ. May mà làng văn mình chưa có quan. Chứ tao tưởng tượng giá làng văn mà nảy sinh ra hạng cụ lớn, hạng quan lớn, thì tất phải đẻ ra lũ nha lại, tổng lý, lính tráng. Thì sẽ có vô thiên lủng những cái quái thai mót cười! Nào thơ ca tán tụng, nào phê bình nịnh hót. Rồi những truyện ngắn, truyện trào phúng tha hồ mà chua chát...

Không để bạn nói hết câu, Vũ đập vào vai Nguyễn:

- Đúng là mày còn nhiều tướng tính nghèo kiệt, Nguyễn

a. Thôi, nhưng mà không cần bàn luận suông cho mất thì giờ. Tao hỏi mày một câu ngắn thôi. Có phải Tết này mày cũng nhịn như chúng tao phải không?

Nguyễn mỉm cười, gật đầu:

- Ý thế. Nhưng tao còn đủ tiền nuôi chúng bay trong những ngày tao còn được nghỉ ở nhà.

- Chúng tao định ở đây đến mồng bốn.

- Được, chẳng định thế, thì đến hôm ấy, tao cũng tổng cổ. Vì mồng năm, tao phải cuốn gói lên đường.

- Nhưng mày cho chúng tao ăn Tết bằng gì?

- Thì tao đã bảo, tao chẳng có gì cả. Tao chỉ sẵn giường, sẵn chăn, cho chúng mày ăn Tết bằng những giấc ngủ ngon lành.

Lê gật:

- Thế cũng đủ an nhàn rồi.

- Và nói những chuyện văn chương.

- Thế thì càng vui. Bởi vì chúng ta là những nhà đại văn hào, chúng ta không cần gì hết.

*

* *

Sáng mồng Một đầu năm. Từ mờ sáng đến lúc tám chín giờ, dần dần, nhà nào cũngalet một bánh pháo ngắn để đón xuân. Duy nhà Nguyễn, vãn cửa đóng then cài im ỉm.

Vợ Nguyễn đi lo xoay món nợ khăn chưa về. Mà bốn vị đại văn hào, vì đêm trước thức khuya, nên vãn còn ngủ say như chết.

Trong bóng tối của gian nhà, hai bộ ghế ngựa mới kê giáp nhau, bốn thân hình nằm lù lù như bốn cái mả. Cạnh đó, là cái bàn, trên để những bản thảo, hoặc sách đã in. Địa chén ngổn ngang, cầu những ngăn chè đặc.

Bỗng tràng pháo điện quang của bên hàng xóm nổ, bắn những tiếng xé màng tai, làm Trần tỉnh giấc. Trần cựa. Rồi lại nằm im. Nhưngalet một lượt nữa, anh không thể ngủ thêm được. Anh ngáp, khục tay, ngẩng dậy nhìn các khe cửa, rồi với ở trên bàn, lấy bản thảo cuốn người đàn bà.

Trần mở sách, ghé ra ánh sáng khe cửa để đọc. Thấy Nguyễn cựa, anh lay vai hỏi:

- Không ngủ nữa à? Này, thật đấy, mày nói phải đấy, nước Nam mình không hiếm gì nhân tài đâu. Duy chỉ vì cái nghèo làm hại, không cho cái tài nó nảy nở được.

Và còn những sức đề nén khác làm thui đi nữa.

.....

Lê mơ màng, nghe các bạn nói chuyện thì chêm vào:

- Phải, đại khái như tao, một thức giả kiêm "ngủ giả" đại tài, thế mà chúng mày cứ bô bô bên cạnh tai, khiến cho tài của tao không phát triển được.

Nguyễn đập chân vào lưng Lê, nói:

- Dậy mà nghe tiếng pháo họ ăn Tết, vui đáo để!

Trần vung hai cánh tay lên không, đáp:

- Ừ nhỉ, hôm nay mồng Một. Ở Hà Nội tha hồ vui. Bọn trưởng giả thi nhau cái sang trọng, họ ăn uống chơi bời thật hả hê. Lúc này, quần áo nhan nhản ở phố, ngoài đường ô tô như mắc cửi.

Một tràng pháo lại nổ liên thanh. Vũ nói:

- Sướng thật, vui thật, cảnh Tết thật nên thơ.

- Ngoài đường làng, người thì mặc quần áo mới, đội khăn mới, đi giày mới, người thì nhai trầu bồm bồm, thuốc lá phì phèo, sột soạt đi lễ tết nhà nhau. Các cô con gái thì yếm đỏ, thắt lưng tím, áo nâu non đối vai lên chùa hái lộc. Họ gặp nhau, chúc nhau bằng những câu rất hoang phí.

Vũ cảm khái, nói:

- Cả nước Nam, mà có lẽ cả nước Tàu nữa, nghĩa là một góc địa cầu, đương vui vẻ về tết. Duy có bốn anh em mình phải nằm khàn, đắp chăn xù xù, chưa thêm dậy.

- Bởi vì chúng mình là những nhà đại văn hào. Chúng mình góp tâm trí chúng mình vào cho cái Tết của họ được thêm vui. Thế là chúng ta cũng ăn Tết, cái Tết tinh thần.

- À, đánh thức thằng Lê đi, nó ngủ nhiều khiến mình phát ghen. Lại không đến chín mười giờ rồi ấy à? Cả một phần địa cầu người ta tấp nập, mà nó còn như thằng chán đời.

Nguyễn lay Lê:

- Dậy, mừng Một Tết rồi! Mười giờ rồi! Dậy mà ăn cái Tết tinh thần với đời!

Bị động mạnh, Lê cựa. Anh nhăn nhó cái mặt ngái ngủ, ngóc cổ lên, nhìn nhà cửa, nhìn bạn bè, nhìn xung quanh. Rồi không biết nghĩ thế nào, anh lại nằm xuống, kéo chăn kín gáy, đáp:

- Ăn Tết tinh thần là cái cóc khô gì, chúng mày?

CÔNG DỤNG CỦA CÁI MIỆNG

Mẹ chồng chị cu Sút chết vừa nãy. Tin ấy chẳng mấy chốc bay đi khắp làng.

Ở nhà quê, có việc gì con con xảy ra mà người ta không biết ngay tức khắc?

Huống hồ mẹ chồng chị cu Sút ốm liệt giường liệt chiếu đến dăm hôm nay và cấm khẩu từ lúc gà gáy.

Thật vậy, trên từ “các cụ” lý trưởng, thư ký, giữa đến “các quan” viên hàng xã, rồi đến “các ông các bà” hàng xóm, dưới đến “thân bằng cố hữu” cùng đình của anh Cu ngày xưa, chỉ trong một loáng, miệng nọ truyền sang miệng kia, ai nghe tin đau đớn cũng... điềm nhiên và cho là có thêm một chuyện mới để gặp người quen thì nói.

Rồi họ tỏ cảm tình với người quá cố.

“Thân bằng cố hữu” thì bảo nhau để sửa soạn:

- Này, có liệu trốn đi không, kéo chị ấy đến nói khó nhờ khênh đòn lại nể, mất công mà chẳng được gì.

“Các ông” thì phê bình:

- Nhà mà nghèo, không có tiền uống thuốc, thì chỉ ốm một trận xoàng cũng đủ nghèo.

“Các bà” thì dài lời hơn. Đại khái:

- Ối giời ôi thế à? Thế thì bà ngồi đây nhé, để tôi chạy ù lại đằng ấy, giao hẹn với chị cu Sứt là mẹ chị ấy còn vay của tôi năm đấu gạo độ trong năm đấy.

Hoặc:

- Ngày xưa, ông ấy (tức là chồng người chết) có phúng ông tôi ba hào thật, nhưng lúc ông ấy chết, bà tôi đã phúng lại những ba hào với một cành cau, cau đạo ấy đắt. Thế mà khi bà tôi mất đi, bà ấy làm ăn còn khá, tôi chả thấy bà ấy phúng lại cái gì, thì việc gì bây giờ tôi phải phúng giả nợ.

“Các quan” thì nhìn nhau, lắc đầu một cách nhạt nhẽo:

- Nhà nào chứ nhà ấy thì sưng, còn có cóc khồ gì mà mời chúng ta nữa.

“Các cụ” thì tức lắm. Cụ Lý bảo cụ Ký:

- Mẹ kiếp, không khéo cụ lại mất giấy mực khai báo toi. Làm thư ký mà từ đầu năm, trong làng chỉ rất dám chết thế này thì lấy gì mà hút. Thật là quá quắt, cụ nhỉ?

*

* *

Nước ta là nước văn hiến. Ai cũng bảo thế. Bởi vậy những việc Quan, Hôn, Tang, Tế, đều phải làm theo lễ nghi. Trong nhà, lỡ ra có người chết, đổ ai không mở sách ra tra, hoặc hỏi han người quen việc, xem phải làm những gì.

- Chẳng may bà cháu nằm xuống, nhờ bác bảo hộ tôi nên thế nào.

Chị Cu, nước mắt chạy quanh, rẽ hàng rào râu bụt hỏi bác đi Tư câu ấy. Bác đi nghĩ một lát, rồi đáp:

- Thôi thì tùy gia phong kiệm, mà tử đắc táng vi vinh. Nhà bác chẳng có gì, thì kiếm bộ áo cho tốt, rồi ngày mai, rước cụ ra đồng.

- Vâng, nhưng mà tôi ăn mặc ra làm sao.

- Thì cứ phải xô gấu chứ, bởi vì ông cụ về trước bà cụ kia mà.

- Thế còn các cháu?

- Thành cu phải xô gai để chống gậy thay bác giai và cũng phải trở ba năm đấy.

Chạnh nhớ chồng và nghĩ đến cảnh góa bụa, chị Cu sụt sịt. Bác đi ngăn:

- Ấy, chớ, phải may xong áo, lập xong bàn thờ mới được khóc. Bây giờ trong nhà cứ phải im phăng phắc như lúc bà cụ hãy còn mới được.

*

* *

Người ngoài quan tâm đến cái chết của mẹ chồng chị cu Sút, thì ngoài bác đi Tư ra, cố nhiên là còn có cụ Thư ký.

Nghe tin bà ta chết, cụ thở vắn thở dài, gất gồng vợ con ôm tởi. Song, cụ chưa thất vọng hẳn.

Cụ chiêu một hộp nước sôi nóng, thở phì một cái, khới thuốc phiện loãng phi thẳng ra miệng. Cụ tháo điện tẩu, và, trong khi chờ cho nguội để nạo, cụ vén quần lên, gãi đùi sồn sột.

- Ô hay, nó đã đi về chưa, mày?

Cụ hỏi vậy. Nhưng không ai trả lời.

Nóng ruột, cụ lấy cái giẻ để dệm tay, rồi vừa ngược mắt lên xà nhà để nghĩ ngợi, vừa cầm móc để nạo. Tiếng xài sào sạo long, rồi đến tiếng sắt quèn quẹt ở phía trong tẩu đã nhẵn thín. Cụ dốc miệng tẩu vào chén, gõ vào diện cồm cộp, rồi lại đánh. Cụ nạo, nạo mãi, nạo quèn quẹt, dễ thường đến chảy máu tẩu.

Cụ lập bàn tỉnh lúc này khí thất thường. Mọi ngày, cụ vẫn xơi thuốc vào lúc cơm xong.

Nhưng hôm nay, cụ cần hút ngay buổi sáng. Một là để khuây khỏa sự buồn bực về chức vụ: độ này, sinh chả có, giá thú chả có, chỉ độc một số tử "chó chết". Hai là còn mấy điều xài của khách thuốc thết cụ chánh tổng tối qua, có lẽ vẫn còn dùng được, cụ hút đi cho đỡ phí của. Ba là cụ để cho chị cu Sút đến trình khai tử cho mẹ chồng, cụ lấy sự ăn tiêu xa xỉ ra làm chứng để bảo ngọt chị phải biện cái lễ xứng đáng.

Bỗng anh người nhà về, nói:

- Thừa cụ, đích là chết rồi.

- Mà thấy tiếng khóc chưa?

- Chưa.

- Sao mày biết là chết?

- Con hỏi thăm.

- Thăm ai?

- Ngay chị cu Sút ạ.

- Tốt. Thế mày không xui chị tá biện cái gì để đi trình làng à?

- Không ạ.

Cụ cau mặt:

- Đồ khi!

*

* *

Trong tang gia đã nổi lên những tiếng khóc thảm thiết. Người đàn bà góa xoa tóc, gục đầu bên cạnh cái thây ma mà tru lẫn tréo lộn.

Cái thây ma ấy bây giờ đã cứng đờ trong lán vải liệm trắng, bên cạnh đặt bát cơm, quả trứng luộc, có cắm chiếc đũa bông và dầm nén hương.

- Ối mẹ ơi, cực nhục lòng con, mẹ đi đâu mẹ bỏ con bơ vơ như chim mất tổ...

Rồi chị nhớ đến chồng, chị gào:

- Ối anh ơi, anh đi đâu để vợ con anh mất trông cậy, để thân tôi cực nhục trăm chiều, anh ơi là anh ơi!

Nhưng bỗng một tiếng quát:

- Im miệng.

Chị Cu ngẩng dậy, héch cái mũ mấn ra để nom. Chị xỉ mũi, lau vào gót chân rồi quệt đôi mắt đầm lệ:

- Lạy cụ ạ.

Cụ Thư ký - không biết đã sẵn sàng ở đó từ lúc nào - mặt hầm hầm, trở ba-toong vào mặt chị, hất hàm hỏi:

- Ai cho phép mày khóc?

- Lạy cụ, mẹ con chết thì con khóc.

Rồi không nhịn được nổi thương tâm, chị ti ti:

- Mẹ ơi!

Hai mắt long lên, cụ Ký giờ nắm đầu ngón tay:

- Ông thì vả vỡ tan họng mày ra bây giờ! Mẹ mày chết, mày đã trình báo gì tao chưa, mà đã dám khóc?

- Ối mẹ ơi, tôi có miệng thì tôi khóc, chứ ông cấm thế nào được tôi.

Cụ Ký cúi tiết, hung hăng đập gậy vào chiếc quan tài, còn rỗng không, nhìn tên người nhà, quát:

- Thằng Xiêng, mày vả vỡ miệng nó ra cho ông. Lôi nó ra đình kia. Khóc à?

1940

NGƯỜI THỨ BA

Nhưng còn người thứ ba nữa, cũng quan tâm đến cái chết của mẹ chồng chị cu Sút, chẳng kém gì cụ Thư ký.

Vậy mà chúng ta cứ quên.

Suýt nữa thì hoài của!

Nguyên là chị cu Sút cũng khá thông minh - mà làm gì chẳng thông minh, khi thấy người trên bề họ một cái việc rất vô lý - chị hiểu ngay công dụng của cái miệng. Cái miệng, trước khi để khóc mẹ, hãy phải dùng để trình nhà chúc trách biên vào sổ tử cho, thì mới đúng là trong nhà có người chết. Nếu không, thành ra mình khóc lậu à? Mà trình nhà chúc trách, đổ ai làm nổi việc ấy bằng lời nói suông. Cho nên, vừa bị kéo tới thêm nhà, chị Cu đã van lạy cụ Thư ký bằng một món tiền. Thiên chúa ơi, bằng một món tiền... hai hào!

Tức thì, cụ Thư ký nguôi giận, và không lời xênh xệch chị ra đình nữa. Chị được “tự do ngôn luận” trước cái thầy ma.

Tin ấy cũng truyền ngay đi khắp làng. Cụ Lý gật gù, khen:

- Lão ta thế mà đa mưu, giỏi!

Nhưng cụ Chánh hội chê:

- Lão ta thế mà khờ. Phải tay tôi, không năm hào, tôi còn dọa.

Còn báo “phụ nữ” - thế nào các bà chữa bệnh vực quyền lợi cho đoàn thể - buông lời phê bình bằng những giọng văn ít trái chuốt:

- Cha con đẻ ra mẹ nó, bà thì bà kiện đến tam tòa, chứ bà chịu à?

Do sự công phần, các bà xui chồng đến nhà chị Cu, mỗi người giúp một tay.

Bởi thế, chẳng mấy chốc, mẹ chồng chị được hoàn toàn là người chết hợp pháp. Bà được người ta khênh nằm trong áo quan bày ở giữa nhà, trên thắp hương nghi ngút. Bà được một ông hơi biết địa lý, nhanh nhẩu đi mượn la kinh, ra bãi tha ma đầu làng, ngấm hương, rồi đào sẵn huyết. Và ông bảo giờ dần sáng mai, rước bà cụ ra đồng.

Người thứ ba, tức là ông quản lộ. Chức này, chỉ có tỉnh này mới đặt ra. Nhiệm vụ của ông quản lộ là phải coi đường làng, từ ngày xây gạch. Công việc ấy chẳng nhẹ nhàng và dễ dàng gì đâu. Hai bên bờ đất lở ư? Ông phải cho người đắp lại. Mặt đường vì mưa, bùn đất phủ lên ư? Ông phải bảo những nhà ở cạnh đường lấy xẻng giấy đi. Vô phúc con trâu nào không đi sang hai bên, mà bèn cẳng lên chỗ gạch lát ư? Ông làm biên bản. Tức thì, chủ bị phạt.

Kể trong làng có đặt chức ấy cũng tốt lắm đấy chứ?

Đường làng lúc nào cũng sạch, bền ai chẳng muốn ngắm?

Song, đó là về lý thuyết, chứ không phải về thực hành. Sự thật, người ta được gặp ông quản lộ ở ngoài đường. Bởi vậy, đường được rất ít hân hạnh để sạch và bền. Và những con trâu, cả trâu của ông quản lộ nữa, được nhiều hân hạnh đi lên nền gạch, thỉnh thoảng lết bệt vào đó những đống giẻ khá to để làm duyên.

*

* *

Sáng sớm hôm sau.

Bốn người hảo tâm đã chuẩn bị đòn, khênh đến đầu ngõ nhà chị Cu, bày sẵn trên đường, và vào trong nhà giục tới tấp.

Chỉ từng ấy người cũng đủ nhắc nổi chiếc quan tài, vì nó mỏng, và vật chứa ở trong cũng chẳng nặng nề gì.

Chỉ là một bộ xương nhỏ nhắn, bọc bằng làn da mỏng manh.

Trong phút chuyển cữu, chị cu Sút dứt ruột dứt gan. Chị gò lưng, cố níu cổ vắn lại. Nhưng mặc kệ, nó cứ theo tám cẳng chân, tiến nhanh thoăn thoắt.

Người ta nâng đều tay để xuống thêm và ra ngõ. Người ta đặt trên đòn, úp mái vào, thấp nển, thấp hương, rồi buộc lại bốn chiếc mảnh bốn bên cho chắc chắn.

- Ôi mẹ ơi là mẹ ơi, rồi đây một ngày một xa, biết bao giờ cho mẹ con ta lại gặp nhau! Ôi giờ cao đất dày ơi! Giường cao chiếu sạch mẹ chẳng nằm, mẹ ra nằm ngoài giữa đồng, mẹ ơi là mẹ ơi!

Nhưng có ai để ý đến sự kể lể thảm thiết ấy?

- Nào? Bắt tay vào! Xong ba hồi chín tiếng thì anh em lên cho đều nhé.

Tiếng phèng rè nổi lên như run, như khóc. Chiếc nhà táng vừa nâng cao, chị cu thương tâm quá, đứng không vững, ngã khuyu xuống đất.

Nhưng mà:

- Này! Hãy dậy đã.

Chị mở mắt ra nhìn:

Ông Quản lộ cầm roi mây, phì hơi rượu vào mặt chị, nói:

- Mày dậy đã, không có phép thế.

Chị Cu vừa khóc, vừa rên rĩ:

- Phép thế nào, ông ơi.

Ông Quản lộ cau mặt, gõ đầu roi vào nhà táng:

- Nghĩa là nó là phép thế. Đường là đường làng. Làng cắt tôi ra trông nom. Chị có tư cách gì mà dám đưa ma bà cụ lại không nói với tôi một tiếng? Bốn người này khiêng áo quan vào trong nhà trả chị ấy!

Chị Cu choáng váng, vội đứng dậy. Chị thấy ông Quản lộ giẫm một chân lên đầu đòn để ghì xuống. Chị khóc:

- Thôi, tôi lạy ông, tui vong linh mẹ tôi lắm, ông ơi!

Ông Quản cố xua tay cho mạnh, cố lắc đầu cho nhanh, cố nhăn mặt cho ra vẻ tức giận, nói:

- Chẳng có thì tôi đưa chị lên quan, chứ đường là đường làng hay đường riêng nhà chị mà chị dám mục đích rắc vàng bừa bãi ra đây? Ai quét hầu chị? Mà tử khí xông lên, ngộ người làng chết lây thì tôi biết nói sao?

Người xúm quanh, mỗi người một điều:

- Thôi, bác Quản, giờ sinh ra thế, bác ngơ cho chị ấy, chị ấy không biết phép.

- Không được, nghĩa là không biết phép thì tôi làm cho biết phép. Tôi có tư cách coi đường làng. Nếu tôi dễ dãi, ngộ rồi trên các cụ “trách nhiệm” tôi, thì ai ra chịu tội cho tôi.

Chị cu Sút thấy ông Quản lộ dùng những chữ việc quan để tỏ ra mình khó tính và hăng hái như vậy, thì sự thông minh bỗng vụt ngay vào trong óc chị.

Chị không khóc nữa, lấy vạt áo chùi đôi mắt đỏ hoe, rồi từ từ cởi nút dải yếm.

Liếc mắt thấy phát tài đến nơi, ông Quản dịu mặt:

- Tôi vẫn biết chỗ người làng người nước, làm ra sinh mất lòng mất bề nhau, nhưng nghĩa là việc quan anh cứ phép công anh làm, ai oán thì oán.

Nói đoạn, ông lại liếc mắt lướt nữa, thấy chị Cu đã nắm cái gì ở trong tay. Ông biết rằng không phải nói thêm gì. Ông đứng yên, để nhường lời cho chị. Mặt ông lúc đó, tuy trơ trên, nhưng tươi lăm.

Chị nhờ người vào nhà lấy cái đĩa, rồi để đánh (cạch) cạch hai mươi trình vào, dịu dàng thưa:

- Gọi là thế, có hơi giàu biểu ông, thôi thì ông cho các bác ấy khênh bà cháu ra đồng.

Ông Quản để năm đầu ngón tay vào lòng đĩa vét một cái rất anh hùng, rồi gật đầu, hất roi:

- Thôi được!

CON VE

Nhất định anh đòi bất kỳ được ve để chơi. Chà chà! Khóc dai đâu mà có dai ghê gớm thế! thôi, mồ hôi mồ kê lại chảy ướt đầm cả người rồi. Mà vú vừa tắm cho anh xong đấy. Thật là phí cả công người ta dỗ dành.

Trời này, đổ ai nghe tiếng trẻ hờn mà không sốt ruột được. Mà chẳng ai dại như trẻ con. Giá vừa tắm xong, được mát mẻ, anh ngồi ở ghế ngựa để vú kéo quạt hầu, có sung sướng biết bao không? Người lớn ước mong thế mà không được đấy. Vậy mà không, anh đòi nhai nhả ra các gốc cây ngoài đường để tìm ve. Anh khóc để đòi. Anh đánh vú, chửi vú để đòi. Quá quắt lắm! Chỉ tại một con ve phải gió ở đâu bay đến, bậu ngay vào cột giại gần chỗ anh tắm, để anh trông thấy. Giá nó cứ yên lặng, có lẽ anh không biết. Đằng này nó lại ve ve đình tai lên. Rồi nó vỗ cánh bay đi mất. Bởi thế trưa này, anh tức khắc đòi ra nắng bắt ve. Có khổ người ta không!

Đã ba hôm nay, trời oi bức không thể tả được. Không có một tí gió. Mây trắng chỗ dày chỗ mỏng. Thật như cái

nấp lò than. Lá cây ngã gục như sắp chết thiêu, chết khát. Ở bãi cỏ cạnh đình - chỗ ấy là chỗ mát nhất làng, vì trông ngay ra đồng - hai ba con trâu, mình nứt nẻ lượt bùn khô, nhấm mát, phồm phồm hàm dưới để nhai lại một cách uể oải. Ve sầu kêu ra rả trong các bụi.

Độ mười lăm phút một, lại có người cưỡi trâu, quần xắn lá tọa, tay cầm chiếc quạt nan, ra đây hứng gió. Nhưng rồi thất vọng, về ngay.

Ấy thế mà thằng bếp phải dắt anh ra đó. Vì con vú không được việc cho anh rồi. Thằng cha cầm chiếc sào dài đầu có dính tí nhựa mít. Nó để anh đứng chỗ râm, cạnh gốc tre, rồi tay che mắt, mặt ngẩng lên, nhìn trên các thân cây, trong những bụi rậm rạp.

Nhưng chẳng may, động nó thò sào rình con ve nào, là con ve ấy bay mất. Mà mỗi con bay, y như anh lại phụng phịu, rồi òa lên khóc.

- Để tôi bắt cho anh một con. Anh khóc to thì nó bay đi hết.

Thằng bếp dọa anh như thế. Vì nếu anh không nín, ông bà ở trong nghe thấy tiếng khóc, nó sẽ phải đòn và phải chửi. Mấy ngọn roi mà nó bị oan hai hôm trước, nay nó vẫn còn thấy rát. Nó chỉ sợ phải dỗ anh. Chưa bao giờ nó thấy một đứa bé khó tính và oái oăm như anh. Đã đòi cái gì thì phải biết! Chỉ trừ ông trăng trên trời, ông bà không thể lấy xuống được cho anh chơi thì thôi, còn anh muốn gì thì phải có ngay tức khắc. Chậm một tý không được. Anh nằm ềnh ngay ra đất, bất cứ chỗ bẩn hay chỗ sạch. Anh làm cho kinh thiên động địa. Ông bà xót xa,

thương con khóc lóc, sợ sinh bệnh, nên hết sức chiều chuộng. Làm con một nhà giàu, sướng thật!

Lúc đó, thằng cu Mến cũng bế em ra bãi cỏ cạnh đình để chơi. Bố nó đi đồng. Mẹ nó đi chợ. Ngay từ sáng, ăn cơm xong, nó phải làm bốn phận bế em, cho đến lúc lặn mặt trời. Hai anh em nó, chỉ có thằng anh mặc quần đùi chéo go. Da chúng nó sẫm như màu đất, vì lúc nào cũng phơi nắng. Nó tha em nó đến bất cứ chỗ nào. Bất cứ chỗ nào, nó cũng đặt em nó xuống đất để chơi với bạn. Nó ấn vào tay em nó mẩu gạch nhỏ, cái nút chai, hoặc cái mo nang. Thế là em nó chơi mãi được. Lâu dần để. Thằng bé có chán, nó cũng mặc kệ, thế là lại lủi thủi lê đi, tự tìm lấy một vật khác mà chơi. Chứ cấm có khóc bao giờ. Có khi đang chơi thích nó bị anh nó bế thốc dậy, lôi ra chỗ khác. Thằng bé oằn oài chống cự. Nhưng rút cục không được, thì cũng thôi.

Lần này, thằng Mến vừa bắt được con ve. Nó buộc chân con vật vào cái tóc dài cho em nó ròng. Thỉnh thoảng nó bóp ngực con ve, cho kêu. Nó dạy em nó cách ấy. Mỗi lần trong tay có tiếng lanh lảnh, thằng bé con lại cười khanh khách.

Được thứ đồ chơi hiếm có ấy, thằng Mến ra đình, đặt em nó ngồi phệt xuống thêm, rồi réo gọi một thằng bạn, rủ đi đánh đáo. Nó vừa chọn được hòn sành thật tròn để làm cái.

Anh thoáng trông thấy con ve xanh biếc trong tay em thằng cu Mến.

- Kìa kìa, ve kìa kìa, Bếp bắt cho anh!

- Của nó đấy mà, bắt thế nào được?

- Cú bắt cơ.

Nói đoạn, Anh vùng vẩy chân tay.

Bếp nhìn thẳng cu Mến, gọi:

- Cu Mến, lại đây tao bảo:

Thằng Mến bế em nó đến gần.

- Mà biểu anh con ve nhé.

Thằng bé lắc đầu, ngây thơ cười và đáp:

- Không, của em tôi chơi đấy.

- Khôi ve trong bụi, mà bắt con khác cho em mà.

- Bác lên mà bắt. Của em tôi, tôi không cho. Tôi bắt mãi mới được đấy.

- Tao cho mà cái sào đã dính nhựa mít rồi.

Thằng Mến lại lắc đầu:

- Chả đại.

Trong khi ấy, anh ngẩng ra nghe cuộc điều đình. Biết là không ăn thua, anh òa khóc. Chắc anh tưởng thằng cu Mến cũng sợ anh khóc như bất cứ ai trong nhà anh. Song, nó thản nhiên như thường. Nó nhìn anh. Em nó cũng nhìn anh. Hai anh em nó nhăn nhăn ra cười. Mặt mũi nhăn nhó và chân tay cả quẫy của anh, đối với anh em nó, là một trò giải trí.

Nhưng chợt ông ra. Hẳn ông đã thấy tiếng anh khóc.

Bếp sợ xanh mặt. Anh được thể, khóc to hơn. Ông cau mặt, hỏi:

- Sao thế?

- Thưa ông, anh đòi con ve của thằng bé Mến ạ.

Ông chạy lại gần. Ông thấy thằng bé đương cầm con ve kêu lanh lảnh. Ông dỗ nó:

- Mày cho anh. Mày tìm con khác nhé!

Nhưng thằng Mến cười:

- Của cháu mới bắt được cho em cháu chơi.

- Mày nhường anh một tý. Chóng ngoan.

- Không, em cháu khóc.

Ông móc túi, nói:

- Mày bán lại cho tao vậy.

Thằng Mến nhìn tay ông, nghĩ một lát, rồi đáp:

- Nhưng cháu chỉ sợ em cháu khóc.

- Mày mua quà dỗ em mày.

- Để cháu hỏi em cháu xem.

Ông giờ đồng kèn sáng lóe, ngọt ngào nói:

- Đây, tao cho mày những năm xu, đưa ve đây.

Lúc ấy, anh thín thít, yên lặng để nghe. Thằng Mến bảo em:

- Mày đưa anh con ve, để lấy tiền cho u đóng gạo nhé.

- Để mà đóng gạo.

Ông nhắc lại bốn tiếng ấy. Thằng bé không nói, không rằng. Chẳng biết nó có hiểu không. Nhưng thằng Mến giật lấy con ve, đưa anh. Anh cười khanh khách, sung sướng lắm.

Thằng bé con ngây mặt nhìn theo. Anh nó dạy anh bóp ngực ve. Con vật ra rả kêu rầm rĩ.

Anh cười tít mắt. Ông, thằng bếp, thằng Mến cũng cười. Duy có thằng em, tay nắm đồng năm xu, nhưng mặt ngây, miệng dúm lại để nhìn con ve.

Song, vừa độ một phút, một phút thôi, anh chán ngay.

Anh xòe cả năm ngón tay ra. Con ve được tự do, vỗ cánh bay đi. Hai ba cánh tay vội quờ ra để bắt, nhưng hụt. Anh đắc chí, cười giòn hơn.

Cả từng ấy người nhìn anh.

Chỉ có em thằng Mến là ra ý tiếc. Nó thản nhiên cho anh nó giật ở tay đồng năm xu, xoắn chặt vào cạp quần, như thể sợ ông lấy lại. Thằng bé cứ trông theo con ve, trông theo mãi, ngửa cổ lên để trông theo con vật lẩn vào bụi cây đằng xa. Rồi nó mới nhìn anh nó, đôi mắt vẫn ngơ ngác...

6-1941

BÀ LÁI ĐÒ

Chúng tôi tới một bờ sông và phải qua con sông khá rộng ấy. Chà, chúng tôi thở phào một hơi khoan khoái: chúng tôi sẽ được nghỉ ngơi trên thuyền. Một người đàn bà ngoại bốn mươi, ngồi cạnh một thằng bé chừng tám chín tuổi, hướng mặt ra sông, đang vót tre bằng con dao nhọn.

Thấy tiếng động, người ấy quay nhìn chúng tôi và có ý hốt hải, thu xếp các thứ rồi một tay cầm dao, một tay dắt con, nhảy xuống thuyền. Bà ta lay nhỏ vôi vàng cái sào cắm chặt vào bùn, rồi đẩy mạnh chiếc thuyền nan. Con thuyền chống mũi lên trời, vỗ sóng đành dạch, nhảy chồm ra xa. Nhưng không hiểu sao tự nhiên nó quay lại ghé vào bờ.

Đồng chí Việt Nam muốn chừng hiểu ý, nói:

- Bà cho chúng tôi sang sông với chứ. Sáu người chỗ không nặng lắm đâu.

- Vâng, cháu ghé vào chỗ khô để các ông khỏi lấm giày.

Chúng tôi xuống thuyền, ngồi thẳng bằng thì thuyền quay mũi. Chúng tôi duỗi chân cho đỡ mỏi, rồi lấy thuốc lá

ra hút. Chúng tôi nói chuyện với nhau về các khúc sông bên châu Âu. Gió hiu hiu lướt trên da chúng tôi mát rượi. Sóng phản ánh vàng, mặt nước chói như gương.

Quá nửa bên này, yên lặng, thuyền tôi chỗ chầy xiết. Chúng tôi phải vịn vào nhau để ngồi cho vững. Bỗng tự nhiên con thuyền chòng chành, đảo lộn đi, hất thẳng bé xuống nước. Đồng thời chúng tôi nghe tiếng bùng bực: người đàn bà tay cầm con dao nhọn đang xĩa đâm nát cả phía lái.

Nước ủa vào trong khoảnh khắc, cả chúng tôi băng ra giữa dòng. Trước thế nguy, chúng tôi giữ bình tĩnh.

- Anh em! Phải cứu lấy đàn bà và trẻ con!

Lệnh đưa ra, chúng tôi hết sức.

Chúng tôi chống nhau với sóng, với xoáy, để đuổi kịp những cái đầu lúc nhô lên, lúc thụt xuống, theo đà nước đỏ ngầu.

• Anh Bảo - tên Việt Nam của đồng chí Đức - đã nhanh tay ôm được thằng bé và cống nó vào bờ.

Còn chúng tôi đuổi theo người mẹ. Nhưng hễ nắm được cánh tay, thì người đàn bà quái gở ấy lại giãy giụa, hình như muốn chạy trốn.

Nhưng không thể. Chúng tôi phải cứu. Và sau hết, bà ta cũng được dìu vào bờ. Chúng tôi đặt hai mẹ con nằm trên cỏ, xúm lại chữa. Cả hai đã nôn ra được nhiều nước và đã thở được đều.

Chừng nửa giờ sau, bà lái đò mới mở đôi mắt mệt nhọc, nhìn chúng tôi, thở dài, nhắm mắt lại. Biết rằng bà ta đã tỉnh, đồng chí Việt Nam hỏi:

- Tại làm sao bà nỡ xử với chúng tôi như thế?
- Họ là người Pháp, chúng tôi không chớ cho giặc!

Chúng tôi kinh ngạc nhìn nhau. Đồng chí Việt Nam mỉm cười:

- Các đồng chí này không phải là người Pháp mà người châu Âu, giúp chính phủ ta đánh Pháp đấy bà ạ.

Bà lái đò uể oải nhìn chúng tôi một lượt, rồi không hiểu bà ta có tin hay không, lại thấy bà ta nhắm mắt như trước.

- Thế nếu các đồng chí này là người Pháp, sao bà còn để xuống thuyền?

- Tôi cũng tính chạy, nhưng sau sự nghĩ ra là các ông có súng, không để các ông xuống cũng chết. Đằng nào cũng chết, thà tôi chết mà giết được tất cả có hơn không?

Chúng tôi kinh ngạc nhìn nhau. Đồng chí Việt Nam lắc đầu, hỏi:

- Nhà bà ở đâu?
- Tôi không có nhà, chỉ có chiếc thuyền ấy.
- Thế gia đình bà có những ai?
- Tôi góa, chỉ có một thằng bé.

Bà mở mắt ra nhìn con, rồi quờ tay sờ trán và ngực nó.

(Thuật theo lời một đồng chí

Tiếp Khắc tháng 8-1948)

HAI MẸ CON

A Thao đặt gánh củi tựa vào cột chuồng trâu, rồi đến ngồi ở bậc cuối cầu thang, lấy nón quạt vào mặt.

Trời đã về chiều, nhưng còn nắng. Mặt A lấm tấm mồ hôi. Lưng áo A ướt đầm. Bỗng A ngừng đầu lên gọi:

- Cò à!

Tiếng gót chân nện trên sàn. Bà Thao, mẹ A, ngó đầu ra cửa, vừa thất dầy dao quanh lưng vừa nói:

- Thằng hùm bắt! Nó đi trâu đã về đâu!

Rồi bà mỉm cười tiếp:

- À, Thao à, hôm nay, tao đi thôi!

- Đi đâu, hả mé?

Bà Thao không đáp, bà chỉ hất hàm làm hiệu. Nhưng cô con gái cau mặt:

- Mé làm chả nên đâu, cao lắm. Nó biết thì khốn.

- Biết! Sợ gì! Có họa tao là trẻ con, mày mới phải dạy.

- Nhưng con đã quen, không khéo, mé làm con thua chị Hiền.

- Mày đi mấy lần rồi còn gì. Lần này thì phân tao! Tao cũng phải làm cho quen chứ?

- Không, việc là việc của người đi Phụ nữ, mé lại cứ tranh.

- Chả là việc của ai, các người khác làm thôi.

Nói đoạn bà bước xuống đất:

- Mày mới lấy củi về thì mày ở nhà, chốc nữa thổi cơm cho tao.

Rồi rào cẳng ra cửa, bà quay lại cười:

- Mày nhường tao hôm nay. Tao làm được, khó gì, lần sau tao chả tranh nữa.

A Thao đặt nón xuống đất, đứng dậy, nhìn theo mẹ. Bà thoăn thoắt xuống dốc núi. Thỉnh thoảng đứng dừng lại, giơ dao, phát những cành rườm rà lối đi.

A lên thang, múc nước rửa chân, rồi dòm vào các ống. ống nào cũng đầy ràn rụa. A vào nhà, ngồi cạnh bếp, thổi lửa. Củi lom dom cháy. Chẳng có việc gì làm. A buồn, ngả lưng nằm xoài xuống sàn, lơ mơ ngủ.

Đằng phía chân rừng, từng lát một, cối giã gạo tuy ầm giạt và trống trải, nổi lên tiếng ken két thông thả, nặng nề như nghiêng rặng, theo sau là tiếng nước đổ đánh ào, rồi một tiếng thịch rất khô và khê. Đàn trâu đi về, mõ kêu lóc cóc, giòn, vang.

Thằng Cò ngồi rạng cẳng trên lưng con đi đầu, dang tay giương súng cao su, bắn hòn sỏi lên lá cây đánh soạt.

Đến sân, nó rửa chân âm ỉ, rồi đi mạnh, làm rùng rình cả nếp nhà rộng lớn. A Thao sực tỉnh, mở mắt ra:

- Cò à, mày ra nương đem gạo về cho tao. Mày đi chơi à. Mé chửi đấy.

Thằng Cò ngồi duỗi thẳng hai chân, đương mê mải với cái súng, thân nhiên đáp:

- Tao đến chơi với các anh ấy dạy hát, chứ chơi đâu mà chửi.

- Ra đem gạo về.

- Thế mày ở nhà làm gì không đi được?

- Tao mệt, đương bực mình đây!

- Mé đâu?

- Không biết, hỏi làm gì?

- Không biết thì thôi. Đây tao biết. Tao biết bà Lu bên bản Quảng chết rồi cơ!

A Thao nhòm dấy:

- Thật à! Chết bao giờ?

- Cứ mắng người ta, bây giờ còn hỏi! Chúng nó đi trâu. Chúng nó nói chuyện thế chứ ai biết chết bao giờ. Các anh ấy bảo các anh ấy làm vòng hoa để đi đưa đám.

A Thao im lặng. Hôm kia, nghe tin bà Lu, A đến thăm. Bà bị một phát đạn trúng đùi bên phải. Bà dịt thuốc tương khô.

Thấy thằng Tây trắng đuối, thì bà chạy. Bà chạy nhanh quá. Nó theo không kịp mới bắn. Tưởng là tại nó nghi gì, chả hóa ra nó bắn bà què để nó hiệp.

A ngồi thù người để nghĩ. Không hiểu sao bà đã nghe rõ tiếng ô tô, mà còn liêu lĩnh, khinh thường, cứ vượt qua đường cái nó sắp tới. Vì vậy, nó mới trông thấy. Một ngày gì mà còn lạ chúng nó.

Rồi thở dài, đứng dậy, A lấy nồi đổ nước để thổi cơm. A buồn, nên làm uể oải lắm.

Ngoài trời đã tối sẫm. Ngọn lửa vàng, bập bùng trong bếp, cháy đã to. Những cột, sà đen nhầy, nhoang nhoáng sáng.

Bỗng phía ngoài có tiếng nước giội khe khẽ. A Thao trông ra. Mé A đã về, ôm cái gì bọc trong vạt áo. A không để ý, vì còn bận tìm đôi dưa cà. Bà Thao lảng lảng vào nhà, đến đứng cạnh bếp, giơ đèn rơm máu ra ánh sáng. Bà thò tay dứt con vắt, ném vào lửa, rồi ngồi xuống, đổ bữa ở bọc ra đưa cho con gái một quả:

- Này, ăn đi.

Rồi hát hàm, bảo con trai:

- Thằng Cò ăn đi.

A Thao, hai tay hai dưa cà, vừa ghế cơm, vừa nói:

- Mé ạ, bà Lu chết rồi.

Bà Thao gật đầu:

- Ừ.

- Đám ma có bộ đội phúng vòng hoa.

- Tao biết rồi, tao cũng vừa sang bên Quảng.

Bỗng bà sực nhớ ra, quắc mắt nhìn thằng Cò:

- A, Cò, sao mày bắn trúng vào trán thằng Sỏi, nó chửi cho kia kia.

Thằng Cò cãi:

- Kệ nó, nhờ tay chứ ai định.

Thấy mẹ sắp mắng em nữa. A Thao rút củi ra cho nồi cơm khỏi rào, rồi hỏi:

- Chẳng biết đi ban ngày ban mặt thế, mé làm có nên không đây.

- Cũng được thôi.

Rồi bà lấy ngón tay quệt tý máu đọng ở bắp chân, bôi vào cột:

- Không cần. Hôm nào nó chữa xong, tao lại đi. Tao biết rồi. Việc là việc cụ Hồ thôi mà.

A Thao tránh cho khói khỏi bay vào mắt, đáp:

- Mé đừng, để con thi đua. Thế cái ấy mé cắt đâu?

- Tao vặn xoắn lại, vút mẹ nó xuống xuôi. Nó chả tìm thấy được.

Nói đoạn bà đắc chí, vừa cười vừa đứng dậy, đi lau lưỡi dao dính nhựa bừa vào cái giẻ:

- Cũng chả khó đâu. Tao tưởng thế nào, chứ như thế thì phụ lão cũng làm nên. Tao còn chặt gãy thêm ba cái cột, rồi lấy búa mồi, tao mới sang Quảng.

Rồi ngồi phệt xuống chỗ cũ, bà hỏi:

- Cắt dây thép luôn thế thì Tây thua đấy nhỉ, mày nhỉ?

A Thao vội gật đầu một cái:

- Ừ.

A đương mải chum môm lại để thổi lửa.

Ngày 24-8-49

TRUNG THÀNH

Hồi còn thực dân Pháp thống trị, không biết nịnh hót giỏi thế nào, mà thằng Mai, từ một chú bé con kéo quạt ở trong trại binh, nó làm được tuần phủ đến một tỉnh. Chắc hẳn nó phải phản dân, phản nước ghê gớm đến thế nào mới được. Để thưởng mỗi thành tích của nó, quan thầy nó gán cho nó một cái mẽ-day. Nó có cả thầy bầy chiếc, đeo choáng cả ngực. Cái dấu hiệu nhục nhã nhất của đời làm quan nó, là cái Bắc đẩu bội tinh, thì nó lại cho là vinh dự nhất. Nó khoe mãi, đó là phần thưởng cao quý nhất của “chính phủ” đền công cho các quan “An Nam”, mà chỉ từ hàng tổng đốc trở lên mới được. Sở dĩ nó được thưởng mẽ-day đó, là vì năm nó ở Thái Nguyên, đã có công dẹp cộng sản rất đắc lực.

Thường nói chuyện với bạn đồng liêu, nó tiếc sinh không hợp thời. Giả sử nó sinh sớm hay muộn bốn mươi năm, thì nó còn làm to hơn “Cụ Hoàng Cao Khải...”, cụ Hoàng Cao Khải của nó là loại Việt gian bán nước số một, được Tây cho làm Kinh lược Bắc Kỳ và được thưởng làm Quận công.

Năm 1930, sau ngày khởi nghĩa Yên Bái, nó nghe chuyện giặc Pháp đem máy bay đến triệt hạ làng Cổ Am, vì làng ấy chứa cách mạng. Một tên tổng đốc về hưu, ở làng, lo sợ bom đạn giội xuống nhà mình, bèn mặc mũ áo đại triều, đeo tất cả mề đay, ra ngồi ở sân. Khi thấy máy bay liệng đến gần, thì nó nâng cái mề đay Bắc đẩu trên gan bàn tay, giơ lên cao, để các quan ở trên trông rõ. Thằng Mai phục và khen mãi bạn là thông minh, nhanh trí khôn.

Cho nên sau ngày Tổng khởi nghĩa, người ta khuyên nó đốt mề cả mũ áo lẫn mề đay đi, thì nó không nghe. Nó giấu tất cả lên trần nhà. Bởi vì nó tiếc sự nghiệp làm giàu, làm sang của nó, nên giữ lại để kỷ niệm, làm gương cho con cháu. Biết đâu sau này không có lúc lại dùng.

*

* *

Trong thời kỳ kháng chiến, để thúc đẩy tính lưu manh của quân lính, thỉnh thoảng giặc Pháp kéo đến các làng gần vị trí để cướp của và hiếp phụ nữ. Đối với ngụy binh, thì chúng đặt ra ba hạng vé để bán. Hạng 20đ, hạng 50đ, và hạng 100đ. Đứa nào mua vé hạng nào phải trả tiền trước, mới được mua. Và tùy theo giá vé, chúng được chia nhiều hay ít, hoặc hiếp những người đẹp hay xấu. Cũng có thằng mua vé mà về không được gì, hoặc vớ phải váy đụp, thì chửi nặng cả cấp chỉ huy. Rồi bất kể cả kỷ luật, nó ra phố, xông bữa vào nhà người ta, để ăn lương, chơi quýt.

*

* *

Vì quanh miền này luôn luôn bị giặc đến tàn hại, nên

nhân dân sống như cá nằm trên thớt. Du kích làm vọng gác ở tận trên ngọn cây đa cao để canh. Suốt đêm, họ cất lẫn nhau ngồi trên cái vĩa vọng tiêu ấy. Ai không phải lượt gác, thì lúc nào lựu đạn, giáo, mác cũng cạnh mình, để sẵn sàng bảo vệ xóm làng. Nhưng nhiều người chỉ dám ở làng ban ngày. Từ xẩm tối trở đi, họ phải tản cư đến một nơi khác, cách chừng năm cây số. Họ sợ giặc, tối bất thần thì chạy không kịp. Bởi vì chúng có thói quen đến ngay từ tờ mờ sáng.

Đến lượt làng thẳng Mai ở vào tình trạng bị đe dọa.

*

* *

Một buổi sáng, có tiếng súng liên thanh ở đằng xa. Giặc đến. Người ta chạy rầm rầm, gọi nhau đi lánh giặc ới ới. Cả làng tức tốc gồng gánh, dắt díu nhau sang bên kia sông. Người không kịp chèo thuyền thì bơi cõ. Có chết đuối cũng còn hơn chết trong tay giặc.

Nhưng thẳng Mai bình tĩnh như thường. Nó đã ng. và định trước cả rồi. Nó theo gương thẳng Tổng đốc (Am. Nó quát con cháu, cấm không được chạy. Nó bảo: "P có tao. Không việc gì phải sợ".

Nó đội mũ dát vàng, mặc áo cổ đồng, đi hia nhung v cầm cái hốt ngọc. Nó đeo đủ mề đay trên ngực. Nó bắt v nó mặc áo mệnh phụ, tay bưng hòm sắc. Nó đứng ở cổng, chấp tay sẵn. Giặc tiến đến. Nó khom lưng, vãi một cái thật dài.

Thằng chỉ huy người Pháp, mặc quần cộc ống, áo cộc tay, lông lá xồm xoàm, râu ria hung hung, tua tủa như

bàn chải, thấy có thằng ăn mặc ngộ nghĩnh, thì nó cau cái mặt tím như quả bồ quân lại, long đôi mắt lên để nhìn, như nhìn một cái quái vật. Nó sai một thằng tùy tùng nắm người để khám khí giới.

Thằng Mai nói tiếng Pháp với thằng Pháp. Rồi gọi vợ mang hòm sắc ra. Nó mở, lấy bằng, sắc, và rất nhiều ảnh chụp chung với bọn Toàn quyền, Thống sứ, và những thằng mũi lõ khác.

Nó dẫn thằng chỉ huy và bọn tùy tùng vào nhà. Nó mời uống rượu và thết cơm chúng nó. Rồi nó xin một đặc ân:

- Tôi vốn là một tên đầy tớ rất trung thành với Chính phủ bảo hộ. Suốt ba mươi năm làm quan, tôi lập được rất nhiều công trạng. Những mề đay, những bằng sắc đây, chứng thực cho những thành tích của tôi. Cho nên, tôi tin rằng lính Pháp nhân đạo, và tôi chắc rằng các quan không nỡ xử với tôi như với dân thường. Vì vậy, không làm như người làng tôi, tôi cấm gia đình chạy trốn. Các quan đến đây thì tôi mừng, cho nên tôi phải mặc phẩm phục, ra đón tiếp. Nếu bận sau, các quan đến làng này, xin cứ vào nghỉ ở nhà tôi, muốn gì cũng có.

Thằng chỉ huy nốc cốc rượu thứ hai xong nó gật đầu khen tốt:

- Tốt thì các quan để cho yên. Dân làng không chống lại các quan, thì các quan cũng để cho yên.

- Vâng, chúng tôi hiểu lắm. Quan lớn nhân đức, thế là phúc cho tôi. Nhưng tôi có một điều e ngại. Là nếu quan khác đến đây, thì sợ không được như quan lớn. Cho nên tôi muốn xin quan lớn một cái giấy cấm bận sau lính không

được vào nhà này. Lấy lý do là nhà của một tên đầy tớ cũ rất trung thành của nước Pháp.

Thằng chỉ huy gạt đầu. Nó vắn bút máy và lấy giấy để viết. Rồi nó đưa cho thằng Mai và nói:

- Ông yên trí là từ nay không ai được vào nhà này để quấy nhiễu. Đây là lệnh của cấp chỉ huy, quân đội Pháp rất kỷ luật. Nhưng ông còn phải bảo du kích không được chống lại các quan, nghe chưa?

Thằng Mai khúm núm, giơ hai tay ra đỡ, và cúi rạp lưng xuống để cảm ơn. Nó coi mảnh giấy như đạo bùa hộ mệnh. Trong khi ấy, thằng chỉ huy và bọn lính kéo nhau đi sục làng. Độ một giờ sau, lợn, gà, mâm nôi, bát đĩa, và những chiếc bồ nặng, không biết trong đựng những gì, bị gánh kiệu kịt đi. Từng chòm nhà tranh, khói bốc lên ngùn ngụt.

Thằng Mai tiến giấc lên đường, thấy làng mạc xơ xác, nó nghĩ đến nhà nó nguyên vẹn, càng tự đắc là khôn ngoan.

*

* *

Một tháng sau, lại có toán giặc đến làng. Nhân dân lại bị một mẻ chạy. Nhưng thằng Mai vẫn bình tĩnh. Nó mặc áo thun xanh, đeo mề đay, đứng ở cổng đón. Bọn giặc này là bọn giặc khác, chứ không phải bọn trước. Lính đi qua, đọc tờ giấy thì vùng vàng đi thẳng. Thằng Mai cũng mời được thằng chỉ huy vào nhà thết cơm rượu, để tỏ tình chớ ngựa trung thành.

Sau khi bọn giặc cướp xong, ra khỏi đầu làng thì thằng Mai sung sướng cười với vợ con:

- Dân mình còn ngu dốt thế không trách chết cũng

phải. Tao đã bảo chúng nó không phải chạy đâu. Cứ vào đây, gửi đồ đạc vào đây, có phải được yên lành không. Còn chỗ trú ẩn nào chắc hơn nhà này nữa? Tao thấy là đánh lại các quan là một, chạy trốn các quan là hai, thì thế nào cũng chết. Cho nên làng nào có du kích, thì làng ấy còn bị tai hại.

*

* *

Muốn tỏ cho mọi người biết cái đời làm quan với Pháp của nó còn ảnh hưởng tốt cho cả nhân dân thời Dân chủ Cộng hòa, nên nó bảo các tá điền của nó, rồi nó bảo cả người làng, có gì quý thì cứ gửi nó. Đến khi có báo động, thì cứ vào nhà nó, nó sẽ nhận là con cháu, đầy tớ, thì được nguyên vẹn cả người lẫn của. Nó khuyên tá điền đừng vào du kích, trả vũ khí cho Ủy ban. Bởi vì đã có nó bảo vệ làng.

*

* *

Một buổi sáng, có tin giặc tới. Một số người tản cư sang bên kia sông. Một số người chạy tọt vào nhà thằng Mai. Thằng Mai súng sính cái áo gấm. Cái giấy lệnh cấm được đóng khung kính, để giữ nguyên vẻ mới, treo ở cánh cổng. Thấy toán lính đến, thằng Mai vái chào, và nâng cái khung bằng hai tay giơ lên. Một thằng giặc đọc xong, nó bĩu môi, nhún vai. Rồi, không biết nghĩ thế nào, nó quật cái khung xuống đất, và hát hàm gọi nhau.

Cả toán giặc kéo ô vào trong nhà. Không phải mất công tìm, tất cả phụ nữ đã tập trung cả ở đây, tất cả của cải đã bày sẵn cả ở đây. Tha hồ chúng nó hành động dã man.

Chúng nó bắt thằng Mai ra đứng ở sân. Một tốp khuôn vác đồ đạc. Một tốp hăm hiếp phụ nữ. Và hai tốp thay đổi nhau làm việc. Cả vợ lẽ, con dâu, con gái thằng Mai cũng bị giặc thay nhau làm nhục hàng giờ.

Giặc được món đồ. Người đã đẹp, của lại nhiều. Nguyên những đồ dùng của thằng Mai đáng giá hàng vạn, hàng triệu. Tất cả những sập gụ, tủ chè, ngà voi, đồ thờ đồng, cốc chén bạc, nữ trang vàn ngọc và kim cương vân vân, là những thứ nó vợ vét của mấy tỉnh Thái Bình, Nam Định, Hưng Yên, Hà Đông, Hải Dương trong đời làm quan của nó, đến nay, theo chân giặc tách ra khỏi nhà, chồng chất lên mấy xe ô tô cao vòi vọi.

Thằng Mai chết điếng. Vừa tiếc của, vừa ức với lũ lính vô kỷ luật, nó lại sợ người làng oán thù.

Cho nên khi bọn lang sói sắp trở ra, thì nó đi theo, tìm thằng chỉ huy.

Tưởng nó phản kháng, thằng chỉ huy đuổi nó quây quây. Nhưng nó nói:

- Tôi xin các quan cho tôi theo ra Hà Nội. Tôi không thể ở làng được, vì người ta sẽ giết để báo thù tôi. Tôi mất tín nhiệm rồi. Tôi xin các quan bảo vệ cho tôi.

Thằng chỉ huy nhún vai, quay đi. Thằng Mai cứ leo đèo đằng sau. Nó van lạy những thằng lính để xin một chỗ trong ô-tô. Rồi cứ trèo bừa lên một chiếc.

Xe ấy chất đầy những đồ đạc. Lại còn lính và phụ nữ nữa. Một thằng thấy sống áo thằng Mai thùng thình, thì cầu nhàu, văng tục để chửi. Thằng Mai nghe hiểu, nhưng cố bám chặt lấy cửa xe.

Đi được ba cây số, lũ lính thấy thằng Mai vương vịu quá, nên đuổi xuống. Thằng Mai nản nì. Một thằng lính giơ báng súng vào ngực nó để dọa. Không ăn thua. Thì một thằng khác, thực tế hơn, gõ tay thằng Mai vịu ở cửa, đẩy mạnh nó xuống đường. Xe đang chạy, thằng Mai ngã còng queo. Bốn chân tay co quắp. Cái khăn xếp nhiều tây lẫn lông lốc, méo xệch. Cái áo gấm rách lỗ chỗ thành hoa thệt. Mặt mũi nó bị bụi đá bám hết vào với máu, thành trắng xóa, lẫn cả với màu tóc, màu râu.

1955

CÂY MÍT

Sau nhà ông Lũng có cái vườn rộng ngót nửa sào. Giữa vườn có một cây mít to, lá rườm rà, bóng rợp cả khu. Từ gốc lên, bám vào thân cây, đến cành, chi chít những quả lớn. Khách qua đường, ai không biết, nhìn cái cây sai quả, thì tấm tắc khen:

- Quý hóa chưa! Thật là hái ra bạc.

Nhưng sự thực, cây mít này đã gây bao tai họa cho gia đình ông Lũng, và chứng kiến bao đau khổ của bố con ông.

*

* *

Ngày xưa - nghĩa là sáu mươi năm về trước - còn đời ông nội ông Lũng, thì ông cụ vẫn trồng trọt hoa màu ở cái vườn này. Tuy đất hẹp, nhưng mùa nào thức ấy, thu hoạch quanh năm cũng có đồng ra đồng vào.

Một năm - năm ấy ông Lũng lên chín - ông cụ xin được của người họ ở làng Vòng một cây mít mật con. Ông cụ gánh về, trồng ở giữa vườn, rào xung quanh cẩn thận, và bảo con cháu:

- Giống này sai và ngon. Tao chưa được ăn bao giờ. Nghe nói quý lắm. Nhưng chắc gì tao đã sống đến ngày có quả. Tao chỉ ước chết vào vụ hè, để chúng mày cúng tao toàn bằng mít.

Cây mít lớn dần.

Ông nội ông Lũng qua đời.

Bố ông đẻ thêm nhiều con.

Gia đình trở lên túng quẫn, thường ngày ba tháng tám, vẫn phải đi vay gạo hàng bữa.

Xóm ông có thằng địa chủ tên là Tôn. Hiện nay nó vẫn còn sống. Nó thích ăn mít. Nhà nó cũng có một cây, nhưng cây nhà nó quả không sai và không ngon. Nó đã lấy giống mít Vòng, nhưng trồng cây nào, chết cây ấy. Nó chỉ ước ao có cây mít Vòng để ăn quả và lễ quan. Nhưng muốn có, thì phải mua. Mua thì phải mất tiền. Giống địa chủ có quen mua mất tiền cái gì bao giờ đâu. Giống ấy chỉ quen nhận đồ biếu. Nếu không ai biếu thì ăn hiệp hoặc ăn lừa. Nhưng khốn nỗi, ở Vòng không ai là tá điền của nó, mà cũng không ai nợ nần gì nó để nó kể ơn, lấy không mít của người ta.

Một lần mẹ ông Lũng ốm. Bà thèm của ngọt. Trong nhà lại hết tiền. Bố ông nghe nói nhà thằng lý Tôn có mật, nên đến mượn tạm. Nó đưa hẳn một bát, lại cho vay thêm hai đấu gạo nếp. Nó bảo:

- Người ốm thèm ăn gì, cứ cho ăn cái ấy, tức khác khỏi.

Sau khi mẹ ông khỏi bệnh, thằng Tôn đến đòi mật và gạo. Bố ông không có để trả. Nó không nói gì, ra vườn ngắt cây mít, mới cao độ một thước. Nó hỏi:

- Có đúng giống mít Vòng không?

Bố ông đáp:

- Thưa đúng.

Nó đúng một lát rồi về.

Nửa tháng sau, nó lại đến đòi nợ. Bố ông lại không có để trả. Nó nói:

- Thế thì vợ chồng mày gán cho tao cây mít con này.

Mẹ ông thấy không thiệt thòi gì, lại được sạch nợ, thì cho là một sự may mắn, nên bảo chồng:

- Phải đấy, cứ gán cho ông lý. Đến kỳ cúng ông thì xin ông ấy một quả. Chứ nhà ta ài thiết ăn.

Thằng Tồn bắt bố ông làm giấy nhượng đứt cho nó cây mít.

Vườn nhà. Nhưng cây của người.

Cái năm cây mít bói quả đầu tiên, bố ông đến nói với nó, xin để cúng ông cụ. Nó ngọt ngào đáp:

- Thế là đúng. Người trồng cây phải được ăn quả trước người khác. Được, mày cứ lấy. Nhưng đừng bỏ. Cúng xong lại mang trả tao.

Đến mùa rau, mẹ ông nhìn cây cải cứ bé cần đi, nghĩ mãi mới tìm ra lý do:

- Tại cây mít che mất nắng, nên rau không lớn được. Phân gio tưới tắm là thế chứ còn thế nào nữa.

Bố ông thở dài:

Rồi cây mít còn to, bóng rợp còn rộng. Rễ nó lại ăn hết màu đất. Không biết rồi vườn này trồng gì.

Năm sau, theo lệ năm trước, bố ông không nói với thằng Tồn, trảy một quả mít chín, định để cúng ông cụ.

Thằng Tôn - khi ấy đã làm phó tổng - giận cái thói nông dân tự do chiếm đoạt tài sản của địa chủ, nên phải làm cho bố ông biết tay nó.

Tay cầm ba-toong, hăm hăm đến nhà. Nó không đánh bố ông. Nhưng quật cái bài vị của ông nội ông, và chửi thằng ăn trộm mít. Nó hất cả mâm cơm cúng xuống đất.

Thấy bố ông nói bướng, nó trối vào gốc mít, bắt quỳ hai đầu gối vào hai nửa quả mít mới bổ đôi. Rồi nó đánh và giao hẹn:

- Từ nay, ông giao cho vợ chồng mày phải trông cây mít. Mất quả nào, ông chẻ xác vợ chồng mày ra. Cho chữa thói ăn cắp!

Bố mẹ ông cực quá, nhưng không biết làm thế nào được.

Cây lớn dần. Cả vườn bị cớm nắng. Cỏ cũng không mọc được huống chi là hoa mầu.

Mẹ ông bàn:

- Hay là bán quách vườn đi.

Nhưng không ai mua. Vườn ấy không thể trồng trọt. Và không ai dại mà làm người canh mít công không cho địa chủ gian ác, mất quả nào, chết với nó quả ấy. Mẹ ông kiếm ăn mỗi năm một vát vả thêm. Thiếu đất để trồng hoa mầu, gia đình bớt hẳn một mối lợi. Rồi sức nghĩ ra, bàn:

- Hay là ta bán vườn cho cụ Chánh? (thằng Tôn đã làm chánh tổng).

Bố ông đến nói với nó:

- Ngày xưa cái năm u cháu ốm, cụ có giúp một bát mật với hai đấu gạo. Con gán hầu cụ cây mít. Ngày ấy cây còn nhỏ, không nói làm gì. Nhưng hai mươi năm nay, cây ấy

sai quả, mùa nào cụ cũng hưởng. Đó là quyền của cụ. Con không dám nói đi nói lại. Nhưng có một điều con phải nghĩ ngợi nhiều, là cây của cụ, nhưng nó lại mọc trên vườn của nhà con. Cho nên, con muốn nhường đứt hầu cụ cái vườn. Kéo con vẫn mang tiếng là có cây mà không được ăn quả.

Thằng Tồn bỏ dọc tẩu xuống, ngồi nhồm dậy, đáp:

- Anh nói cũng có lý, nhưng anh có để phần có lý cho tôi nữa hay không. Anh làm như ở đời này chỉ có mỗi một mình anh là khôn thôi ấy.

Rồi nói thêm:

- Anh xem, gần tất cả cây ăn quả ở xóm này là của tôi mua hết. Cũng như cây mít của anh. Nhưng có ai kêu ca phần nản gì đâu? Có ai đến nói nhường vườn cho tôi không? Ai cũng trông nom cho tôi rất cẩn thận, không cây nào suy suyễn quả nào. Hơn hai mươi năm nay, tôi ăn mít Vòng đã quen rồi. Thôi anh về đi, nói lảm, rắc tai tôi.

Nói đoạn, nó sai người đuổi bố ông Lũng ra cổng.

Năm năm sau, bố mẹ ông qua đời.

Ông Lũng cũng đẻ nhiều con. Gia đình càng đậm ra túng thiếu. Ông đã phải bán đến thửa ruộng cuối cùng cho thằng Tồn. Nhưng cái vườn sau nhà thì cho cũng không ai muốn lấy.

Bà Lũng bực mình lắm. Mỗi năm mùa mít đến, bà nhìn những quả xanh nhu nhú như cái nắm tay ở thân cây, bà tính lấy gậy nhọn chọc cho thối mẹ tất cả đi cho đỡ ngứa mắt. Nhưng bà không dám. Tuy thằng Tồn đã từ chánh tổng, nhưng con cả nó làm lý trưởng, uy quyền không kém bố ngày trước. Thằng này cũng có cái thói cho vay để chiếm cây ăn quả của vườn người ta.

Ông Lũng thì coi cây mít như một vật thù. Chính nó làm cho hai đời trong gia đình ông vì túng bần, mà vợ chồng, bố con lục đục, cãi cọ nhau luôn. Mùi quả chín thơm ngào ngạt luôn luôn nhắc ông đến những nỗi uất ức. Nhất là khi thấy đứa con nhỏ tập nói “Cây mít của nhà ta”, thì ông càng căm hờn. Ông nội nó, bố mẹ ông, nay đến vợ chồng ông, có cây mít ở vườn đấy, nhưng đã ai biết mùi mễ nó như thế nào đâu.

Một hôm, nghe con ông khóc, đòi ăn mít, ông không thể nhịn được. Ông cầm con dao dứa, chém vào thân cây hai nhát thật mạnh.

Việc đến tai thằng Tôn. Lập tức, nó phăm phăm đến. Nó chửi ông là làm phản. Nó sai đầy tớ đóng bốn cái cọc ở cạnh cây mít, buộc bốn chân ông vào, rồi cầm cây chuối vào lỗ dít, và đánh. Ông như con ếch bị căng, giãy giụa. Một lát, máu dít vọt ra.

Bà Lũng ở đồng về, tay xách giỏ ốc. Thấy chồng bị đòn, bà vội vàng chạy đến. Thằng Tôn giật lấy, quăng ra ngoài hàng rào, rồi đá bà một cái ngã sòng soài. Ốc rơi tung tóe. Thằng bé con bò lồm ngồm theo cái giỏ, vừa nhìn qua kẽ rào, vừa khóc. Nó đói, mong mẹ về để có ốc ăn.

Sau trận đòn, mình mẩy ông Lũng sưng vù, bốn năm hôm mới khỏi.

Dạo tháng năm năm ngoái, một đêm, mưa to gió lớn. Cái cành mít to nhất bị gãy, rơi thẳng xuống nóc nhà. Nhà vốn yếu, nên đổ. Cái cột dè lên đùi bà Lũng. Bà chữa mãi không khỏi. Hiện nay, đi đâu bà cũng phải chống nạng.

*

* *

Cho tới năm nay, vừa đúng bốn mươi một năm, thì đội phát động về. Ông Lũng lấy lại được cây mít. Các cây trong làng cũng được giải phóng thoát tay địa chủ về với gia đình nông dân.

Lại đúng vào vụ mít chín. Ông Lũng bổ một quả to nhất làm tư, bóc ra múi, đặt lên bàn thờ, rơm rơm nước mắt, khấn ông bà cha mẹ. Rồi vợ chồng con cái xúm lại ăn. Không ai nói với ai câu nào. Hình như họ sướng quá. Không phải vì sướng vì được hưởng cái vị ngọt của giống mít Vòng, nhưng sướng vì đã giành đã cái quyền ăn quả của cây nhà trồng đã ba đời nay.

Nhưng ông Lũng ăn có ba miếng. Ông đứng phắt dậy, lấy cái đĩa, xếp vào đó độ hai chục múi to nhất, và nói:

- Để đến tối, hộp xong, tao đánh lừa anh cán bộ về nhà, để mời anh ấy ăn với tao, thì tao thật thấy ngon, thấy sướng.

NGƯỜI CẬP-RẰNG HẦM XAY LÚA

Các em lớn lên, chỉ thấy đảo Côn Sơn được gọi bằng cái tên đẹp là hòn Đảo Ngọc, chưa chắc ít em biết là trước ngày 30 tháng 4 năm 1975, ngày mà toàn quân và toàn dân ta đại thắng bọn Mỹ cướp nước, và bọn bù nhìn bán nước, thì đảo ấy lại là một địa ngục ở trần gian đấy.

Côn Sơn thuộc quần đảo Côn Lôn, ở về phía đông nam của Nam Bộ nước ta, cách đất liền gần nhất là 83 ki-lô-mét. Nguyễn Ánh, tên vua phản dân phản nước nhờ quân Pháp giúp chống lại nhà Tây Sơn, đã dâng Côn Lôn cho Pháp để đền ơn.

Mấy chục năm sau, thực dân Pháp xâm chiếm toàn nước ta. Việc đầu tiên của bọn giặc cướp nước là tìm một nơi hẻo lánh, xa đất liền để làm chỗ tù đầy, giam cầm những người yêu nước Việt Nam chống lại chúng. Chúng đã chọn đảo Côn Sơn. Số người bị kết án từ mười năm tù trở lên bị đưa ra đấy. Chúng xây ba khu vực lớn gọi là

banh, nghĩa là nhà giam. Banh 1 giam tù thường. Banh 2 giam tù chính trị. Về sau, vì tù đông quá, chúng xây thêm banh 3. Ngoài ba banh chính, còn có những nơi gọi là sở, cũng để giam tù, như sở Tả (làm vệ sinh), sở Lưới (lấy hải sản), sở Chuồng bò (lấy củi) v.v... Tù thường là những người bị kết án ăn cướp, giết người, khác với tù chính trị là những người hoạt động về chính trị chống bọn cướp nước, hoặc nhằm lật đổ chính quyền của chúng. Thế thì tù chính trị là những người yêu nước, muốn đuổi quân xâm lược để nước được độc lập và tự do.

Tù chính trị, do đấu tranh mà được hưởng một chế độ riêng, bắt buộc bọn cai ngục phải thực hiện đúng: không phải ra làm việc khổ sai ở ngoài banh, được nhận thư từ, sách báo, thuốc men, tiền bạc của gia đình gửi vào. Năm 1936, ở bên Pháp, Mặt trận bình dân lên cầm quyền thì tù chính trị ở các thuộc địa được trả tự do. Vì chả có tội gì!

Nhưng bọn thống trị ở các thuộc địa đã lừa dối chính quyền bên Pháp. Chúng chỉ xếp là tù chính trị những người lập chính đảng, tham gia Đảng, viết sách báo phản đối chúng, hoặc rải truyền đơn, treo cờ đỏ búa liềm. Còn những người hoạt động chính trị đến mức biểu tình đòi thóc lúa, hoặc có xung đột với bọn cầm quyền, thì chúng bẻ queo ra là tội cướp bóc, hành hung, bắt chịu án tù thường, khổ sai. Đây ra Côn Đảo, những người này phải ở banh 1 với tù thường.

Nói chung, tù ở nhà lao nào cũng bị đánh đập, đối xử tàn nhẫn. Nhưng ở ngục Côn Sơn, họ còn bị đánh đập, đối xử tàn nhẫn gấp trăm nghìn lần. Họ làm việc nặng nhọc

quá sức. Ví dụ như ở sở Chuồng bò, họ phải vào rừng, leo dốc, lấy đủ mỗi người mỗi ngày một thước khối củi. Hoặc ở sở lưới, họ phải ngâm mình dưới biển ban đêm để mò san hô, bắt đồi mồi, bắt vích.⁽¹⁾

Nhiều người không làm đủ mức, bị bọn cai ngục hành hạ rất tàn nhẫn, đến nỗi không chịu nổi cực hình. Muốn tránh cực hình, họ đành tự tử còn hơn sống. Tù thường mà gây sự giết được tù chính trị còn chóng được tha.

Hồi thuộc Pháp, ở Côn Đảo, những người bị tù liệt vào hạng bất trị phải chịu đựng một hình phạt đặc biệt tàn khốc, là bị giam vào hầm xay lúa.

Hầm rộng mỗi bề độ mười mét. Có năm sáu cái cối xay lớn và nặng, mỗi cái phải năm sáu người kéo mới nổi.

Vì cả ngày bụi cám, trấu bay lên, nên trong hầm lúc nào cũng lờ mờ, đứng cách nhau một mét không nhìn rõ nhau. Chỉ cần vào đó mười lăm phút thì lúc ra sẽ khạc thấy đờm đen. Làm ở đây, chỉ ít bữa là không tránh được đau mắt, đau tim, đau gan, ho lao, kiết lỵ. Rồi vì làm nặng, ăn khổ, ốm không thuốc men, bệnh nhân sẽ chết. Người bị chết do hầm xay lúa không phải là ít. Những năm 1941, 1942, nguyên nhân bệnh kiết lỵ đã giết hại mỗi ngày trung bình bảy, tám người.

Ở hầm này, tùy theo số người bị phạt, có khi năm sáu chục, có khi đến hơn trăm, nhưng dù nhiều hay ít, số thóc hàng ngày xay ra gạo cũng phải là ba mươi nhăm bao, mỗi bao tám chín mươi ki-lô-gam.

(1) Con vích giống con rùa ở biển.

Những người bị phạt vào hầm xay lúa thường là những tay tù thường, mang án nặng, lại hung hăng nhất, nên tính chất lưu manh côn đồ của họ lên đến tột độ. Bọn tù sùng sỏ, gọi là tù anh chị, và bọn có tiền đứt lót cho cai, lính, thì được làm nhẹ, hoặc ngồi chơi, đánh bạc với nhau. Còn bọn đàn em, bọn không có tiền, lép vế, thì nai lưng ra làm hơn sức vật. Thế mà còn bị hành hạ đánh chửi nữa. Vì vậy, bọn anh chị đã đứt lót để tranh nhau làm cặp rằng, cai quản trong hầm xay lúa, được ăn trên ngồi chốc, dè dàu dè cổ, bắt nạt kẻ yếu thế. Mỗi ngày mỗi người xay thóc được trả công một xu, vậy mà có cặp rằng vợ vét được hai ba chục đồng một tháng.

Nhưng làm cặp rằng hầm xay lúa cũng là đi vào chỗ chết. Họ bị anh em oán thù. Không mấy người thoát bị đánh chết bằng dùi đục sửa cối, đâm chết bằng kim khâu bao, hoặc chém chết bằng dao đem lén vào hầm. Cặp rằng nào lâu nhất là bền được sáu tháng. Có người mới làm chưa được một tháng đã bị giết bằng đòn tù.

Hồi đó, năm 1930, ở Côn Đảo, có một người đảng viên cộng sản bị thực dân xuyên tạc bản án cho thành tù thường. Người này bị giam ở banh 1.

Cũng biết đây là một tay hoạt động chính trị rất đáng ghê sợ từ năm 1912, đã từng làm những việc long trời lở đất, nhưng bọn cầm quyền ở Đông Dương không đủ bằng chứng để xử tử hình. Chúng chỉ kết được cái án nặng nhất là hai mươi năm khổ sai thôi. Chúng bèn ra lệnh ngầm cho tên chủ ngục Buvie phải tìm cách trừ khử người ấy đi. Song tên “ông lớn” này không dám tự tay làm việc hãm hại. Nó nghĩ mưu mẹo là dùng những tù thường liều mạng,

cùng đường vào bậc nhất làm việc ấy thay cho nó. Muốn treo tính mệnh người ấy ở đầu sợi tóc, nó cất người ấy làm cập răng hầm xay lúa.

Nó nói giọng lừa phỉnh:

- Hầm xay lúa làm việc lộn xộn lắm! Tôi cử anh đến làm cập răng. Anh là người có chính trị, mới có thể cai quản được hầm này.

Biết ngay thủ đoạn thâm độc của tên khốn nạn nó muốn giết mình, nhưng cũng biết không thể từ chối nổi nó, người đảng viên cộng sản nghĩ ngay đến sứ mệnh của mình là một mặt chống địch, một mặt giác ngộ đồng bào. Anh nói như để giao hẹn với tên chủ ngục:

- Tôi không biết xay lúa, lại không biết làm cập răng. Việc cử cập răng là tùy anh. Anh bảo tôi làm, nếu tôi không làm được việc là tại anh.

Thế là từ hôm ấy, người tù chính trị của chúng ta làm cập răng hầm xay lúa.

Nhưng cũng từ hôm ấy, những người tù thường trong hầm xay lúa hết sức ngạc nhiên. Người cập răng mới này vui vẻ, hòa nhã, và cũng lao động cùng các bạn, có khi lại nhận việc nặng nhọc hơn. Anh ta không ăn tiền đút lót, còn giảng giải, khuyên bảo mọi người cùng làm với nhau, tùy theo sức khỏe hay yếu mà chia việc nặng hay nhẹ. Ai đau ốm thì được giúp đỡ, săn sóc.

Vì làm nặng nhọc nên chóng đói. Ngày trước, buổi trưa, anh em vẫn phải lén lút nấu ăn thêm, lấy trộm bao gạo làm củi. Nhưng hễ bọn mã tà bắt được thì chúng đánh thừa sống thiếu chết. Bây giờ không thế nữa! Gạo sẵn đấy,

giã cho trắng thêm để nấu cho ngon. Bao tải sẵn đấy, cứ tự do phá ra mà đun. Lại được anh em sở Tải tiếp tế chi thức ăn nữa.

Thành thử tù làm ở hầm xay lúa sung sướng hơn ở tù làm ở nơi khác. Họ lao động vừa sức, được ăn đủ và ngon, không bị mất tiền, không bị bắt nạt, ngược đãi. Cập rằng thương yêu mọi người. Mọi người cũng thương yêu cập rằng. Và tất cả thương yêu nhau. Trong hầm, không xảy ra xích mích. Không ai coi ai như thù địch nữa, trái lại, còn hiểu kẻ thù của mình chính là thực dân Pháp. Một nơi địa ngục nhất trong cái địa ngục trần gian này biến thành một nơi có đầy tính nhân đạo.

Nhưng có một cái kém trước. Đó là số bao thóc xay được. Từ ba mươi nhăm bao mỗi ngày, sụt dần xuống ba mươi ba, rồi ba mươi. Rồi hai mươi tám. Rồi hai mươi nhăm. Qua một tháng rưỡi, số thóc xay được có hai mươi ba bao mỗi ngày.

Tên Buvie lo sợ và căm tức quá. Nó thất bại rồi! Người nó định giết không bị giết, mà lại giết lại nó: không đủ gạo cho tù ăn thì nó mất chức. Nó vội vàng đánh điện về Sài Gòn xin gạo. Và bắt tất cả tù phải đi đào khoai làm lương thực dự trữ.

Nó cự người cập rằng hầm xay lúa không làm đủ bốn phần. Nhưng người này vẫn bình tĩnh, đáp:

- Tôi đã nói trước với anh là tôi không biết xay lúa, và không biết làm cập rằng. Tôi làm cập rằng là do tự anh cử tôi. Cho nên việc không chạy là tại anh.

Cái quá, thằng thực dân như điên cuồng. Nó xông vào

hầm, đánh bữa bãi để ộp làm. Nhưng anh em tù đã giác ngộ, la ó lên rầm rĩ. Vốn biết những tay này bất trị, nó đành phải lui về. Nhưng để trả thù người đã chiến thắng nó, nó cách chức cập-răng và phạt giam người ấy vào hầm tối. Hầm tối là cái buồng hẹp, vừa một người nằm, có cùm sắt, xung quanh kín mít như bưng, chỉ có rệp và hơi cứt, hơi đái.

Để đẩy dọa thêm người đảng viên cộng sản rất đáng sợ này, nó bảo:

- Mày không làm đủ mức gạo thì tao bắt mày ăn thóc!

Từ hôm đó, mỗi bữa người thù địch của tên Buvie nhận một ca thóc khô. Nhưng người ấy nào có chịu nhượng bộ! Nhất định nhịn ăn để chống lại nó.

Tin ấy bay ra ngoài. Toàn thể tù thường đều bất bình. Họ bảo nhau bãi công để tỏ tình đoàn kết với người tù chính trị mà họ rất yêu mến và kính phục.

Đó là một cuộc bãi công đầu tiên ở ngục Côn Đảo.

Và cũng cảm động làm sao! Những bữa ăn sau, người đảng viên cộng sản của chúng ta nhận được ca thóc thì chỉ thấy lượt trên là thóc, còn lượt dưới là bánh.

Tuy anh bị nhốt trong hầm kín, nhưng bao nhiêu việc xảy ra ở bên ngoài, anh đều biết hết. Muốn báo tin tức đấu tranh, anh em tù thường đi quét dọn, đến gần hầm ấy thì giả vờ kể với mã tà, nhưng nói thật to những việc vừa xảy ra. Mã tà là những thằng vô cùng độc ác, tàn bạo, hỗn xược nhất. Nói với ai, chúng cũng “mày tao”. Nhưng từ đó, đứa nào cũng phải kiêng cái người bị nhốt trong hầm kín này. Chúng không dám động đến anh đã đành, mà còn gọi anh là “ông” nữa.

Người đảng viên cộng sản làm cấp rằng hầm xay lúa ở ngục Côn Lôn năm 1930, đã làm náo động cả đảo ấy là ai?

Năm 1918, hải quân Pháp cùng với hải quân của mười ba nước tư bản khác đến Hắc Hải định tấn công vào thành phố Xêbátxtôpôn nước Nga Xô Viết mới ra đời. Người ấy trong hàng ngũ hải quân Pháp, đã cùng lính thủy Pháp phản chiến, và đã tự tay kéo lá cờ đỏ trên chiến hạm Pari, để chiếc tàu ấy quay mũi đầu tiên.

Tháng 9 năm 1945, cách mạng tháng Tám thành công, Chính phủ ta cho đón các đồng chí ở Côn Đảo về.

Người ấy, tuy đã bị tù mười bảy năm rưỡi, còn lái được chiếc ca nô bị sóng gió làm rơi địa bàn xuống biển, về được đến đất liền.

Người ấy, năm 1955, đã được thưởng Huân chương Xtalin, là thứ huân chương cao quý của thế giới tặng những người có công lớn với hòa bình quốc tế.

Người ấy, tuổi đã gần chín mươi mà còn mạnh khỏe, và còn sáng suốt để làm tròn một trách nhiệm nặng nề nhất của Đảng và nhân dân giao cho. Người ấy vẫn luôn luôn chăm lo học tập đạo đức của Hồ Chủ Tịch.

Người ấy là đồng chí Tôn Đức Thắng, là Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, và cũng là Chủ tịch danh dự của Ủy ban thiếu niên nhi đồng Việt Nam, từ ngày Ủy ban được thành lập. Đó là bác Tôn rất kính mến của chúng ta.

Viết năm 1959

Sửa 1976

TRONG CHUYẾN XE LAM

Chiếc xe lam bon bon chạy về Sài Gòn. Khách trong xe, có một người làm cho ai nấy phải khó chịu, vì lúc nào cũng hút thuốc lá. Điều này chưa hết, đã vút toạch xuống đường, rồi châm điếu khác. Mẩu thuốc quăng mạnh. Diêm đánh cũng mạnh. Y như người đang cẩu bần, trong xe khói um. Tàn than bay cả vào người khác. Có lần diêm xèo, bật một mảnh lửa bắn ra xa. Y như người vô ý, hoặc có tính khinh người.

Người này ngót nghét năm mươi tuổi. To. Béo, tóc đen. Quần áo bà ba đen. Kính đen. Da mặt sần sùi, bóng như bôi mỡ, ngăm ngăm đen.

Hai má và quanh cằm đen hơn vì bị phủ bằng một lớp chân râu quai nón. Người này ngồi vắt chân chữ ngũ, một cánh tay lại khuỳnh vào háng, tựa ngả lưng vào thành xe. Thành thử một mình chiếm hết gần hai chỗ. Ngồi yên, mặt hơi ngửa, không động dậy, tưởng như ngủ. Nhưng không phải. Vì vẫn hút thuốc lá. Và thỉnh thoảng lại thở dài khê. Thế thì không phải vô ý hoặc cẩu bần, mà là đương mải mê tính toán một công chuyện quan trọng.

Đúng là đang mải mê tính toán một công chuyện quan trọng. Vì người ấy là đại tá Đôn trong ngũ quân của tên đại việt gian Nguyễn Văn Thiệu. Thảo nào mà đáng ngồi có vẻ hách dịch. Từ hôm thằng khốn nạn trốn sang Đài Loan, Đôn chớm hy vọng có ngày mình cũng có thể leo lên ghế tổng thống của nước “Việt Nam cộng hòa”. Cho đến hôm thấy bao nhiêu quan thầy mũi lõ tóc quăn cấp tốc cấp đít về nước mẹ Huê Kỳ, Đôn đâm ra buồn. Lại đến hôm nghe tiếng đại tướng Dương Văn Minh tuyên bố đầu hàng vô điều kiện thì Đôn bực. Và hôm thấy chính phủ Cách mạng kêu gọi tất cả mọi người đã cộng tác với địch phải ra trình diện, thì Đôn buồn phiền và bực bội hơn. Và cũng lo lắng nữa. Là đại tá ngũ quyền mà đi trình diện thì sẽ bị bắt, ngồi tù, và phải “tẩy não”. Thế là hết. Hết sạch, uy quyền, lương bổng, lờ lãi sẽ đi đời nhà ma. Còn đâu là nhà lầu (Đôn có ba biệt thự, một chiếc ở Vũng Tàu). Còn đâu là xe hơi (Đôn có hai chiếc). Còn đâu là rượu ngọt, cơm ngon, kẻ hầu, người hạ.

Cho nên Đôn không đại gì. Phải lẫn tránh để chống đối. Chống đối đến cùng. Đôn có một số bạn thân. Phải gặp họ. Chưa hết hạn trình diện, còn đủ thì giờ để bàn mưu tính kế. Hơn một tuần nay, Đôn sống bí mật. Và hôm nay, hấn hẹn với các bạn gặp nhau ở một nơi gần Gò Vấp, gọi nóng là N. cho kín đáo. Vì thế, hấn ăn mặc bình thường như mọi người, đi xe lam như mọi người. Đố ai nhận ra hấn là tay triệu phú. Đố ai bảo hấn là người thét ra lửa.

Xe đang chạy. Trời đang nắng. Bỗng nổi cơn gió. Mây đen kéo mù mịt ở phía đông. Có thể một cơn giông đưa một trận mưa rào đến.

Đà xe nhanh, tự nhiên chậm, rồi dừng lại. Xe đỗ ở phía bên phải. Hành khách nhìn xuống, thấy có hai người ăn mặc bộ đội, đứng cạnh xe, hỏi người lái:

- Đi Sài Gòn, bao nhiêu tiền?

Tài xế trả lời.

Hai anh bộ đội nói gì với nhau, người lớn tuổi móc túi lấy tiền, đưa cho người trẻ hơn, còn người trẻ hơn thì rút ở trong ba lô ra một cái gì, đưa cho người kia. Rồi lên xe.

Anh bộ đội chào mọi người trong xe, lúng túng tìm chỗ ngồi. Một cô gái trạc hai mươi tuổi ngồi nép lại. Còn Đôn, không biết hắn có nhìn thấy anh bộ đội hay không, vì hắn đeo kính đen. Hắn không nhúc nhích, mặt vẫn khinh khỉnh.

Xe mở máy.

Thấy anh bộ đội vẫn chưa ngồi, một bà trở tay chỗ rộng cạnh cô con gái:

- Anh ngồi xuống kẻo ngã.

Anh bộ đội nghe theo, mặt bẽn lẽn.

Bà khách thấy thế mỉm cười:

- Sao hai anh cùng đi, mà chỉ có một mình anh lên xe?

- Thưa bác, tại chúng cháu không đủ tiền.

- Sao không mặc cả?

- Không hề gì ạ. Đồng chí ấy là cấp chỉ huy của cháu, đã đưa thêm tiền cho cháu để cháu đi xe. Anh ấy đi một quãng nữa rồi lên xe cũng được.

- Nhưng sắp mưa, anh ạ.

- Chúng cháu có áo mưa. Cháu còn đưa anh ấy tấm ni-lông của cháu.

Bà khách cười:

- Hèn nào, tôi thấy hai anh bàn nhau.

- Vâng, tại vết thương ở chân cháu chưa thật lành. Và trời lại sắp mưa, nên cấp chỉ huy nhường cho cháu lên xe trước.

- Các anh tốt với nhau quá!

Cô con gái nói:

- Các anh không biết đấy. Trước kia, quân lính đi xe có phải mất tiền đâu. Cứ vậy là xe đông mấy cũng phải đỗ. Xếp không đủ chỗ, thì các anh có quyền đuổi bớt người xuống kia mà.

Anh bộ đội hơi nhếch mép. Bà khách hỏi:

- Muốn chừng các anh mới ở ngoài Bắc vô, nên không biết quyền ấy. Anh quê ở tỉnh nào?

- Thưa bác, cháu quê ở Hải Hưng ạ.

- Thế anh bị bắt lính từ năm nào?

- Thưa ngoài cháu không có "bắt lính", cháu xung phong vào bộ đội đấy ạ.

- Xung phong là thế nào?

- Là tự nguyện xin làm nghĩa vụ quân sự ạ. Hai anh cháu đã tại ngũ rồi, cho nên đáng lẽ cháu được miễn. Nhưng vì một anh cháu hy sinh, nên cháu xung phong xin đi để trả thù cho anh cháu. Xã không nhận. Bố cháu phải lên tận huyện nói, mới được.

- Ô, quý hóa thật. Ông già, bà già còn khỏe chứ?

- Vâng, cảm ơn bác ạ.

- Thế ông già, bà già làm gì?

- Thừa bố mẹ cháu làm ruộng ạ.
- Anh còn mấy anh chị em ở nhà?
- Cháu còn có một chị cháu. Chị cháu vừa là xã viên hợp tác, vừa là dân quân du kích ạ.

- Thế à. Cụ Hồ khéo dạy người thật! Tôi thấy anh bộ đội ngoài ấy cũng như Quân giải phóng trong này, anh nào cũng hiền lành, tử tế.

Cô con gái nói:

- Chả bù với lính của ông Thiệu. Họ hống hách, toàn gọi dân là mày, xưng tao. Họ tệ đến nỗi ai cũng ghét.

Bà khách thêm:

- Dột từ nóc dột xuống mà lại!

Trong khi nghe chuyện, Đôn không cựa quậy. Vắn ngửa mặt. Vắn hút thuốc lá. Hắn làm như không để ý. Nhưng rõ ràng là hắn lắng tai nghe.

Trời đổ mưa. ào ào.

Nghe mưa, không ai nói với ai nữa.

Anh bộ đội ngồi yên một lát, rồi mở ba lô, lấy cuốn sách ra để đọc.

Bà khách hỏi:

- Truyện đấy à?

- Thừa bác vâng. Truyện của Pháp ạ.

- Ấy, tôi cứ tưởng ghét Pháp kia mà?

- Vâng, chúng cháu ghét Pháp thực dân, chứ không ghét văn học tiến bộ của Pháp bác ạ.

Không hiểu có hiểu câu nói đó hay không, bà ta hỏi:

- Anh cũng thạo chữ nghĩa đấy nhỉ?

- Vâng, thưa bác cháu đã học xong lớp mười ạ.

- Còn hai năm nữa thì thi tú tài đấy nhỉ?

Cô con gái nói:

- Không đâu, má ạ. Ở ngoài Bắc, học hết lớp mười thì vô đại học đấy.

- Ô, thế sao anh không học đại học, có phải đỡ đi lính không? À quên, anh xung phong nhỉ...

- Thưa bác, cháu đã thi đại học, được đi học ở nước ngoài. Nhưng cháu muốn đi bộ đội, hết hạn nghĩa vụ, cháu tiếp tục học cũng không muộn.

Bà khách thở dài:

- Như các anh cả, không trách miền Bắc thắng miền Nam là phải.

- Thưa bác, không “miền Bắc thắng miền Nam” mà là nhân dân Việt Nam ta thắng đế quốc Mỹ xâm lược đấy ạ.

Nghe đến câu này, thì Đôn quay lại nhìn anh bộ đội. Hấn không rút mạnh mẩu thuốc ra ngoài, mà thả khê nó xuống đường. Hấn không vát chân chữ ngũ và không khuynh tay, mà ngồi ngay ngắn lại. Hấn cũng không hút thuốc lá nữa. Mất cả dáng hách dịch và thô lỗ. Nhưng vẫn còn hay thở dài, và thêm một cử chỉ, là luôn luôn lấy khăn lau mồ hôi trán.

Rõ ràng là đầu óc hấn đương phải làm việc hung.

Trời tạnh. Xe vào thành phố. Rồi đỗ.

Anh bộ đội chào hai người quen. Rồi đi.

Đôn nhìn theo anh ta. Rồi xuống xe.

Hấn vẫy gọi chiếc xe tắc xi.

Xe mở máy. Nhưng không đi về phía Gò Vấp. Quành, quành bên phải, bên trái, rồi đỗ trước một nhà.

Nhà này là một cơ quan, đương giờ làm việc.

Giữa nhà là một bàn giấy. Một người trẻ măng đang loay hoay ghi chép.

Đôn gặp nhiều người quen. Mỉm cười. Bắt tay nhau. Họ nhường Đôn lên hàng trên, vì Đôn cao cấp hơn họ. Họ nói khẽ với nhau để khỏi ồn ào.

Cơ quan này là nơi các sĩ quan ngục trình diện.

Đôn cũng đến đây để trình diện.

Ô hay! Có ai biết người đại úy ngục quân này đã suy nghĩ những gì trong độ ngót nửa giờ đồng hồ về trước không?

9-1975

CHUYỆN CỦA CÔ ẤY

Nên giấu tên cô ấy. Và cũng chẳng cần biết để làm gì. Miễn là ta biết chuyện của cô ấy.

Cô ấy xinh, thích diện. Đã đỗ tú tài. Không học tiếp đại học, vì lấy chồng. Vợ chồng rất yêu nhau. Chồng cô ấy là công chức, tháng tháng lãnh một số lương đủ ăn xài. Nhưng ăn xài mới đủ thôi thì chưa ổn. Nếu chỉ đủ thì bao nhiêu thứ hàng tràn ngập trong chợ, trên vỉa hè Sài Gòn, Gia Định vừa đẹp, vừa rẻ, vừa tiện lợi cho đời sống vật chất, ai tiêu thụ cho? Cho nên cô ấy cũng xin đi làm để có dư tiền. Và cô được vào làm ở một sở Mỹ.

Sở nào của Mỹ cũng có khối người Việt. Việc ít nhưng lương nhiều. Cảm ơn các bạn đồng minh tốt.

Cô ấy ở đó chừng được ba tháng, thì một buổi sáng, vào Sở, thấy trên bàn làm việc có một phong thư ngoài đề tên mình.

Mở bì ra, cô thấy một tập giấy đủ một trăm đô la, và một bức thư:

Thưa cô, tôi rất lấy làm vinh dự nếu được cô nhận lời đi chơi mát trong thành phố bằng xe hơi với tôi độ nửa giờ sau giờ làm việc chiều mai 19-4. Nếu cô đồng ý, tôi xin cô nhận chút quà đính theo đây.

Ký tên (Một người Mỹ cùng làm trong Sở, mà cô có biết mặt).

Đọc xong, cô không suy nghĩ lâu, gấp thư và giấy bạc bỏ vào phong bì để nguyên chỗ cũ.

Buổi chiều đến sở, cô không thấy phong bì ấy. Hỏi người Mỹ này biết cô không đồng ý, nên đã lấy đi.

Nhưng sáng hôm sau, là ngày 19 tháng 4, cô lại thấy chiếc phong bì trên bàn làm việc. Trong cũng có một trăm đô la, và bức thư dài dòng như hôm trước. Chỉ có ngày hẹn khác, ngày 20 tháng 4. Vẫn ký tên của người Mỹ ấy.

Cũng như hôm trước, cô lại gấp tiền với thư vào phong bì, để lại ở bàn giấy. Nghĩa là cô không đồng ý cho cái anh chàng đó được vinh dự đi chơi phố với cô trong nửa giờ đồng hồ.

Lại cũng như hôm trước, buổi chiều cô không trông thấy chiếc phong bì ở trên bàn.

Nhưng rồi đến sáng ngày 21, cô lại thấy chiếc phong bì đặt ở trước mặt. Cũng đô la và bức thư, nhưng đổi hẹn là ngày 22.

Cô lại không nhận lời. Và cứ như vậy suốt một tuần, buổi sáng bức thư để lại, buổi chiều bức thư lấy đi và buổi sáng hôm sau, thư lại tới, chỉ đổi ngày hẹn thôi.

Việc này, cô chẳng cho các bạn đồng sự biết. Và cũng chẳng nói chuyện với chồng.

Ở Sài Gòn thường cô nghe thấy nhiều người khen Mỹ là lịch sự, là hào phóng đây. Cô lại nghe nói Mỹ là bạn của Việt Nam, họ thường đi chơi với mình. Đối với người Việt, họ lễ độ, nhã nhặn và đứng đắn. Nhất là đối với phụ nữ. Cho nên, buổi sáng thứ bảy, nhận được thư, cô có suy nghĩ. Suy nghĩ về cái con người quá xá là kiên tâm này đối với cô.

Hàng ngày, cô đi làm, cô đi xe đạp mất chừng mười lăm phút. Cô mong dành tiền sắm chiếc Hon-da, đi cho khỏi mất sức và mất thì giờ.

Nay một người Mỹ chỉ mời mình đi chơi có nửa giờ mà biếu mình một trăm đô la. Hay là nhận lời quách. Có làm sao? Nếu sáng thứ hai, cô vẫn thấy người ấy mời đi chơi, thì cô đừng nên từ chối nữa. Cô nghĩ thế. Thì quả nhiên, trên bàn làm việc, cô lại thấy chiếc phong bì.

Cô đọc thư, nhận tiền, bỏ vào túi.

Chiều ngày thứ ba, biết là được hẹn, người Mỹ đợi cô ở cửa Sở. Thấy cô ra, hấn lễ phép cúi chào. Cô giơ tay ra bắt. Hấn mở cửa xe, mời cô vào. Rồi nhanh nhẹn, hấn mở máy.

Trong khi đi đường, hấn nói chuyện. Hấn hỏi thăm gia đình cô, hỏi tất cả những cảnh, những việc mà hấn nhìn thấy trước mắt mà hấn chưa hiểu. Hấn nói về gia đình hấn, và hấn rất kính phục người Việt Nam, vì người Việt Nam có nhiều đức tính và rất thân thiện với người Mỹ. Giọng nói của hấn quả là lịch sự, lễ độ và nhã nhặn.

Hấn đưa cô đến đầu hẻm (vì nhà cô ở trong hẻm) thì vừa đúng nửa giờ. Từ giã hấn, cô giơ tay ra bắt. Hấn đứng thẳng, cúi đầu chào, như chào một người trên.

Việc này bằng đi, đến mười hôm sau, cô ấy lại được tên Mỹ mời đi chơi trong nửa giờ. Hắn hẹn ngày giờ đón cô, và cũng biếu cô một trăm đô la.

Nửa giờ nói chuyện với một người dân nước văn minh mà lại còn được tiền, tội gì mà không nhận?

Thế là cô lại đi chơi với hắn. Và cũng vẫn những thái độ cử chỉ đúng đắn như lần trước.

Vậy là cô có dư tiền để sắm chiếc Hon da. Chồng cô hỏi tiền nào, cô chỉ mỉm cười, nói là đi vay.

Năm hôm sau, cô lại nhận được thư và tiền của người bạn Mỹ mời cô đi chơi. Giờ thì phải dùng tiếng "bạn" mới đúng.

Rồi đến nửa tháng, cô không thấy hắn mời. Cô đã có ý mong.

Thì một hôm, cô nhận được phong thư. Đập ngay vào mắt cô, là tập dày những hai trăm đô la. Hắn mời cô dùng bữa cơm thân mật với hắn ở khách sạn X. Cô có nghĩ đến cái ý "tâm gửi lán cành". Cô từ chối bằng cách để lại phong bì ở bàn giấy.

Nhưng rồi buổi chiều, chiếc phong bì thư mời ăn biển đi để rồi sáng hôm sau lại xuất hiện ở trước mặt cô.

Ba lần như vậy. Đến lần thứ tư, cô cho phong bì vào túi. Nghĩa là cô nhận lời.

Bữa tiệc chiều dài thật sang trọng. Và vẫn những cử chỉ lời nói lễ độ và thân mật như mấy lần trước.

Bốn hôm sau, cô lại được mời, và cô không chối từ.

Và lại một lần nữa. Chả sao - có bạn là người nước văn

minh, mình học thêm được sự văn minh. Lại có lợi nữa. Đời cô thật may mắn hơn các chị em khác. Cô sắm ti-vi, tủ lạnh, máy điều hòa nhiệt độ, may mặc cho mình, cho chồng. Cô còn muốn có một chiếc xe hơi, để chủ nhật, vợ chồng đi chơi với nhau. Giá mà đủ tiền tậu được biệt thự thì hoàn toàn sung sướng.

Mười hôm sau nữa, cô ấy nhận được thư của người bạn mời ăn, nhưng lần này ăn ở nhà hấn. Có lẽ hấn cho là yêu cầu khó khăn đối với một phụ nữ, nên hấn biếu cô những ba trăm đô la.

Vì muốn có tiền để thỏa mãn đời sống vật chất với chồng, nên cô không từ chối người Mỹ.

Bữa cơm hôm ấy cũng sang trọng không kém bữa cơm ở khách sạn. Chuyện trò có vẻ thân mật hơn. Ăn xong, hấn tiễn xe cho cô về nhà.

Rồi một lần nữa, hấn lại biếu cô ba trăm đô la để mời cô về nhà ăn cơm với hấn.

Trong độ hơn một giờ đồng hồ, xe đón, xe đưa, chẳng mất công khó nhọc, còn được ăn ngon, được tiền nhiều, buôn gì lời bằng?

Hấn thuộc tính cô thích ăn gì, và không quen uống rượu mạnh, nên biết chiều ý cô và cũng chỉ dùng rượu nhẹ. Hấn tỏ vẻ hân hoan và cảm ơn cô là tấm gương cho hấn bắt chước, nay hấn bớt được mấy thứ rượu có hại cho sức khỏe.

Lần thứ ba, hấn mời cô đến nhà để ăn cơm. Lần này, hấn khoe rằng mẹ hấn vừa gửi cho hấn một thứ nước ở bên Mỹ mới chế ra. Chỉ cần một giọt tí xíu nhỏ vào rượu

bia, thì thấy có mùi thơm lạ lùng, thơm đến mấy giờ đồng hồ trong cổ họng, và chất men lại dịu hẳn đi.

Cô uống bia với thứ nước ấy, thì quả nhiên thấy thế thật.

Nhưng ăn cơm xong, lạ quá, cô không muốn về nhà vội. Rõ ràng là một dục vọng của thú vật nó làm cô cồn cào không yên. Hẳn là tại giọt nước giổ vào rượu. Bởi vậy, người bạn quý của cô dò hỏi, cô chẳng từ chối tí nào. Cô vào buồng ngủ của nó. Và cửa đóng kín lại.

Đêm hôm ấy, khi về nằm cạnh chồng, cô ân hận, cô xấu hổ, cô nhục nhã. Cô muốn khóc, nhưng phải cố nhịn. Sợ chồng biết, cô càng không dám thú tội với người bạn trăm năm.

Lần sau tên Mỹ lại mời cô đến nhà chơi, nhưng không phải để ăn. Nó vẫn kèm theo ba trăm đô la như trước. Cô hiểu là từ nay, cô biến thành đồ chơi của nó. Nó thuê bằng tiền. Nghĩ vậy, nhưng cô cứ đi. Không phải cho nó thỏa mãn dục vọng, mà để mắng nó là đồ xỏ lá, đồ khốn nạn, miệng nói kính phục người Việt Nam, dùng tiền, dùng thủ đoạn để cám dỗ cô, lừa đảo cô, làm hại đời cô. Cô sẽ ném trả tiền vào mặt nó.

Cô mắng nó như thế thật, mà còn dùng nhiều lời đao để hơn để chửi rửa nó, đặng trút hết nỗi căm thù của cô đối với con quỷ dâm dục ấy.

Thằng Mỹ chỉ cười. Nó không cãi. Nó còn mời cô xem chiếu cuốn phim nó mới quay được.

Ồi trời ôi! Thì ra cuốn phim nó đã quay lúc cô vào buồng với nó, từ lúc cô lên giường nằm đến lúc cô mặc xong quần áo.

Cô la hét như điên như cuồng. Cô đòi nó phải đưa cô cuốn phim để cô hủy đi. Nó không thể từ chối. Cô châm lửa đốt ngay trước mặt nó. Rồi cô về. Yên tâm.

Một tháng sau, cô nhận được thư của nó. Không kèm theo tiền. Cô hiểu là nó không dám bắt cô làm thú vật. Thư nhiều chữ hơn những thư trước.

“Thưa cô,

Tôi sắp được về nước, nên cần bán những đồ đạc để lấy tiền. Tôi biết rằng cô cần mua lại một thứ, nên tôi viết thư này. Ấy là cuốn phim hôm nọ cô đã đốt. Cuốn cô đốt, chỉ là bản in lại. Còn bản chính, tôi vẫn giữ để đợi đến ngày tôi rời Việt Nam sẽ bán lại cho cô. Vì là cuốn duy nhất và quý giá vô cùng, nhưng lại vì đối với cô là người tôi mang ơn, nên tôi chỉ tính bằng giá rẻ, là hai ngàn đô-la thôi.

Tôi đợi cô một tuần lễ để được nghe sự đồng ý của cô. Xin giao hẹn trước, là tôi không thể biểu không cho cô thứ quý giá này. Quá một tuần, nếu tôi không nhận được trả lời của người mà tôi giành quyền ưu tiên, tức là cô, thì xin cô cho phép tôi để lại cho người khác. Cùng lắm, nếu không ai có đủ tiền để lấy lại cuốn phim mà tôi bắt buộc phải cho không, thì người tôi biểu phải là chồng cô.

Kính xin cô trả lời, và xin cô nhận những lời cảm ơn trước của tôi.

Ký tên.”

Đọc xong thư, cô áy bàng hoàng, tái mét mặt, suýt ngã. Các bạn đồng sự tưởng cô bị cảm, vội vàng cứu chữa cho cô.

Cô nghiên rắng, đập chân tay, nguyên rửa hết lời thằng khốn nạn. Cô đã nhận của nó bao nhiêu tiền, thì lần này nó đòi lại tất cả. Và thằng ở cái nước có óc con buôn, còn buôn thêm sự đều cẳng để lấy thêm hai trăm đô la làm lãi nữa. Mà biết đâu lại không phải là thằng khốn nạn đã buôn bán sự hào phóng đối với cô bằng tiền của cục tình báo CIA thuê nó khai thác một loại tài liệu cần thiết.

Cô nghĩ nhiều. Cô lo nhiều. Cô phát ốm.

Cô thú tội với chồng, mong chồng trả thù cho cô. Không thể đội trời chung với chúng nó. Chồng cô tha thứ cho cô. Cô chỉ đáng thương, vì mắc mưu nó.

Nhưng cô không thể chịu nổi nhục.

Cô đã tự sát.

Sài Gòn, 20 tháng 10 năm 1975

NỖI DAY DỨT CỦA MỘT ĐẠI TÁ TỈNH TRƯỞNG NGUYỄN QUYỀN

Khỏi gọi anh bằng chức vụ cũ. Nguyễn quyền đã bị chôn vùi từ hơn sáu tháng trước, thừa thì giờ để “xanh ngọn cỏ, nở hòn đất”, ở năm mờ rồi. Và, ở lớp Quân huấn, học đến bài thứ bảy, anh ta càng thấy sỉ nhục về cái tội làm tay sai cho đế quốc Mỹ xâm lược. Tên anh ta là Tươi. Ấu là ta gọi anh ta bằng tên ấy.

Mấy đêm nay rồi, Tươi mất ngủ. Ít nói. Ít cười. Trừ lúc ở trên lớp để thảo luận, và ở vườn để lao động, còn lúc ở phòng, thì Tươi nằm, vắt tay lên trán, thỉnh thoảng thở dài thườn thượt.

Anh em bạn hỏi Tươi ốm gì. Tươi đáp:

- Mình có làm sao đâu, mất ngủ thì mệt chút xíu thôi.
- Lại nhớ vợ, nhớ con, lo gia đình chứ gì.

Tươi mỉm cười không đáp. Như thể nhận ngầm lý do ấy là đúng. Để được nằm yên. Và các bạn anh thấy tâm sự ấy là tâm sự chung của hầu hết học viên ở đây, nên cũng chẳng buồn hỏi thêm nữa.

Thật vậy. Đến lớp học này, trừ những người còn độc thân, không ai không thương nhớ và lo lắng chuyện gia đình. Không ít người vừa được cán bộ cải huấn hỏi thăm đến con cái, đã khóc rung rức. Họ lo không biết bây giờ vợ con họ sinh sống bằng gì; con họ có được đi học hay không vì bố mẹ mà bị nhà trường đuổi. Mà phần lớn họ rất đông con. Sáu, bảy. Có người có tới một tiểu đội. Họ chưa bao giờ sống xa vợ con. Họ ngạc nhiên, thấy mấy anh cán bộ Cách mạng, có anh đến tám năm chưa về nhà. Có anh còn đi vắng lâu hơn nữa. Thế mà các anh chịu nổi.

Thật là tài! Trong bọn họ, có người có một bạn, gọi một cách văn vẻ là bạn trăm năm.

Có người có những hai, ba bạn trăm năm.

Lại có người có rất nhiều bạn chỉ trăm năm trong chốc lát. Bây giờ ngâm câu các cụ nói "lắm vợ nhiều cái oan gia" là chí lý. Tươi khôn ngoan nên biết lo xa. Trước khi đi tập trung đến lớp cải huấn, anh đã khuyên bảo vợ nên kiếm nghề gì mà làm để nuôi con. Chứ mà bây giờ lương lậu, bổng lộc của anh đi tong với Mỹ - Thiệu rồi. Chẳng biết anh vắng nhà, thì vợ anh có nghe hay không, hay cứ xêm xệp như bà lớn ăn bám mãi. Tươi lo đấy. Có anh buồn vì nghe đồn là cái biệt thự của anh ta bây giờ bị tịch biên. Đồ đạc bị lưu manh khuôn đi hết. Bây giờ vợ anh đi lấy chồng, con anh sống cầu bơ cầu bất ở hè phố. Nhưng rồi anh nhận được thư của vợ anh. Té ra không đúng thế một tý nào. Trái lại, bà con xung quanh đây vẫn đến giúp đỡ trong lúc gia đình gặp khó khăn. Còn chia gạo cứu tế cho nữa. Có anh có tính nhớ vợ, đã xui vợ là đừng một tháng

thì phải đánh một bức điện cho anh nói là đứa con nào đó chết, sẽ lấy cớ xin phép về nhà. Anh dặn đi dặn lại vợ là đúng một tháng thì đánh điện để anh tin là nói dối, chứ đừng sớm quá, mà anh lo là con chết thật.

Vậy thì Tươi buồn nỗi gì?

Sau hôm nghe giảng về quyền lợi là tay sai của đế quốc Mỹ, thì học viên thảo luận sôi nổi lắm. Tươi đi ngược lại thời gian từ triều đình Ngô Đình Diệm. Có người kể công của họ Ngô là định cư được một triệu di dân từ miền Bắc vào. Luận điệu này bị Tươi đập tan tành. Anh em kể lại từ cuộc bầu cử Tổng thống gian lận ngày 9-4-1961 thì dần dần báo chí Mỹ chỉ trích chế độ Diệm là độc tài, là gia đình chính trị, là Công giáo trị v.v... Tươi dẫn những lời của mấy thượng nghị sỹ Mỹ như Manfield, Kennedy ở đảng Dân chủ, Dirksen ở đảng Cộng hòa, của giáo sư Buttinger, chủ tịch Hội những người Mỹ bạn Việt Nam, và cả bạn thân Diệm là Fishell, người của trung ương tình báo Mỹ. Những người này chán ghét Diệm, muốn trong năm 1963 thì cần thiết phải lật đổ Diệm. Theo lời của tên CIA Fishell, trong biện pháp loại bỏ Diệm thì sự thủ tiêu có thể được xét tới. Tươi nhắc một câu châm ngôn của Mỹ để chứng tỏ Diệm chỉ là đầy tớ của Mỹ: "Ai chi tiền người đó cai trị".

Một anh nhớ lại câu nói của mẹ Lệ Xuân, vợ Ngô Đình Nhu, trong cuộc họp báo ở Los Angeles, tố cáo Mỹ đang dự định một cuộc đảo chính để lật đổ anh chồng mẹ. Mẹ nói: "Hiện thời ở Việt Nam, bất cứ một cuộc đảo chánh nào cũng không thể thành công, trừ khi được Mỹ xui giục và giúp đỡ". Tươi nói Mỹ rất ghét cặp Nhu - Lệ Xuân, muốn

Diệm tổng ngay chúng ra nước ngoài. Anh kể rằng tại Sài Gòn, trong một buổi lễ của phụ nữ bán quân sự, mẹ Lê Xuân công kích rất mạnh cuộc đấu tranh của Phật giáo. Mẹ chế giễu và nhục mạ các nhà sư, kể cả những vị đã tự thiêu, theo gương hòa thượng Thích Quảng Đức.

Cha mẹ là Trần Văn Chương, hồi này là đại sứ của ngụy tại Mỹ. Trong dịp trả lời cuộc phỏng vấn của báo chí, Chương đã gay gắt với con gái là vô lễ với Phật giáo và tăng ni. Thế là con mẹ nổi tam bành cả với bố. Mẹ bảo muốn rõ ai trái ai phải thì phải thảo luận, chứ cậy là cha mà chỉ trích con một cách công khai, thì lời chỉ trích chẳng có giá trị gì.

Tươi nhớ lời tên đại sứ Mỹ Henry Cabot Lodge đáp lại Diệm, khi tên bù nhìn hỏi ý kiến quan thầy về số phận hần, nếu một cuộc đảo chính có thể nổ ra. Thì tên toàn quyền mỉa mai: “Nếu ông bị đảo chính, thì tôi sẽ giúp ông bảo toàn tánh mạng và ra khỏi nước một cách yên lành”.

Tươi còn biết hồi ấy, Đài tiếng nói Hoa Kỳ vẫn công khai xúi giục các đơn vị chống lại Diệm. Và Bộ Ngoại giao Mỹ dùng lối ám hiệu trên đài phát thanh: “Nhờ bạn mua giùm một chai huyết-ki tại P.X.” để nói lên ngày giờ đảo chánh đã rất gần, hãy chuẩn bị gấp.

Một anh kể ra sự kiện khá hấp dẫn:

Ngô Đình Diệm có cái ngu độn là quá tin tên con nuôi là tướng Trần Văn Đôn, đã cho tên này làm Tổng trấn đô thành Sài Gòn. Đôn bị CIA mua chuộc để lật đổ bố, mới điều lực lượng đổ bộ của tên đại tá Lê Quang Tung ra khỏi Sài Gòn vì Tung trung thành với Diệm. Một điều đáng

nực cười, là hầu hết các tướng lãnh Việt Nam Cộng hòa tuy là võ quan, nhưng lại rất mê tín dị đoan. Bọn CIA biết Trần Văn Đôn hành động gì cũng phải hỏi ông thầy tướng, nên đã tìm được ông thầy này, cho tiền để ông ấy xui Đôn phản Diệm. Ông thầy lập tức dùng lối chiết tự, để tán ra rằng trên đường công danh của Đôn có những chướng ngại vật chính là anh em Diệm-Nhu.

Tươi kể tiếp:

- Vào trưa ngày thứ sáu, 1 tháng 11, các đơn vị tham gia cuộc đảo chánh chiếm giữ các vị trí then chốt trong và quanh đô thành, bao vây dinh Gia Long, thành Cộng hòa, tức là căn cứ của Liên binh phòng vệ phủ Tổng thống. Tiếng súng đầu tiên nổ vào hồi 1 giờ 30. Chỉ có hai nơi chống trả thật sự, là Bộ Tư lệnh Hải quân ở bến Bạch Đằng và Thành Cộng hòa.

Vào lúc 5 giờ chiều, Diệm thấy nguy, mới gọi điện thoại cầu cứu đại sứ Cabot Lodge. Tên này trả lời là sẽ cho trực thăng đến chở Diệm Nhu tới tòa đại sứ, rồi lên Tân Sơn Nhất để trốn ra nước ngoài. Chờ mãi chẳng thấy nước mẹ gì, nên xẩm tối, hai anh em họ Ngô đi đường hầm bí mật, trốn khỏi dinh Gia Long, ra một nhà đường Lê Thánh Tôn rồi dùng xe hơi đến nhà Mã Tuyên. Diệm tưởng Đôn vẫn trung thành với mình, nên nhiều lần gọi hán bằng điện thoại, nên Đôn biết được Diệm đang ở đâu. Sáng hôm sau, Diệm Nhu từ nhà Mã Tuyên vừa đến nhà thờ Cha Tam ở Chợ Lớn được vài phút, thì ba xe thiết giáp do tên tướng Mai Hữu Xuân và tên thiếu tá Nguyễn Văn Nhung đã đến bao vây nhà thờ.

Quân đảo chánh xông vào bắt trói hai tên họ Ngô lôi lên xe thiết giáp. Vì Nguyễn Văn Nhung có thù riêng với Nhu, nên đã cầm súng có gắn lưỡi lê đâm vào lưng Nhu nhiều nhát. Nhu ngã, nhưng chưa chết. Nhung mới bắn một phát súng lục vào đầu Nhu, rồi bắn luôn vào Diệm. Một em nữa của Diệm là Ngô Đình Cẩn, đã từng thét ra lửa ở Huế, nghe tin đảo chánh, mới xin lánh nạn vào tòa Lãnh sự Mỹ, nhưng bị từ chối. Cẩn trốn vào dòng Chúa Cứu thế. Máy người linh mục muốn cho Cẩn được an toàn tính mạng, mới xin cho Cẩn được vào tòa Lãnh sự Mỹ. Lãnh sự điện cho đại sứ ở Sài Gòn xin máy bay đón Cẩn. Nhưng máy bay đón Cẩn về Sài Gòn không phải để đi nước ngoài, mà là để giao Cẩn cho phe đảo chánh.

Cả lớp học yên lặng, nghe lại sự kiện lịch sử như nghe một tiểu thuyết hấp dẫn.

Anh em kể đến thời Nguyễn Văn Thiệu. Cả một buổi, mọi người không ngớt vạch tội ác thằng đại Việt gian đã bán rẻ đất nước, cái thằng bạo chúa, cái thằng phát xít tàn ác gấp trăm lần Hít le, vân vân và vân vân.

Cuộc tố đương hào hứng, bỗng anh cán bộ quản huấn bảo ngừng lại. Anh nói:

- Tội tên Nguyễn Văn Thiệu có thể vạch đến hàng tháng chưa hết. Nhưng tôi lấy làm lạ, là không thấy các anh đả động gì đến bọn Mỹ, như các anh đã làm trong khi nói về Ngô Đình Diệm. Thế thì các anh đủ hiểu chế độ thực dân mới nó nham hiểm là ngần nào, nó làm cho các anh chỉ trông thấy thằng đây tố mà không trông thấy thằng thầy. Các anh thử nghĩ xem. Nếu thằng Mỹ không cho phép, thì

thằng Thiệu có dám như thế không? Thành thử các anh chỉ thấy thằng Mỹ hào phóng, Mỹ giúp miền Nam xây dựng cái này cái nọ, còn bao nhiêu tội ác của nó, nó giấu mặt, đến nỗi một mình thằng Thiệu bị oán thù. Kẻ đáng oán thù chính phải là thằng Mỹ. Các anh nhìn thành phố Sài Gòn của chúng ta thì biết. Nó cốt làm sao cho nông thôn không được an toàn, để đẩy nông dân vào thành thị. Thế là nó biến dân lao động sản xuất thành người thất nghiệp hoặc người tiêu thụ hàng hóa của nó. Ở các chợ trong Sài Gòn, Chợ Lớn, Gia Định, ở các hè đường, tràn ngập những xa xỉ phẩm của Mỹ, của Nhật và của nước ngoài khác, kêu gọi người dân phải chạy theo đồng tiền để mua sắm. Các anh nhớ lại mà xem, có phải nhiều nhất là hàng ăn và hàng may mặc hay không. Còn ở các đường, lúc nào cũng ồn lên những xe và tấp nập những người. Xe lách nhau mà đi. Người chen chúc nhau mà kiếm sống. Ngoài việc mưu mô sinh kế, lường gạt để làm giàu, ngu dân không còn đầu óc đâu để nghĩ đến đất nước nữa. Vậ các anh chĩa mũi dùi vào tên bán nước Nguyễn Văn Thiệu là đúng, nhưng chớ nên quên tội ác trời không dung, đất không tha của tên cướp nước, tên sen đầm quốc tế, kẻ thù số một của nhân loại là tên thực dân kiểu mới Mỹ.

Đến hôm học tập chính sách đối với ngụy quân, ngụy quyền, anh cán bộ thấy nói chung là học viên kể về người khác thì rất nhiều, nhưng kể tội bản thân thì quá ít, kể tội tham ô thì có, nhưng kể tội phản cách mạng thì không. Ví dụ Tươi nói, hồi anh ta còn làm đại úy, thì đã có lần ăn hối lộ của binh lính làm việc tại hậu cứ một số tiền khoảng

sáu trăm ngàn. Nhưng đã phải biếu lên tỉnh trưởng hai trăm ngàn tiền mặt và một số quà khoảng năm mươi ngàn. Anh lại phải mua quà biếu tên trung tá tiểu khu phó và tên trung tá tham mưu trưởng mất khoảng hai mươi ngàn. Anh còn hối lộ cho bọn tàu sắt và bọn lái trục thẳng trong mỗi chuyến yểm trợ hay tiếp tế, tổng số lên tới một trăm ngàn.

Rồi ăn nhậu với các tên trong Ty an ninh quân đội và quân cảnh tư pháp, cũng như với bạn bè, số tiền lên tới một trăm ngàn. Còn lại bao nhiêu, anh mới cho vợ để ăn sấm.

Tươi nói thêm:

- Hồi làm tỉnh trưởng, nhiều lần tôi xui bắt người để làm tiền. Trước khi tha họ về, tôi ép người ấy phải ký tên vào tờ giấy trắng. Với tờ giấy có chữ ký sẵn, tôi vu tội cho những người mà tôi thù, hoặc để bắt mà làm tiền.

Anh cán bộ biết là nhiều người còn chưa thành khẩn nên nói:

- Không có lý do gì các anh chỉ nhìn thấy tội ác của người khác mà không nhìn thấy tội ác của mình. Cũng không có lý do gì mà các anh chỉ phạm tội tham ô về tiền bạc mà không phạm tội chính trị, phản cách mạng. Các anh suy nghĩ kỹ đi. Có biết sai lầm mới tránh được sai lầm. Các anh nên biết rằng sở dĩ các anh gây tội ác với đồng bào, với cách mạng, là do đế quốc Mỹ đã tuyên truyền, đã nhào nặn các anh trở nên người ác. Bây giờ các anh đã hiểu đế quốc Mỹ rồi mà các anh còn bao che cho nó à? Cách mạng có kêu gọi các anh lấy lương tri của người lương

thiện mà thành thực với cách mạng, đừng giấu giếm điều gì, cách mạng chỉ nghiêm khắc với những đứa đến bây giờ còn chống đối. Đánh kẻ chạy đi chứ không ai đánh kẻ chạy lại.

Chính vì lời khuyên bảo của các anh cán bộ mà Tươi đã suy nghĩ, và buồn. Mấy đêm nay rồi, Tươi mất ngủ. Ít nói. Ít cười. Trừ lúc lên lớp để thảo luận và ở vườn để lao động, còn lúc ở phòng thì Tươi nằm, vắt tay lên trán, thỉnh thoảng thở dài thườn thượt.

Chịu không nổi nữa, nên một hôm, ăn cơm chiều xong, Tươi đến gặp anh cán bộ quản huấn.

- Thưa anh, tôi có câu chuyện cần phải nói với anh. Tôi biết là bọn Mỹ ngụy đã đào tạo khiến chúng tôi không còn là người, nhưng cách mạng giáo dục để chúng tôi trở lại thành người. Tôi vô cùng cảm ơn cách mạng. Chiến thắng vĩ đại của dân tộc đã rút ngắn thời gian tội lỗi của chúng tôi, giúp chúng tôi còn được một phần đời để sống trong lòng dân tộc. Công ơn của cách mạng đối với bọn ngụy quân ngụy quyền chúng tôi thật to lớn hơn trời biển. Sở dĩ từ mấy hôm nay tôi buồn phiền, là do tôi có một ám ức trong lòng. Tôi biết là tôi nói ra thì tôi được thanh thoát.

Anh cán bộ lắng nghe. Tươi tiếp:

- Hồi tôi làm tỉnh trưởng tỉnh X.X, thì trong những ngày cách mạng đến giải phóng thị xã, tôi và anh Xiêm, cùng học ở lớp cải huấn này, bàn bạc với nhau, đã đốt hết tài liệu, giấy tờ, đã lấy hết công quỹ, gồm mười ba triệu đồng, và...

Thấy Tươi ngắt lại, anh cán bộ nhắc:

- Anh nói hết đi.

- Và chúng tôi phạm tội to lớn hơn nữa, là đã gài mìn xung quanh nhà chúng tôi ở.

Tươi nức lên, ôm lấy mặt, hai vai rung lên:

- Tôi không rõ việc làm này, hậu quả thế nào, có người nào chết vì mìn hay không. Nhưng thật là tôi đã chống phá cách mạng một cách cực kỳ thâm độc.

Anh cán bộ vẫn tươi cười:

- Tôi nói để anh yên tâm, là mìn của anh không làm ai thiệt mạng. Chính tôi là người đã đến giải phóng thị xã X.X, và chính tôi đã vào dinh tỉnh trưởng. Trước khi vào, chúng tôi cảnh giác, nên đã phát hiện ra mìn của anh.

Tươi ngẩng mặt lên, chớp chớp mắt:

- Thưa anh, vậy là phúc cho tôi. Xin anh cho tôi kể tiếp. Còn món tiền mười ba triệu đồng, vì tôi lấy uy thế tỉnh trưởng, nên chỉ chia cho Xiêm bốn triệu. Đến lớp học này, hai chúng tôi gặp nhau, có thể với nhau là phải giấu kín việc làm bí mật cũ. Vì nói ra, thì cả đôi sẽ bị tù. Nhưng anh à, sao tôi lại nỡ giấu cách mạng. Đành rằng mìn của tôi vô hiệu, nhưng cái ý thức phản cách mạng của tôi mới là vấn đề to lớn. Tám triệu bạc không nuôi sống suốt đời tôi, nhưng giữ nó, tôi sẽ bị day dứt suốt đời. Cái vết nhơ sống bám vào quyền thế của kẻ địch, cái tội ác định giết người cho địch, tôi phải mang vào thân cho đến ngày nhắm mắt. Tôi cần rửa sạch vết nhơ, vết ô nhục ấy, nên tôi phải tìm anh để tự tố cáo tội của tôi. Tội của tôi, tùy chính phủ xét xử. Tôi chỉ xin phép được hiến chính phủ số tiền tám triệu đồng mà tôi đã lấy cắp của công quỹ.

Anh cán bộ gạt đầu. Tươi tiếp:

- Từ hôm nọ đến nay, tôi buồn và lo, vì tôi nghĩ đến việc tôi với Xiêm đã thế với nhau. Nay một mình tôi nói ra, nếu anh ấy biết, anh ấy sẽ cho tôi là người thế nào.

- Anh ấy sẽ cho anh là người đã cải tạo. Nếu anh ấy không nghĩ được như thế hôm nay, thì mai mốt, anh ấy sẽ nghĩ như thế.

- Vâng, nhưng dù sao tôi cũng nhờ anh giải quyết cho tôi cái trường hợp vướng mắc này của tôi với Xiêm.

Anh cán bộ mỉm cười, mời Tươi hút thuốc lá:

- Anh tiến bộ, tôi mừng cho anh. Tôi nhận sẽ nói để anh Xiêm không oán trách gì anh. Tôi tin rằng Xiêm không oán trách anh. Vì tôi biết.

Tươi hỏi:

- Anh biết thế nào?

- Tôi biết là khi chính phủ đại lượng, khoan hồng đối với những người lầm đường lạc lối, thì những người này, một khi đã tìm được đường lối ngay thẳng để đi, tất phải cố gắng cải tạo để trở thành con người. Anh Xiêm cũng như anh, từ ngày vào đây, đã tỏ ra là người học tập tốt, lao động tốt, thì tôi còn tin là việc anh nhờ tôi nói hộ với anh Xiêm, tôi không phải giải quyết đâu.

Tươi càng ngạc nhiên:

- Tại sao, anh?

- Thế anh không tin là lớp học này không có kết quả tốt à? Cách mạng không cải tạo được các anh à? Hiện giờ, anh Xiêm chưa dám bộc lộ cái tội ác về chính trị và tội tham ô công quỹ, chắc là vì anh ấy chót thế với anh. Hẳn

anh ấy bứt rứt trong lòng không kém anh đâu. Ở lớp học này, tôi nhận thấy...

Câu nói đương dỏ dang, thì bỗng có tiếng gõ cửa. Anh cán bộ im. Tươi đành đứng dậy ra về, thì cánh cửa mở. Hai người nhìn ra, và đều ngạc nhiên. Người mới đến không phải ai xa lạ, mà chính là... Xiêm.

Sự im lặng của cả ba người như để giãi bày là anh cán bộ biết Xiêm đến để làm gì. Tươi cũng hiểu Xiêm đến để làm gì. Và Xiêm cũng đoán được Tươi đến để làm gì.

Sài Gòn, 30-10-1975

THỦ TIÊU TÙ CHÍNH TRỊ

Chắc chúng ta chưa quên thủ đoạn đê hèn của thằng đại Việt gian Nguyễn Văn Thiệu đối với các cán bộ chính trị của ta bị nó giam giữ.

Thằng khốn nạn sợ tù chính trị hơn sợ ánh sáng mặt trời. Cho nên, sau khi Hiệp định Pari được ký kết, không những nó không trả tự do cho chính trị phạm, mà còn bắt thêm. Rải rác ở hàng nghìn nhà giam của nó, có tới hai trăm ngàn người. Để đối phó với dư luận trong nước và ngoài nước vạch trần tội ác của nó, nó dùng nhiều thủ đoạn. Hoặc đổi hồ sơ chính trị phạm ra thường phạm. Hoặc bí mật di chuyển anh em từ nhà lao này đến nhà lao khác thật xa. Hoặc lén lút thủ tiêu anh em để tung tin anh em đi trốn.

Do thế, có một truyện như sau:

Một đêm, ở trong xà-lim tại phủ Đặc ủy trung ương tình báo, anh Nguyễn Đình Thới đương thiêu thiêu ngủ. Bỗng nhiên nghe tiếng lạch xạch khóa. Anh mở mắt ra. Ba tên ngục bước vào. Một tên anh trông rõ là đại úy tay cầm khẩu súng lục chìa vào anh. Anh chưa kịp nhìn hai tên

kia, thì mắt anh đã bị bịt kín, và hai tay anh bị còng. Chúng ra lệnh cấm anh nói. Anh hiểu ngay. Anh sẽ bị dẫn đi. Đi đâu? Làm gì? Anh chưa biết.

Chúng lôi anh đi theo chúng. Bảo anh bước chân lên bậc. Rồi bảo anh ngồi. Thấy cái nệm, anh biết là ở trong xe ô-tô.

- Xe chạy.

Trong giờ giới nghiêm, đường phố thật im ắng. Tay anh bị còng nên không thể sờ soạn xem cạnh anh còn có ai nữa không. Anh vờ ho để đánh tiếng, nhưng không có tiếng ho trả lời.

Những lúc xe quặt bên phải, quặt bên trái, làm người anh nghiêng đi, anh có biết và đoán được đường. Nhưng rồi anh không nghiêng nữa: Xe đã ra ngoài thành phố, đương phóng trên con đường thẳng.

Chừng mười lăm phút sau, anh nghe thấy một xe ô tô vượt xe anh. Rồi anh bị xô mạnh ra đằng trước. Vì xe đổ. Và chắc phải hãm máy đột ngột.

Có tiếng nói của hai người:

- Xe đại úy đưa tên Nguyễn Đình Thối đi phải không?

- Thưa đại tá, đúng.

- Đại úy được lệnh nào?

- Thưa lệnh của tướng Quang.

- Trời ơi! Ông Đặng Văn Quang làm ăn thế này thì chết cả. Lệnh đâu? Cho tôi xem.

- Thưa đây.

Yên lặng. Chắc tên đại tá đương đọc lệnh. Anh Thối chưa hiểu cái gì sẽ xảy ra.

- Được, (tiếng tên đại tá). Đến địa điểm 14. Đúng. Nhưng tôi lạ, sao tướng Quang lại giao cho đại úy làm việc này. Nguyễn Đình Thối là một thằng rất nguy hiểm. Tra tấn đến như thế mà không chịu khai. Nó còn dám chửi từ tổng thống trở xuống là quân bán nước. Nó lại xúi giục bạn bè nó chống đối ta quyết liệt. Thế mà ông Quang giao nó cho ông?

Anh Thối biết ngay là chúng đưa anh đi đâu và làm gì. Chốc nữa xác anh sẽ bị chìm xuống nước. Anh nghĩ sẵn những câu thật đáng hoàng để chửi mắng và dạy dỗ chúng nó trước khi anh nhắm mắt.

- Buổi chiều (tiếng tên đại tá) tôi đã bàn với ông Quang giao việc này cho người khác, mà sao ông ấy thay đổi ý kiến, lại không cho tôi biết.

- Thừa đại tá, tôi không làm nổi hay sao?

- Làm nổi thì ai cũng làm nổi, nhưng phải là người được tin cậy trăm phần trăm.

- Vậy các ngài không tin cậy tôi?

- Đại úy không có quyền chất vấn điều đó. Tôi, đại tá, đặc trách chính trị phạm tại phủ Đặc ủy trung ương tình báo của chính phủ Việt Nam Cộng hòa, ra lệnh cho đại úy Quân phải trao tên chính trị phạm Nguyễn Đình Thối cho tôi.

- Thừa đại tá.

- Không dài dòng. Tôi chịu trách nhiệm trước tướng Quang và tổng thống Thiệu.

Nghe đến đây, anh Thối hiểu thêm: một thằng cấp trên tranh công của thằng cấp dưới. Vì thằng này không ác ôn, không thâm thù cách mạng bằng nó. Chính nó phải tự tay

bắn người cán bộ cách mạng mới hả dạ, và để tin người ấy đã chết thật. Thành Mỹ tung ra hơn ba trăm tỷ đô la vào miền nam để biến bọn tay sai thành thú vật giữ quyền lợi thực dân cho nó. Anh thở dài. Cũng một kiếp người Việt Nam.

Anh bị dẫn xuống đường, rồi lên xe khác.

- Thưa đại tá, đại tá có cần chúng tôi đi theo không?

- Cảm ơn ông, không cần. Tôi có đủ cả rồi. Ông về, mai báo cáo với tướng Quang.

Xe mở máy, xe này êm hơn xe kia. Chạy nhanh hơn xe kia. Thế này chỉ có một mình anh bị đem đi thủ tiêu. Ngồi cạnh anh, hẳn có lính. Không rõ ai lái xe. Nếu là chính thằng ác ôn? Anh có thể giơ cao cánh tay có còng sắt đập mạnh vào đầu nó thì nhất định nó phải chết. Nhưng có đúng nó lái xe hay lại một người khác? Mà có đúng là anh ngồi ngay phía sau nó, để đập đúng vào đầu nó? Nó chết, anh sẽ bị tụi nó bắn liền. Anh cũng chết. Nhưng đã trừng trị đích đáng một thằng phản quốc, phản cách mạng, phản nhân dân. Song, thế ngộ không phải nó? Thế ngộ không trúng nó? Thế ngộ đập vào chỗ không người?

Trong chiến tranh, anh nghĩ vấn đề quan trọng không phải là chiếm giữ đất đai, mà chiếm giữ được con người. Lòng người thuộc về bên nào thì bên ấy thắng. Bên cách mạng được lòng dân. Chỉ có số ít đô la mua chuộc mới theo địch. Bên cách mạng cũng chỉ có một số ít bị cầm tù. Nhưng lòng cán bộ không bị cầm tù mà trái lại, còn tháo cũi sổ lồng cho không ít đầu óc người của bên địch. Bọn này dễ giác ngộ. Vì ít ra một đôi khi họ cũng thấy tủi nhục của một người dân mất nước.

Xe bon bon chạy. Chừng được nửa giờ, thì đi chậm lại, rồi dừng bánh. Rồi bóp còi. Có tiếng cánh cổng sắt mở. Anh Thới biết là đến nơi. Bỗng có tiếng rít của một con chó. Rít cái kiểu mừng. Anh ngạc nhiên không đoán ra là thế nào.

Xe lăn bánh trên sỏi. Rồi dừng.

Anh bị dẫn xuống.

Lên ba bậc, thì chân anh thấy êm êm, như dẫm trên lượt thảm. Anh leo lên thang gác. Anh đếm xem bao nhiêu bậc. Bậc trái đệm. Có cảm giác như dạ. Đúng là cái nhà. Nhà sang trọng. Nhà sang trọng này phải là từ tiền của Mỹ xây nên. Anh nghĩ đến tên đại tá. Cái thang này cũng từ tiền của Mỹ nhào nặn. Cho nên nó vì tiền của Mỹ mà tranh lấy việc đền ơn quan thầy.

Có tiếng khóa mở cửa. Anh đi dầm bước nữa, thì tên đại tá bảo anh ngồi. Ghế có đệm lò xo.

Mắt anh được cởi miếng vải bịt. Tay anh được tháo còng. Tối quá. Anh chẳng trông rõ gì. Nhưng anh nghe rõ tiếng thì thầm:

- Nhà này là cơ sở của ông. Ông yên tâm ở đây bồi dưỡng vài bữa cho lại sức. Chừng nào ông muốn đi thì ông bảo.

Anh sửng sốt. Cố nhìn mặt con người mà từ nãy đến giờ anh nghĩ lắm. Nhưng không thể rõ. Anh hỏi:

- Nghĩa là ông đã cứu tôi thoát khỏi tay của Mỹ Thiệu? Ông không sợ hậu quả của việc ông làm?

- Làm theo lương tâm thì không sợ. Kề sợ là bọn Mỹ Thiệu.

Nói dứt lời, người ấy ra. Anh không biết mặt mà cũng không kịp hỏi tên. Anh nghe tiếng ô tô mở máy. Rồi tiếng xa dần...

MỤC LỤC

1. Cái lò gạch bí mật	7
2. Nghĩ người ăn gió nằm mưa	26
3. Được chuyển khách	44
4. Anh xẩm	51
5. Thằng Quýt (I)	56
6. Thằng Quýt (II)	67
7. Tựa cửa chiều hôm	79
8. Quyên chủ	85
9. Phành phạch	92
10. Tôi cũng không hiểu tại làm sao (I)	98
11. Tôi cũng không hiểu tại làm sao (II)	106
12. Chiếc quan tài	113
13. Đồng hào có ma	119
14. Chuyển tàu Nam	125
15. Thằng ăn cướp	132
16. Hé! Hé! Hé!	140
17. Nạn râu	149
18. Chiếc đèn pin	157
19. Cấm chợ	165
20. Mua bánh	172
21. Trần Thiện, Lê Văn Hà	179
22. Con ngựa già	186
23. Mư làng bẹp	193
24. Tinh thần thể dục	200
25. Thịt người chết	207
26. Sáu mạng người	217
27. Tôi tự tử	224

28. Giá ai cho cháu một hào	231
29. Gánh khoai lang	239
30. Danh lợi lưỡng toàn	246
31. Phúc tình	254
32. Biểu tình	260
33. Mua lợn	273
34. Ngượng mồm	281
35. Đi giày	289
36. Chính sách thân dân	296
37. Hai cái bụng	302
38. Cậu ấy may lắm đấy	308
39. Tấm giấy một trăm	318
40. Chiến tranh	326
41. Thụt kết	333
42. Thiếu Hoa	341
43. Người vợ lẽ bạn tôi	348
44. Cái Tết của những nhà đại văn hào	357
45. Công dụng của cái miệng	370
46. Người thứ ba	376
47. Con ve	381
48. Bà lái đồ	387
49. Hai mẹ con	390
50. Trung thành	395
51. Cây mít	403
52. Người cập-răng hăm xay lúa	410
53. Trong chuyến xe lam	418
54. Chuyện của cô ấy	425
55. Nỗi day dứt của một đại tá tỉnh trưởng nguy quyền	433
56. Thủ tiêu tù chính trị	445

NGUYỄN CÔNG HOAN

TRUYỆN NGẮN CHỌN LỘC

NHÀ XUẤT BẢN HỘI NHÀ VĂN
65 Nguyễn Du – Hà Nội Tel & Fax: 8222135
Email: nxbhoinhavan@hn.vnn.vn

Chịu trách nhiệm xuất bản:
NGUYỄN PHAN HÁCH

Chịu trách nhiệm bản thảo:
NGUYỄN KHẮC TRƯỜNG

Biên tập: NGUYỄN THỊ ANH THƯ
Sửa bản in: THANH PHƯƠNG
Vẽ bìa: TRẦN ĐẠI THẮNG

In 800°, khổ 14,5 x 20,5. Tại 34A Nguyễn Khoái - Công ty cổ phần in 15.
Giấy phép xuất bản số: 19/ 826/ XB - QLXB cấp ngày 18 / 06/ 2004.
In xong và nộp lưu chiểu quý II năm 2005.

NGUYỄN CÔNG HOÀN

TRUYỆN NGẮN
CHỌN LỌC

